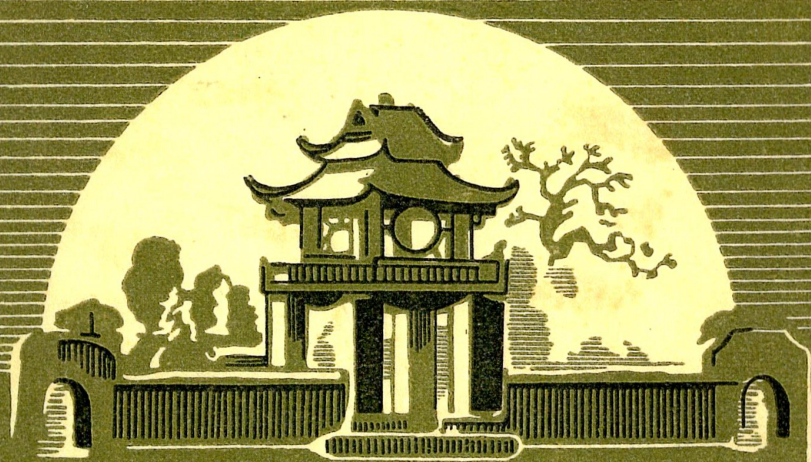


TRUNG-HỌC VIỆT-NAM

VIỆT-NAM THI VĂN

HỢP TUYỂN



DƯƠNG - QUẢNG - HÀM

SOẠN

Hiệu-định theo chương-trình mới bậc Trung-học

In lần thứ tám 1962

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

TRUNG - HỌC VIỆT - VĂN GIÁO - KHOA - THƯ

VIỆT-NAM
THI-VĂN HỢP-TUYỂN

QUYỂN II

1.— Trong quyển này, ba chữ « Phần thứ nhất » dùng để chỉ quyển thứ nhất của sách *Việt-văn giáo-khoa thư* này biệt-nhan là **Việt-Nam Văn-học Sử-yếu**.

2.— Trong các bài thơ văn, những chữ *in nghiêng* tức là có bản chép khác chưa ở dưới.

CA - DAO

1. — Súc-sắc súc-sẻ (1)

Nhà nào nhà này, còn đèn còn lửa,
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào.
Bước lên giường cao, thấy đôi rồng ấp ;
Bước xuống giường thấp, thấy đôi rồng châu ;
Bước ra đằng sau, thấy nhà ngói lợp.
Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm,
Ông sống một trăm, thêm năm tuổi lẻ.
Vợ ông sinh đẻ, những con tốt lành,
Những con như tranh, những con như rổi.

CHỮ-THÍCH.— (1) Vào khoảng nửa đêm hôm ba mươi tết, trẻ con nhà nghèo đi thành từng bọn đến cửa các nhà xin tiền. Đưa đi đầu cầm một cái ống đựng tiền đã xin được lắc lên thành tiếng « súc-sắc », rồi vừa lắc chúng vừa hát bài này.

2. — Thằng Bờm

Thằng Bờm có cái quạt mo,
Phú-ông xin đổi ba bò chín trâu.
Bờm rằng : Bờm chẳng lấy trâu.
Phú-ông xin đổi một xâu cá mè.
Bờm rằng : Bờm chẳng lấy mè.
Phú-ông xin đổi một bè gỗ lim.
Bờm rằng : Bờm chẳng lấy lim.
Phú-ông xin đổi con chim đồi-mồi.
Bờm rằng : Bờm chẳng lấy mồi.
Phú-ông xin đổi năm xôi, Bờm cười.

3.— Ru con

Bao giờ cho đến tháng ba,
 Ếch cắn cổ rắn tha ra ngoài đồng.
 Hùm nằm cho lợn liếm lông ;
 Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi.
 Năm xôi nuốt trẻ lên mười ;
 Con gà, be rượu nuốt người lao-đao.
 Lợn nằm cho trúm (1) bò vào ;
 Một đàn cào-cào đuổi bắt cá rô.
 Lúa mạ nhảy lên ăn bò ;
 Cỏ năn (2), cỏ lác (3) rình-mò bắt trâu.
 Gà con đuổi bắt diều-hâu ;
 Chim ri đuổi đánh võ đầu bồ-nông.

CHỮ-THÍCH.— (1) *Trúm* : một thứ đó để bắt lợn.— (2) *Cỏ năn* : một loài cỏ mọc dưới nước.— (3) *Cỏ lác* : thứ cỏ xấu.

4.— Chèo đò

Chẳng giậm thì thuyền chẳng đi,
 Giậm ra vãn nát, thuyền thì long danh.
 Đói ta lên thác, xuống ghềnh,
 Em ra đứng mũi để anh chịu sào.

5.— Chặt củi

Tay cầm con dao,
 Làm sao cho sắc,
 Đẽ mà dẽ cắt,
 Đẽ mà dẽ chặt,
 Chặt lấy củi cành.
 Trèo lên rừng xanh,
 Chạy quanh sườn núi,
 Một mình thui-thủi,
 Chặt cây chặt củi,
 Tìm chốn mà ngồi,
 Ngồi mát thanh-thời.

Kìa một đàn chim,
 Ở đâu bay đến,
 Ở đâu bay lại ;
 Con đang cắn trái ;
 Con đang tha mồi,
 Qua lối nọ nó ăn,
 Cái con hươu kia,
 Mày đang ăn lộc,
 Lộc vả, lộc sung,
 Mày trông thấy tớ,
 Tớ không đuổi mày,
 Mày qua lối nọ làm chi ?

6. — Mẹ dạy con gái

Con ơi ! Mẹ bảo đây này :
 Học buôn học bán cho tày người ta.
 Con đừng học thói chua ngoa,
 Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười.
 Dù no, dù đói, cho tươi ;
 Khoan ăn, bớt ngủ, liệu bài lo toan.
 Phòng khi đóng góp việc làng :
 Đồng tiền, bát gạo, lo toan cho chồng,
 Trước là đặc nghĩa cùng chồng.
 Sau là họ-mạc cũng không chê cười,
 Con ơi ! Nhớ bấy nhiêu lời.

7. — Chồng khuyên vợ

Nhà anh chỉ có một gian,
 Nửa thì làm bếp, nửa toan làm buồng.
 Anh cậy em coi sóc trăm đường,
 Đề anh buôn bán thầy-trương thông-hành,
 Còn chút mẹ già, nuôi lấy cho anh,
 Đề anh buôn bán thông-hành đường xa.

Liệu mà thờ kính mẹ già,
 Đừng tiếng nặng nhẹ, người ta chê cười.
 Dù no, dù đói, cho tươi :
 Khoan ăn, bớt ngủ, liệu bài lo toan,
 Cho anh đánh dạ bán buôn.

8.— Vợ khuyên chồng

Canh một dọn cửa, dọn nhà ;
 Canh hai dẹt củi, canh ba đi nằm.
 Canh tư bước sang canh năm,
 Trinh anh dậy học, chớ nằm làm chi.
 Nửa mai Chúa mở khoa thi,
 Bảng vàng chói-lọi kia đề tên anh.
 Bỏ công cha mẹ sắm-sanh,
 Sắm nghiên, sắm bút cho anh học-hành.

9.— Thói hay chế-giễu

Ở sao cho vừa lòng người ;
 Ở rộng người cười, ở hẹp người chê ;
 Cao chê ngông, thấp chê lùn,
 Béo chê béo trực béo tròn,
 Gầy chê xương sống, xương sườn phơi ra.

10.— Thói ham danh lợi

Cái vòng danh lợi cong cong,
 Kẻ hồng ra khỏi, người mong bước vào.
 Sự đời nghĩ cũng nực cười :
 Một con cá lợi, mấy người buông câu.

11.— Cảnh chồng con

Chồng em nó chẳng ra gì :
 Tô-tôm sóc-đĩa nó thì chơi hoang,
 Nói ra, xấu thiếp hồ chàng,
 Nó giận, nó phá tan hoang cửa nhà.

Nói đây, có chị em nhà :
 Còn năm ba thúng thóc với một vò cân bồng,
 Em bán đi trả nợ cho chồng,
 Còn ăn hết nhin cho hả lòng chồng con.
 Đắng cay ngậm quả bồ-hòn :
 Cửa nhà gia thế, chồng con kém người.
 Nói ra, sợ chị em cười :
 Con nhà nho-giáo lấy phải người đàn ngu.
 RỒNG vàng tắm nước ao tù,
 Người khôn ở với người ngu nặng mình.

12.— Tình-cảnh người nhà quê

Làng ta phong cảnh hữu tình,
 Dân-cư giang khúc như hình con long.
 Nhờ trời hạ kế sang đông,
 Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi.
 Vụ năm cho đến vụ mười,
 Trong làng kẻ gái người trai đua nghề.
 Trời ra, gắng ; trời lặn, về,
 Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề truân.chiên.
 Dưới dân họ, trên quan viên,
 Công-bình giữ mực cầm quyền cho thay.
 Bây giờ gặp phải hội này,
 Khi trời hạn hán, khi hay mưa dầm ;
 Khi trời gió bão ầm-ầm,
 Đồng điền lúa thóc mười phần được ba.
 Lấy gì dâng nạp nữa mà,
 Lấy gì công việc nước nhà cho đang.
 Lấy gì sưu thuế phép thường,
 Lấy gì bỏ chợ đông lương làm ăn.
 Trời làm khổ cực hại dân,
 Trời làm mất-mát có phần nào chẳng.

13.— Việc làm ruộng

Tháng chạp là tháng giồng khoai,
 Tháng giêng giồng đậu, tháng hai giồng cà.
 Tháng ba cày vỡ ruộng ra,
 Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng.
 Ai ai cùng vợ cùng chồng,
 Chồng cày, vợ cấy trong lòng vui thay !
 Tháng năm gặt gãi đã xong,
 Nhờ trời một mẫu năm nong thóc đầy :
 Năm nong đầy, em xay, em giã,
 Trấu ủ phân, cám bã nuôi heo.
 Sang năm lúa tốt tiền nhiều,
 Em đem đóng thuế, đóng sưu có chớ.
 Đói no có thiệp có chàng,
 Còn hơn chung-đỉnh giàu sang một mình.

14.— Ba mươi sáu phố ở Hà-nội

Rủ nhau chơi khắp Long-thành (1),
 Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai ;
 Hàng Bồ, hàng Bạc, hàng Gai,
 Hàng Buồm, hàng Thiếc, hàng Hải, hàng Khay,
 Mã-vĩ, hàng Điều, hàng Giầy,
 Hàng Lờ, hàng Cót, hàng Máy, hàng Đàn,
 Phố Mới, Phúc-kiến, hàng Ngang,
 Hàng Mã, hàng Mắm, hàng Than, hàng Đồng,
 Hàng Muối, hàng Nón, cầu Đông,
 Hàng Hòm, hàng Đậu, hàng Bông, hàng Bè,
 Hàng Thùng, hàng Bát, hàng Tre,
 Hàng Vôi, hàng Giấy, hàng The, hàng Gà.
 Quanh đi đến phố hàng Da,
 Trái xem hàng phố, thật là cũng xinh.
 Phố hoa thứ nhất Long-thành,

Phổ dăng mắc cửi, đàng quanh bàn cờ,
 Người về nhớ cảnh ngằn-ngờ,
 Bút hoa xin chép nên thơ lưu-truyền.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Long-thành* : tức là Thăng-long thành 昇龍城 tên của thành Hà-nội đặt tự năm 1010 về đời Lý Thái-tổ.

15.— Con trai ngỏ ý với con gái

Hôm qua tát nước đầu đình,
 Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
 Em được thì cho anh xin,
 Hay là em để làm tin trong nhà.
 Áo anh sứt chỉ đường tà,
 Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
 Áo anh sứt chỉ đã lâu,
 Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng.
 Khâu rồi, anh sẽ trả công,
 Ít nữa lấy chồng, anh lại giúp cho :
 Giúp em một thúng xôi vò,
 Một con lợn béo, một vò rượu tăm ;
 Giúp em đôi chiếu em nằm.
 Đôi chăn em đắp, đôi trâm em đeo ;
 Giúp em quan tám tiền cheo,
 Quan năm tiền cưới, lại dèo buồng cau.

16.— Con gái ngỏ ý với con trai

Vào vườn hái quả cau xanh,
 Bỏ ra làm sáu, mời anh xoi trầu.
 Trầu này tèm những vôi tầu,
 Giữa đềm cát cánh, hai đầu quế cay.
 Trầu này ăn thiệt là say,
 Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng,
 Dù chẳng nên đạo vợ chồng,
 Xoi dăm ba miếng kéo lòng nhớ thương !

17.— Tiếc sự biết nhau quá chậm

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
 Bước xuống vườn cà hái nụ tầm-xuân.
 Nụ tầm-xuân nở ra xanh biếc,
 Em đã có chồng, anh tiếc lắm thay !
 — Ba đồng một mớ trầu cay,
 Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không ?
 Bây giờ em đã có chồng,
 Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
 Cá cắn câu, biết đâu mà gỡ ;
 Chim vào lồng, biết thuở nào ra !

18.— Trách sự sai lời nguyện-ước

Đồng tiền Vạn-lich (1) thích bốn chữ vàng,
 Anh tiếc công anh gấn bó với cô nàng bấy lâu,
 Bây giờ cô lấy chồng đâu ?
 Để anh giúp đỡ trăm cau nghìn vàng :
 Năm trăm anh đốt cho nàng,
 Còn năm trăm nữa giải oan lời thề.
 Xưa kia nói nói, thề thề,
 Bây giờ bẻ khóa, trao chia cho ai ?
 Bây giờ nàng đã nghe ai.
 Gặp anh ghé nón, chạm vai, chẳng chào ?

CHÚ-THÍCH.— (1) *Vạn-lich* : niên-hiệu vua Minh Thần-tôn bên Tàu (1573-1620).

19.— Nỗi ly-biệt

Đôi duyên ta như loan với phượng,
 Nỡ lòng nào để phượng lia cây.
 Muốn cho có đó có đây,
 Ai làm nên nỗi nước này, chẳng ôi !
 Thà rằng chẳng biết thì thôi,
 Biết chi gổi chiếc lê-loi thêm phiền.

20.— Bài hát đố

Ở đâu năm cửa, nàng ơi !
 Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng ?

Sông nào bên đục bên trong ?
 Núi nào thất cổ bông mà có thánh sinh ?
 Đền nào thiêng nhất tỉnh Thanh ?
 Ở đâu lại có cái thành tiên xây ?
 Ở đâu là chín từng mây ?
 Ở đâu lắm nước, ở đâu nhiều vàng ?
 Chùa nào mà lại có hang ?
 Ở đâu lắm gỗ thời nang biết không ?
 Ai mà xin lấy túi đồng ?
 Ở đâu lại có con sông Ngân-Hà ?
 Nước nào dẹt gấm thêu hoa ?
 Ai mà sinh ra cửa, ra nhà, nang ơi ?
 Kia ai đội đá vá trời ?
 Kia ai trị thủy cho đời được yên ?
 Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
 Xin em giảng rõ từng nơi từng người.
 — Thành Hà-nội năm cửa, chàng ơi !
 Sông Lục-dầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.
 Nước sông Thương bên đục bên trong.
 Núi đực thánh Tản thất cổ bông mà lại có thánh sinh.
 Đền Sòng thiêng nhất tỉnh Thanh.
 Ở trên tỉnh Lạng, có thành tiên xây.
 Trên trời có chín từng mây.
 Dưới sông lắm nước, núi nay lắm vàng.
 Chùa Hương-tích mà lại ở hang ;
 Trên rừng lắm gỗ thời chàng biết không ?
 Ông Nguyễn Minh-Không xin được túi đồng.
 Trên trời lại có con sông Ngân-hà.
 Nước Tàu dẹt gấm thêu hoa ;
 Ông Hữu-Sào sinh ra cửa, ra nhà, chàng ơi !
 Bà Nữ-Oa đội đá vá trời ;
 Vua Đại-Vũ trị thủy cho đời yên vui.
 Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
 Em xin giảng rõ từng nơi từng người.

TRÊ CỐC VÔ - DANH

Truyện *Trê cóc* là một câu chuyện ngụ-ngôn chủ-y cốt bày tỏ cái thói « tranh hơi tức khí » gây nên những cuộc kiện tụng và chỉ-trích cái tệ những lạm của bọn sai-nha cùng cái hại « xui nguyên giục bị » của bọn thầy cò.

Lược truyện.— Vợ chồng cóc vốn ở gần bờ ao. Đến khi dẽ, vợ cóc xuống ao sinh hạ một đàn nòng-nọc. Trê ở dưới ao thấy nòng-nọc giống mình, bèn bắt cả về nuôi. Khi cóc trở lại, thấy trê chiếm đoạt con mình, mới đem việc đến kiện ở cửa quan. Quan sai đòi trê cùng chứng-tá đến hỏi. Trê và chứng-tá đều chối ; lại vu cho cóc đang đem đến rình ở ao trê định ăn trộm, bị phát giác, nên thù trê mà đi kiện. Trê lại nhờ Lý-Ngạnh lo-lót với nha-lại nên khi quan sai nha về khám xét thì nha cũng về trình rằng đàn nòng-nọc quả là con trê. Cóc bị bắt giam. Vợ cóc bấy giờ mới đến hỏi kẻ của Nhái-bén. Nhái-bén khuyên cóc cứ đợi đàn nòng-nọc đứt đuôi tự-nhiên chúng về với mình, không cần phải kiện-cáo gì cả. Quả nhiên được ít lâu, khi cóc ra bờ ao thì bọn cóc con theo mẹ về. Vợ cóc bèn cùng đàn con đến kêu quan. Quan sai tra hỏi, trê phải thú tội và bị kết án « lưu tam thiên lý » (đày xa ba ngàn dặm). Hai vợ chồng cóc lại đoàn tụ như cũ.

21.— Trê, cóc sinh sự kiện nhau

- 5 Nhớ xưa Trê, Cóc đòi nhà,
Vi tình nên phải sinh ra oán thù.
Cóc quen vui thú bờ hồ,
Khi ra đài các, khi vô cung đình.
Tới khi thai sản thành hình,
- 10 Xuống ao Trê, mới đem mình thoát xong, ,
Nhìn xem lòng những mừng lòng,
Trở về ngồi chốn nghiêm-phòng nghĩ-ngoi.
Chàng Trê đâu mới đến nơi,
Thấy đàn nòng-nọc nhảy, ngoi đá rầm.
- 15 Nhìn xem dạ đã mừng thầm,
Giống Trê như lột chẳng nhằm về chi.
Bắt về nuôi nắng phù-trì ;
Con nuôi cũng chẳng khác gì con sinh.

- Hay đầu Cóc cũng vô tình;
 20 Nhớ ngày đầy cũ ra rình thăm con.
 Tới nơi, chờ đợi nỉ-non :
 Vắng tanh dẫu cũ, nước còn, tắm không.
 Lâu-lâu nghĩ cũng giận lòng,
 Vội-vàng nhảy xuống bên trong dạo tìm.
- 25 Bọt bèo lằm nước tối-tăm,
 Động tin, Trê mới hăm-hăm hỏi dò.
 Lảng ra, thấy Cóc bên bờ,
 Trê liền quát mắng tri-hô vang rầm :
 « Cóc kia đâu đó tối-tăm ?
- 30 « Dạ gian, phi đạo tặc dâm (1), chẳng lành ».
 Cóc rằng : « ai kẻ gian manh,
 « Gây ra những sự sinh tình gớm-ghê.
 « Vì con nên phải sớm khuya,
 « Không dung, ai có tới chi chốn này ? »
- 35 Nghe lời Trê tức giận thay !
 Vênh râu, mắng Cóc : « Tỉnh say lắm điều !
 « Cóc kia quả quyết gan liều,
 « Bọn người coi đã mỹ-miêu lắm thay !
 « Một ngày là giống chúng bay !
- 40 « Nghề bôi vôi vẫn nồng thay chẳng chừa.
 « Một tội mất, mười tội ngờ.
 « Biết đâu mà khéo tri-hộ hỏi dờn.
 « Thôi đừng đua dại, tranh khôn,
 « Trở về ngồi tối gằm giường cho xong »..
- 45 Cóc liền giương mắt trừng-trừng,
 Rằng : « Khôn, người cũng ở trong ao tù,
 « Ta đây dẫu có hèn ngu,
 Nhà ta cũng có cơ-dồ đỉnh.đang (2).
 « Ra vào gác tía nhà vàng,
- 50 « Cõi bờ mặc sức nghênh-ngang chơi-bời,.

- « Nghiến răng chuyển chín phương trời,
 « Ai ai là chẳng rụng-rời sợ kinh,
 « Tuồng gì giống cá hôi-tanh,
 « May chằng được một môi canh ra gì ».
- 65 Cầm lòng, Cóc trở ra về,
 Vợ chồng bàn định sớm khuya ngại-ngùng.
 Rằng : « Con đương độ ấu trùng (3).
 Xa-xôi non nước lạnh-lùng biết sao,
 « Khuyên chàng chớ nghĩ thấp cao.
- 60 « Công bao cũng chịu, của bao cũng đành ».
 Cóc rằng : « Nàng khéo lo quanh
 « Can chi chịu phí xem tinh ra sao.
 « Đàn bà nông-nổi khác nào,
 « Biết đâu những chuyện mưu cao mà bàn.
- 65 « Trè kia đã có lòng tham,
 « Được thua quyết kiện một phen xem mà ».
 Từ thì đến cửa quan nha,
 Làm đơn khất lĩnh minh tra tố tường.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Dạ gian, phi đạo tặc dâm* 夜間 非盜則淫 : ban đêm (đến nhà người ta), không phải kẻ trộm thì là người gian-dâm— (2) *Đỉnh đang* 鼎鑪 cái vạc và cái xanh, nói về nhà giàu sang— (3) *Ấu-trùng* : nhộng thơ.

22.— Nhái-bén khuyên bảo Cóc cái

- Cóc nghe lời nói tự-nhiên,
 290 Trở về đạo khắp các miền hỏi thăm,
 Nước non cây cối âm-thầm,
 Một mình Cóc lại bản khoán một mình,
 Hay dầu cảnh thú hữu tình,
 Lui chân bóng mát, nương mình cõi râm.
- 295 Gió đưa ngọn cỏ lăm-râm.
 Nhúc trông thấy Bén đang nằm nghỉ-ngoi.
 Chào rằng : « Chị Cóc lại chơi,
 « Việc gì mà phải tìm tôi những là ?
 « Dặm ngàn non nước thăm xa,
- 300 « Có sao mà khéo lân-la biết đường ? »

- Cóc rằng : « Muốn đội ơn chàng,
 « Vì tình, nên phải đa-mang với tình.
 « Nói ra lắm sự bất bình,
 « Vì Trê nên phải đem mình đến anh.
 305 « Xiết bao kẻ nổi ức tình,
 « Nhịn đi chẳng được, tức mình lắm thôi.
 « Cố lòng lấy của, cướp người,
 « Đơn-từ diên-đảo mấy hồi khổ thay !
 « Quan tham, lại cũng chẳng ngay
 310 « Vậy nên bắt Cóc tội rầy bấy lâu.
 « Nghĩ tình càng thâm càng rầu.
 « Biết ai là kẻ nông sâu má bàn ?
 « Vậy nên bao quản đường trường,
 « Trước vì biết Éch, sau tương tôn-nhan (1).
 315 « Dù trong lẽ đại, đường khôn,
 « Dám xin chỉ giáo (2), tôi con được nhờ »
 Bén rằng : « Ngán chuyện đàn bà,
 « Làm gì việc ấy, khéo mà nói quanh,
 « Tuy cùng một kiếp phù-sinh,
 320 « Giống nào giống ấy, tranh giành làm chi ?
 « Trê kia là đứa ngu-si,
 « Chẳng qua tham đại nghĩ gì nông sâu.
 « Thôi đừng kiện cáo chi nhau,
 « Con dương dưới nước, dễ hầu làm chi.
 325 « Để cho Trê nó phù-tri,
 « Đứt đuôi, nó lại tìm về là hơn.
 « Muốn cho êm ái hai bên,
 « Thời đem trình Phủ mà xin cóc về.
 « Nhược bằng có dạ tranh thi,
 330 « Lại làm đơn phục (3) cho Trê khó gi ».

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tôn-nhan* 尊顏 : (Tôn : kính-trọng ; nhan : mặt) : Chữ dùng để gọi người khác, tỏ ý kính trọng.— (2) *Chỉ giáo* 指教 : Trỏ bảo dạy dỗ.— (3) *Đơn phục* (phục : lại một lần nữa) : đơn kêu lại.

PHAN, TRẦN 潘 陳

VÔ DANH

Truyện *Phan, Trần* lấy sự-tích ở bên Tàu, về đời Tĩnh-khang và Thiệu-hung nhà Tống (từ năm 1126 đến năm 1147). Truyện cốt kể cuộc tình-duyên trác-trở của hai người là Phan-Sinh và Trần Kiều-Liên. Hai bên đính ước với nhau từ lúc còn ở trong thai, rồi sau một hồi loạn-ly cách-biệt lại được cùng nhau sum-họp.

Các cụ xưa thường răn các người con trai không nên đọc truyện này : « Đàn ông chớ kể Phan, Trần » vì trong truyện có một đoạn tả Phan-sinh vì tưởng nhớ người yêu sinh ra ốm tương-tư và quá si-tình đến nỗi toan bẽ tự-tận.

Lược truyện.— Truyện (gồm 954 câu) có thể chia ra làm bốn hồi :

I.— *Họ Phan và họ Trần đính ước gả con cho nhau* (câu 1-150).— Phan-công và Trần-công vốn là bạn đồng-song và bạn đồng-liều. Khi hai Phu-nhân thụ thai thì hai họ đính-ước, hễ một bên đẻ con trai, một bên đẻ con gái, sẽ gả lẫn cho nhau. Quả nhiên họ Phan sinh ra Phan-sinh (tên là Tất-Chánh) và họ Trần sinh ra Kiều-Liên. Phan-công và Trần-công bèn xin về trí-sĩ để dạy con. Phan-sinh đi thi hương đỗ thủ-khoa, nhưng hỏng thi hội, ở lại kinh-đô học-tập.

II.— *Phan-Sinh và Kiều-Liên phải xa cách nhau* (câu 151-302).— Trong khi ấy Trần-công mất. Lại gặp lúc giặc nổi lên, mẹ con Kiều-Liên phải chạy loạn ; đi nửa đường, lại lạc nhau, mẹ thì đến nương-náu ở nhà Phan-công, còn Kiều-Liên thì gặp Chương thị đưa vào tu ở một ngôi chùa ở Kim-lăng và đổi tên là Diệu-Thường. Diệu-Thường nhớ mẹ và nhớ tình-nhân phát bệnh, bà sư khuyên giải mãi mới nguôi.

III.— *Phan-Sinh Diệu-Thường gặp nhau* (câu 303-774).— Phan-Sinh chợt nhớ có cô tu ở Kim-lăng gần chỗ trọ, bèn đến thăm, cô bảo ở lại chùa học tập, Phan-Sinh trông thấy Diệu-Thường, phải lòng, bèn nhờ vài Hương-Công làm mối đến hỏi nàng, nàng cự tuyệt. Phan-Sinh vì thế ốm tương-tư, bà cô biết chuyện phải nói với Diệu-Thường đến thăm chàng. Khi chàng khỏi, lại phòng Diệu-Thường để cảm ơn ; trước nàng không cho vào, sau thấy Phan-Sinh toan tự-tận, nàng phải cho vào. Rồi nàng đem chuyện gia-đình ra kể, nhân thế mà hai người nhận được nhau.

IV.— *Phan-Sinh và Kiều-Liên lấy nhau* (câu 775-954).— Phan-Sinh đi thi đỗ thám-hoa, về nói rõ chuyện mình cho cô biết. Cô khuyên Phan-

Sinh làm lễ cưới Kiều-Liên ở nhà Chương-thị, rồi hai vợ chồng cùng về vinh qui. Về đến nơi, gặp cả cha mẹ và Trần phu nhân, cả nhà mừng rỡ. Sau vua triệu Phan-Sinh về kinh, sai đi dẹp giặc có công, cả hai vợ chồng đều được hiển-vinh sung-sướng.

23.— Nỗi buồn của Kiều-Liên khi ở chùa

- 213 Thoát thôi về chốn tĩn-đường (1),
 Buồn trông phong-cảnh tha-hương ngấp-ngừng.
- 215 Kia thì bụi, nọ thì tăng.
 Chẳng hay từ-mẫu lạc chừng phương nao ?
 Than rằng : « Đội đức cù-lao,
 « Bề sâu mấy trượng, trời cao mấy trùng !
 « Ví sinh làm kiếp đàn ông.
- 220 « Giọng tim nước thấm non Bồng, quản chi
 « Bối sinh làm phạm nữ-nhi,
 « Nghĩ thì càng tủi, nhớ thì luống thương.
 « Từ ô (2) chim-chóc vật thương,
 « Còn mong kiếm chốn tim đường trả ơn.
- 225 « Mưa sâu gió thấm từng cơn,
 « Dễ ai chực phạm thơn-bơn một bề (3) !
 « Biết ai dải tấm lòng que ?
 « Có chẳng đội đức từ-bi chuyên-vần.
 Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
- 230 Chạnh lòng xẩy nhớ Châu-Trần nghĩa xưa (4)
 Dãi-dầu kê mấy nắng mưa,
 Thề phai, nguyên lạnh, bây giờ biết đâu ?
 Quạt này ai để cho nhau (5) ?
 Phong-phong mở-mở dải sầu làm khuấy.
- 235 Chốn Lam-Kiều (6), cách nước mây,
 Bùn-Hàng (6) kia dễ biết đây nẻo nào ?
 Non Thiên-thai (7), mấy trượng cao,
 Lưu-lang (7) chưa dễ tìm vào tới nơi !
 Đã dành góc bề bên trời,
- 240 Lân-la ngày bạc, qua vời xuân xanh,
 Một mình những tủi duyên mình,
 Nén hượng biếng thấp, quyền kinh ngại nhìn,

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tĩnh đường* 靜堂 : nhà im lặng, chỗ tu-hành — (2) *Từ ó* : con quạ hiền. Giống quạ có hiệu thường đi kiếm mồi về nuôi mẹ — (3) *Câu 226* : tục-ngữ có câu : « Thôn-bon chịu ép một bề ». Cả câu ý nói trong tình-cảnh ấy, để có ai ngồi yên được. — (4) *Châu Trần nghĩa xưa* : đây là nói về việc đính-hôn với Phan-Sinh. — (5) *Quạt này* : cái quạt của nhà họ Phan trao cho họ Trần để định việc đính hôn. — (6) *Lam-Kiều. Búi-Hàng* : Tích chép trong sách *Thái-bình quảng ký* : Búi-Hàng 裴航, người đời Đường, hỏng thi đi chơi ở Ngạc-chữ, gặp nàng tiên là Vân-Kiều phu-nhân, Nàng đưa cho bài thơ rằng : « Nhất âm quỳnh-trương bách cảm sinh, Nguyên sương đảo tận kiến Vân-Anh. Lam-Kiều tiện thị thần tiên quạt, Hà tất kỳ-khu thượng ngọc kinh 一飲瓊漿百感生，元霜擣盡見雲英’藍橋便是神仙窟’何必崎嶇上玉京 », (Hễ uống chén rượu quỳnh-trương thì trăm mối cảm-xúc sinh ra ; nhưng có tán hết thuốc nguyên-sương (giống như sương) mới thấy Vân-Anh. Lam-kiều (cầu Lam) vốn là chỗ thần-tiên ở, hà tất phải đi đường gập-ghềnh lên chốn ngọc-kinh). Sau Búi-Hàng đi qua Lam-kiều (tên một cái cầu ở đất Tràng-an), khát nước vào hàng một bà lão thì thấy bà hàng gọi tên một người con gái là Vân-Anh ra lấy nước cho uống. Thấy người con gái đẹp lắm, muốn lấy, mới ngỏ lời hỏi thì người ta bảo phải có cái chày và cái cối bằng ngọc đem đến thì gả cho. Về sau, Búi-Hàng gặp tiên cho chày và cối bằng ngọc, dùng tán thuốc tiên, rồi lấy được Vân-Anh. Được ít lâu, cả hai vợ chồng đều lên được cõi tiên. — Vậy chữ « Lam-Kiều » ở đây chỉ chỗ Kiêu-Liên ở, mà chữ « Búi-Hàng » thì chỉ Phan-Sinh. — (7) *Thiên-Thai, Lư-lang* : do tích Lư Thần và Nguyễn-Triệu, người đời nhà Tấn đi hái thuốc hôm mộng năm tháng năm lạc vào núi *Thiên-Thai* là chỗ tiên ở ; lấy tiên được nửa năm, đến khi về nhà thì thân-thích đã chết được bảy đời rồi. — « Thiên-thai » đây cũng chỉ chỗ Kiêu-Liên ở mà « Lư-lang » thì chỉ Phan-Sinh.

24.— Phan-sinh gặp Diệu-Thường lần đầu

- 387 Bỗng may, may khéo là may !
Nhác trông ra mái lầu tây, thấy nàng,
 Thần-thơ trước dãy hàng-lang (1).
- 390 Vìn cảnh biếc, hái hoa vàng, làm thỉnh.
 Xa-xa phẳng-phát dạng hình :
Đức Quan-âm đã giảng-sinh bao giờ !
 Vội-vàng làm khách bo- lơ,
Đến gần ướm hỏi khách thơ một lời :
- 395 « Kể từ đến cảnh Bồng-lai,
 « May thay đã trộm thấy người liền cung.

- « Mới hay hai chữ sắc, không (2).
 « Chẳng tở mà dễ rối lòng trần-duyên,
 « Ba sinh ước vẹn mười nguyên,
 400 « Chiêm-bao lần-quất ở bên giảng-đình.
 « Sư còn lân-mẫn (3) chúng-sinh,
 « Xin thương đến tấm lòng thành mấy nao ! »
 Bỗng nghe tiếng lạ-lùng sao !
 Trái tai, nào biết lẽ nào dám thừa,
 405 Nghĩ mình ở đám rau dưa,
 Há nên tìm tiếng đong-đưa cùng người,
 Làm thỉnh thà chịu mắt lời (4),
 Thềm hoa lần bóng, phòng trai giở giầy,
 Vội vàng khép bức rèm mây,
 410 Ngoài hiên còn chút hương bay với chàng.
 Một mình lui tới bẽ-bàng,
 Khôn đường năn-nỉ, dễ đường nhẩn-nhe !
 Đeo sàu, chàng trở ra về,
 Xem chiều thèn-thẹn, e-e, nực cười.
 415 Trách người một, trách ta mười,
 Bối ta sớm-sỡ, nên người dầy-dun.
 Còn trời, còn nước, còn non,
 Còn trăng, còn gió, hãy còn đấy đây.
 Trăng trắng, gió gió, mây mây,
 420 Biết là giở nổi nước này cùng ai ?

CHÚ-THÍCH— (1) *Hành-lang* : 行廊 : dãy nhà ngang chạy dài ở nơi đền đài cung điện.— (2) *Sắc, không* : 色空 : tiếng nhà Phật. Sắc là nói cái hình-tượng hiện rõ ra : phạm những vật có hình có tượng ở trong thế-gian đều là sắc. Không là hư-không chẳng có gì cả. Thuyết nhà Phật chia thế-gian ra làm ba giới : dục giới, (cõi tình-dục), sắc giới (cõi còn có hình sắc, nhưng hết thị-dục), vô-sắc giới (cõi không có hình sắc, được hưởng thú vui không gì bằng).— (3) *Lân mẫn* : 憐憫 thương xót.— (4) *Mắt lời* (mắt đây nghĩa là quý giá) : lời nói quý giá : ý nói không thềm trả lời.

25.— Phan-sinh và Kiều-Liên nhận nhau

- 707 Gửi rằng : « Phận cánh hoa rơi,
 « Bây giờ còn dám giấu người sao nên.
 « Năn-nỉ mới giở sự duyên,
 710 « Dầu lòng vàng đá cũng nghìn xót-xa.

- « Đạm-chu, quê thiếp còn xa,
 « Họ Trần, tên đặt vốn là Kiều-Liên.
 « Bào thai đã hẹn nhân-duyên,
 « Quạt ngà, châm ngọc (1), kết nguyên họ Phan.
- 715 « Rời ra cách-trở quan-san,
 « Chẳng may tiếng hạc khơi ngàn non hoa (2)
 « Cô-dơn con trẻ, mẹ già,
 « Phấn trời cuốn má, sương pha bạc đầu,
 « Cửa nhà binh lửa dầu dầu,
- 720 « Tuyết sương quây một gánh sầu ra đi.
 « Đoạn-trường thay ! lúc phân-kỳ (3),
 « Mẹ thì bãi bắc, con thì non tây.
 « Khóc than cũng thấu cao dày.
 Xui nàng Chương lại dặt tay tham thiền (4).
- 725 « Oan chi chút phận thuyên-quyên,
 Chữ tình cảm cảnh, chữ duyên bẽ-bàng !
 Rừng thiền (5) ơn đã động thương.
 « Khăn-cầu vả sẵn đèn hương cửa người.
 « Họa khi dun-dủi ơn trời,
- 730 « Đèn ơn sinh nặng, giải lời nguyên sáu,
 « Thân này mà dở-dang nhau,
 « Thi xin tu lấy thân sau để dành.
 « Hoa trời, nước chảy lênh-dênh,
 « Mặt nào còn dở tâm-tĩnh cùng ai ?
- 735 « Dù chàng ép trúc, nài mai,
 « Tìm nơi giếng cạn, thấy người hồng-nhan.
 « Để ai ngọc nát, hoa tàn,
 « Giải oan, chàng phải lập đàn cho nhau ».
 Sinh nghe ngần mặt giờ lâu.
- 740 Gẫm rằng : « Con tạo cơ màu khéo thay !
 « Bấy lâu mơ tưởng đêm ngày,
 « Ai ngờ Phan đó, Trần đây mà nhầm !
 « Tri-âm chưa tỏ tri-âm,
 « Thi xin bên quạt, bên tràm sóng vào ».

- 745 Vội.vàng mở trap tay trao,
Nhìn xem, nào có chút nào là sai.
Cánh trâm thích, quạt chũ bầy.
Rành.rành tên tuổi hai người song.song.
Mừng nhau lần kể sự lòng :
- 750 Gian.nan ngày trước, lạnh.lùng bấy nay.

CHŨ-THÍCH.— (1) *Quạt ngà chám ngọc* : Khi hai họ đính-ước gả con cho nhau, thì họ Trần trao quạt ngà cho họ Phan, mà họ Phan thì trao trâm ngọc cho họ Trần, hai bên giữ lấy làm tin.— (2) *Tiếng hạc khơi ngàn non hoa* : ý nói cha mất. Con hạc là biểu-hiệu của sự sống lâu, nên khi người già mất ta thường nói : hạc bay lên trời.— (3) *Phân kỳ 分歧* : chia đường ly-biệt nhau.— *Tham thiền 參禪* (tham : xen vào, dự vào) : học theo phép thiền-định, nghĩa là yên lặng, chuyên chú mà tư tưởng.— (5) *Rừng thiền* : Thiền 禪 : tiếng nhà Phật dịch theo âm chữ Phạn *dhyaana*, nghĩa là yên-lặng và nghĩ-ngợi thường dùng để nói về đạo phật (như thiền-gia : người tu đạo Phật) hoặc về chùa thờ Phật (như thiền-môn : cửa chùa); vậy « rừng thiền » nghĩa là cảnh Phật, cảnh nhà chùa.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH 觀音氏敬 VÔ DANH

Truyện này cốt tả đức nhẫn-nhục và lòng từ-bi của bà Thị-Kính vì đó mà sau bà được thành Phật Quan-âm.

Lược truyện.— Truyện này (gồm 786 câu) có thể chia làm năm hồi.

I.— *Thị-Kính mắc tiếng oan giết chồng* (câu 1-224) — Bà Thị-Kính, người nước Cao-ly, nguyên kiếp trước là đàn ông, tu hành đặc đạo sắp thành Phật ; nhưng đức Thích-ca muốn thử lòng, mới bắt đầu thân xương làm con gái nhà họ Mãng, rồi suốt đời bắt gặp nhiều cảnh oan khổ để xem sao. Lớn lên, có tài sắc, có nết na, cha mẹ gả cho một người thư-sinh tên là Thiện-Sĩ con nhà họ Sùng. Hai vợ chồng ăn ở với nhau rất hòa-thuận. Một đêm chồng ngồi đọc sách, bà ngồi cạnh khâu chột khi chồng mệt tựa bên cạnh ngủ, bà trông trên cầm chông thấy râu mọc ngược, sẵn con dao cầm tay bà sắp cắt đi. Bỗng chồng giật mình thức dậy, thấy thế tưởng vợ có bụng hại mình, liền kêu lên ; cha mẹ chồng chạy đến cứu một mực đổ riết tội cho bà, rồi sai mời cha bà sang trách móc và trả lại con.

II.— *Thị-Kính đi tu* (câu 225-370).— Bà về nhà cha mẹ, nỗi oan uổng, tình âu-sầu không thổ lộ cho ai biết được. Thoạt tiên toan bề tự tận, nhưng nghĩ mình là con một, cha mẹ thì già, không nỡ dứt tình : bà bèn

quyết chí đi tu cho tròn quả phúc để đền ơn sinh thành. Bà mới giả hình nam tử, đổi tên là Kính-Tâm, trốn nhà đi tu ở chùa Vân-tự.

III.— *Thị-Kính mắc tiếng oan thông dâm* (câu 371-584).— Kính-Tâm nương nấu cửa chùa, mỗi sàu nguôi dần. Bồng đầu một cái tai vạ bất kỳ xây đến. Nguyên ở gần chùa có một người con gái là Thị-Mầu đương kén chồng thường đến lễ chùa, thấy Kính-Tâm dáng người có duyên, sinh ra phải lòng. Kính-Tâm thì vẫn hồ hững thờ ơ : nhưng Thị-Mầu thì lửa dục đã nhóm lên khó lòng dập tắt được, mới thông dâm với đũa thương đầu (đầy tó) thành ra có mang. Làng biết, gọi ra tra hỏi, Thị-Mầu đổ cho Kính-Tâm ; Kính-Tâm khó bề biện bạch, làng mới sai đánh và bắt khoán ; thế là lại mắc oan tày đình lần thứ hai nữa.

IV.— *Thị-Kính nuôi con Thị-Mầu* : (câu 385-692).— Được ít lâu, Thị-Mầu sinh đứa con trai, đem ra chùa báo trả Kính-Tâm, Kính-Tâm nghi thương đứa hài nhi, mới đem về nuôi nấng, chỉ mình biết lòng mình. Được ba năm đứa bé đã khôn lớn, coi bộ khôi ngô, thì Kính-Tâm bỗng bị đau rồi chết. Trước khi chết, có viết một bức thư để lại cho cha mẹ.

V.— *Thị-Kính rửa sạch tiếng oan và thành Phật* (câu 693-786).— Sau sự vãi trong chùa ra liệm thi hài, mới biết Kính-Tâm là đàn bà : bấy giờ làng mặc đều thấu tình oan của bà. Lại đến khi người nhà xem bức thư tuyệt mệnh, mới biết tội giết chồng là oan. Chồng từ khi bà đi, cũng có lòng thương nhớ ; đến khi thấu tình đầu, bèn cùng cha mẹ bà đến chùa lo việc ma chay, rồi cũng trọn đời tu hành ở đấy. Sau đức Phật xét bà quả là người tu hành đắc đạo, cho bà được siêu thăng làm Phật Quan-âm.

26.— *Thị-Kính mắc tiếng oan giết chồng*

- 123 Hôm nay trong chốn thâm.khuê,
Kẻ đường kim chỉ, người nghề bút nghiên,
125 Canh khuya bạn với sách đèn.
Mỗi lưng, chàng mới tựa bên cạnh nàng.
Phải khi liếc mắt trông chàng.
Thấy râu mọc ngược ở ngang cạnh cằm,
Vô.tâm xui hồng gia.tâm,
130 Dao con sẵn dấy, mới cầm lên tay
Vừa giơ sắp tiễn (1) cho tày,
Giật mình, chàng đã thức ngay bấy giờ.
Ngán thay sửa dệp vườn dưa (2).
Đầu ngay cho chết, cũng ngờ rằng gian.

- 135 Thất-thần, nào kịp hỏi-han,
 Một lời la lối rằng toan giết người.
 Song-thần nghe tiếng rưng-rời,
 Rằng : « Sao khuya-khoắt mà lời gớm thay ? »
 Chàng rằng : « Giấc bướm vừa say,
- 140 « Dao con, nàng bông cầm tay kề gần,
 « Hai vai hộ có quỷ-thần,
 « Thực hư đôi lẽ, xin phân cho tường ».
 Nàng vâng thừa hết mọi đường,
 Rằng : « Từ *gáy* khúc *phượng*-hoàng đến nay,
- 145 Ấn kia nàng ở ngang mây (3)
 « Sạch trong một tiết, thảo ngay một bề.
 « Bối chàng đèn sách mỗi mê,
 « Gối Ôn-công (4) thuở giấc hòe (5) thiu thiu
 « Thấy râu mọc có chẳng đều,
- 150 « Cầm dao tiền để một chiều như nhau.
 « Há rằng có phụ tình đâu,
 « Muôn trông xét đến tình dầu kéo oan,
 « Thác đi, phỏng lại sinh hoàn,
 « Thi đem lá phổi, huồng gan dãi bày ».
- 155 Công cô (6) rằng : « Bảo cho hay.
 « Trộm hương, cắp phấn, cũng đầy chan-chan.
 « Mấy người *một ngựa một yên* (7).
 « Nay Trương, mai Lý, thế-gian hiểm gì ?
 « Ấy may mà tỉnh ngay đi,
- 160 « Đỉnh-dinh-dinh nữa có khi còn đời ! »
 « Sự này chớ lấy làm chơi.
 « Sai người tức khắc đến mời Mãng-ông (8).
 « Trách rằng : Sự mới lạ lòng !
 « Sinh con ai dễ sinh lòng ấy đâu ?
- 165 « Khúc cầm bông dỡ-dang nhau.
 « Say đầu với đũa trong đầu hẹn-hò (9).
 « Sông kia còn có kẻ dò,
 « Lòng người chưa dễ mà đo cho cùng !
 « Sự này mười mắt đều trông,
- 170 « Thôi đừng tra hỏi gạn-gùng nữa chi !

« Nghe anh nào có bụng gi,
« Đem về dạy đầy sao thì mặc anh.

Bản chép khác.— Câu 144... *dưỡng* khúc loan hoàng đến nay.— Câu 157... *tiết quyết* một an.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tiền* 剪 : cắt.— (2) *Sửa dẹp vườn dưa* : nghĩa bóng là làm việc vô tình mà khiến cho người ngoài nghi mình là gian ; do câu chữ nhỏ : « Qua điền bất nạp lữ, lý hạ bất chính quan » 瓜田不納履李下不正冠 (古樂府 '君子行'). (Ở trong vườn dưa, không nên (cúi xuống) đi dép : ở dưới gốc mận, không nên đội mũ lại), vì tuy bụng mình có ngay thật, mà làm thế, người ta cũng nghi.— (3) *Án kia nắng ở ngang mây* : ý nói kính trọng chồng lắm. Do điển Lương-Hồng với nàng Mạnh-Quang, hai vợ chồng kính trọng nhau như khách. Khi dâng cơm lên chồng ăn, nàng ấy nâng mâm cơm cao ngang lòng mây.— (4) *Gối Ôn-Công* : Ôn-công tức là Tư-mã Ôn-công đời nhà Tống, tinh hay học khuya. Gối Ôn-công là gối của người chăm học.— (5) *Giấc hòe* : giấc mộng, giấc ngủ. Do tích chép trong *Nam Kha ký* của Đường-Lý công Tá : Thuần Vu Phần 淳于棼 ngủ dưới gốc cây hòe, nằm mơ đến nước Hòe-an 槐安 được vua nước ấy gả con gái cho, lại cho làm quan Thái Thú đất Nam-Kha 南柯 'rất mực hiển vinh. Sau đánh giặc bị thua, vợ lại chết, vua nghi kỵ, đuổi đi. Lúc thức dậy, chỉ thấy dưới gốc cây hòe có một cái tổ kiến. Thì ra quận Nam-kha (nghĩa đen là cảnh cây phía nam) chỉ là cái tổ kiến ở dưới cảnh cây hòe hướng về phía nam vậy. Nhân câu chuyện ngụ ngôn ấy, người ta mới gọi giấc mộng là « giấc hòe » hay « giấc Nam-kha ».— (6) *Công có* 公姑 : bố chồng và mẹ chồng.— (7) *Một ngựa một yên* : nghĩa bóng là gả lấy một chồng.— (8) *Mãng-ông* : cha bà Thị-Kính.— *Đưa trong dậu hện hò* : đưa tình nhân. Chữ lấy trong *Kinh Thi* : « Kỳ ngã vu tang trung, 期我于桑中 », (Hẹn ta ở trong nương dâu), nói về thói dâm bôn của trai gái hẹn hò nhau ở nơi bụi rậm.

27.— Thị-Kính xin vào tu ở chùa Vân-Tự

- 291 Nàng từ xa chốn hương khuê,
Nỗi nhà man-mác mọi bề mà lo.
Cũng toan gỡ mối tơ vò,
Thành sầu cao ngất phá cho tan-tành,
- 295 Tưởng ơn trời bề mông-mênh,
Để mà đèn được ân tình ấy dẫu.
Tà-tà bóng ngả cành dâu,
Sớm khuya dưới gối, ai hầu-hạ thay ?
Vắng lời, khuất mặt lúc này,
- 300 Lòng người thiếu-não biết ngày nào người?

- Nghĩ điều mưa nắng *xa-xôi*,
 Cảm thương đòi đoạn, bồi-hồi từng *nao*,
 Chân trời đất khách đã lâu,
 Chiêm-bao lần-thần ở đầu quê nhà.
 305 Hối thăm dặm liễu dần-dà.
 Ngỡ đâu Vân-tự chẳng là ở đây.
 Bốn bề phong-cảnh lạ thay !
 Bồng-lai *kia* cũng thế này mà *thối*.
 Cửa thiền sẽ lên chân coi,
 310 Trông lên sư *cụ* vừa ngồi tụng kinh.
 Mưa hoá (1) rẩy khắp bên mình.
 Nhấp-nhỏ đá cũng xếp quanh gât đầu (2).
 Mời hay *phép* Phật *rất* màu.
 Nghĩ đây cũng dễ đổi sầu làm vui.
 315 Chờ khi kinh giáo vừa rồi.
 Lạy sư, mới bạch khúc-nhời tổ-tường
Trình bày tên tuổi gia-hương,
 Nhà xưa theo dấu, văn chương cũng là.
 Chán vùng danh-lợi phồn-hoa,
 320 Chắp tay xin đến thiền-già (3) qui-y.
 Sư rằng : « Này đạo từ-bi.
 « Rộng *đường* phổ-độ hẹp gì trần-duyên.
 « Nhưng sao *đương-độ* thiếu-niên,
 « Nhìn xem phong-thể cũng nên con người.
 325 « Cớ chi nhà *lối* xa khơi,
 Đem mình dài các vào nơi làm-tuyền ?
 « Hay là tủi phận hờn duyên ?
 « Hay là đeo lụy, mang phiền chi chẳng ?
 « Chấn e vượn Sở lạc chùng,
 330 « Bạn lòng đến cả cây rừng *chẳng* sinh ! (4)
 Thừa rằng : « Trẻ mở thư sinh,
 « Làm chi cho được lụy mình, chớ e !
 « *Len chân* nhờ bóng sân hươ (5),
 Cũng mong *tranh đấu* ngựa xe với người.
 335 « Đoái trông thế-sự nực cười,
 « Như đem trò rối mà chơi khác gì.

- « Phù-vàn một đóa bay đi,
 « Khi thì áo trắng, lúc thì muông đen (6).
 « Chặt đường Nam-thoán như nêm,
 340 « Càn dai nhan-nhân người quen với mình (7).
 « Chẳng thềm ra áng công-khanh,
 « Mà đem thân-thể làm hình dịch chi (8) :
 « Cho nên mển cảnh từ-bi,
 « Dám xin nhờ đức tăng-ni mở lòng ».

Bản chép khác.— Câu 381 : ...mưa nắng ngược xuôi — Câu 302 : ..tùng đau. — Câu 308 : ... khi cũng thế này mà sao. — Câu 309 : Thiên-phong sẽ lên chân vào. — Câu 312 : ... Nhon-nhon đá cũng xừ quanh... — Câu 313 : đạo Phật phép mầu. — Câu 317 : Kể từ. — Câu 322 : Rộng thương... — Câu 323 : Nhưng sao phú dịch... — Câu 325 : Cơ gì nhà cách... — Câu 330 : cây rừng chưa minh — 333 : Nền nhân... — Câu 334 : Cũng mong rang cừ... — Câu 341 : ...thịt ướp quân khanh. — Câu 343 : .. mển cảnh trụ-tri — Câu 345 : .. nhờ bóng tăng-tri xét lòng.

CHÚ-THÍCH.— (1) Mưa hoa : do tích ông sư Nghiêm đời Đường ngồi tụng kinh ở chùa Vân-hoa, trời mưa hoa xuống rất nhiều.— (2) Đá gặt đầu : do tích người học trò sư La-Thập giảng kinh Sát-bàn ở núi Hồ khưu, rồi hỏi mấy hòn đá ở xung quanh xem lời giảng có hợp với lòng Phật không, thì thấy mấy hòn đá gặt đầu.— (3) Thiên giá 祥伽 : chùa thờ Phật.— (4) Câu 329, 330 : nguyên vua nước Sở có nuôi một con vượn ; một hôm, con vượn ấy trốn vào trong rừng, vua sai đốt cả rừng để tìm. Vậy hai câu này ở đây ý nói : chỉ sợ Thị-Kinh trốn nhà đi tu, rồi lại liên lụy đến nhà chùa chẳng. (5) Sắc hộc : Vương Hựu đời nhà Tống trồng ba cây hộc ở trong sân, chủ ý mong cho con sau này làm đến chức tam công (về đời nhà Chu, chỗ các quan hội họp có ba cây hộc chỉ chỗ của ba vị tam công). Sau quả nhiên con ông là Vương-Đán làm tới chức ấy. Vậy chữ « sân hộc » ở đây nghĩa là nhà thế-phiệt.— (6) Câu 337, 338 : hai câu này đặt theo hai câu thơ của Đỗ-Phủ : « Thiên thượng vân như bạch y, tu tu biến ảo vi thương cầu, 天上浮雲如白衣 斯須變幻為蒼狗 ». (Mây nổi trên trời như áo trắng, bỗng chốc biến đổi thành chó xanh). Ý nói cuộc đời biến đổi thất thường.— (7) Câu 339, 340 : Hai câu này đặt theo câu trong bài thơ đề đền Từ-hạo : « Sơn hạ hồng trần Nam thoán lộ, Bất tri quan đái kỷ nhân hoàn, 山下紅塵南甌路 不知冠帶幾人還 ». (Dưới núi bụi hồng đường Nam thoán, chẳng biết mấy người đội mũ đeo đai trở về). Nam-thoán là một con đường dưới núi Thương-sơn (thuộc tỉnh Thiểm-tây) qua đất Trường-an là kinh-đô cũ của nước Tàu. Vậy hai câu này ý nói : trên con đường công-danh, có rất đông người chen chúc, khó lòng chen chân vào được.— (8) Mả đem thân thể làm hình dịch chi (hình : hình thể ; dịch : sai khiến) : ý nói : há vì sự giàu sang mà làm khổ cái tấm thân.

BÍCH CẦU KỶ-NGỘ 碧溝奇遇

VÔ DANH

Truyện này kể một sự tích ở nước ta, tức là việc một người học trò tên là Trần Tú-Uyên gặp một nàng tiên ở đất Bích-cầu, bởi thế mới đặt tên truyện là *Bích-cầu kỳ ngộ* (sự gặp gỡ lạ lùng ở Bích-cầu).

Bích-cầu (nghĩa là ngòi biếc), trước thuộc làng yên-trạch, tổng Yên-hòa, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-nội, nay sáp nhập thành phố Hà-nội là phố Cát-linh, ở đây hiện còn có đền Tú-Uyên là cái di-tích của câu chuyện hoang-đường này. (Xem thêm ở *Phần thứ Nhất, năm thứ nhì chương XIX*).

Lược truyện.— Truyện này (gồm 648 câu) có thể chia làm bốn hồi :

I.— *Tú-Uyên gặp Giáng-Kiều, về ốm tương-tư* (câu 1-272).— Trần-Tú-Uyên, một người học-trò nghèo, thường hay đi chơi những nơi thắng-cảnh, một lần đến đất Bích-cầu, thấy phong-cảnh đẹp, bèn làm nhà ở đấy học. Một hôm, ông đi xem chùa Ngọc-Hồ (tức chùa bà Ngô ở phố Sinh-Tử Hà-nội). Chiều đến, sắp về, chợt thấy bay đến trước mặt một bài thơ có ý gheo mình Trông ra cửa tam-quan, thấy một người con gái rất đẹp ; ông bèn đi theo, đến Quảng-văn đình, (nay là chợ Cửa Nam Hà-nội) thì chợt người ấy biến mất. Từ đấy, Tú-Uyên sinh ra ốm tương-tư.

II.— *Tú-Uyên kết duyên cùng Giáng-Kiều* (câu 273-428).— Sau Tú-Uyên đến đền Bạch-mã (nay ở phố hàng Buồm) cầu mộng ; đêm thàn bảo ông sáng hôm sau ra đọi ở Cầu Đông (nay ở Phố Hàng Đường) thì gặp người con gái ấy. Hôm sau ra đọi mãi đến chiều, chỉ gặp một ông lão bán bức tranh vẽ một người tổ-nữ giống hệt người đã gặp hôm trước. Ông bèn mua về, treo ở nhà, cứ đến bữa ăn, dọn hai cái bát, hai đôi đũa, mời người trong tranh ăn. Một hôm, ông đi học về, thấy có mâm cơm dọn sẵn, trong bụng sinh nghi. Hôm sau, ông rình ở một chỗ, thấy người trong tranh bước ra, ông vội chạy lại hỏi, thì người ấy nói tên mình là Giáng-Kiều ở trên cung tiên xuống, xin kết duyên cùng ông. Giáng-Kiều mới làm phép biến chỗ nhà ở của ông thành lâu-đài tráng lệ.

III.— *Giáng-Kiều giận Tú-Uyên bỏ đi sau lại trở về nhà* (câu 429-558).— Tú-Uyên lấy Giáng-Kiều được ba năm, thường cứ rượu chè say sưa, nàng can ngăn, ông không nghe, lại còn đánh đập. Một lần, nàng quá giận, bỏ ông biến đi. Đến lúc tỉnh, ông hỏi lại, đi tìm đâu cũng không thấy, chỉ than khóc thương tiếc. Một hôm buồn quá,

ông toan tự-tận : chột nàng Giáng-Kiều hiện ra, ông bèn từ-tạ, hai bên lại đoàn-tụ như xưa.

IV.— *Tú-Uyên và Giáng-Kiều lên cõi tiên* (câu 559-648).— Tự bảy giờ Tú-Uyên đổi đai tử-tế với Giáng-Kiều. Sau sinh được một đứa con trai đặt tên là Chân-Nhi. Nàng Giáng-Kiều bèn khuyên ông nên lên ở cõi tiên và trao cho bùa tiên cùng thuốc tiên để ông tu-luyện. Rồi một hôm sau khi đã dặn-dò Chân-Nhi ở tại cõi trần, hai vợ chồng cùng cõi hạc bay lên cõi tiên.

28.— Tú-Uyên mắc bệnh tương-tư

- 163 Nỗi nàng canh-cánh nào quên,
Vẫn còn quanh-quất giấc tiên khéo là!
- 165 Bướm kia vương lấy sầu hoa,
Đoạn tương-tư ấy nghĩ mà buồn tênh!
Có khi gãy khúc đàn tranh.
Nước non ngao-ngán ra tình hoài nhân (1)
Cầu hoàng (2) tay lựa nên vắn,
- 170 Tương-Như (2) lòng ấy, Văn-Quán (2) lòng nào
Có khi mượn chén rượu đào.
Tiệc mời chưa cạn, ngọc dao đã đầy.
Hơi men chưa nhấp đã say.
Như xông mùi nhớ, như gảy giọng tình.
- 175 Có khi ngồi suốt năm canh,
Mở quyền diễm nguyệt, chuông kèn nện sương,
Ồi tai những tiếng đoạn-trường.
Lửa tình dễ nguội, sông Tương (3) khôn hàn.
Có đêm ngắm bóng trăng tàn.
- 180 Tiếng quyền hót sớm, trận nhân (4) bay khuya.
Ngõn-ngang cảnh nợ tình kia,
Nỗi riêng riêng biết dải-dề với ai!
Vui xuân chung cả một trời,
Sầu xuân riêng nặng một người tương-tư.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hoài nhân* 懷人 : nhớ người.— (2) *Cầu hoàng* : tức là « Phượng cầu kỳ hoàng », tên khúc đàn của Tư-mã Tương-Như, người đời nhà Hán gảy, tiếng đàn nào-nùng ai oán, nàng Trác Văn-Quán là một người đàn bà trẻ tuổi góa chồng nghe phải cảm-động sinh mê, sau hai bên lấy nhau.— (3) *Sông Tương* : nghĩa bóng là nước mắt. Do tích bà Nga-Hoàng và bà Nữ-Anh ngày xưa khóc vua Thuấn ở sông Tương, nên chữ « sông Tương » hoặc « mạch Tương » dùng để chỉ nước mắt.— (4) *Nhân* : tức là chữ « nhận » đọc chạnh ra cho thành âm bằng.

29. Giáng-Kiều xin kết duyên cùng Tú-Uyên

- Một khi ra việc trăng vẫn,
 330 Trở về đã thấy bát trản (1) sẵn sàng.
 So xem phong-vị khác thường,
 Mùi hoa sực nức, mùi hương ngạt-ngào.
 Bếp trời sẵn đấy hay sao ?
 335 Của dâu thấy lạ, lòng nào chẳng nghi ?
 Rạng mai cứ buổi ra đi,
 Liệu chừng thoát trở lại về thử coi.
 Ủng dâu thấy sự lạ đời :
 Trong tranh sao có bóng người vào ra ?
 Nhơn-nhơn mây liễu mặt hoa,
 340 Này người khi trước, dâu mà đến đây ?
 Nàng đương trang điểm nào hay,
 Cửa ngoài sẽ hé cánh mây bước vào.
 Vội-vàng đánh tiếng xa chào,
 Bèn mừng, bèn lệ, xiết bao là tình !
 345 Rằng : « Bấy lâu một chữ tình,
 « Gặp đây, xin ngỏ tình danh cho tường ».
 Nàng rằng : « Bờ liễu phận thường,
 « Vi mang má phần, nên vương tơ điều,
 « Vốn xưa thiếp khách thanh-tiêu,
 350 « Tiên-thù là hiệu, Giáng-Kiều là tên,
 « Ba sinh đã nặng vì duyên,
 « Dem thân liễu yếu, kết nguyên đào thơ.
 « Nhân duyên đã định ngày xưa,
 « Tơ trắng xe đến bây giờ mới thân.
 355 « Cũng là nhờ đức tiên-quân,
 « Đóa hoa biết mặt chúa xuân từ rày ».
 Sinh rằng : « Trong bấy lâu nay,
 « Nhấp sầu, gối muộn, có ngày nào ngời !
 « Đã rằng : tác hợp duyên trời (2).
 360 « Làm chi cho vẫn lòng người lấm nau (3) ? »
 Nàng rằng : « Xin quyết gieo cầu (4).
 « Tắm son thề với trên đầu xanh-xanh.
 « Dám dâu học thói yến oanh,

- « Mặn tinh trăng gió, nhạt tinh lửa hương.
 365 « Gieo cầu trước đã dở-dang,
 « Sau nên nát đá phai vàng như chơi,
 « Mái tày còn để tiếng đời,
 « Treo gương kim cổ cho người soi chung.
 « Lạ chi hoa với gió đông,
 370 « Tiếc hương, vả cũng nể lòng chim xanh,
 « Một mai mưa gió bất tinh,
 « Vóc tàn, nên để yến oanh hững-hờ.
 « Nghĩ trong thân-phận yếu-thơ,
 « Làm chi để tiếng sờ-sờ lại sau ? »

CHÚ-THÍCH.— (1) *Bát trân* (bát : tám ; trân : qui) : tám thức ăn quý. Theo sách *Chu lễ* thì tám thức ăn ấy là : bột ngào, bánh mỡ, heo thui, dê thui, chả quết, thịt ướp, nem luộc và gan nướng.— (2) *Tác hợp duyên trời* : theo câu trong *Kinh Thi* : « Thiên tác chi hợp 天作之合 », (Trời làm cho hai bên kết-hợp với nhau) : ý nói cái duyên tự trời gây nên.— (3) *Lắm nau* : (nau : từng cơn đau) nhiều cơn đau-đớn — (4) *Gieo cầu* : chọn người để lấy làm chồng. Do tích vua Hán Vũ-đế muốn kén rể, cho công-chúa ngồi trên lầu ném quả cầu xuống, ai cướp được thì lấy người ấy (tích chép trong sách *Tam hợp bảo kiếm*).

NHỊ ĐỘ MAI 二度梅 VÔ DANH

(Xem phần thứ nhất, năm thứ nhì, Chương thứ XIX)

Lược truyện.— Truyện gồm 2820 câu, có thể chia làm bốn hồi.

I.— *Họ Mai bị gian-thần làm hại* (15-574). Về đời Đường Đức-Tôn (780-805) có vị trung-thần là Mai Bá-Cao làm tri-huyện Lịch-thành. Ông có người con trai tên là Mai-Bích, tự là Lương-Ngọc. Bấy giờ trong triều có hai tay gian-thần Lư-Kỷ và Hoàng-Tung, ông vốn căm tức. Chợt có chỉ triệu ông về kinh làm lại-khoa cấp-sự. Ông nhất quyết nhân dịp ấy triệt bọn gian-thần, thành thì sống, bại thì chết. Dặn-dò vợ con, rồi ông lên đường.

Khi đến kinh, ông đến yết-kiến Lư-Kỷ, quan hầu của tướng-phủ đòi tiền lễ trình, ông mắng, rồi không vào nữa. Cách ít lâu, nhân ngày lễ sinh-

nhứt Lư-Kỷ, bắt-đắc-dĩ ông phải đến mừng, nhưng lễ mừng chỉ đem có cân miến, cây sáo. Trong khi tiếp chuyện, ông đem chuyện xưa ra chỉ-trích Lư, Hoàng và không thèm uống rượu.

Lư-Kỷ căm lăm, lập tâm hãm hại. Nhân có giặc Thái, Lư tâu xin cử hai người ban ông Mai Bá-Cao là Phùng Lạc-Thiên và Trần Đông-Sơ đi đánh giặc. Ông Cao nói giặc Thái không cần phải dùng binh mà Phùng, Trần là văn-quan không kham nổi việc binh. Lư bèn khếp Cao vào tội hoãn binh giúp giặc, tâu vua, rồi chém Bá-Cao và cách chức Phùng, Trần. Lại ra lệnh tróc nã cả nhà họ Mai.

II. — *Mai Lương-Ngọc nương náu ở nhà họ Trần* (câu 475-878). — May có người báo tin, Mai phu-nhân và Lương-Ngọc trốn thoát. Phu-nhân đến chỗ ly sở của em ở Sơn-đồng ẩn náu. Còn Lương-Ngọc thì cùng với đầy tớ là Hỉ-đồng sang ly sở ông bố vợ chưa cưới là Hầu-Loan. Muốn thử bụng Hầu-Loan, Hỉ-đồng ăn mặc giả làm Lương-Ngọc vào thăm. Quả nhiên Hầu-Loan sai bắt Hỉ-đồng, đợi giải kinh nộ, Hỉ-đồng uống thuốc độc tự-tử. Lương-Ngọc buồn rầu lang-thang, đến trước cửa một ngôi chùa thất cổ trên cây. May có nhà sư trong chùa ra cứu, cho vào ở đây trồng cây sửa hoa.

Em ông sư ấy lại chính là Trần Đông-Sơ, từ khi bị cách chức, về nghỉ quê nhà. Một hôm, ông sang chơi chùa, nhân cần một người làm vườn, bèn đem Lương-Ngọc (đổi tên là Hỉ-đồng) về nhà. Hôm giỗ Mai Bá-Cao, Trần Công nhớ bạn, sửa lễ ở ngoài vườn, khẩn bạn và cầu nguyện rằng : nếu họ Mai còn dòng-dõi thì xin cho hoa mai trong vườn nở đều. Đêm hôm ấy, trời nổi cơn mưa gió, hoa mai rụng sạch. Ông buồn, muốn đi tu, người con gái là Hạnh-Nguyên khuyên-giải, xin khẩn cầu lần nữa xem sao. Ba hôm, hoa mai lại nở đặc trên cây (vì việc này nên mới đặt tên truyện là *Nhị độ mai*, nghĩa là cây mai nở hoa hai lần). Ông mừng, sai làm rượu vịnh thơ, chợt thấy ở vách hoa-đỉnh có bài thơ của Hỉ-đồng đã đề. Sau hỏi ra mới biết Hỉ-đồng tức là Mai Lương-Ngọc, ông mừng rỡ, định bụng gả Hạnh-Nguyên cho.

III. — *Họ Trần bị hại : Mai-Lương-Ngọc và Trần-Xuân-Sinh gặp cảnh lưu ly* (câu 879-1974). Lư-Kỷ ghét Trần-Công, tâu vua bắt Hạnh-Nguyên sang cống Phiến. Hạnh-Nguyên đi đến nửa đường, đâm đầu xuống sông tự-tận, may giạt vào nhà bà Châu-Bá-Phù, được nuôi làm con nuôi, cùng ở với con gái bà là Vân-Anh. Nhân việc ấy, Trần-Công bị bắt giam, cả nhà bị nã. Lương-Ngọc cùng với Xuân-Sinh (con Trần-Công, chạy trốn ; giữa đường gặp cướp, hai người lạc nhau. Lương-Ngọc (đổi tên là Mục-Vinh) may gặp ông Phùng Lạc-Thiên (ông được khai

phục vô kinh), ông bèn giới-thiệu để Lương-Ngọc được giúp việc quan Tuần-án Hà-nam-Châu Bá-Phù. Sau Châu quân thấy Lương-Ngọc có tài văn-chương, mới cho chàng về quê ông học tập để đi thi và định gả Vân-Anh cho, nhân thế Lương-Ngọc lại được gặp Hạnh-Nguyên đương ở đấy.

Còn Trần Xuân-Sinh, vì bị lưu-lạc khổ-sở, đâm đầu xuống sông tự tử. May có một bà thuyền chài cứu và nuôi lại hứa gả con gái là Ngọc-Thư cho. Sau gặp Khâu đê-đốc (em Mai phu-nhân) nuôi làm nghĩa tử (lấy tên là Khâu-Khôi) và định gả con gái là Vân-Tiên cho.

IV.— *Bọn gian thần bị tội : họ Mai và họ Trần được hiển vinh* (câu 1975 - 2780) — Mục-Vinh và Khâu Khôi đi thi, một người đỗ trạng-nguyên một người đỗ bảng-nhơn. Lư-Kỷ muốn ép Khâu-Khôi lấy con gái mình. Khôi không chịu, Lư-Kỷ bắt bỏ ngục. Học trò nổi giận, đón xe Lư Hoàng đánh, rồi vào chầu vua kể hết tội lộng quyền của hai tên gian thần. Vua xét rõ, bèn chém Lư, Hoàng, phong chức cho Trần-Công, ban chức cho Lương-Ngọc, Xuân-Sinh.

Lương-Ngọc về đón mẹ, viếng Hi-dòng, rồi về kinh làm lễ thành hôn cùng Hạnh-Nguyên (chánh thất) và Vân Anh (thứ thất). Còn Xuân-Sinh thì làm lễ thành hôn với Vân-Tiên và Ngọc-Thư.

30. Mai-công đến mừng lễ thọ Lư-Kỷ

- Ngày xanh thắm-thoắt đưa thoi,
 Lư.công tuổi thọ sáu mươi vừa tuần.
 Định ngày vui mở tiệc xuân,
 340 Vua cho lễ-vật, nội thần đem ban.
 Lại truyền văn vũ bá quan,
 Cứ ngày cũng đến tương-môn lễ mừng.
 Phủ.đường dọn-dẹp tung-bưng.
 Rõ-ràng kết thái trưng đăng trong ngoài.
 345 Vóc dề chữ, gấm thêu bài,
 Vịnh ca thiên-bảo, chúc lời nghiêu-hoa
 Dập.diu chốn vũ, nơi ca,
 Trò bày bách-hí (2), dịp hòa bát âm.
 Giọng-giá nển, quạt lò trầm,
 350 Rót bình rượu ngọc, nâng mâm đào vàng.
 Vồng đầy cửa, ngựa chen hàng.
 Khắp triều-quan đến, khắp hoàng-thân (3) ra.
 Bày pho chén ngọc, đĩa ngà,
 Gia-hào (4) mấy thức, trân la (5) mọi mùi,
 355 Tướng-công thăm-thăm xa ngồi,
 Tiếp tân pho mặc con nuôi họ Hoàng.

Mai-công lễ-vật tầm-thường.

Miến vài cân với lập hoàng (6) vài đôi.

Hoàng Tung trông thấy mỉm cười,

360 Tim Lư-công, đến tận nơi, tiến trình.

Tướng-công ngồi trước thọ-bình,

Chói vàng bóng mũ, ngắt xanh hoa bảo.

Tứ bề tướng gấm màn đào,

Mùi hương xạ ngát, tiếng thiều-nhạc (7) rung.

365 Trông xa nhạc thấy Hoàng Tung,

Xem đơn lễ (8) mới thung-dung dạy lời :

« Ít nhiều có lẽ thì thôi,

« Hãy thu lấy đấy, khuyên, mời hẳn-hoi.

« Tay này là bực đại-tài,

370 « Đề ta mua chuộc làm tôi tớ nhà ».

Cứ lời, Tung mới bước ra,

Chào rằng : « Vâng mệnh ân-gia mời ngồi,

« Lễ đơn đây đã thu rồi,

« Dám khuyên vài chén liệc vui gọi là ».

375 Mai-công rằng : « Những ở xa,

« Chẳng hay quý-chức tuổi đã bao nhiêu ? »

Tung rằng : « Tuổi cũng chưa nhiều :

Năm mươi tư tuổi gần theo cõi già ».

Công rằng : « Thực cũng khéo là !

380 « Thế mà nghĩa-phụ (9), thế mà ân-nhi (10) !

« Sống lâu thấy lắm chuyện kỳ,

« Sao xưa nay vẫn không nghe tiếng đồn ?

« Mới hay vợng-khí tướng-môn ?

« Năm lên sáu tuổi sinh con đầu lòng ! »

385 Tung nghe ra giọng đậm hồng,

Mặt ngấn-ngắt tím, mắt sòng-sọc trông.

Các quan biết ý Hoàng-Tung,

Giả điều mời rượu Mai-công ép nài.

Ông rằng « Lượng rượu kém ai,

390 « Tiệc vui dù chẳng đợi mời cũng say.

« Nghe hơi tử-khí đầu dây,

« Dẫu rằng nửa chén đưa say, chẳng màng.

- « Đến đây vàng mệnh Thánh-hoàng,
 « Sá vui kéo rót mấy tuồng quyền gian ? »
- 395 Hoàng-Tung đỏ mặt, sốt gan,
 Bất *thinh-linh*, *bông* trong bàn mắt vui
 Như mèo tiu-nguỷu mất tai,
 Chẳng thu một lễ, chẳng mời một ai,
 Vào trong tóc thẳng một hơi,
- 400 Bên màn Lư-Kỷ, kê ngồi nỉ-non.
 Nhỏ to chua cái, chua con.
 « Hôm xưa, kiệu đến nghi-môn (11) còn ngồi.
 « Mời rồi, đưa lễ giễu chơi,
 « Đã câu rửa mặt, lại lời đưa chành.
- 405 « Gần chùa gọi Bụt là anh,
 « Không văn-pháp nữa, còn danh-giá gì ! »
 Lư rằng : « Con chờ lo chi :
 « Ra tay, rồi sẽ liệu bề bề mai.
 « Cho vào bạn-đảng (12) thời thời,
 « Bấy giờ dẫu nghĩ kêu trời cũng xa ».

Bản chép khác.— Câu 339 : Định ngày *mở tiệc vui xuân*.—
 Câu 396 : Bất *bình bông giận* trong màn mắt vui.— Câu 405 : . . .
bàng anh.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Kết thái trương đăng* 結綵張燈 : tết lụa màu
 và treo đèn.— (2) *Bách hi* 百戲 : trăm trò chơi.— *Hoàng thân* 皇親 :
 chú bác anh em vua.— *Gia hào* 嘉餚 : (Gia : ngon ; hào : đồ nhắm) :
 đồ nhắm ngon.— (5) *Trân la* 珍蘿 : (trân : quý ; la : một thứ rau có
 mùi thơm) ; rau quý.— (6) *Lạp hoàng* : tức là hoàng Lạp 黃蠟 : sáp
 vàng. (7) *Thiếu nhạc* : 韶樂 : bài nhạc cổ về đời Nghiêu, Thuấn bên
 Tàu.— (8) *Đơn lễ* : cái lễ đơn sơ.— (9) *Nghĩa-phụ* 義父 : bố nuôi.—
 (10) *Án-nhi* 恩兒 : con nuôi.— *Nghi-môn* 儀門 : cửa lớn ở các dinh
 thự hay nhà lớn.— (12) *Bạn đảng* 叛黨 : bọn làm phản.

31.— Hạnh-Nguyên trăm mình

- 1185 Lên yên, gióng ngựa ra đi,
 Núi cao đã thấy hầu kê tới nơi,
 Hỏi tên là Lạc-nhận-đài,
 Trùm mây mù-mịt, ngắt trời chon-von,

- Nàng rằng : « Tích trước ghi lòng.
- 1190 « Chiêu-quân gửi nhận thư phong chốn này.
 « Đường đi nhân tiện qua đây,
 « Nhấn nhàn, bắt chước chuyện người ấy chơi ».
 « Kíp truyền man-tốt (1) mấy lời :
 Dọn đường núi Nhận, kíp dời gót loan.
- 1195 Phù nàng ngồi kiệu dăng san,
 Hai hàng thị-nữ, một đoàn Phiên-binh.
 Bước cao, bước thấp gập-gheñh,
 Quấn-queo đuôi chuột, chênh-vênh tai mèo.
 Nương đá quạnh, vịn cành oeo,
- 1200 Chim xào-xạc lá, vượn leo-lắt cành.
 Sẵn-sàng cảnh-vật chung-quanh :
 Phong đồn mở quạt, mây xanh buồng màn (2)
 Bước lên tuyết đỉnh lán-lán,
 Trông nhường chậ dất, vớ toan đến trời.
- 1205 Mặt sau lầu bước xem chơi,
 Nhìn lâu, bỗng thấy một nơi có đầm,
 Mắt mèo trong vắt (3) nổi tằm,
 Rắn quẩn-quặn khúc, măng (4) nhom-nhép hàm,
 Cheo-leo sườn núi trông sang ;
- 1210 Khe kia, suối nọ, ngồn-ngang mấy trùng.
 Nửa ngày nổi trận âm-phong (5),
 Phất-phơ lật lá, lạnh-lùng thấu xương.
 Đất đầu sơn-thủy lạ nhường !
 Ngẩn-ngờ mình những cảm thương nổi mình.
- 1215 « Xót thay đôi đức sinh-thành,
 « Bao giờ người được chút tình nhớ thương.
 « Một ngày một ngả bóng tang,
 « Da mồi xạm mặt, tóc sương diềm đầu.
 « Biết nhau thêm dỏ-dang nhau.
- 1220 « Quen hơi bén tiếng bao lâu mà rằng !
 « Ấy ai chấp mối xích-thằng !
 « Biết rằng dứt chỉ, thà dưng vương tợ,
 « Như lời thần-mộng (6) họa là,
 « Còn duyên chẳng nữa, cũng chờ tái-sinh.

- 1225 « Đường cùng giữ lấy thơm danh,
 « Thôi thì gác hiếu với tình một bên.
 « Chấp kinh, nếu chẳng tòng quyền,
 « Nữa khi nước đến, e nên cát lằm »,
 Tác lòng cả quyết khôn cầm,
- 1230 Tấm thân phó mặc dưới đầm sâu sâu,
 Thị-tỳ trông trước nhìn sau,
 Nàng đã gieo ngọc, chìm châu bao giờ.

Bản chép khác.— Câu 1222 : *Biết mà . . .* — Câu 1228 : . . .
phiên — Câu 1229 : *Tấm lòng quả-quyết. . .*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Man tốt* 蠻卒 : quân Man ; đây chỉ quân Phiên.—
 (2) *Câu 1202* : tả cảnh núi ; những chòm lá cây phong 楓 trông như
 quạt mở, những đám mây che phủ như màn buông.— (3) *Mắt mèo*
trong vắt : Tả cảnh nước trong xanh như mắt mèo.— (4) *Mãng* 蟒 :
 rắn lớn có hoa.— (5) *Âm phong* 陰風 : cơn gió lạnh-lẽo tưởng như
 ở dưới âm-phủ đưa lên.— (6) *Lời thần mộng* : Hạnh-nguyên trước có
 vào lễ đền thờ Chiêu-Quân đêm nằm chiêm-bao thấy Chiêu Quân báo
 cho biết rằng : « Rồi ra về đến quê mình. Sau này phú quý phú vinh
 vẹn tròn » (câu 1171-1172).

32.— NHÂN NGUYỆT VẤN ĐÁP 人月問答 VÔ DANH

« Nhân nguyệt vấn đáp » nghĩa là người và trăng hỏi và đáp nhau.
 Tác-giả bài này, không rõ là ai, nhưng chắc là một nhà nho chán
 đường danh lợi, ghét thói đua tranh, mượn câu chuyện ấy để dãi
 bày tâm-sự của mình.

- Tiết thu dạ, thiên quang vãn tĩnh (1),
 Chốn lữ-dình (2), giấc tỉnh canh khuya,
 Tai nghe văng-vẳng bốn bề,
 gương Nga văng-vặc soi hè quế lan.
- 5 Thấy trăng, thêm động lòng vàng,
 Ngâm câu vấn Nguyệt mà than mấy lời.
 Hỏi chi Nguyệt mấy lời sau trước :
 « Duyên-cớ sao mà được thành-thời ? »
 Nguyệt rằng : « Vật đổi sao dời.
- 10 « Thân này trời để cho người soi chung,
 « Làm cho mỗi một anh-hùng.

- « Ngàn thu sương tuyết, một lòng thanh-quang ».
 Hỏi chị Nguyệt : « Có đường lên tới ? »
 « Chốn thiềm-cung (3) phỏng độ bao xa ? »
- 15 Nguyệt rằng : « Ta lại biết ta,
 « Có cây đan-quế (4) ấy là chị em.
 « Anh-hùng thử tới mà xem :
 « Kia gương ngọc-thỏ (5), nọ rèm thủy-tinh ».
 Hỏi chị Nguyệt : « Có tình chẳng tá ? »
- 20 « Chứ *xuân-thu* phỏng đã nhường bao ? »
 Nguyệt rằng : « Yếu liễu thơ đào,
 « Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn.
 « Mảnh gương vằng-vặc chẳng mòn,
 « Bao nhiêu tinh-đầu là con cái nhà ».
- 25 Hỏi chị Nguyệt : Hằng-Nga mấy tuổi ?
 « Cừ năm năm đến tới lại ra ? »
 Nguyệt rằng : « Ta lại biết ta,
 « Minh minh trường dạ (6), ai mà biết ai ?
 « Vậy nên mở mặt soi đời,
- 30 « Biết nơi nham-hiềm, biết *người* tà-gian ».
 Nghe Nguyệt nói, lòng càng yêu Nguyệt,
 Biết lòng ta có nguyệt hay chẳng ?
 Muốn lên cho tới cung trăng,
 Kết duyên cho được chị Hằng mới tha.
- 35 Một trăng với lại một tà,
 Biết nhau chỉ lúc canh ba điểm *thùng* !
 Nguyệt thông-thả ước lòng lại hỏi :
 « Cõi trần-gian là cõi làm sao ? »
 Ta rằng : « Thế cuộc chiêm bao,
- 40 « Công-hầu khanh-tướng xôn-xao trong vòng.
 « Tranh nhau chỉ vị hơi đồng,
 « Giết nhau vì miếng đỉnh chung (7) của trời ».
 Nguyệt lại hỏi đến người quân tử.
 Buồi vân-lôi (8), hai chữ kinh-luân (9),
- 45 Ta rằng : « Có đấng thánh-thần.
 « Ra tay dẹp loạn, đem *công* trị bình.
 « Còn phùng trục lợi tham danh.
 « Chẳng qua như chuyện minh-linh, đủ-phù (10) ».

- Nguyệt lại hỏi : « Rừng nho mấy kẻ,
 50 « Rõ ra tay bẻ quế Trảng-an (11)? »
 Ta rằng : « Cá bễ, chim ngàn,
 « Đồi nào chẳng có phượng-hoàng, kinh-nghê (12) ».
 Ta hỏi Nguyệt ngân-ngơ ngơ-ngần,
 Nguyệt hỏi ta thơ-thần thần-thơ.
 55 Chồi hoa trước gió phất-phơ,
 Hiu-hiu gió thổi, hương đưa ngọt-ngào.
 Canh càng thâm, Nguyệt càng cao,
 Nguyệt ta, ta Nguyệt biết bao nhiêu tình !
 Mấy câu ngâm chón lữ-đình,
 60 Có ai biết Nguyệt biết mình cho chẳng ?

Bản chép khác — Câu 4 : . . . *trái kè* . . . — Câu 6 : . . . *độ*
ngang với trời. — Câu 20 : . . . *niên hoa* . . . — Câu 26 : . . . *ngày*
rằm . . . thì . . . — Câu 30 : . . . *loài* — Câu 31 : *Thấy* . . . — Câu
 35 : . . . *một mình* . . . — Câu 36 : . . . *có . . . tùng* . . . — Câu 39 :
Cuộc đời xem tựa . . . — Câu 43 : . . . *tới* . . . — Câu 46 : . . . *thần* . . .

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thiên quang vân lĩnh* 天光雲淨 : trời sáng mây
 tanh.— (2) *Lữ đình* 旅亭 (lữ : đất khách ; đình : nhà) : nhà trọ.—
 (3) *Thiềm cung* 蟾宮 : thiềm là con cóc ; thiềm cung là cung trăng
 vì Hằng-Nga, vợ Hậu-Nghê, sau khi ăn cắp thuốc tiên của chồng
 trốn lên cung trăng thì hóa ra con cóc.— (4) *Đan quế* 丹桂 : cây quế
 đỏ ở cung trăng. Theo tích vua Đường Minh-hoàng lên chơi cung
 trăng, thấy các nàng tiên múa hát ở dưới bóng cây quế.— (5)
Ngọc thỏ 玉兔 : chỉ mặt trăng. Theo tích chép trong Kinh Phật :
 một con thỏ nhân đức, thấy các con thỏ khác đói bèn nhảy vào
 đồng lửa để làm chả cho đồng loại ăn đỡ đói. Khi các con thỏ
 kia ăn hết thịt rồi, đức Phật Thích-Ca đem đồng xương còn lại
 để trên cung trăng.— (6) *Minh minh trường dạ* 冥冥長夜 : đêm
 dài mờ tối.— (7) *Đỉnh chung* 鼎鐘 : đỉnh là cái vạc có ba chân
 dùng để nấu ăn ; chung là cái chuông ; hai thứ đồ dùng của nhà
 phú quý, bày vạc để ăn và lúc ăn thì rung chuông. Nghĩa rộng là
 giàu sang — (8) *Vân lôi* 雲雷 : mây và sấm ; nghĩa bóng là loạn.
 lạc. — (9) *Kinh luân* : xem câu chú-thích số (1) ở Bài 82. (10)
Minh linh du phủ : 螟蛉 蟬 蚋 蚋 minh linh là một thứ sâu sắc
 xanh, ăn các lá rau, lớn lên hóa ra bướm du-phủ, tức là phù-du : con
 vờ, một thứ côn trùng nhỏ, sinh ở dưới nước, khi hóa, có cánh bay được,

chỉ ít lâu thì chết. Người ta chỉ nói con phù-du, không bao giờ nói du-phù; ở đây tác giả vì túng vắn phải đặt như thế.— (11) *Bể quế Trảng an*: bể cảnh quế ở đất Trảng an (kinh đô) nghĩa bóng là đi thi đỗ.— (12) *Phượng-hoàng, kinh nghê*: 鳳凰鯨鯢: phượng hoàng là một loài linh điều trong tứ linh (phượng là con trống, hoàng là con mái); nghĩa bóng chỉ người tài giỏi. Kinh nghê là loài thú lớn ở bề tức là cá ông voi (kinh là con đực, nghê là con cái): đây chỉ người anh hùng.

BÀN NỮ THÁN 貧女嘆 VÔ - DANH

« Bàn nữ thán » là lời than thở của người con gái nghèo. Đại ý nói: mình vốn có tài sắc, nhưng mong sớm lấy được người chồng khá thế mà chỉ vì nổi nghèo, thành ra duyên-phận dở-dang; sau kết lại cái ý bền chí đợi chờ, tất có ngày kỳ-ngộ. Bài này gồm 216 câu.

33.— Chi vì nổi nghèo

- Tưởng-thế sự ai làm nên nổi,
Nghĩ càng thêm tức-tối trăm chiều.
- 75 Hay là số phận ra sao ?
Xui ra duyên-phận hẩm-hiu thế mà !
Hay là kém da ngà, mắt phượng ?
Hóa cho nên bướm chán, ong chê.
Hay là nắng chẳng thương huê ?
- 80 Đề dầu bông thắm, đề xơ nhị vàng !
Hay là kém màu gương, nước thủy ?
Hay là thua màu quý, vẻ thanh !
Hay là thua đẹp, thua xinh ?
Thua son, thua phấn, thua tình, thua duyên ?
- 85 Vì một nổi thua tiền, thua bạc,
Hóa cho nên thua sắc, thua tài.
So ra, ai đã thua ai :
Kể kia tám lạng, kể này nửa cân.
Vốn đã biết làm thân kẻ khó,
- 90 Có dám đâu đánh đọ với giàu.
Rằng thì mang tủi, đeo sầu !
Nói càng áp-úng, nghĩ thêm ngại lời (1).

Xuân xanh kẻ dòi mười có lẻ,
Quả mai còn ba bảy đương tơ (2).

95 Kia như đông-bích lân-gia,
Kẻ đà bốc phượng (3), người đà mộng lan (4)
Cũng mang tiếng hồng-nhan với thế,
Nữ nào nên ruồng-rẫy chẳng thương,
Bao nhiêu thù dật y-thường.

100 Vì người ta sửa tư-trang lấy chông.
Cũng mang tiếng má hồng mặt phấn.
Luống năm năm chực phận phòng không.
Há rằng hoa chẳng chiều ong,
Cho nên tủi phận thẹn hồng lấm thay !

105 Bắc thang đến cung mây mà hỏi,
Biết bao giờ phượng tới cảnh ngô (5)
Bao giờ bắc lại cầu ô,
Mà cho ả Chức, chàng Ngưu tới gần (6).

Bản chép khác.— Câu 91.— *Đành rằng* — Câu 96 — *minh hội...*

CHÚ-THÍCH.— (1) Hai câu 91-92, trong các bản chúng tôi được coi đều chép như trên cả, nhưng ta nên nhận rằng tiếng « sáu » ở câu trên không ăn vần với tiếng « thêm » ở câu dưới.— (2) *Quả mai còn ba bảy đương tơ* : nghĩa bóng nói về một người con gái đương thì lấy chồng. Lấy chữ trong *Kinh thi* (Thơ Xiếu hữu mai) : « Xiếu hữu mai, kỳ thực thất hề. Cầu ngã thứ-sĩ, đãi kỳ cát hề. Xiếu hữu mai, kỳ thực tam hề. Cầu ngã thứ-sĩ, đãi kỳ kim hề. 標有梅其實七兮·求我庶士·逮其吉兮·標有梅其實三兮·求我庶士·逮其今兮 ». (Quả mai rụng, mười phần còn bảy phần. Ai người cầu ta, kịp chọn ngày lành đi. Quả mai rụng, mười phần còn có ba. Ai người cầu ta, kịp ngày hôm nay đi) — (3) *Bốc-phượng* 卜鳳 : bói chim phượng ; nghĩa bóng là tìm được người xứng-đáng để gả chồng cho con gái. Lấy điển trong *Tả-truyện* : Ý-thị xem bói để xem có nên gả con gái cho Kim-Trọng không ; vợ đoán quẻ, bảo nên, vì trong quẻ có câu : *Phượng-Hoàng vu phi, hòa minh tương tương 鳳凰于飛, 和鳴鏘鏘* » (Chim phượng trống và chim phượng mái cùng bay, hòa tiếng hát kêu lanh lảnh.— (4) *Mộng lan* 夢蘭 : nằm mộng thấy có người cho lan ; nghĩa bóng là có mang. Lấy điển trong *Tả-truyện* : người thiếp Trịnh-Văn-công nằm mộng thấy thiên sử cho một khóm lan, rồi sau

sinh ra Trịnh-Mục-công.— (5) *Phượng tới cảnh ngô* : chim phượng đến đậu cành cây ngô đồng ; ý nói được người sang trọng đến hỏi mình.— (6) *Câu 107-108* : Hai câu này nhắc đến cái điền Ngưu-lang, Chức-nữ. Chức-nữ (nghĩa đen là người con gái dệt vải), và Ngưu-lang hoặc Khiên-ngưu (nghĩa đen là gã dắt trâu) nguyên là tên hai chòm sao ở trên trời, chòm trên ở phía đông sông Ngân-hà, chòm dưới ở phía tây, mỗi năm chỉ có một lần là ta trông thấy cả được hai chòm. Nhân thế bên Tàu mới có câu chuyện cổ tích này : Chức-nữ vốn là con đực Thiên-đế (vua trên trời), chăm chỉ dệt gấm để may áo cho Trời. Trời thương phải lẻ loi một mình, mới gả cho Ngưu-lang. Nhưng từ khi lấy chồng sinh ra lười biếng, bỏ cả dệt củi. Thiên-đế giận, lại bắt về chỗ cũ ở phía đông sông Ngân-hà và mỗi năm chỉ cho gặp Ngưu-lang có một lần là tối hôm mừng bảy tháng bảy. Đêm ấy, chim ô (quạ) và chim thước (chim khách) bắc cầu qua sông Ngân-hà để cho Chức-nữ sang với Ngưu-lang. Chữ «ngưu» đọc chạnh ra chữ «ngâu» bởi thế ta thường gọi nôm là «ông Ngâu bà Ngâu».

LỤC SÚC TRANH CÔNG 六畜爭功

VÔ DANH

« Lục súc tranh công » nghĩa là sáu con vật nuôi trong nhà tranh nhau công-trạng của mình. Sáu con ấy là : trâu, ngựa, chó, dê, gà, và lợn. Trâu thì rằng làm ăn vất vả, có công sinh ra thóc, gạo, ngô, đỗ ; chó thì rằng có công coi nhà giữ trộm ; ngựa thì rằng có công đem chủ đi quán về quê, đánh đồng dẹp bắc ; dê thì rằng có công trong việc tế-lễ ; gà thì rằng có công gáy sáng, xem giờ ; lợn thì rằng có công trong việc quan, hôn, tang, tế. Sáu con cùng tranh-luận, người chủ phải can-thiệp vào, dàn hòa mới yên. Bài này viết theo thể « nói lối ».

34. Trâu kể công trạng mình

Trâu mới nhọc, trâu liền năn-nỉ,
 Một mình trâu kể nỗi gian-nan :
 « Lóng canh gà vừa mới gáy tan,
 « Chủ đã gọi thẳng chăn vôi-vã,
 « Dạy rằng : Đuổi trâu ra thảo-dã,
 « Cho nó ăn ba miếng dờ lòng.
 « Chưa bao lâu thoát đã rạng đông,
 « Vừa đến buổi cày bừa bua việc,
 « Trước cổ đã mang hai cái niệt (1)

- « Sau đuôi thêm kéo một cái cây.
 « Miệng đã dàm, mũi lại dồng dấy,
 « Trên lưng ruồi bầu (bu), dưới chân đĩa cắn,
 « Trâu mệt đã thở dài thở vắn.
 « Người còn hăm-hét mắng ngược mắng xuôi,
 « Liệu vừa đứng đóng mới thôi,
 « Đói hòa mệt (2), bước khôn dời bước.
 « Ai thông thả, trâu nào ben (3) được ?
 « Trâu nhọc-nhần ai dễ thẽ cho ?
 « Cây ruộng sâu, ruộng cạn cho no,
 « Lại vườn đậu, vườn mè khiến trở.
 « Làm không kịp thở,
 « Ăn chẳng kịp nhai.
 « Tắm mưa, chải gió chi nài ?
 « Đạp tuyết, giày sương bao sá ?
 « Có trâu, sẵn tấm, tơ, lúa má ;
 « Không trâu, không hoa, quả, đậu, mè.
 « Lúa gặt cất lên, đã có trâu xe :
 « Lúa chất trữ lại, để dành trâu đạp.
 « Từ tháng giêng cho đến tháng chạp,
 « Kể xuân, hè nhãn đến thu, đông,
 « Việc cây bừa công-vụ vừa xong,
 « Lại xe gỗ dầm công liên khói (4)
 « Bất luận xe rào, xe củi,
 « Nhãn đến loài phân, bồi (5) tranh, tre,
 « Hễ bao nhiêu nhất thiết của chi,
 « Thì đã phủ mặc trâu chuyên chở,
 « Bao quản núi non hiểm-trở.
 « Chi nài khe suối dầm-dề.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Niết* : dây to buộc ở cổ trâu — (2) *Đói hòa mệt* : (hòa : lẫn với) : vừa đói vừa mệt.— (3) *Ben* : bị kịp — (4) *Dầm công liên khói* : làm việc liên miên không dứt như khói tuôn lên vậy.— (5) *Bồi* : cỏ rác.

CÁC TÁC-GIẢ

TÁC-GIẢ ĐỜI TRẦN

35.— Vua dụ Vương Tường để gả cho chúa Thuyền-vu (1)

Hán Hồ vẫn muốn vẹn trăm đường,
Há trăm riêng tây có phụ nường,
Bắc-quốc (2) tuy rằng ngoài dị-tục,
Vương-dinh (3) song cũng một biên-phương.
Ở đây hạnh thắm nên mai nhạt,
Về đấy sen tàn lỗi cỏ hương. (4)
Hơn thiệt thôi đừng ai-oán nữa,
Bỏ ngay áo gấm lại hoang lương.

Bản chép khác.— Câu 3 : . . . *vực.*— Câu 8 : *Thờ...* (hoặc) :
Chờ...

CHÚ-THÍCH.— (1) Về lai-lịch bài thơ này và bài thơ sau, xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ II. Vương Tường* là tên Chiêu-quân, cung-nữ vua Hán Nguyên-đế, sau đem gả cho vua nước Hồ. Người nước Hồ gọi vua họ là *Thiên-vu* 天予.— (2) *Bắc quốc*: đây chỉ nước Hồ, ở phía bắc nước Tàu.— (3) *Vương-dinh*: đây chỉ chỗ vua Hồ ở.— (4) *Câu 5, 6*: ý nói: ở cung nhà Hán có nhiều người đẹp, nên Vương-Tường không được vua yêu; nhưng sang bên nước Hồ vì không có con gái đẹp thì Vương-Tường sẽ được chiêu-chuộng. « *Lỗi 磊* » là nhô cao lên, trời lên.

36.— Vương Tường vào bái-yết Hán-vương

Từ nan khôn chối lệnh quân-vương,
Rối-rối thêm đau nỗi đoạn-trường.
Khúm-núm khấu đầu ngoài bệ ngọc,
Thẹn-thùng ra mặt trước nhà vàng.
Mặt hoa dưới-dưới chiều đeo tuyết,
Mây liễu rầu rầu dáng ủ sương,

Hang thăm phen này xuân nữ phụ,

Lòng qui khôn biết ngóng về dương (1)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Qui* 葵 : tên một thứ hoa cứ xoay theo hướng mặt trời. *Dương* 陽 là mặt trời.

TRINH THỬ 貞鼠

Trần-triều xử-sĩ Hồ Huyền-Quy tiên-sinh soạn

(Xem phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VII)

«Trinh thử» nghĩa là con chuột có lòng trinh-tiết. Truyện này là một câu chuyện ngụ-ngôn : tác-giả mượn chuyện của loài chuột để tán-dương cái lòng trinh-tiết và chỉ-trích cái dâm-tà của người đời.

Lược truyện.— Truyện gồm 850 câu ; trừ đoạn mở bài và đoạn kết, có thể chia làm ba đoạn như sau :

I.— *Chuột đực quyến-dũ chuột bạch ; chuột bạch cự-tuyệt* (câu 11-526).— Một hôm, chuột bạch góa chồng đi kiếm mồi để nuôi con, chợt gặp con chó đười, phải chạy vào ẩn trong một cái hang. Không ngờ trong hang có một con chuột đực, nhân lúc chuột cái đi vắng, định bụng quyến-rũ, đem hết thuyết này lý nọ và dẫn các sự-tích xưa để làm xiêu lòng, nhưng chuột bạch nhất-định cự-tuyệt, bác lại các lẽ của chuột đực và quyết liều chết để bảo toàn chữ trinh. Chuột đực thấy vậy, phải nói chổng chể cho đỡ xấu-hổ.

II.— *Chuột cái về, nổi ghen, rầy-rà chuột đực và sinh sự với chuột bạch* (câu 527-718).— Giữa khi ấy, chuột cái về, ngờ rằng chồng với chuột bạch có tình gian, tỏ ý giận-dữ. Chuột bạch giải bày đầu đuôi để biện bạch lòng trinh-tiết của mình, rồi từ biệt trở về. Nhưng chuột cái không tin, nổi ghen, rầy-rà chuột đực, rồi đến nhà chuột bạch rêu-rao. Đương khi ấy, có con mèo thành-linh đến, chuột cái sợ chạy, ngã xuống ao.

III.— *Hồ sinh cứu-vớt và khuyên-nhủ chuột cái* (câu 719-802).— Hồ sinh (người biết tiếng muông chim đã đứng nghe câu chuyện này từ đầu) thấy thế, bèn đuổi mèo đi, vớt chuột cái lên, rồi lấy lời lẽ phải trái nói rõ lòng trinh-tiết của chuột bạch và khuyên-nhủ chuột cái về đạo cư-xử trong gia-đình.

Lời văn.— Lời văn truyện này bình-thường giản-dị mà vẫn chải-chuốt thanh-tao, và có một điều đặc-sắc là dùng được nhiều câu phương-ngôn tục-ngữ một cách rất khéo.

**37.— Chuột đực láy lời lẽ ngọt ngào
quyến-rũ chuộc bạch**

- Nàng nghe chàng nói thấp cao,
 50 Nổi mình mới kể tiêu hao xa gần :
 « Thiếp nay ở mái đông-lân,
 « Vi cơ thương-cầu (1) lang-quân tếch ngàn.
 « Nổi lòng khôn xiết thở than,
 « Thương chồng lại xót một đàn con thơ.
 55 « Rờng-rờng theo nạ (2) sớm trưa,
 « Cửa dậu cho được dư thừa miếng ăn.
 « Pha-phôi chẳng quản nhọc-nhăn,
 « Chân le chân vịt, nào phân đêm ngày.
 « Nghe quan thủ-tướng (3) bên này,
 60 « Cửa nhà tráng-lệ của dày bằng non,
 « Muốn ăn hết, phải đào giun :
 « Pha bờ, xông bụi, nào còn biết e !
 « Đêm hôm cũng giấu mình đi,
 « Sang đây kiếm ít đem về làm lưng.
 65 « Ai ngờ gặp đũa gió trắng,
 « Cho nên khuất nẻo lạc chừng, khốn thay ! »
 Chàng nghe nông-nổi giải bày,
 Quyết lòng cầm-sắt một hai dõ dành,
 Rằng: « Nàng giải hết chân-tình :
 70 « Thương thay phận gái một mình long-dong !
 « Đã hay trong đạo vợ chồng,
 « Nghĩa sâu tình nặng, há lòng chẳng thương ?
 « Kinh quyền (4) đời lẽ là thương,
 « Được nơi tựa ngọc nương vàng thì thôi.
 75 « Chẳng lo mẹ góa con côi,
 « Sớm khuya loan-phượng no đời nương nào,
 « Chẳng lo liễu cợt hoa chào,
 « Bướm gín ong giữ làm sao cho tuyền ?
 « Vả nàng là gái thuyền-quyên,
 80 « Phỏng khi gặp kẻ vô duyên khôn dè.

- « Vi mà dốc tấm lòng quê,
 « Giữ sao cho được trọn bề hương dương (5) ? »
 Nàng nghe ăn nói sỗ-sàng,
 Muôn sầu tâm-tả hai hàng châu chan,
 85 Cúi đầu thưa nói khoan-khoan :
 « Thiếp như phận liễu gặp cơn gió thổi,
 « Đã thương, mới dám ngỏ lời :
 « Thơ trong sách sử hôm mai ghi lòng,
 « Chữ rằng : Tông nhất nbi chung (6),
 90 « Gái hiền thờ chỉ một chồng không hai,
 « Cương-thường đạo cả, há chơi !
 « Một niềm hằng giữ mấy lời dinh-ninh,
 « Và nay bóng đã xế màn.
 « Dám dẫu mà lại giec mình nữa sao !
 95 « Mặc ai ong bướm xôn-xao,
 « Muối phần cũng chẳng chuyên-giao một phần,
 « Hạ qua, dám ước lại xuân,
 « Dễ hầu gà lược mấy lần hay sao ?
 « Phận đành như ả họ Tào (7),
 100 « Mong sân hòe (8) được thanh-tao là mừng.
 « Bây giờ sầy bước lối chùng,
 « Tôi đây đã được ơn chung lòng chàng,
 « Đoái thương thân-phận lỡ-làng,
 « Dạy đường phương-tiện, lòng chàng cảm ơn.
 105 « Tóc-tơ giải hết nguồn cơn,
 « Quyết liều chịu tốt thòn-bơn một bề,
 « Vu-qui (9) núi chỉ non thê,
 « Tấc lòng đá tạc vàng ghi, dám đời.
 « Ở đời chen cạnh với đời,
 110 « Kẻo e anh yển những lời khen chê ».

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thương cầu* 蒼狗 : nghĩa đen là chó xanh ; nghĩa bóng là sự biến đổi bất thường. Chữ lấy ở hai câu thơ của Đỗ-Phủ : « Thiên thượng phù-vân như bạch y. Tư tu biến hoản (áo) vi thương cầu 天上浮雲如白衣. 斯須變幻為蒼狗 » (Trên trời mây nổi như áo trắng, bỗng chốc biến đổi làm chó xanh) hoặc « vân, cầu » (mây, chó, cũng nghĩa ấy.— (2) *Rồng rồng theo nà :*

rồng rồng là cá con, đây chỉ đàn con của chuột bạch; nà là mẹ.
 — (3) *Thủ tướng* : trong truyện chép chuột đực ở trong vườn nhà quan thủ tướng Hồ Lý Lê (có người cho rằng tên sau này ám chỉ Hồ Quý Ly lúc bấy giờ).— (4) *Kinh quyền* : xem câu chú-thích số (2) ở Bài 115 — (5) *Hướng dương* 向陽 : theo hướng mặt trời ; nghĩa đen nói về hoa qui xoay theo mặt trời ; đây dùng theo nghĩa bóng để nói về người đàn bà một lòng theo chồng.— (6) *Tóng nhất nhi chung* 從一而終 : theo một chồng cho đến lúc chết.— (7) *Á hợ Tào* : tức là Tào lệnh nữ 曹令女, vợ góa của Tào Văn Thúc, nhất định không chịu cải giá : người ta ép lần đầu, nâng cắt tóc ; ép lần nữa, nâng tạt cát mũi để thủ tiết.— (8) *Sân hộc* : đây chỉ là đàn con.

38.— Hồ-sinh khuyên-răn chuột cái

Liệu lời Sinh (1) mới dạy cho,

760 Lấy đường khuyên giải diên-mô (2) mọi lời :

« Việc này con-có vì người ;

« Liệu về nói rõ, chớng người thôi là.

« Muốn cho yên cửa yên nhà,

« Chẳng gì hơn ở thuận-hòa cùng nhau,

765 « Để ai đội áo qua đầu ?

« Sao không nghĩ trước nghĩ sau cho tầy ?

« Ái ân là nghĩa nặng thay !

« Vợ chồng há phải một ngày dám quên.

« Ở đời vô sự là tiên,

770 « Mà đều êm đẹp hơn bên cục-cắn.

« Chót đả cùng chiếu cùng chăn.

« Lẽ nào con nhện mấy lần vương tơ ?

« Tình sâu như thể nước cò,

« Nghĩ cho một phải hai vừa thì thôi.

775 « Chớ toan những sự tranh-phôi,

« Bời bèo ra bọt tanh hôi cửa nhà.

« Đàn bà như hạt mưa sa (3) :

« Gặp sao hay vậy, biết là đâu hơn ?

« Dầu chồng trăm giận nghìn hờn.

780 « Cũng nên bấm bụng mời răn đỡ-dành.

« Một câu nhin chín câu lành ,

« Chớ nghề tật-đổ (4), cậy mình cậy công,

- « Mời là phải dạy xướng tòng.
 « Chiều người lấy việc, chiều chồng lấy con,
 785 « Cơm chẳng lành, canh chẳng ngon,
 « Rành-rành thôi hết khéo khôn đàn bà,
 « Mèo lành ở mả đâu là ?
 « Cửa yêu đâu có bày ra ở ngoài ?
 « Thôi đừng đua sức thi hơi,
 790 « Há rằng ba chốn bốn nơi được nào ?
 « Tránh voi, xấu mặt hay sao ?
 « Hãy xem sứa vượt được nào qua đặng ?
 « Làm chi mắt vược mắt lẳng ?
 « Dứt dây, chẳng sợ động rừng kia ru ?
 795 « Thi hơi kèn giải thời thua,
 « Đàn-bà đầu cỏ tranh đua cho đành.
 « Kíp toan cải giữ làm lành,
 « Ất là sum họp yển anh một nhà,
 « Dịu-dàng phải phép đàn-bà,
 800 « Chẳng thời chua xót lệ xa dòng-dòng.»

CHÚ-THÍCH.— (1) *Sinh*: tức là Hồ Sinh, người đã được nghe và chép lại câu chuyện « Trinh thử » này.— (2) *Diễn mô* 典模: phép tắc.— (3) Ca-đao ta có câu: « Đàn bà như hạt mưa sa. Hạt vào gác tía, hạt ra ruộng cấy (hoặc): Hạt rơi xuống giếng, hạt ra ngoài đồng»— (4) *Tật đổ* 嫉妬: ghen ghét.

39.— Tặng Nguyễn Biểu

TRẦN-ĐẾ QUÍ-KHOÁCH 陳帝季擴

Mấy vần thơ cũ ngợi hoàng-hoa,
 Trinh-trọng rày nhân dựng khúc ca.
 Chiều phượng mười hàng tơ cặn-kẽ,
 Vô câu ngàn dặm tuyết xông-pha.
 Tang bồng (2) đã bấm lòng khi trẻ.
 Khương quế (3) thêm cay tính tuổi già.
 Việc nước một vai công ngõ vẹn,
 Gác lân (4) danh tiếng đợi lâu xa.

Bản chép khác.— Câu 2: *Trần . . . nay . . . mở . . .* — Câu 3: *. . . vài . . .* Câu 8: *. . . đợi gần.*

CHÚ-THÍCH.— (1) Về lai-lịch bài thơ này và bài sau, xem *Phần thứ nhất, năm thứ nhì, chương thứ VIII.*— (2) *Tang bồng* : tức là tang hồ bồng thí 桑 孤 蓬 矢, cái cung làm bằng gỗ dâu và cái tên làm bằng cỏ bồng. Theo *Kinh Lễ*, khi nhà vua sinh con trai cả thì sai người lấy một cái cung bằng gỗ dâu và sáu cái tên bằng cỏ bồng bắn trên trời, dưới đất và ra bốn phương. Làm như thế là có ý mong cho người con trai sau này có chí vẫy-vùng trong khoảng trời đất bốn phương. Các nhà làm thơ văn thường dùng những chữ «tang bồng», «hồ thí», «cung tên» để chỉ cái công việc của người con trai phải gánh vác ở trên đời hoặc cái chí lập nên công-danh sự-nghiệp.—(3) *Khương quế* 薑 桂 : gừng và quế.— (4) *Gác lán* : tức là Kỳ-lân các, tên một cái gác do vua Hán Tuyên-đế sai làm, trong vẽ tượng mười một người công-thần.

40.— Bài họa lại

NGUYỄN - BIỂU 阮 表

Tiếng ngọc từ vàng trước bệ hoa,
 Ngóng tai đồng-vọng thuở thi ca.
 Đường mây vó ký lần lần trải.
 Ải tuyết cờ mao thức thức pha.
 Há một cung tên lòng chí trẻ,
 Bội mười vàng sắt đúc gan già.
 Hồ mình vả thiếu tài chuyên đối.
 Dịch-lộ ba ngàn dám ngại xa.

NGUYỄN - TRÃI 阮 麓 (1380-1442)

(Xem *Tiểu-ruyện* của tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ sáu*)

GIA - HUẤN CA 家 訓 歌

(Xem *phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ sáu*)

41.— Phép dạy con

- 221 Ngày con đã biết chơi, biết chạy,
 Đừng cho chơi cầm gậy, trèo cao.
 Đừng cho chơi búa, chơi dao,
 Chơi voi, chơi lửa, chơi ao, có ngày...
 225 Lau cho sạch, không hay dầm nước ;
 Ăn cho vừa, đừng ước cao lương (1).

- Mùa đông, tháng hạ, thích-thường (2).
 Đùng om-ấp quá, đùng suồng-sã con.
 Dạy từ thuở hầy còn trứng nước ;
 230 Yêu cho đòn (3), bắt chước lấy người.
 Trinh, thưa, vâng, dạ, đứng, ngồi ;
 Gái trong kim chỉ, trai ngoài bút nghiên.
 Gần mực đen, gần đèn thì sáng ;
 Ở bầu tròn, ở ống thì dài
 235 Lạ gì con có giống ai :
 Phúc-đức tại mẫu (4) là lời thế-gian.
 Làm mẹ chớ ăn càn, ở dữ ;
 Với con đừng chửi rửa quá lời.
 Hay chi thô-tục những người :
 240 Hòm nay cụ cụ, ngày mai bà bà.
 Gieo tiếng ra, gầy cây gầy cối (5) ;
 Mở miệng, nào có ngọn có ngành (6) ;
 Đến tai bụt cũng không lành,
 Chồng con khinh-dễ thế tình mĩa-mai.
 245 Ấy những thói trên đời ngoa đại,
 Khôn thời chừa mới phải đứng người,
 Sinh con thời dạy thời nuôi,
 Biết câu phải trái, lựa lời khuyên răn.

(Bài ca dạy vợ con)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Cao-lương* 膏梁 : cao là thịt béo, lương là gạo ngon : nói chung về đồ ăn ngon và quý — (2) *Thích-thường* 通常 : hợp với mực thường : vừa phải — (3) *Yêu cho đòn* : tục ngữ có câu : « Yêu cho vọt, ghét cho chơi ». — (4) *Phúc đức tại mẫu* 福德在母 : phúc đức ở mẹ ; ý nói : người mẹ mà nhân-từ và có đức-độ thì người con cũng bắt chước — (5) *Gầy cây gầy cối* : ý nói lời nói nặng-nề, hung-tợn — (6) *Có ngọn có ngành* : ý nói thâm độc.

42.— Việc nội-trợ

- 50 Bề nội-trợ việc trong xem xét,
 Siêng-năng thời trăm việc đều nên
 Chớ khoe-khoang lắm thóc nhiều tiền :
 Ngồi ăn mãi, non mòn, núi lở.
 Việc nhà có kẻ ăn, người ở,
 Từ trong ngoài nhủ bảo trước sau.

- 55 Đờ làm ăn ngày dề dàu dàu,
 Ban tối phải thu về cho đủ,
 Trống canh một chớ dà vôi ngũ ;
 Siêng-năng thường chăm chủ việc ta.
 Lũ nô-tì trai gái năm ba,
- 60 Cơm chưa chín, không cho khua xáo.
 Đưa xay thóc, đưa thời giã gạo,
 Đưa bếp thời chủ việc dọn cơm.
 Ăn đoạn rồi, cho chúng nghỉ-ngoi,
 Đền ta sẽ soi trong bếp lại.
- 65 Đừng tin trẻ tôi-đòi thơ đại ;
 Lời dạy rằng : « Giữ lửa chẳng chơi »,
 Cho hay đại phù bởi trời,
 Nhưng mà ở thế thì người hết chê.
 Cầm then khóa, giữ đường thu phát,
 Chắt-chiu mà dè-dặt mới nên.
- 70 Coi-sóc từ hạt gạo, đồng tiền,
 Đừng cây có, ăn cần tiêu giỡ.
 Bữa thường phải xem cho con ở.
 Cũng đừng thừa, chớ thiếu làm chi.
- 75 Kể lân-bằng (1) đến một dòi khi,
 Đờ thết-đãi xem cho tử-lẽ,
 Trong nhà phải bảo nhau có ý :
 Đừng chửi mèo mắng chó mà què.
 Trong anh em, thiên tải nhất thì (2),
- 80 Sang vì vợ nhưng giàu vì bạn.
 Chiều rộng hẹp, tùy cơ ứng biến ;
 Đạo tri gia (3) đãi khách khác màu.
 Trần-trần một mực, nên dàu !
 Phò loài bồ-các (4) biết dàu nhẽ gì !

(Bài ca dạy con gái phải ở cho có đức hạnh)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tân bằng* 賓朋 : khách-khứa bạn-bè.— (2) *Thiên tải nhất thì* 千載一時 : nghìn năm một lúc ; ý nói : thủynh-thoảng mới có một lần.— (3) *Tri gia* 持家 : (tri : cầm, giữ) : giữ-gìn gia-đạo cho khỏi suy.— (4) *Bồ các* : một loài chim, lông đen có đốm trắng ở ngực.

LÊ-THÁNH-TÔN 黎聖宗 (1442-1491)

(Xem tiểu-truyện của tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhất, Chương X).

43.— Người ăn mày

Chẳng phải ăn dong, chẳng phải vay,
 Khấp hòa thiên-hạ đến ăn mày,
 Hạt châu, chúa cất trao ngang mặt;
 Bệ ngọc, tôi từng đứng lượm tay.
 Nam, bắc, đông, tây đều lới cửa;
 Trẻ, già, lớn, bé, cũng xưng thầy.
 Đến đâu, dẹp hết loài muông cầu (1),
 Thu cả kiền khôn (2) một túi đầy.

Bản chép khác.— Câu 2 : *Lộc trời để lại được...*— Câu 3 :
 ... *trao ngang miệng* (hoặc) ... *cao ngang mặt* — Câu 4 : ... *chấp tay*,
 — Câu 5 : ... *đến* — Câu 6 : ... *trai gái... triều*.. Câu 7 : ... *sẵn*
có lâu đài đầy — Câu 8 : *Bốn bề thu về*..

CHÚ-THÍCH.— (1) *Muông cầu* (muông : loài thú ; cầu chó) : loài chó.— (2) *Kiền khôn* 乾 坤 : tên hai quẻ trong bát quái, quẻ kiền (hoặc càn) chỉ tượng trời, quẻ khôn chỉ tượng đất ; nói chung về trời đất.

44.— Con chó đá

Quyền trọng ơn trên trấn cõi ngoài,
 Cửa nghiêm chem-chẻm một mình ngồi.
 Quản bao xương tuyết nào chi kể.
 Khéo giữ cao lương (1) cũng chẳng nài.
 Mặc khách thị-phi giương tráo mắt,
 Nhưng lời trần-tục biếng vào tai,
 Một lòng thờ chúa, nghìn cân nặng (2) :
 Bền vững ai lay cũng chẳng dời.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Cao lương* : xem câu chú-thích số (1) ở Bài 45.
 — (2) *Nghìn cân nặng* : ý nói coi cái nghĩa-vụ của mình làm nặng, làm trọng mà dốc lòng vào đấy.

THƠ NÔM ĐỜI HỒNG-ĐỨC (1470-1497)

(Bốn bài thơ sau đây là trích ở *Hồng-đức quốc-âm thi tập*. Về tập này xem Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VIII).

45.— Nguyệt

Khuôn cả trao nên khéo hữu tình,
 Hòa cao, hòa sáng, lại hòa thanh.
 Gương giơ vằng-vặc soi muôn dặm,
 Bóng tỏ lầu-lầu suốt mấy canh.
 Ông nọ vì đâu se chỉ đỏ,
 Nàng nào chơi đấy trải mây xanh,
 Ngắm xem khi-tượng hình-dung ấy,
 Chợt lộ ra, thời nhạt chùng tình.

(Hồng-đức quốc-âm thi tập)

46.— Canh một

Đứng-đỉnh trời vừa mọc đầu-tinh,
 Ban khi trống một mới thâu canh.
 Đầu nhà khói tỏa lờng sương bạc,
 Sườn núi chim gù ẩn lá xanh.
 Tuần điểm kia ai khua mõ cá,
 Dâng hương nọ kẻ nện chày kinh.
 Nhà nam, nhà bắc đều no mặt,
 Lưng-lẫy cùng ca khúc thái-bình.

(Hồng-đức quốc-âm thi tập)

47.— Hạ thử (1)

Cũng thời dất chử, cũng trời che.
 Nồng-nữ làm chi mẩy, hời hề !
 Khắc-khoải đã đau lòng cái cuốc,
 Bần-khoản thêm tức cật con ve.
 Người nắm trướng vóc mờ-hôi mướt,
 Kẻ hái rau tần nước bột se.
 Nào khúc Nam-huân (2) sao chữa gậy,
 Chẳng thương bồ-liều (3) phận le.te.

(Hồng-đức quốc-âm thi tập)

Bản chép khác.— Câu 2 : *Nồng náy...* (hoặc) : ... *thế...*—

Câu 4 : ... *ngực* ... — Câu 5 : ... *gấm* .. *chã* — Câu 7 : ... *sao biếng*
 gậy (hoặc) : ... *ai biếng* gậy.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hạ thử* 夏暑 : nắng mùa hè.— (2) *Nam-huân* 南薰 : gió phương Nam ấm. Chữ lấy, trong khúc *Nam-phong ca* của vua Ngũ-Thuần : « Nam-phong chi huân hề, Khả dĩ giải ngô dân chi uẩn hề. Nam-phong chi thời hề, Khả dĩ phụ ngô dân chi tài hề 南風之薰兮, 可以解吾民之愠兮. 南風之時兮, 可以阜吾民之財兮 ». (Gió phương Nam ấm chừ ! Có thể giải được nỗi giận của dân ta. Gió phương Nam thuận chừ ! Có thể thêm được của cải cho dân ta).— (3) *Bồ-liễu* 蒲柳 : Tên một loài cây, tức là thùy-dương. Trong các loài cây thì cây bồ-liễu chóng rụng lá hơn cả, nên thường dùng để ví với người thể-chất yếu đuối như người đàn bà.

48.— Lăng mẫu tống sứ-giả (1)

Đình phò dằng-dặng ngựa dừng chân,
 Nỗi mẹ con, rày gửi sứ-quân,
 Nhớ Hán, lòng còn son một tấm,
 Thương Lăng, đầu đã bạc mười phân.
 Niềm trung hiếu, khôn hai vẹn,
 Hội công-danh, dễ mấy lần.
 Minh thiếp già này bao nữ tiếc,
 Về thời khuyên nó nghĩa quân-thần.

(*Hồng-dức quốc-âm thi tập*)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Lăng mẫu tống sứ-giả* : mẹ Vương-Lăng tiễn sứ-giả. Việc chép trong *Hán-sử* : Vương-Lăng là người có tài giỏi đi theo vua Hán-Cao-tô. Hạng-Vũ thấy thế, bắt mẹ Lăng giam. Khi sứ-giả của Lăng đến, Hạng-Vũ bắt mẹ Lăng dụ Lăng về với mình. Bà Mẹ lúc tiễn sứ-giả ra một mình, nhờ sứ-giả dặn Lăng cứ một lòng thờ Hán-Vương, rồi bà tự đâm chết.

NGÔ CHI LAN 吳芝蘭

Theo sách *Toàn-Việt thi lục*, bà người làng Phù-lỗ (nay thuộc huyện Kim-anh, Phúc-yên), vợ ông Phù-Thúc-Hoành (người làng Phù-xá cũng thuộc huyện ấy, làm quan đến chức Đông-các đại-học-sĩ), thiên-tư thông minh, có tài văn-chương, được vua Lê-Thánh-Tôn (1460-1497) phong làm Phù-gia nữ-học-sĩ dạy các cung-nữ học.

49.— Thơ tứ thời

Mùa xuân

Khi trời ấm-áp dượm hơi dương,
 Thấp-thoáng lâu đài vẻ ác vàng (1).
 Rèm liêu liú lo oanh hót gió,
 Giậu hoa phấp-phới bướm chầm hương.

Mùa hạ

Gió bay bông lựu đỏ toi-bời,
 Tựa gốc cây đu đứng nhơn chơi.
 Oanh nọ tiếc xuân còn vỗ cánh,
 Én kia nhớ cảnh cũng gào hơi.

Mùa thu

Gió vàng (2) hiu-hắt cảnh tiêu-sơ,
 Lê-tê bèn trời bóng nhạt thưa.
 Giếng ngọc sen tàn bông hết thắm,
 Rừng phong (3) lá rụng tiếng như mưa.

Mùa đông

Lò sưởi bên mình ngọn lửa hồng,
 Giải buồn chén rượu lúc sâu đông.
 Tuyết đưa hơi lạnh xông rèm cửa,
 Gió phầy mưa băng giải mặt sông.

CHỮ-THÍCH : (1) *Ác vàng* (ác : con quạ) dịch chữ « kim ô 金烏 » chỉ mặt trời.— (2) *Gió vàng* : dịch chữ « kim phong 金風 » chỉ gió mùa thu, vì mùa thu thuộc hành Kim.— (3) *Phong* 楓 : một thứ cây, thân cao hai ba trượng lá hình bàn tay rẽ ra làm ba, đến mùa thu thì đỏ ; dáng đẹp, mùa xuân nở hoa hợp thành chùm như quả cầu tròn.

NGUYỄN HÃNG 阮沆

(Xem Tiểu-truyện ở phần thứ nhất. Năm thứ nhì, trang 248, Lời chú (10))

50.— Vui cảnh ẩn-dật

Khi thì : Cầm quạt lá phất-phơ, quấy túi thơ xốc-xếch.

Lễo-đẻo thẳng hề mọn, trước ngàn mai thơ-thần đứng chờ ;
 lênh-khẽnh vó lừa gầy bên cầu trúc dần-dà sẽ tếch.

Hem.hềm đường mây lần bước, đứng nhìn non gió thổi
 hiu-hiu ; phây-phây sườn núi rú đầu, ngồi xem ác bóng tà
 chéch-chếch.

Giắt giỏ hái rau thung quế, đứng-đỉnh vách mang : treo
 bầu chắt nước suối khe, thanh-thơi tay xách.

Quét am tiền, sớm để luyện đàn : tựa tòa đá, hôm rầu xem sách.

Cầm lậu (1) canh an-dật (2) đành-hanh rừng gióng điều chim (3), võ khúc nhạc ưu-du (4), đồng-vọng ao khoa trống ếch (5).

Nương gậy tre, khoa nhịp gõ, thuở hứng nhàn đứng-đỉnh, ngồi bên khe dịp miệng hát ngao ; giải chiếu lá, ngã giường song, khi hóng mát la-đa, về dưới cửa vạt chân nằm dạch.

Tinh dăng dễ say mùi đạo, gói quyển vàng êm giấc ngày o-o ; minh an xảy tỉnh niềm trần, chỉ mây bạc võ tay cười khách-khách.

Nghiệm thuở lá tàn, nhị nở ; biết tuế thời sớm muộn, diêm tay suy giáp tý (6) lân-la ; xem tuần én tới nhận về, dòm khí-hậu đổi thay, vui dạ hỏi dương-xuân thóc-mách.

Cỏ cây thương vì nét lãn-dung (7), nước non thấu thừa lòng thanh-bạch.

Nghiệm một phút điều hay cá nhảy, mới hay lý ngụ huyền-vi (8) ; thấy đời vừng thỏ lặn ác tà, biết thuở cơ thường biến dịch (9).

Phương (10) nhân nghĩa để hòa dưỡng tinh (11) báu nhi.tôn ráp hỷ nặng chim (12) ; chữ thanh-nhàn lọ phải mua ai, tiền mẫu-tử (13) túi đầy xóc-xách.

(Trích ở bài Tịch cư ninh thể phú).

CHÚ-THÍCH.— (1) *Lậu* 漏 : rò giọt ; đây là nói về cái đồng-hồ ngày xưa làm bằng một cái bình trong đựng nước, dưới có lỗ nhỏ, nước rò dần ra, xem mực nước biết được thời khắc.— (2) *An-dật* 安逸 : yên-ôn, nhàn-rỗi.— (3) *Rừng gióng điều chim* (điều 刁) : đồ bằng đồng, dùng để cầm canh trong trại quân : tiếng chim kêu trong rừng gióng-giả như tiếng điều.— (4) *Ưu-du* 優遊 : giông chơi.— (5) *Ao khoa trống ếch* : ếch ở dưới ao kêu như khoa trống.— (6) *Giáp, tý* 甲, 子 : hai chữ đầu ở hàng can và hàng chi dùng để chỉ năm, tháng, ngày.— (7) *Lãn dung* (lãn 懶 : lười ; dung 容 : đáng-dấp, hình-dung) : lười sự trang-diêm hình-dung.— (8) *Lý ngụ huyền-vi* : ngụ một cái nghĩa-lý mẫu-nhiệm, sâu-xa.— (9) *Cơ thường biến*-

dịch: cái máy trời thường thay đổi.— (10) *Phuong*: đây là phương thuốc, bài thuốc.— (11) *Dưỡng tính* 養性: nuôi lấy cái thiên-tính.— (12) *Báu nhi-tôn tráp hũy nặng chìm* (báu: cửa báu; nhi-tôn: con cháu); theo câu Lưu-Hương nói: «Nhân di tử, kim mãn doanh, bất nhược ngã di tử nhất kinh 人遺子金滿贏, 不若我遺子一經.» (Người ta để cho con đầy tráp vàng không bằng ta để cho con một quyển sách)— (13) *Tiền mẫu-tử* (mẫu: mẹ; tử: con; tiền mẹ và tiền con, tức là tiền vốn và tiền lãi).

NGUYỄN BÌNH-KHIÊM 阮秉謙 (1491 - 1585)

Xem *Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VIII (trang 283).*

51.— Vui cảnh nhàn

Lọ là thành-thị, lọ lâm toàn :
 Được thú thì hơn, miễn phận nhàn,
 Vụng, bất tài nên kém bạn ;
 Già, vô sự ấy là tiên,
 Đồ-thư một quyển nhà làm cửa,
 Phong-nguyệt năm hồ khách nổi thuyền.
 Dù nhãn chê khen, dù miệng thề,
 Cơ mầu tạo.hóa mặc tự-nhiên.

(*Bạch-vân quốc-ngữ thi*)

52.— Cảnh nhàn lúc tuổi già

Tóc đã thưa, răng đã mòn ;
 Việc nhà đã phó mặc dau con,
 Bàn cờ, cuộc rượu, vầy hoa trúc :
 Bỏ củi, cần câu, chốn nước non,
 Nhân được thú vui hay bao nả (1) ;
 Bữa nhiều muối bể chứa tươi ngon,
 Chín mươi thời kể xuân đã muộn ;
 Xuân ấy qua, thì xuân khác còn.

(*Bạch-vân quốc-ngữ thi*)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Bao nả*: không biết chừng nào.

53.— Nhân-tình thế-thái

Thế gian biến cải vũng nên đời ;
 Mặn, nhạt, chua cay, lẫn ngọt bùi.
 Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử ;
 Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.
 Xưa nay đều trọng người chân-thực ;
 Ai nấy nào ưa kẻ dãi-bôi.
 Ở thế, mới hay người bạc ác ;
 Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.

(Bạch-vân quốc-ngữ thi)

Bản chép khác.— Câu 4 ... gao ... — Câu 8 : Sang ...

54.— Di hòa vi quí

Ở thế, đừng tranh tiếng trượng phu,
 Làm chi cho có sự đôi-co.
 Đầy cây đầy khôn, đầy chẳng nhịn ;
 Đầy răng đầy phải, đầy không thua.
 Duật nọ hãy còn đua đến bạng (1) ;
 Lươn kia hầu dễ kém chi cò.
 Chữ rằng : « nhân dĩ hòa vi quí »,
 Vô sự thì hơn, kéo phải lo.

(Bạch-vân quốc-ngữ thi)

Bản chép khác.— Câu 4 : ... chớ ... với ...

CHÚ-THÍCH.— (1) Câu 5 : Duật là con dế giun ; bạng là con trai.
 Câu này nhắc đến câu chuyện chép khác trong *Chiến-quốc sách* :
 Một hôm con trai đang há miệng phơi mình ; con dế mổ vào thịt
 trai ; trai liền ngậm miệng cặp chặt lấy mỏ dế. Hai con cứ thế găng
 nhau ; bỗng có người đánh cá, trông thấy, bắt cả hai con. Bởi câu
 chuyện này chữ nho mới cho câu : « Bạng duật tương trì, ngư ông
 đắc lợi 蚌鹬相持, 漁翁得利 ». « Trai và dế cặp lấy nhau, thành
 ra ông lão đánh cá được lợi ». Có bản viết « quạ nọ » có lẽ sai.

55.— Mùa thu đi chơi thuyền

Nước xuôi, nước ngược, sóng dâng triều ;
 Thuyền khách chơi thu, nọ phải diu,
 Chèo vượt bóng trắng nhân lúc hừng ;
 Buồm giông ngọn gió mặt cơn siêu.

Phơ.phơ đầu bạc ông câu cá
 Leo.lẻo dòng xanh con mắt mèo ;
 Le vịt cùng ta như có ý :
 Đến đâu thời cũng thấy đi theo.

(Bạch-vân quốc-ngữ thi)

ĐOÀN THỊ-ĐIỂM 段氏點

(Xem Tiểu-truyện ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ IX.
 lời chú (20).

CHINH PHỤ NGÂM 征婦吟

(Xem Phần thứ Nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X).

- 56.— Nỗi khó-nhọc, nguy-hiểm của người chồng
- 65 Chàng từ đi vào nơi gió cát,
 Đêm trăng này, nghỉ mát phương nao ;
 Xưa nay chiến-địa nhường bao :
 Nội không muôn dậm xiết bao dãi-dầu !
 Hơi gió lạnh, người rầu mặt dạn ;
- 70 Dòng nước sâu, ngựa nản chân bon,
 Ôm yên, gối trống đã chồn ;
 Nằm vùng cát trắng, ngủ còn rêu xanh.
 Nay Hán xuống Bạch-thành (1) đóng lại,
 Mai Hồ vào Thanh-hải (2) dòm qua ;
- 75 Hình khe, thế núi gần xa,
 Đút thoi lại nổi, thấp đà lại cao.
 Sương đầu núi buổi chiều như giội,
 Nước lòng khe nẻo suối còn sâu,
 Nào người áo giáp bấy lâu :
- 80 Lòng quê (3) qua đó mặt sầu chẳng khuấy,
 Trên trường gấm (4) thấu hay chẳng nhẽ ?
 Mặt chinh-phu ai vẽ cho nên ?
 Tưởng chàng giống.ruổi mấy niên,
 Chẳng nơi Hãn-hải (5) thì miền Tiều-quan (6).

- 85 Đã trắc-trở đòi ngàn xả hồ,
Lại lạnh-lùng những chỗ xương phong;
Lên cao trông thức mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi-thương?
Chàng từ sang đông-nam khơi nẻo.
- 90 Biết rằng chàng tiến-thảo (7) nơi đâu.
Những người chinh-chiến bấy lâu.
Nhẹ xem tính-mệnh như màu cỏ cây.
Nức hơi lạnh, ơn dày từ trước (8);
Trải chốn nghèo (9) tuổi được bao nhiêu?
- 95 Non kỳ (10) *mộ.chỉ* (11) trắng treo,
Bến Phi (12) gió thổi diu-hiu mấy gò (13).
Hồn tử-sĩ gió ù-ù thổi.
Mặt chinh-phu trắng dỗi-dối soi.
Chinh-phu, tử-sĩ mấy người,
- 100 Nào ai mặc mặt (14), nào ai gọi hồn?
Dấu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành-nhân qua đó chạnh thương,
Phận trai, già ruỗi chiến trường,
Chàng Siêu (15) *mái tóc* diễm sương mới về.
- 105 Tưởng chàng trải nhiều bề nắng-nỏ.
Ba thước gươm, một *cổ* nhung-yên;
Xông-pha gió bãi, trắng ngàn,
Tèn reo đầu ngựa, *giáo lan* mặt thành (16)
Áng công-danh trăm đường rộn-rã,
- 110 Những nhọc-nhẫn nào đã nghĩ-ngoi,
Nỗi lòng biết ngộ cùng ai?
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.

Bản chép khác.— Câu 80 : *râu*...— Câu 82 : *Dạng*...— Câu 89 : *Từ trảy* . . . *ngát*.— Câu 90 : . . . *ray* . . . Câu 95 : *quanh cõi*...
Câu 104 : . . . *tóc đã*...— Câu 106 : , . *hộ* . . . — Câu 108... *treo*...
pháo ran..

CHÚ-THÍCH.— (1) *Bạch thành*: tức là Bạch-dăng thành 白登城, ở tỉnh Sơn-tây nước Tàu, vua Hán Cao-tô bị quân Hung-nô vây ở đây.— (2) *Thanh-hải* 青海: tên đất, ở phía tây tỉnh Cam-túc nước

Tàu, rợ Hồ hay sang quấy-nhiều ở đây.— (3) *Lòng què* : lòng nhớ đến quê hương.— (4) *Trên trường gấm* : đây chỉ nhà vua.— (5) *Hãn-hải* 瀚海 : bãi sa-mạc.— (6) *Tiểu quan* 涸關 : tên một cái cửa ải ở tỉnh Cam-túc nước Tàu.— (7) *Tiến-thảo* : tiến lên để đánh giặc.— (8) *Câu 93* : Khi ra trận, nức lòng háng-hái đánh giặc vì đã chịu ơn dày của vua từ trước.— (9) *Nghèo* : đây là hiềm nghèo.— (10) *Non Kỳ* : tức là núi Kỳ-liên ở tỉnh Cam-túc nước Tàu, chỗ Hoắc Khứ-Bệnh, tướng đời Hán, đánh Hung-nô ở đây.— (11) *Mộ chỉ* 墓址 : (mộ : mả; chỉ : nền) : mồ-mả.— (12) *Bến Phi* : bến sông Phi một con sông phát-nguồn ở huyện Hợp-phi tỉnh An-huy, chỗ Tần Bô-Kiên bị quân nhà Tấn đánh thua, quân mười phần chết đến tám chín.— (13) *Gò* : đây cũng nghĩa là mả.— (14) *Mạc mặt* : vẽ nét mặt người chinh-phu.— (15) *Chàng Siêu* : tức là Ban-Siêu 班超, một vị danh tướng về đời nhà Hán.— (16) *Câu 108* : câu này dịch câu nguyên văn chữ nho : « Mã đầu minh trích, thành thượng duyên can, 馬頭鳴鏑, 城上緣竿 ». (Mũi tên kêu trên đầu ngựa, leo cán giáo lên trên mặt thành). *Minh trích* là thứ tên khi bắn kêu vang lên thành tiếng, chúa Hung-nô dùng để ra hiệu lệnh ở trong quân. *Duyên can* là theo cái cán giáo bằng tre mà leo lên mặt thành.

57.— Nội tông đọi

Lúc ngoảnh lại ngấm màu dương-liễu,

Thả khuyên chàng đừng chịu tước phong (1).

Chẳng hay muôn dặm ruổi giông.

300 Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chẳng ?

Lòng chàng vì cũng bằng như thế,

Lòng thiếp nào dám nghĩ gần xa.

Hương dương (2) lòng thiếp *dương* hoa,

Lòng chàng lần-thần e tà bóng dương.

305 Bóng dương đề hoa vàng chẳng đoái.

Hoa đề vàng, bởi tại bóng dương

Hoa vàng, hoa rụng quanh tường,

Trái xem hoa rụng dèm sương mấy lần.

Chờ lan nọ trước sân đã hái,

310 Ngọn *lân* (3) kia bên bãi đưa hương.

Sửa xiêm đạo bước tiền-đường (4),

Ngửa trông xem vẻ thiên-chương (5) thần-thờ;

Bóng ngân-hán (6) khi mờ khi tỏ.

Độ khuê-triền (7) buổi có buổi không.

315 Thức mây đòi lúc nhạt nồng,
 Chuôi sao bắc-đầu thời đông lại đoài (8)
 Mặt trăng tỏ thường soi bên gối,
 Bưng mắt trông, sương gọi cảnh khô.
 Lạnh lòng thay, bấy nhiêu thu 1

320 Gió may hiu-hắt trên đầu tường vôi,
 Một năm một nhạt màu sơn phấn,
 Trọng-phu còn thơ-thần miền khơi.
 Xưa sao hình ảnh chẳng rời,

Bây giờ nở đẽ cách vôi sấm, thương (9).

325 Chàng ruồi ngựa dậm trường mây phủ,
 Thiếp dạo hải lối cũ rêu in.

Gió xuân ngày một vắng tin,
 Khả thương lỗ hết mấy phen lương-thì (10).

Bản chép khác.— Câu 298 : *Thời* ... — Câu 302 : ... *đâu* ...
 — Câu 303 : *nư* hoa — Câu 309 : ... *nó* ... — Câu 310 : Ngọn
hồng-tần ... — Câu 326 : *lầu* ... Câu 328 : *lần* ...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Câu 297-298* : hai câu này đặt theo hai câu Đường-thì : « Hốt kiến mạch đầu dương-liêu sắc, Hối giao phu-tế mịch phong hầu 忽見陌頭楊柳色，悔教夫婿覓封侯. (Chợt thấy sắc cây dương-liêu ở bên bờ đường. Hối rằng đã xui chồng đi lập công để được phong-hầu) — (2) *Hương-dương* 向陽 : xoay về phía mặt trời, nghĩa đen nói về hoa qui xoay về mặt trời ; đây là người chinh-phụ ý nói lúc nào cũng nhớ đến chồng. — (3) *Tần* 瞢 : thứ rau mọc ở dưới nước, đàn bà bên Tàu hồi xưa thường hái để dùng vào việc cúng tế. — (4) *Tiền đường* 前堂 : nhà ở phía trước — (5) *Thiên-chương* 天章 : vẻ đẹp ở trên trời, tức là mặt trời, mặt trăng và các tinh-tú. Theo câu : « Nhật, nguyệt, tinh-tú, thiên chi văn-chương 日月星宿天之文章 ». — (6) *Ngân Hán* 銀漢 (ngân : bạc ; Hán : tên một con sông) : cũng nghĩa như « ngân hà ». — (7) *Khuê-triền* 奎躔 (khuê : một chòm sao trong nhị thập bát tú, chủ về văn-chương ; triền : độ đường đi của mặt trời, mặt trăng và sao) : đường đi của chòm sao khuê. — (8) *Đoài* 兌 : Phương tây. Theo bát quái thì quẻ đoài chỉ phương tây — (9) *Sấm, thương* 參，商 : tên hai chòm sao, sao sấm ở phương tây, sao thương ở phương đông, một chòm hiện ra thì một chòm lặn đi, không bao giờ cùng trông thấy ở trên trời. Nghĩa bóng nói về hai người cách biệt, không gặp được nhau. Thực ra chỉ có một vì sao, tức là Kim-tinh. — (10) *Lương thì* 良時 : thời tiết tốt lành.

NGUYỄN CU-TRINH 阮居貞 (1716—1767)

(Xem *Tiêu-truyện phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ IX, Lời chú (17.)*)

58.— Sãi vãi (trích một đoạn)

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X § D*)

VÃI RẰNG.— . . . Sãi thấy vãi tu có một mình ; sãi tưởng vãi không thông thế-sự. Đã hay rằng nam-tử thì có chí kinh luân (1) : song-le đấng phụ-nhân cũng có tài tế-thế (2). Kia như Chu Thái-tự (3), kinh còn khen đức sáng (a) khuê-môn ; nọ như Tống Tuyên-nhân (4), sử còn ngợi nữ-trung Nghiêu, Thuấn (5). Gái như Tạ Đạo-Uần (6), Gái mà hay vịnh tuyết thành (b) thơ ; gái như Thái Văn-Cơ (7), gái mà biết phân (c) cầm nên khúc. *Chương gián* chúa khỏi vòng (d) dật-dục, ấy là (e). Đường Từ-Huệ thứ-phi (8) ; *thư* (f) cứu cha khỏi chốn tai-nguy, nọ như (g) Hán Đê-Oanh (9) thiếu-nữ. Nam-tử nhiều trang nam-tử : phụ-nhân ghê đấng phụ-nhân. Thuyền bách trôi nghìn dặm hãy ménh-ménh (h) : sách Hán đề muôn đời còn (i) vặc-vặc. Gái mà có tài có sắc, gái mà có đức có công. Thuyền-quyên đâu dễ kém anh-hùng ? Ông sãi chớ (j) phụ chi mụ vãi !

SÃI RẰNG.— Rất phải, rất phải ; mừng thay, mừng thay ! Khát hạn lưỡng trông mây ; ôm cầm đà (k) gặp khách. Chẳng gió cả sao hay cây cứng (l) ; không đường dài nào biết ngựa hay ? Vây thời sãi vén mây mù, phát (m) chông gai ; dựng cho vãi thấy trời xanh, tìm đường cả.

Thiếu chi điều lạ ; hết mấy chuyện kỳ (n).. Sãi muốn nói một chuyện xa xa cho vãi biết, trong kinh chép đã nên xe, sãi muốn nói một chuyện gần gần cho vãi (o) nghe, trong sử chép đã nên đồng. Chuyện Hán, chuyện Đường, chuyện Tống, chuyện Thương, chuyện Hạ, chuyện Châu. Chuyện phụ-tử làm đầu ; chuyện quân thần rất hệ. Sãi muốn nói một chuyện « Quâu sử thần dĩ lễ » (10), sãi lại e Trần. Vệ (p) (11) phiến lòng ; sãi muốn nói một chuyện « Thần sự quân dĩ trung » (12), sãi lại sợ Mãng, Tào (13) sinh (q)

oản. Sãi muốn nói một chuyện « Vi phụ chỉ ư tử » (14) cho vãi hẳn, sãi lại e ông Cỗ-Tầu (15) la ngầy ; sãi muốn nói một chuyện « Vi tử chỉ ư hiếu » (16) cho vãi hay, sãi lại sợ Tuyền-Dương (17) chê ngộ. Sãi muốn nói một chuyện « Vi nhân bất phú » (18), sãi lại e Nhan-tử (19) mắng rằng : ai mượn nhay (r) miệng mà tiến ơn ? Sãi muốn nói một chuyện « Vi phú bất nhân » (20), sãi lại sợ Thạch-Sùng (21) trách rằng : sao khéo thối lông mà tìm vết ? Sãi muốn nói một chuyện « Tài tụ tắc dân tán » (22) cho vãi biết, thì Thương (23) làm sao mất phải bầy ; sãi muốn nói một chuyện « Tài tán tắc dân tụ » (24) cho vãi hay, thì Chu (25) làm sao hưng phải thuyết.

Bản chép khác.— (a) rặng.— (b) nên.— (c) ngám.— (d) mưu cừu... nơi.— (e) chẳng là.— (f) chức.— (g) chẳng là.— (h) thua... nhân-nhân (i) còn... năm.— (j) nữ.— (k) mà.— (l) cày cấy... bú sữa.— (m) rẽ.— (n) Hiếm... chuyện... điều ghê.— (o) làm... cô đư... mà.— (p) Tăn, Sỡ.— (q) gáy.— (r) khiến mở.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Kinh luân* : xem câu chú-thích số (1) ở Bài 86.— (2) *Tế thế* 濟世 : giúp đời.— (3) *Chu Thái-tự* 周太似 : vợ vua Văn-vương nhà Chu bên Tàu. (4) *Tống Tuyên-nhân* 宋宣仁 : tức là Tuyên-nhân hoàng-hậu, vợ vua Tống Anh-tôn (1064-1067). Khi vua Thần-tôn mất, vua Triết-tôn còn nhỏ, bà nhiếp chính, truất đảng Vương An-Thạch dùng Tư-Mã-Quang, bỏ tân pháp, người đương thời khen bà là « nữ trung Nghiêu, Thuấn ».— (5) *Nữ trung Nghiêu, Thuấn* 女中堯舜 : vua Nghiêu, vua Thuấn (hai bậc thánh quân ở đời thượng cổ bên Tàu) trong phái đàn bà.— (6) *Tạ-Đạo-Uân* 謝道韞 : vợ Vương Ngung-Chi đời Tấn, thông-minh, có tài thơ văn.— (7) *Thái Văn-Cơ* 蔡文姬 : người đời Hậu-Hán sớm tinh âm-nhạc : mới lên sáu tuổi, ban đêm nghe cha gảy đàn, một sợi dây đàn đứt, biết ngay là sợi nào ; cha lại cố ý đánh đứt một dây nữa, hỏi nàng cũng nói trúng.— (8) *Từ-Huệ* 徐惠 : người đời Đường, con gái Từ Hiếu-Đức, lên tám tuổi đã biết làm thơ, được triệu vào làm tài nhân trong cung vua Đường Thái-Tôn. Một lần, vua vờ, nàng không đến, vua giận. Nàng dâng bài thơ rằng : « Triều lai lâm鏡臺, 粧罷燭徘徊, 千金賣一笑, 一召豈能來 » (Buổi sớm đến chỗ đài gương ; trang-diêm xong, một mình bồi-hồi. Nghìn

vàng mua một nụ cười, một lần vời há có thể lại?) Vua bèn tha tội cho.— (9) *Đề Oanh* : người đời Hán; cha nàng phải khép án tử hình, nàng dâng thư lên tâu vua Văn-đế, xin chuộc tội cho cha; vua cảm lòng hiếu của nàng, tha tội cho người cha.— (10) *Quản sử thần dĩ lễ* 君使臣以禮 : vua lấy lễ sai khiến bầy tôi.— (11) *Trần-Vệ* : vua nước Trần, nước Vệ là hai nước không biết lễ.— (12) *Thần sự quân dĩ trung* : 臣事君以忠 bầy tôi lấy lòng trung thờ vua.— (13) *Mãng Tào* : tức là Vương Mãng 王莽 và Tào-Tháo 曹操 ; đều là bầy tôi bất trung. Vương Mãng thì cướp ngôi nhà Tiên-Hán, Tào-Tháo thì cướp ngôi nhà Hậu-Hán.— (14) *Vi phụ chỉ ư tử* 為父止於慈 : làm cha phải giữ lấy lòng hiền từ.— (15) *Cồ Tâu* 瞽瞍 : cha vua Thuấn yêu người con vợ kế mà rất ghét vua Thuấn. Một lần ông sai vua Thuấn đào giếng, rồi lấp đất đi, may nhờ có con đường hẻm ở bên, vua Thuấn trốn ra được; lại một lần nữa ông sai vua Thuấn làm lấm thóc, rồi ông đốt cái lấm ấy, nhưng vua Thuấn cũng chạy thoát.— (16) *Vi tử chỉ ư hiếu* 為子止於孝 : làm con phải giữ lòng hiếu.— (17) *Tùy Dương* tức là Tùy Dương-đế 隋煬帝 ; (605-617) con thứ hai vua Tùy Văn-đế. Khi vua Văn-đế đau, thấy Dương-đế ăn ở vô đạo, muốn bỏ không cho nối ngôi, Dương-đế bèn giết cha lên làm vua.— (18) *Vi nhân bất phú* 為仁不富 : làm điều nhân không trở nên giàu được — (19) *Nhan-tử* : tức là Nhan-Uyên 顏淵 (514-483 tr. T. C.), học trò hiền của Đức Khổng-tử, chỉ ham học đạo mà rất nghèo.— (20) *Vi phú bất nhân* 為富不仁 : làm giàu thì không giữ được lòng nhân.— (21) *Thạch-Sùng* 石崇 : người đời Tấn, từng làm quan thứ-sử đất Kinh-Châu, sai người vượt bể buôn bán trở nên giàu lớn; sau cùng với một nhà cự-phú đương thời là Vương Khải ganh đua nhau về sự ăn chơi xa xỉ.— (22) *Tài tụ tắc dân tán* 財聚則民散 : của cải tụ lại một nơi thì dân xiêu-tán — (23) *Thương* 商 : tên một triều vua ở bên Tàu (1558-1051 tr T.C.) Đây nói đến Vua Trụ 紂, ông vua cuối cùng nhà Thương, rất là dâm-bôn tàn-bạo, vì thế nhà Thương mất.— (24) *Tài tán tắc dân tụ* 財散則民聚 : của cải tán mát ra mọi nơi thì dân họp lại đông.— (25) *Chu* 周 : tên một triều vua ở bên Tàu (1050-256 tr. T.C.) Đây là nói về vua Văn-Vương nhà Chu có nhân chính, bởi thế nhà Chu mới hưng thịnh mà con là Chu Vũ-vương mới lấy được thiên-hạ.

NGUYỄN BÁ-LÂN 阮伯麟 (1701-1785)

(Xem Tiểu-truyện lúc-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (1))

59.— Ngã ba Hạc (1) phú

(Độc vận : Hạc)

Vui thay ! Ngã ba Hạc ; vui thay ! Ngã ba Hạc.
Dưới hạp một dòng ; trên chia ba ngác.

Ngóc-ngách khôn đo rộng hẹp, dòng biếc lẫn dòng đào
(2) ; lênh-lang dễ biết sâu nông, nước đen (3) pha nước bạc.
Nhớ xưa : Vũ-trụ mơ-màng ; càn khôn (4) xéch-xác.

Vua Bàn-cổ (5) khai lò tạo-hóa, hồng-mông (6) đã phối-
phối hơi xuân ; họ Hữu-ngu (7) khơi mạch sơn-hà, cương-
giới vẫn rành-rành dấu tạc.

Vậy có : Năm đất Đoài-phương (8) ; cạnh giới Nam-
quốc.

Ba góc bờ chia vánh-vạnh, huyết kim-qui (9) hẻm đá
rộng hồng-hênh ; hai bên cỏ mọc lâm-dâm, hang anh.vũ
(10) giữa dòng sâu huyệtch-hoác.

Mọi thú mọi vui ; một chiều một khác.

Lơ-thơ đầu ông Lã (11) thả cần ; trần-trụi mặc Chủ-
đồng (12) ngấm nước.

Bè khách-thương bạ (13) bến, cắm neo quý gối lặc
cày xuôi (14) ; thuyền ngư-phủ thuận dòng, giương nách
khom lưng chèo tếch ngược (15).

Dùi diêm thùng thùng trống gọi, cửa tuần-ty (16) rộn-rã
khách chen vai, chày dâm văng-vãng chuông đưa, nền Phật-
tự (17) lao-xao người rên bước.

Khác gì : Những chốn Tiêu Tương (18) ; dò tranh thủy
mặc (19)

Trên lọ phải vén quần vua Tống (20), ra sức anh uy ;
dưới cũng vui vỗ bụng giới Nghiêu (21) dăng ca canh
tạc (22).

Ta nay : Qua miền Tam-đái (23), dứt dải sông Lô ;
thấy Ngã ba Hạc vui thay, làm chơi một đặc (24).

Ai hữu tình ngắm lại mà coi , kể làm cực nhân-sinh
chi khoái-lạc.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Ngã ba Hạc*: chỗ hợp-lưu của ba ngọn sông là sông Đà (hoặc sông Bờ), sông Lô (hoặc sông Tuyên) và sông Nhị-Hà, ở giáp huyện Bạch-Hạc (nay thuộc tỉnh Vĩnh-Yên).— (2) *Dòng biếc lẫn dòng đào*: dòng biếc là sông Lô nước trong xanh; dòng đào là sông Nhị nước đỏ.— (3) *Nước đen*: nước sông Đà đen.— (4) *Cần khôn*: xem câu chú-thích số (2) ở bài 47.— (5) *Bàn-cổ* 盤古: theo thần-thoại của Tàu, họ Bàn-cổ phân ra trời đất từ đấy mới có thế-giới và vạn-vật.— (6) *Hồng-mông* 洪蒙: mênh-mông mờ-mịt; đây là nói về vũ-trụ lúc mới khởi thủy.— (7) *Hữu-Ngu* 有虞: họ của vua Thuấn (2042-1989). Vua Thuấn sai ông Vũ trị thủy và định cương giới chín châu trong nước Tàu.— (8) *Đoài phương*: phương tây. Huyện Bạch-hạc trước thuộc về Sơn-Tây — (9) *Kim qui*: con rùa vàng. Tục truyền ở sông Hạc có con rùa vàng ở trong hang đá — (10) *Anh-vũ*: tên một thứ cá, thịt ngon, ở sông Hạc có nhiều.— (11) *Ông Lã*: tức là Lã Thượng 呂尚 hoặc Khương Tử-Nha 姜子牙 (còn gọi là Thái-công-Vọng 太公望 hoặc sư-thượng-phụ 師尚父). một bậc hiền-thần đời nhà Chu. Cuối đời nhà Thương, về đời nhà Trụ, ông ẩn cư ở Bàn-Khê 磻溪 (thuộc tỉnh Thiểm-tây); một hôm ông ngồi câu cá trên bờ sông Vị, vua Chu Văn-vương đi săn gặp, đón ông về dùng. Sau giúp vua Chu Vũ-vương (con Văn-vương) đánh vua Trụ, lập nên cơ-nghiệp nhà Chu.— (12) *Chử đồng*: tức là Chử-đồng-tử 褚童子. Theo sách *Lĩnh nam trích quái*, vua Hùng-vương thứ ba có người con gái là nàng Tiên-Dong một lần đi chơi thuyền trên sông Nhị-hà, ghé vào bến làng Chử-xá (nay thuộc huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh), lên trên bãi cát tắm không ngờ gặp Chử-đồng-tử trần-trụi (vì quá nghèo không có quần áo) đang nép mình trong cát; nàng cho là duyên trời xui khiến, bèn lấy Chử-đồng-tử. Sau vua cha giận. Sai quan quân đến bắt, thì cả hai vợ chồng hóa phép bay lên trời.— (13) *Bạ*: đến gần.— (14) *Cắm neo quay gối lức cây xuôi*: tả việc nhà thuyền neo thuyền cho chặt theo xuôi dòng nước.— (15) *Giương nách khom lưng chèo lệch ngược*: tả việc chèo thuyền ngược dòng sông.— (16) *Tuần ty* 巡司: sở của Chánh-phủ lập ra để đánh thuế các hàng-hóa của người buôn bán.— (17) *Phật tự* 佛寺: chùa thờ Phật.— (18) *Tiêu, Tương* 瀟湘: sông Tiêu và sông Tương hợp-lưu với nhau ở địa-phận tỉnh Hồ-nam bên Tàu.— (19) *Thủy mặc* 水墨 (nước và mực): lối vẽ không dùng đến các màu, chỉ dùng mực hòa với nước.— (20) *Vén quần vua Tống*: theo câu trong *Tống sử*: «Kiến dân cơ hàn tác kiến thường nhu túc dĩ cứu chi 見民饑寒, 則寡裳濡

足以救之». (Thấy dân đói rét thì xấn quần ngâm chân xuống nước để cứu lấy) câu ấy khen Vua Tống-Thái-Tổ thấy dân đói thì phát chẩn cũng như người thấy người khác sắp chết đuối thì xấn quần lội xuống nước mà cứu — (21) *Võ bụng giới Nghiêu* : đời vua Nghiêu (một bậc thánh-quân về đời thượng-cổ nước Tàu) có ông Lão võ bụng mà hát đề ngợi khen cái cảnh thái-bình.— (22) *Canh tạc* : đây nhắc đến hai câu trong bài hát của ông lão đời vua Nghiêu nói trên : Canh điền nhi thực, tạc tỉnh nhi ăn 耕田而食, 鑿井而飲». (Cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống).— (23) *Tam đái* : tên phủ về đời Hậu Lê thuộc Sơn tây, gồm có sáu Huyện : Phù-ninh (nay thuộc Phú-Thọ), Bạch-hạc, Lập-thạch, Yên-lạc (nay thuộc Vĩnh-yên), Yên-lăng (nay thuộc Phúc-yên), Tân-phong (nay là Quảng-oai, thuộc Sơn-tây).— (24) *Đạc* : đây tức là một bài.

TRỊNH-SÂM 鄭森 (1742-1782)

60.— Chơi động Hương-tích (1)

Trời vừa hé sáng, bước lên thuyền,
 Khoan mái chèo lan, ghé bến tiên.
 Phong nguyệt thờ-ơ bầu ngọc đúc :
 Giang-sơn bõ-ngỡ bức tranh in.
 Kia kia qui phượng ngong kinh bối (2);
 Nọ nọ lân long lắng giáo thiên (3).
 Cảnh lạ thú màu khôn xiết kể ;
 Thanh kỳ đệ nhất chốn Nam-thiên.

(Tạm thanh tồn dụ thi tập)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Động Hương-tích* 香蹟 : tên một cái động ở trong núi Hương-Sơn thuộc địa phận làng Yên-vĩ, phủ Mỹ-đức, tỉnh Hà-đông trong thờ Phật Quan-Âm, hàng năm cứ đến tháng hai, tháng ba, thiện nam tín-nữ trảy hội rất đông.— (2) *Kinh bối* : tức là bối điệp kinh 貝葉經, kinh Phật viết lên lá bối.— (3) *Thiên* 禪 : nhà chùa, giáo thiên tức là lễ giáo của nhà chùa.

61.— Tây-hồ (1) tức cảnh

Lọ là đồn bổi chốn bồng Doanh (2),
 Này thú này âu cũng có tình,
 Đồi đóa nhị hồng in dáng tía ;
 Một doanh nước biếc ánh trời xanh.

Lầu-lầu các nọ phong rèm nguyệt,
 Vẳng vẳng chiều kia dỗi tiếng kinh (3).
 Lăn trái nắng sương đà mấy tá,
 Kim-ngư (4) dẫu trước hây rành rành.

(Tám thanh tồn dụ thi tập)

CHÚ-THÍCH : (1) *Tây hồ* 西湖 : tên một cái hồ ở phía tây bắc thành-phố Hà-nội, tên cũ là Lãng bạc hồ 浪泊湖.— (2) *Bồng, Doanh* : núi Bồng-lai 蓬萊 và đất Doanh-châu 瀛洲 đều là nơi tiên ở.— (3) *Tiếng kinh* : tiếng chuông chùa vì cái chày đánh chuông thường làm theo hình con cá kinh (hoặc kền) 鯨 (cá ông voi) bởi thế cái chày đánh chuông thường gọi là 'chày kinh'.— (4) *Kim-ngư* 金牛 : con trâu vàng. Theo một câu chuyện tục truyền thì chỗ Tây-hồ nguyên xưa là một khu rừng ở trong có con yêu-tinh hay làm hại người. Sau khi ông Khổng Lồ (tức Nguyễn-minh-Không) đúc xong một quả chuông ở núi Phao-Sơn (thuộc tỉnh Bắc-ninh) ông đánh thử ba tiếng kêu rất to ; ở bên Tàu có con trâu vàng, nghe tiếng chuông, tưởng là tiếng trâu mẹ gọi, mới chạy sang nước Nam ; khi chạy đến khu rừng ấy, không thấy mẹ, mới vùng vẫy, thành ra khu rừng sục xương, hóa ra cái hồ, tức là Tây-hồ.

NGUYỄN HỮU-CHÍNH 阮有整 (?-1787)

(Xem Tiểu truyện ở Phần thứ nhất. Năm thứ nhì,
 Chương thứ X, lời chú số (3))

62. — Than thân

Tóc chen hai thứ chữa danh chi.
 Thân hỡi là thân ! Thi hỡi thi (1) !
 Chưa trả chưa đền ân đệ-tử :
 Thêm ngừng thêm tủi chi nam-nhi.
 Kể yêu, nèn ít bề cao hạ (2) :
 Người ghét, càng nhiều tiếng thị phi (3).
 Tay bé khôn bung vừa miệng thế (4) ;
 Giải lòng ngay thảo cạy thiên tri (5).

(Ngôn-ân thi-tập)

Bản chép khác.— Câu 7 : tay ít...

CHÚ-THÍCH.— *Thì* 時 : thời thế, cơ-hội.— (2) *Cao hạ* : cao thấp trên dưới, ý nói phân bì, khinh bỉ.— (3) *Thị phi* : phải trái ; ý nói khen chê, bình phẩm.— (4) *Câu 7* : ý câu này cũng như câu tục ngữ : « Tay đâu bịt được mồm thiên hạ » ; ý nói mình không thể cầm giữ được người khen chê, bình phẩm.— (5) *Thiên tri* : trời biết.

63.— Tự biết mình

Ai có hay, chẳng là chẳng hay ?
 Lòng này vốn đã dạy thân này,
 Kéo lằm kéo lỡ người yêu ghét ;
 Đà tỏ đà tường kẻ thảo ngay.
 Xem nổi thế-thời (1), xem đã nhạt ;
 Bén mùi đạo-lý, bén cang say.
 Phải cơ, mới biết cơ trời nhiệm (2) ;
 Có rũi, bằng đường (3) lại có may.

(Ngôn-ân thi tập)

CHÚ-THÍCH.— *Thế-thời* : tức là thời-thế.— (2) *Nhiệm* : màu-nhiệm thần-bí, không thể lường trước được.— (3) *Bằng đường* : dễ có khi.

HOA TIÊN 花箋

NGUYỄN HUY-TỰ 阮輝似 soạn

NGUYỄN-THIỆN 阮僊 nhuận-sắc

(Xem Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X)

Lược truyện.— Truyện này (gồm 1858 câu) có thể chia làm bốn hồi :

I.— *Lương-Sinh và Dương-Dao-Tiên thề nguyện cùng nhau* (câu 1-829).— *Lương-Sinh* chính tên là *Phương-Châu* (con quan *Lương* tướng-công ở *Tê-Châu*), nhân sang trọ học ở nhà vợ là họ *Diêu* ở *Tràng-Châu*, gặp nàng *Dương-Dao-Tiên* (con quan *Dương* tướng-công) sinh ra tương-tư nhau. Sau hai bên thề-nguyện gắn bó với nhau (lời thề viết trên hai tờ giấy *hoa-tiên* : nhân thế đặt tên truyện), tưởng là duyên phận không còn trác-trở gì nữa.

II.— *Lương-Sinh và Dương-Dao-Tiên xa cách nhau* (câu 830-1128).— *Ngờ* đâu *Lương* tướng-công và *Lưu* tướng-công vốn là người đồng

quận và bạn đồng-liêu, lúc cùng về trí sĩ, hẹn gả con cho nhau, thế là Lương-Sinh đã đính hôn với Lưu-ngọc-Khánh (con gái Lưu tướng-công) rồi. Khi Lương-Sinh về nhà thăm cha, nghe thấy tin ấy, như sét đánh ngang tai, nhưng cũng đành phải theo mệnh cha mẹ. Dương-Dao-Tiên nghe được tin ấy, tưởng rằng Lương-Sinh bội ước, lấy làm buồn rầu lắm. Chợt khi ấy, Dương tướng-quân phải đi đánh giặc, chẳng may bị giặc vây ; còn nàng Dương-Dao-Tiên phải tạm nương-náu ở chốn kinh-đô.

III.— *Lương-Sinh ra đánh trận, bị giặc vây* (câu 1129-1556).— Về phần Lương-Sinh cũng phải dập sầu làm vui, cùng với Diêu-Sinh (con mẹ) đi thi đỗ, được bổ làm quan. Lương-Sinh nhậm chức ngay ở kinh-đô, tình cờ được gặp Dương-Dao-Tiên, giải bày tâm sự cùng nàng. Lương-Sinh mới xin vua ra giải vây cho Dương tướng-quân ; ngờ đâu cũng lại thua, bị giặc vây. Tin đồn sai rằng Lương-Sinh bị tử trận : nghe tin ấy Lưu-Ngọc-Khánh cải phục cư tang ; vì mẹ bắt ép nàng lấy chồng khác, nàng phải trầm mình ; may gặp thuyền của quan Long đề học trẩy kinh vớt được.

IV.— *Lương-Sinh và Dương-Dao-Tiên lấy nhau* (câu 1157-1858).— Sau Diêu Sinh ra đánh tan quân giặc, giải vây cho Dương tướng quân và Lương-Sinh ; vua bèn thưởng cho cả mấy người. Lương Sinh vẫn tưởng nàng Lưu đã thác, mới dâng biểu tâu việc nàng tử-tiết, vua bèn sắc phong cho nàng. Vua lại tự đứng làm mối gả Dương-Dao-Tiên cho Lương-Sinh. Đương khi Lương còn dùng dằng thì Long đề học cùng Lưu-Ngọc-Khanh cũng vừa đến kinh đô, Long dâng sớ tâu việc nàng Lưu, vua ngợi khen, rồi cả hai người Ngọc-Khanh và Dao-Tiên cùng lấy Lương-Sinh ; thế là một nhà đoàn viên vui vẻ.

64.— Lương-Sinh và Dương Dao-Tiên gặp nhau

- 627 Hương (1) đã lên trước bình thêu,
 Tình hôm nay, hẳn vì điều hôm qua (2).
 Thưa rằng : « Vườn mới thêm hoa.
- 630 « Êm cơn phải buổi hay là dạo chơi ».
 Thực lòng, nàng cũng tin lời,
 Một Hương theo gót, vội dời sân ngõ.
 Chòm chòm sương điếm, khói tó,
 Đầu cành rắc phấn, mặt hồ lau gương.

- 635 Dần-dà nhẹ bước lần sang,
Cửa son bỗng nhạc thấy chàng tới sau,
Tiếng vàng vội gọi con hầu,
Gót sen nhè-nhẹ bước mau về nhà,
Cố tình ép liễu nài hoa,
- 640 Lối về, sinh đã rẽ qua theo đoàn.
Nước thu lỏng-lánh một làn (3),
Môi đào e-ấp, vẻ lan đạm-dây,
Thực tình Sinh mới giải bày ;
« Duyên chi may lại phen này gặp nhau,
- 645 « Tấm riêng đấng-đót bấy lâu,
Tiện lân phỏng thẫu bên lâu chút chẳng ?
« Ngày xuân đã dễ đâu rằng,
« Luống thay cũ gió tuàn trắng, hỡi người !
Ngượng ngừng e tiếng, lệ hơi,
- 650 Gọi Hương mau bước, liệu lời cho nao :
Rằng : « Nay sửa mũ dưới đào (4),
« Vả trong lễ cấm phép rào, sao nên ? »
Ngập-ngừng Sinh mới rên chiềng (5) :
« Lễ chung đành vậy, tình riêng sao mà ?
- 655 « Đeo đai trót một tiếng đà,
« Đài thiềng (6) hồ có trắng già chứng lâm,
Nghĩ quyền vì chẳng lòng tâm,
« Cũng liều dầu bạc cho nhằm tuổi xanh ».
Nặng lời, đỡ lẽ làm thinh,
- 660 Rằng : « Trong cửa cửai phòng canh, biết gì ?
« Dầu cho nền lễ, sân thi,
« Cùng nhau đôi lứa cũng tùy nơi xe,
« Chia đường hãy lánh cho về,
« Lễ thường hẳn chẳng e nề chút ru ?
- 665 Nề lời, có lẽ cầm lâu,
Lánh ngang Sinh lại theo sau gàn nài :
« Lời vàng ý ngọc dám sai,
« Lừa gàn, lại bảo cho bài nước xa.
« Tin kinh diệu vội tin nhà,
- 670 « Thưa chừng những sợ hoặc là sao chẳng.

« Chút chi gấn bó gọi rằng »
 « Cho dành mỗi gió, tin trăng sau này »
 Nghe lời, vội dạo gót giày.
 Mắt đưa ai lưỡng trông ngày tận lâu.

Bản chép khác.— Câu 627: *lết trước bình thêu.*— Câu 629: *Gửi rằng.*— Câu 630: *... sang chơi.*— Câu 631: *Phải lời.*—
 — Câu 644: *Đầu cây.*— Câu 635: *rón bước (hoặc) rén bước.*
 — Câu 636: *Gác son hồng thấy bóng chàng tới sau (hoặc) Cửa son
 hồng lên thấy chàng đến sau.*— Câu 638: *dạo mau.*— 640: *Nàng
 về (hoặc) Lối về, sinh đã dạo ra bên tường.*— Câu 641: *Nước thu
 sóng-sánh.*— Câu 643: *Định tình .. (hoặc) .. sẽ bày.*— Câu 644 :
khéo lại.— Câu 645 : *Doanh riêng :... (hoặc) đặng đợt bấy lâu.*— Câu
 646 : *Sức lân ..*— Câu 647 : *Ngày xanh.*— Câu 649 : *Ngại ngừng.*
 — Câu 651 : « *Khi nay...*— Câu 652 : *Có chi lẽ cấm phép nào
 chẳng kiêng.*— Câu 653 : *Ngán ngờ sinh rên rên chiêng (hoặc) Ngáp-
 ngừng sinh mới thừa chiêng.*— Câu 654 : *... sao là* — Câu 657 : *Thê
 phai nguyệt nhạt khôn cầm.*— Câu 658 : *.. dăm nhăm.*— Câu 663 :
Rẽ đường.— Câu 664 : *e-đè.*— Câu 666 : *Tránh ngang ra, lại theo
 sau gạn lời.*— Câu 670 : *Thừa đàng cá lợt.*— Câu 673 : *Tai nghe.*—
 Câu 674... *kẻ lưỡng coi ngày nơi lâu.*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hương* : lên một đũa thị tỷ của Dương Dao Tiên.— (2) *Điền hôm qua* : hôm trước, Dao Tiên cùng với hai người thị tỷ là Hương và Nguyệt nói truyện về cây vôi trắng, rồi nghĩ lan-man đến sự tuổi xuân chóng tàn mà sinh ra buồn.— (3) *Nước thu lỏng lạnh một làn* : do câu trong *Tinh sử* : « *Nhữn như thu thủy 眼如秋水* » (Mắt trong như nước mùa thu).— (4) *Sửa mũ dưới dàu* : nghĩa bóng là làm một việc để cho người ta nghi (Xem câu chú-thích số (2) ở Bài 30).— (5) *Chiêng* : trình, thừa.— (6) *Đài thiêng* : dịch chữ « *lĩnh đài 靈臺* » tức là tấm lòng.

65.— Lương-Sinh từ biệt Dương Dao-Tiên về thăm quê nhà

Chợt nghe (1) chín khúc toi bời,
 900 Thềm lan lãng đặng ngại dòi gót lan,
 Duyên ưa mai liễu một đoàn,
 Nay ai vội đã gỡ màn đình Cao (2).

- Sinh rằng : Chút nghĩa *tri* giao,
 « Chưa cùng sum-hợp, nõ nào chia-phôi.
 905 « *Chấp* tơ nay mới vàng lời,
 « Đành hay người định thi trời cũng theo.
 « *Sớm khuya* gác gấm buồng thêu,
 « Ngọc vàng mình phải nung-niu lấy mình.
 « *Ráy mai* lá thắm chim xanh (3),
 910 « Quả mai chi để trên cành bầy ba (4),
 « Tình xa bao quản người xa,
 « Tương-tri có thể mới là Tương-tri ».
 Rằng : Nay Nam Bắc phân kỳ.
 « Đã đành trắng nợ trời kia với lòng.
 915 « *Gió mây* hã y gắng chi hồng,
 « *Tắm lòng* cho bỏ trông mong những ngày.»
Lửa phiền như đốt niềm lây,
 Non tà liễu đã tơ xoay bóng vàng.
 Gửi tình nửa ngọn cành dương,
 920 *Tâm thần* một tấm bằng đường theo ai.
Tuyết mù cây khuất bóng người,
 Ngại-ngần năm bước ra mười về hiên.
 Thanh gươm cặp sách xuống thuyền,
 Lung khoang chắt thắm, đầy then chứa sầu.
 925 Song buồng mưa *dập* gió mau,
Trận nhàn chép nhớ, ngọn lau gãy buồn.
 Dòng xuôi một dải nhường tuôn.
 Đầu mũi đã thấy hương thôn gần gần.

Bản chép khác.— Câu 900 : ... *lặng đứng* với đời ... — Câu 901 : *Lục dăng* tơ liễu một lần.— Câu 903 : *tương* giao.— Câu 906 : *Đát* tơ...— Câu 907 : *Êm* niềm... Câu 909 : *Dập* đui... — Câu 915 : *sớm khuya*... — Câu 916 : *Trông* mong cho bỏ *tắm* lòng bấy nay.— Câu 917 : *Mặt* nhìn chẳng nõ rời tay.— Câu 920 : *Hồn* quê thơ thẩn như đường. . Câu 921 : *Nhờn-nhờ* liễu khuất... — Câu 925 : ... mưa *rúc*... — Câu 926 : *Thiện* nhân — Câu 927 : ... một *sợi*.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Chợt nghe* : nghe tin Lương-Sinh phải về quê thăm cha.— (2) *Đình Cao* : chỗ tiễn biệt. Do câu thơ cổ : « Cao-dinh trong biệt xứ 亭相別處 » (Cao-dinh là chỗ tiễn nhau) : « Xuân-dinh thoát đã dạo ra Cao-dinh (Truyện Kiều, câu 1500).— (3) *Lá thắm chim xanh* : nghĩa bóng là mối lái. *Lá thắm* : do tích Vu-Hựu người đời Đường, bắt được cái lá đỏ tự trong cung vua trôi ra, trong có đề bài thơ. Hựu lại đề một bài thơ vào cái lá ấy, thả xuống ngói cho nó trôi vào. Cung-nhân là họ Hàn bắt được. Sau vua thả ba nghìn cung-nữ ra. Hựu lấy được Hàn-thị, mới biết thơ đề trong lá đỏ ngày trước là thơ của hai bên. *Chim xanh* : do tích Hàn Vũ-Đế xưa đương ngự chơi, chợt có hai con chim xanh bay đến. Vua hỏi, Đông Phương-Sốc tâu : đó là sứ-giả của Tây-vương-mẫu. Được một lát thì Tây-vương-mẫu đến thật.— (4) *Quả mai chỉ dẽ trên cành bẩy ba* : ý nói không khi nào phải lỡ thi, *Kinh Thi* (thơ Xiếu mai) có câu : « Xiếu hữu mai, kỳ thực thất hề... ; kỳ thực tam hề... 標有梅，其實七分... ; 其實三分... » (Quả mai rụng, chỉ còn có bảy phần... chỉ còn có ba phần...); đó là lời của một người đàn bà thấy tuổi một ngày một cao, than về nỗi sợ quả lúá lỡ thi.

66.— Lương-Sinh trở lại nhà Dương Dao-Tiên

- Tự khi nương-náu phần-hương* (1).
- 1060 *Trời thu ba cũ, sóng Tương một ngày* (2),
Bụi rong muôn học sàu đầy,
Cánh nào bay đến ngõ bày trước trang.
Liệu cơ ra lay tôn-đường,
 Tràng-châu (3) xin lại tìm sang cựu-trình.
- 1065 *Được lời, tức tốc khởi hành,*
Ruổi quen một lá, thềm-thềm xuôi dòng.
Sông nguyên, bề dạn trùng-trùng,
Phụ-phàng lo những thẹn.thùng nước non.
Vườn riêng còn thú cầm tôn (4),
- 1070 *Hồng còn vẫn thắm, tia còn chưa phai.*
Cành trông, cõi ngấm chờ ai,
Đầy song tuyết điểm bóng mai trắng ngần.
Lần sang thăm thú vườn gần,
Một vùng cỏ biếc, mấy lần cửa son.
- 1075 *Lơ.thơ cây cối, cảnh non,*
Rêu đầy cầu đá, lối mòn đường thơm.
Lầu thừa, khói tỏa, sương trùm,

- Chồi sai *biếng bề*, khóm sớm vắng vin (5).
 Biết ai hầu hỏi sự duyên,
 1080 Viên-công đã thấy trong miền lộ ra.
 Mon-men thăm hỏi gần xa,
 Mới trông môn-mạch *nàng đà thững* kinh.
 Ngán chiều *lã-chữ* đôi doanh (6),
 Tựa lần bên triện, *dạo* quanh khắp tòa.
 1085 *Bán-khoản* đến trước đình Ba,
 Lương không yển dễ, song tà nhện trắng.
Dấu thơ vách hầy dăng-dăng,
 Lầu thơ cách mấy mươi từng người thơ.
Nửa rèm lác-đác *hoa mưa*,
 1090 Sân rêu *này dấu* ngày xưa chén đồng.
 Mây dương-liễu, mặt phù-dung,
 Ngắm hoa mà nhắc tấm lòng sinh-ly :
 « *Trăng* *thề* *vẫn* *đó* *chi* *chi*,
 « *Liễu* *Chương*-*đài* (7) *biết* *nay* *đi* *đâu* *rời*.
 1095 « Mừng *xuân* *đào* *hầy* *ngắm* *cười*,
 « *Vẻ* *hồng* *như* *cũ*, *mặt* *người* *nào* *dâu*,
 « *Nào* *khí* *gương* *gác*, *phấn* *lầu*,
 « *Giờ* *sao* *tạnh* *ngắt* *mặc* *dầu* *khói* *sương*.
 « *Này* *ai* *dập* *lửa* *vùi* *hương* ?
 1100 « *Đề* *ai* *nát* *dá*, *phai* *vàng* *vời* *ai* ».

Sản chép khác.— Câu 1059 : *Sinh từ núm-náu...* — Câu 1060 : ... *đành* *Tương*... — Câu 1061 : *Bụi* *chông* *muôn* *hộc* *chất* *đầy*. — Câu 1063 : *Phô* *sông* *giri* *đến*... — Câu 1064 : ... *sân* *trình*. — Câu 1065 : *Được* *lời*, *theo* *lời* *thủy* *hành*. — Câu 1066 : *Thắng* *dong* *hướm* *lá*... — Câu 1067 : *Biết* *bao* *dạn* *bé* *thề* *sông*. — Câu 1068 : *Nhật* *vời*... — Câu 1070 : *Hoàng* - *Diệu* *Từ* - *Nguy* *vẫn* *còn*... — Câu 1071 : *Ngắm* *thơm* *sào* *cắm*... — Câu 1072 : *Đầy* *song* *mấy* *điểm* *hoa* *mai*... — Câu 1075 : ... *gốc* *cỏi*... — Câu 1076 : *Sương* *in* *cầu* *đá*, *tuyệt* *mòn* *lời* *thơm* (hoặc) *Rêu* *in* *cầu* *đá*, *tuyệt* *mòn* *lời* *thơm*. — Câu 1077 : *Lầu* *thơ*... *mấy* *om*. — Câu 1078 : *thừa* *bể* — Câu 1080 : ... *rờ* *ra*. — Câu 1082 : .. *nay* *đà* *phó* *kinh*. — Câu 1083 : *lờ*-*tờ*... — Câu 1084 : *Buồn* *ương*... *sầu* *quanh*... — 1085 : *Ngán* *ngám*... — Câu 1087 :

Tiên thơ...— Câu 1088 : Xã thơ...— Câu 1089 : *Hiền cải.. sao thưa..*
 — Câu 1090 :... nọ rồi (hoặc) : nọ chốn...— Câu 1092 :... *thêm*
nhắc..— Câu 1093 : *Chi thê trang vãn chi chi.*— Câu 1094 :... *Tay ai*
chénh-mãng còn chi chương đài— Câu 1096 : *Vê hồng trơ đó.*—
 Câu 1097 : *Khi sao son gác...*— Câu 1098 : *Giờ sao tan-nút.*—
 Câu 1099 : *Ấy ai...*— Câu 1100 :... nơi đây.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Phân-hương* : què hương ; do chữ « phân-du
 粉榆 » (xem câu chú-thích số (20) ở Bài (96) — (2) *Trời thu ba*
cũ, sông Tương một ngày : Câu này đặt theo câu : « Nhất nhật bất
 kiến, như tam thu hề 一日不見, 如三秋兮 ». (Một ngày
 không thấy, như ba mùa thu (ba năm) vậy. (Kinh Thi, thơ Thái-cát)
 và ý nói : một ngày xa cách nhau, tưởng chừng lâu như ba năm
 vậy. Còn chữ *sông Tương* chỉ sự xa cách của hai tình-nhân, là do
 câu trong *Tình-sử* : « Quân tại Tương-giang đầu, Thiếp tại Tương-
 giang vĩ ; Tương tư bất tương kiến, Đồng âm Tương-giang thủy
 君在湘江頭, 妾在湘江尾 : 相思不相見, 同飲湘江水 »
 (Chàng ở đầu sông Tương, Thiếp ở cuối sông Tương ; Nhớ nhau
 không thấy mặt nhau, Cùng uống nước sông Tương).— (3) *Tràng*
châu : tên đất, chỗ quê Dương Dao-tiên.— (4) *Cần tôn* 琴樽 :
 đàn và chén rượu.— (5) *Chòi sai thừa bẻ, khóm sôm vắng vin* : tả
 cảnh một khu vườn không có người trông nom, sửa sang ; những
 mầm mới mọc rất nhiều mà ít khi bẻ đến ; những bụi cây rậm-
 rạp mà không có ai vin.— (6) *Đôi dòng* : (dòng : dòng nước) ;
 hai dòng nước mắt.— (7) *Liễu-Chương-dài* : nghĩa bóng là tình-
 nhân. Lấy chữ ở một câu trong bức thư của Hàn-Hoành gửi cho
 Liễu-thị (*Tình-sử*) : « Chương-dài-liễu ! Tích nhật thanh thanh, kim
 tại phủ ? Giã ưng phan chiết tha nhân thủ. 章臺柳 ! 昔日
 青青, 今在否 ?.. 也應攀折他人手, » (Cây liễu Chương-
 dài ! Ngày xưa xanh xanh, nay còn không ?.. Hẳn là tay người
 khác đã vin bẻ rồi).

67.— Cuộc trùng-phùng của Lương-Sinh và Dương Dao-Tiên

- 1201 Điêu (1) ra quan-chính cõi ngoài,
 Lương vào Hàn-uyển (2), thanh-thời ngọc-đường (3),
 Vườn sau trúc thạch sần-sàng,
 Liền công-thự đó, là tường Tiễn-nha (4).
- 1205 Nàng từ tin ái truyền ra (5),
 Nổi mình, nổi khách biết là bao nhiêu !

- Trọn ngày khóa lặng song thêu,
 Nguyệt, Hương (6) biết ý mời diu ra chơi.
Trêu thềm hoa quét chẳng rơi.
- 1210 Dưới thềm lần bóng, trăng soi người sầu.
 Cảnh dẫu dễ nhắc lòng dẫu,
 Những than tình mới, thêm rầu nỗi xưa :
 « Ngàn mây trắng bạc như tờ,
 Bóng dẫu chênh-chếch đã vừa ngang vai.
- 1215 « Bờ sương đôi tuyết bao nài.
 Lấy ai ấm lạnh, lấy ai ngọt bùi ?
 Tưởng người chén nguyệt thề bồi.
 « Phòng hương trộm tưởng đã người nào thối !
 « Ba xuân những chốn làm vui,
- 1220 « Dương thanh liễu lục những ai đó chữ ! »
 Cho hay thanh-khi tương cờ.
 Cách tường Sinh cũng khi vừa đạo thanh.
 Buồn tênh gió ngọn trứng cành.
- Dịp chàm dạ khách, tiếng kèn đêm thâu.
- 1225 Cảnh sầu như gheo người sầu.
 Khi than-thở bóng, khi châu-chan mây.
 « Nghĩ người mặt sóng chân mây,
 « Tiên thề đành để đến ngày tái sinh.
 Nhỡ-nhàng bèo nổi nước lênh,
- 1230 « Ấy duyên phụ khách, hay mình phụ duyên ?
 « Nào ai bề dạn non nguyên,
 « Lòng nào chuông vạn ngựa nghìn (8) với ai ! »
 Nỉ-non đêm gần tình dài,
 Nguyệt cái bèn triện, hoa rơi trước thềm.
- 1235 Vườn xuân xa ngắm cánh rèm,
 Mây hồng tha-thướt bóng xiêm một người.
 Cây quỳnh thánh-thốt sương rơi,
 Đào rầu-rầu ủ, liễu hơi-hơi gãy.
 Rõ người ngày trước chẳng sai,
- 1240 Nguyệt, Hương cũng đến chi đây lạ đời !
 Những là cách mặt khuất lời,
 Bồng-sơn xem ngõ mấy mươi, mươi trùng !

- Tường hoa quanh-quất mấy vòng.*
Dưới hoa nhường có nẻo thông cuối tường.
- 1245 *Hài-vấn lần bước, bước sang,*
Rấp-ranh đã dựng tiếng vàng xa đưa :
 « *Trông bây giờ là bao giờ ?*
 « *Song-song đôi mắt còn ngờ chiêm bao.*
 « *Bấy lâu gió khóa mưa rào,*
- 1250 « *Ngoài muôn nghìn dặm biết bao nhiêu tình ! »*

Bản chép khác.— Câu 1201 : ... *việc ngoài.*— Câu 1209 : *Trước hoa lần bóng hoa rơi.*— Câu 1210 : *Dưới lầu mếch bóng (hoặc) : Dưới trăng lần bóng.*— Câu 1211 : *Cành nào sê...*— Câu 1212 : *Vira than tình mới vừa sầu...*— Câu 1216 : *Nào... nào.*— Câu 1218 : *Buồng đồng vừa ý...*— Câu 1220 : *Những hương những lửa...* (hoặc) *Trăng...*— Câu 1221 : *Tiếng ve cao thấp gió đưa.*— Câu 1223 : *Cành trăng ngọn gió mong manh (hoặc) : Bùn ténh trăng ngọn gió cành.*— Câu 1226 : *Khi than thì bóng...* (hoặc) *Khi trần troc đá, khi rêu rĩ cây.*— Câu 1229 : .. *bèo nước lênh đênh.*— Câu 1231 : *Nào ta...*— Câu 1234 : *Nguyệt kè... hương lay...*— Câu 1235 ; *Cách hoa lặng ngắm bóng thềm.*— Câu 1236 : .. *lan xiêm.*— Câu 1237 : *Áo đơn bụi lọt ngấn rơi.*— Câu 1239 ; *Người xưa sê nhớ những ngày.*— Câu 1241 : *vắng mặt...*— Câu 1242 : *Nou Bông...*— Câu 1243 : *Đạo quanh núi già đi vòng.*— Câu 1244 : *Bên hoa...*— Câu 1246 : *Cách tường đã dựng...* (hoặc) *Cách tường văng-vắng...*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Diêu* : tức là *Diêu-Sinh*, con ông cậu *Lương-Sinh*.— (2) *Hàn-uyễn* 翰苑 (hàn : lông dùng làm bút ; uyễn : vườn) ; tức là *Hàn lâm viện* 翰林院, viện dùng những người văn-học.— (3) *Ngọc-đường* 玉堂 (ngọc : ngọc ; đường : nhà, chỗ làm việc quan) ; chỉ viện *Hàn-lâm*. Vua *Tống-Thái-Tôn* (976-998) ban cái biển đề bốn chữ « *Ngọc đường chi thự* 玉堂之署 » để treo ở viện *Hàn-lâm*.— (4) *Tiền nha* : tên người em *Dương-phu-nhân* (mẹ *Đương-Dao-Tiên*) Bay giờ *Dương-phu-nhân* và *Dương-Dao-Tiên* đến trú ở nhà người ấy trong khi *Dương-tướng-công* đi đánh giặc.— (5) *Tin ải* : tin ở cửa ải đưa về rằng *Dương-tướng-công* bị giặc vây.— (6) *Nguyệt, Hương* : tên hai người thị-tỳ của *Dương-Dao-Tiên*.— (7) *Chuông vạn, ngựa nghìn* (chuông : đồ dùng để đóng lương) ; dịch chữ « *thiên tứ vạn chung 千 四 萬 鐘* » (nghìn cỗ xe đóng ngựa, muôn chuông thóc lương) ; nói chung về sự giàu sang.

ÔN-NHU HẦU NGUYỄN GIA-THIỆU 温如候阮嘉绍
(1741 - 1798)

(Xem tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ Nhất, Năm thứ nhì,
Chương thứ X Lời chú (5))

CUNG OÁN NGÂM KHÚC 宮怨吟曲

(Xem Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X),

68.— Lúc được nhà vua yêu mến

- 161 Khi ấp mạn, ôm đào gác nguyệt ;
Lúc cười srong cột tuyết đèn phong (1)
Đóa lê ngon mắt cửu-trùng.
Dầu mày diễm nhạt, nhưng lòng cũng xiêu.
- 165 Vẻ vuu-vật (2) trăm chiều chải-chuốt,
Lòng quân-vương chi-chút trên tay ;
Má hồng không thuốc mà say,
Nước kia muốn đổ, thành này muốn long.
Vườn Tây-uyên (3), khúc trùng « thanh dạ » (4) ;
- 170 Gác Lâm-xuân (5), điệu ngã « đình hoa » (6)
Thừa ăn (7) một giắc canh tà,
Tỏ mờ nét ngọc, lộp-lòe vẻ son.
Trong trướng gấm chí-tôn (8) vôi-vọi,
Những khi nào gần-gũi quân-vương.
- 175 Dầu mà ai có nghìn vàng,
Đố ai mua được một trảng mộng xuân (9) ?
Thôi cười nọ, lại nhẩn mày liễu,
Gheo hoa kia lại diều gót sen (10).
Thân này uốn-éo vì duyên,
- 180 Cũng cam một tiếng thuyền-quyên với đời.
Lan mấy đóa lạc loài sơn dã,
Uổng mùi hương vương-giả lấm thay (11) !
Ngâm như cân chắt (12) duyên này,
Cam công đặt cái khăn ngáy tặc-ơ (13) !
- 185 Tranh tị-dục (14) nhìn ra chim nọ,
Đồ liên-chi (15) lần trở hoa kia,
Chữ đồng lấy đây làm ghi,
Mượn lời thất-tịch mà thề bách niên (16)

Hạt mưa (17) đã lợt miền dài-các.
 190 Những mừng thăm cá nước duyên may !
 Càng lâu, càng lắm màu hay,
 Cho cam công kẻ dứng tay thùng chàm (18).

Bản chép khác.— Câu 162 : ... *hoa*...— Câu 164 : *Tuy*...—
 Câu 169 : ... *Thượng* (hoặc ; *Thanh*)... *nguyệt*...— Câu 170 : ... *ngã*...—
 Câu 180 : ... *với người* (hoặc : *để đời*) ...— Câu 182 : ... *nhieu*...—
 Câu 184 : ... *này*...— Câu 188 : ... *điều*...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Đèn phong* : đèn chung quanh có trồng cây phong
 楓 (xem câu chú-thích số (3) ở Bài 53).— (2) *Vưu vật* 尤物 : vật rất
 lạ, rất quý.— (3) *Tây-vườn* 西苑 : tên một cái vườn ở phía tây huyện
 Lạc-dương, tỉnh Hà-nam bên Tàu, do vua Tùy Dương-đế lập ra, thường
 đêm thanh vua đem cung nữ dạo chơi trong vườn.— (4) *Thanh dạ*
 tức là « Thanh dạ du 清夜遊 » (đi chơi lúc đêm trong), tên một
 khúc hát đặt về đời vua Tùy Dương-đế.— (5) *Lâm xuân* 臨春 : tên một
 cái gác của vua Trần Hậu-chủ dựng lên bằng gỗ đàn-lương cho
 nàng Trương quý phi ở.— (6) *Đình hoa* : tức là « Ngọc thụ hậu đình hoa
 玉樹後庭花 », tên một khúc hát làm về đời vua Trần Hậu-chủ.—
 (7) *Thừa ân* 承恩 : đội ơn ; đây ý nói được nhà vua yêu mình.— (8)
Chi tôn 至尊 : rất tôn trọng ; đây chỉ nhà vua.— (9) *Một tràng mộng*
xuân : một giấc chiêm-bao êm-dềm vui thú về mùa xuân.— (10) *Câu*
177-178 : *Nhân mây liễu* : xưa nàng Tây-Thi đau bụng nhắm mắt, trông
 lại đẹp thêm. *Điệu* : đi có điệu bộ.— *Gót sen* : bước chân của người
 đàn bà đẹp. Do tích Tề Đổng-hôn hầu lấy vàng dát thành hoa sen lát
 xuống đất cho nàng Phan-phi đi và nói rằng : « Mỗi bước đi của Quý
 nương này ra một bông sen ». Cả hai câu tả cách nũng-nịu uốn-éo
 của người cung-phi được vua yêu chuộng.— (11) *Mùi hương vương-*
giả : mùi hương của nhà vua, ý nói rất quý.— (12) *Cán, chắt* 巾櫛 :
 khăn và lược ; nói đạo làm vợ phải sửa soạn khăn lược cho chồng —
 (13) *Câu 184* : *Đặt khăn* : dịch chữ « thiết thuế 設稅 » nói về sự sinh
 con gái. Theo sách *Lễ-ký*, hễ sinh con trai thì đặt cái cung ở bên
 trái cửa, sinh con gái thì đặt cái khăn ở bên phải cửa. *Tắc-ơ* :
 Tiếng mẹ hỏi chuyện con khi con còn bé chưa biết nói. Cả câu ý
 nói : bỏ công cha mẹ đã sinh ra mình là phận con gái.— (14), (15)
Tị-dực 比翼. *Liên-chi* 連枝 : liền cánh và liền cành. Chữ lấy trong
 bài *Trường hận-ca* của Bạch Cư-Dị nói về vua Đường Huyền-tôn cùng
 nàng Dương Quý-phi thề nguyện với nhau rằng : « Ở trên trời xin
 làm chim liền cánh ; ở dưới đất xin làm cây liền cành ». (16) *Câu*
188 : *Thất tịch* 七夕 : là đêm mồng bảy tháng bảy. Theo tục truyền,
 thì trong một năm chỉ có ngày ấy là Ngu-lan và Chức-nữ mới được

gặp nhau. Vua Đường Huyền-tôn cũng nhân đêm ấy thề với nàng Dương Quý-phi câu nói trên. *Bách niên*, tức là « Bách niên giai lão 百年皆老 » (sống cùng nhau đến trăm năm). Cả câu ý nói : cũng theo như vua Đường Huyền-tôn và nàng Dương Quý-phi ngày xưa mà thề ăn ở cùng nhau đến lúc trọn đời.— (17) *Hạt mưa* : ví với thân phận người đàn bà. Do câu ca-dao « thân em như hạt mưa rào, hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa ».— (18) *Câu 192* : Tục-ngữ có câu : « Tay trượt đúng chàm ». Cả câu ý nói : đã trượt đem thân đi làm cung phi mà được vua yêu dấu cũng bỏ công.

69.— Sau khi bị nhà vua chán bỏ

- 245 Nào *thuở* dạo vườn hoa năm ngoái,
Đóa hồng-đào hái buổi còn xanh.
Trên gác phượng, dưới lầu oanh,
Gối du-tiên (1) hãy rành rành, song-song,
Bây giờ đã ra lòng *rẻ-rúng*,
- 250 Đề thân này *cổ-úng* tơ mảnh (2) !
Đông-quân (3) sao khéo bất tình (4) ?
Cảnh hoa tàn nguyệt (5) bực mình hoài xuân (6)
Nào *lúc tựa lâu Tần* hôm nọ,
Cảnh liễu mảnh bẻ *thuở* đang tơ,
- 255 Khi trướng ngọc, lúc rèm ngà,
Mảnh xuân-y (7) hãy sờ-sờ dấu phong,
Bây giờ đã ra lòng *ruồng-rẫy*,
Đề thân này nước chảy hoa trôi !
Hóa-công sao khéo trên người ?
- 260 Bóng đèn tà nguyệt (8) dử mùi ký sinh (9) ;
Cảnh hoa lạc, nguyệt minh (10) nhường ấy,
Lửa hoàng-hôn như cháy *tấm son*,
Hôn-hoàng thôi lại hoàng-hôn (11)
Nguyệt hoa thôi lại *thêm buồn* nguyệt hoa.
- 265 Buồn vì nổi nguyệt tà ai trọng ;
Buồn vì điều hoa rụng ai nhìn,
Tình buồn, cảnh *cũng* vô duyên,
Tình trong cảnh ấy, cảnh bên tình này.
Khi trận gió lung lay *cánh bích* (12),
- 270 Nghe *ri-rầm* để mách ngoài xa.

- Mơ-hồ nghĩ tiếng xe (13) ra.
 Đốt phòng hương hả mà hơi áo tàn
 Ai ngờ tiếng dế than ri-ri,
 Giọng bi thu (14) gọi kẻ cô phòng (15).
 275 Vắng tanh nào thấy vân-mông,
 Hơi thê-lương (16) lạnh ngắt song phi-huỳnh.
 Khi bóng thỏ chênh-vênh trước ốc (18).
 Nghe vang-lừng tiếng giục bèn tai.
 Đè chừng ngõ tiếng triệu đòi,
 280 Nghiêng bình phấn mốc mà gởi má deo.
 Ai ngờ tiếng quỳên kêu ra-rả,
 Điệu thương xuân (19) khóc ả sương-khuê (20).
 Lạnh-lùng nào thấy ỏ.ê (21),
 Khi bi-thương sực-nức hè lạc-hoa (22).

Bản chép khác.— Câu 245 : *lúc* (hoặc : *lời*)..— Câu 249 :..
đông... ruộng-rẫy.— Câu 250 :.. *cô ấy* (hoặc *tóc mông*).. Câu 253 :..
thuờ đạo vườn xuân..— Câu 257 : *rún-rẫy*.— Câu 259 : *Dữu*..
 — Câu 262 :.. *sầu tràng* — Câu 263 : *hôn-hoàng*.— Câu 264 :..
hẽ-bàng.— Câu 267 :.. *lại*..— Câu 269 :.. *cạnh vách*.— Câu 270..
rào..— Câu 272 :.. *tạ*..— Câu 273 :.. *ran*.— Câu 274 :.. *ghẹo*..
 Câu 276 :.. *lẽo*.— Câu 277 :.. *nóc*.— Câu 279 :.. *nghi.. tiểu* (hoặc :
ban..) — Câu 280 :.. *sẽ*..

CHÚ-THÍCH.— (1) *Gối du tiên* : Du tiên 遊仙 là chơi cõi tiên.
 Theo sách *Khai thiên dị sự*, về đời Đường, nước Qui-tu dâng
 vua Tâu một cái gối đồ như mã-nã, đẹp như ngọc, hễ gối đầu
 vào thì nằm mơ thấy được đi chơi các nơi tiên-cảnh, nhân thế
 vua Đường mời gọi gối ấy là «gối du-tiên».— (2) *Cổ úng to mảnh* :
 úng là thối nát; mảnh là mảnh nhỏ.— (3) *Đông-quán* 東君 (vua
 phương đông): vị thần làm chủ cho gió đông thổi về mùa xuân;
 cũng nghĩa như chữ «chúa xuân».— (4) *Bất tình* 不情: không có
 tình, lãnh-đạm. Những bản chép là «bất bình» là sai, vì hai chữ
 sau này ở đây không có nghĩa.— (5) *Cành hoa tàn nguyệt* : tàn nguyệt
 殘月 là mặt trăng đã tàn; đây mượn hai chữ ấy làm phạm-từ
 để nói về cành hoa đã tàn.— (6) *Hoài xuân* 懷春: tưởng nhớ
 đến mùa xuân.— (7) *Xuân y* 春衣: áo mặc về mùa xuân.— (8)
Bóng đèn tà nguyệt : tà nguyệt 斜月 là trăng đã xế, đã lặn;
 đây mượn hai chữ này làm phạm-từ để nói về ngọn đèn sắp tàn.

— (9) *Ký-sinh* : sống gửi, theo câu trong *Hoài-nam-lữ* : « Sinh ký, tử qui 生寄, 死歸 » (sống gửi, thác về).— (10) *Hoa lạc, nguyệt minh* 花落月冥 : hoa rụng và trăng mờ.— (11) *Hoàng-hôn* 黃昏 (hoàng : vàng; hôn : tối) : lúc xẩm tối. *Hôn hoàng* lúc mặt trăng sắp lặn, ánh sáng lơ mờ.— (12) *Cảnh bích* : cảnh cây sắc xanh.— (13) *Tiếng xe* : đây là tiếng xe của nhà vua.— (14) *Bi thu* 悲秋 : buồn bã vì cảnh sắc mùa thu.— (15) *Có phòng* : 孤房 : buồng của người nằm một mình.— (16) *Thê lương* 淒涼 : buồn rầu, lạnh-lẽo.— (17) *Phi huy nh* 飛螢 : con đom đóm bay.— (18) *Ốc* 屋 : nhà.— (19) *Thương xuân* 傷春 : đau đớn vì nhớ mùa xuân.— (20) *Sương khuê* 孀閨 : (sương : ở góa; khuê : buồng) buồng của người đàn bà ở góa.— (21) *Ổ é* : săn-sóc đến, trông nom đến. Ta thường nói : « Nhìn-nhỡ ổ-ê ». Những bản chép là « ử-ê » là sai.— (22) *Hè lạc hoa* : cái hè có hoa rụng.

NGUYỄN HUY-LƯỢNG 阮輝澆

(Xem *Tiểu-truyện ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (7).*)

70.— Tụng-tây hồ phú 頌西湖賦

(Trích một đoạn)

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, § 1*)

Bài này là một bài phú độc vận (lấy vần hồ), gồm có 86 liên, có thể chia làm các đoạn như sau : 1^o Lai-lich Tây-hồ (liên 1-4) : — 2^o Hình-thế Tây-hồ (liên 5-8) : — 3^o Các đền chùa chung quanh hồ (liên 9-13) : — 4^o Các thắng-cảnh chung quanh hồ (liên 14-27) : — 5^o Hồ Tây trong các triều vua (liên 28-32) : — 6^o Hồ Tây trong buổi Lê mặt (liên 33-46) ; — 7^o Hồ Tây trong đời Tây-sơn (liên 47-59) ; — 8^o Tán-tụng công-đức nhà Tây-sơn (liên 60-83) ; — 9^o Đoạn kết (liên 84-86).

28.— Phong-cảnh cũ nhiều nơi thắng-lãm ; — triều đời xưa mấy lớp thanh-ngu (1).

29.— Tựa bóng hoa đặt quán quan ngư (2), kia đời Long-khánh (3) : — dè mặt sóng đem đường dụ tượng (4), nợ thuở tiền phù (5).

30.— Trái Trần trước đã nhiều phen *xe ngựa* : — tới Lè sau càng lắm độ tán dù.

31.— Trộm nhớ thiên « bát vịnh du hồ » (6), trong tử, hừng (7) cũng ngu lời qui-phùng (8);— *chạnh* nhớ khúc « liên ngâm thưởng nguyệt » (9) lúc tiểu đàm đường thỏa ý giao-phù (10)

32.— Tỏa đá nọ hãy ghi câu canh-họa (11);— dòng nước kia dường nổi chén tạc-thù.

33.— Năm sau từ nổi bụi tiêu-trường (12), ba thước nước khôn cầm màu hiệu-khiết (13);— buổi ấy cũng góp phần tang hải, sáu thu trời bao xiết nổi hoang-khô (14).

34.— Hình cây đá ; mưa trời, gió giạt ; — sắc hoa chim ; mây vẫn sương mù.

35.— Chốn tri đàm (15) làm bọn vẽ thanh quang, xuôi ngược những vẫy đuôi khoa-đầu (16) ; — nơi phạm-vũ (17) đề che màu sáng-lãng (18), dọc ngang trao mặc bóng tri-thù (19).

36.— Hương cỏ-miếu đời chòm lạnh-lẻo ; — đèn viển-thôn mấy ngọn lù-mù.

37.— Kênh đầu đầu *chảy đến* trung-sa (20), lâu túc điều (21) gió còn sớm quạt ; — sen chốn chốn đã bay về Tây-vực (22) vũng du-ngư (23) nguyệt hãy tối mù.

38.— Kêu tri loạn, đau lòng con đố vũ (24) ; — gọi công tư mỗi miệng cái hà-mô (25).

39.— Lũ cây mây lần tưởng bóng nghè (26), thơ thất nguyệt thổ than cùng mục thụ (27) ; — khách diếu nguyệt (28) biếng tìm tấm cá, chữ Tam mô hàn học với tiêu phu (29)!

40.— Nghe xóm nọ dù-di ve nhặng (30) ; — ngắm *ghềnh* kia thấp thoáng trai cò (31).

41.— Thú *cao lưu* (32) chéch-mác thế cò, người nhạo thủy (33) ôm cầm khi rạng quế (34) ; — màu yên cảnh (35) bàng, khuâng hồn rượu, khách đấng đài (36) gác bút buổi bay ngó (37).

42.— Chiều phong-vị xem đường quanh-quẽ ; — dấu dò thư (38) ngấm hây mơ-hồ.

43.— Dưới cầu vòng nước chảy mênh mông, đường xưa đua ngựa ; trên thành trĩ (39) đá xây chom-chồm, bến cũ gọi dò.

44.— Trước cổ-cung treo nửa mảnh gương loan (40), vừng trắng he-hé ; — sau cổ tự gửi mấy phong da ngựa (41) dám cỏ lù-rù.

45.— Lốp canh-dịch (42) người xưa man-mác ; — về tiêu lương (43) cảnh cũ thẹn-thò.

46.— Ánh phồn-hoa vì cảnh muốn phò người, người trái khi vật đổi sao đời, cảnh phải chiều người buổi ấy ; — thời thanh-lãng (44) có người còn mển cảnh, cảnh có sẵn nước trong trăng sáng, người nên phụ cảnh này ru ?

47.— Vàng trắng nọ buổi tròn buổi khuyết, — ngọn nước kia nơi hoắm nơi nhỏ.

48.— Tới mạo-thần (45) từ rở về tường-vân (46), sông núi khắp nhờ công dăng dịch (47) ; qua canh-tuất (48) lại tưới cơn thời-vũ (49), cỏ cây đều gọi đức triêm nhu (50).

49.— Vững tri-chiều (51) nước dần-dần lạng ; — nơi đình-dài hoa phối-phối đua.

50.— Chốn bảy cây (52) còn mấy gốc lạng vân (53), chẳng từng bách cũng khoe hình thương lão (54) ; — nơi một bèn đã đông đoàn hí thủy (55), uyên ương đều thỏa tính trầm phù (56).

51.— Về hoa-thạch (57) châu thêu, gấm dệt ; tiếng trùng cầm (58) ngọc gõ, vàng khua.

52.— Bãi cỏ non : tràn thả, ngựa buồng, nội Chu (59) đã lẫm người ca ngợi ; làn nước phẳng : kênh trầm, ngọc lặn ao Hán (60) nào mấy trẻ reo hò.

53.— Mặt đất dùn này thóc, này rau, đầu lòng Cô-trúc (61) ; — làn nước chảy nọ dòng, nọ bến, mặc chí Sào, Do (62).

54.— Cây quán kia còn đứng dậy thần uy, đoàn Mán tới dám khoe lời « Tây hữu » (63) ; — sen chùa nọ lại bay về Phật cảnh, lữ Ngô về từng niệm chữ « Nam-mô » (64)

55.— Dấu linh-bị rành-rành vẫn sáng ; — mạch hậu-nhân (65) dằng-dặc bao rò.

56.— Mặt thành xưa đem lại thể kim thang (66), đất xây phẳng-lặng ; — cánh hàn cũ sửa ra hình chỉ trụ (67), đá xếp xô-bồ.

57.— Nghe vùng danh nẻo lợi bấy lâu, cảnh tuy rằng nhỏ ; — song nước trí non nhân (68) mấy chốn, cảnh đã chi thua.

58.— Trái mấy thu từng lựa bóng tàn xanh, thâu cảnh đã vào trong vũ-trụ ; — song nghìn dặm đã xa vời bệ tia, góp cảnh còn gọi chốn biên-ngu (69).

59.— Tuy thú vị đã giải bày ra đó ; — song thanh dung còn trang diễm lại cho.

Bản chép khác.— Liên 30... *xa mã* ; — Liên 31 : *tại...* — Liên 36 ... *du...* — Liên 37... *chạy xuống...*— Liên 40... *doanh...* — Liên 41 *thương...* — Liên 47 : *Vành* (hoặc *vòng...*) — Liên 48... *góp nhớ* công (hoặc : *khấp nhờ ơn*) .. — Liên 52... *còn...* — Liên 53 .. *mặt...*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thanh ngư* 清 娛 : thanh lịch, vui vẻ.— (2) *Quan ngư* 觀 魚 : xem đánh cá. Vua Trần Duệ-tôn sai làm quán ở Hồ Tây để xem đánh cá.— (3) *Long khánh* : niên hiệu vua Trần Duệ-tôn (1373-1377).— (4) *Dụ tượng* 誘 象 : Dụ voi. Xưa ở phía Hồ Tây có quả núi tên là « Phục tượng-sơn 伏 象 山 » (núi Voi phục).— (5) *Kiền phù* : tức là Kiền phù hữu đạo : niên hiệu vua Lý Thái-tôn (1039-1042).— (6) *Bát vịnh du hồ* 八 詠 遊 湖 : tám bài hát đi chơi hồ của chúa Trịnh sai các quan làm ra.— (7) *Tỉ, hứng* : hai thể của các bài thơ trong *Kinh thi* (Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhất, Chương 1-2*).— (8) *Qui phúng* 規 諷 (qui : khuôn tròn, nghĩa bóng là phép tắc ; phúng : nói bóng) : lấy lời bóng bẩy mà khuyên can.— (9) *Liên ngâm* 聯 吟 賞 月 : bài thơ liên ngâm đề thưởng cảnh trăng của bà Liễu Hạnh cùng làm với Phùng-Khắc-Khoan và một ông họ Lý, một ông họ Ngô khi đi chơi Hồ-Tây.— (10) *Giao-phủ* : 交 乎 chữ trong *Kinh Dịch* nghĩa là : đồng-chí tương-đắc mà không nghi nhau.— (11) *Canh họa* 麻 和 : (canh là nối tiếp), họa theo bài xướng.— (12) *Tiêu-trương* 蕭 牆 : (tiêu : nghiêm kính ; tường : bình-phong) : chỗ vua tới tiếp-kiến. Nôi bụi tiêu-trương : ý nói có nôi-loạn.— (13) *Hiệu-khiết* 皓 潔 : trong sạch.— (14) *Hoang-khô* 荒 枯 : Bỏ hoang và khô-héo.— (15) *Tri đàm* 池 潭 : ao, đầm.— (16) *Khoa đầu* 蚪 蚪 : con nòng-nọc.—

(17) *Phạm-vũ* 梵宇 : nhà chùa.— (18) *Sảng-lãng* 爽朗 : sáng sủa.— (19) *Tri-thù* 蜘蛛 : con nhện.— (20) *Trung-sa* : địa lý có tả-sa, hữu-sa và trung-sa.— (21) *Túc-diều* 宿鳥 : (túc : ngủ ; điều : chim) : kiểu đất như con chim nằm ngủ.— (22) *Tây vực* 西域 : cõi Tây, cõi Phật ở.— (23) *Du-ngư* 遊魚 : (du : lội ; ngư : cá) : kiểu đất như con cá lội.— (24) *Đỗ-vũ* 杜宇 : cũng như «Đỗ-quyên» xem câu chú-thích số (16) ở Bài 87.— (25) *Hà-mô* 蝦蟆 : con ếch-ương. Vua Tấn-Huệ-Đế một hôm nghe tiếng ếch-ương kêu, hỏi các quan rằng : Con ếch-ương kêu như thế, là vì việc công hay việc tư.— (26) *Lũ cây mây lần tướng bóng nghề* : (cây mây : cây ruộng ở dưới bóng mây ; nghề : cầu vòng ; đặt theo câu trong sách *Mạnh-tử* : «*Nhược đại-hạn chi vọng vân nguê 若大旱之望雲霓*» (Như lúc giới đại-hạn mà trông mây và cầu vòng) ; ý nói : đương lúc loạn lạc, mong cảnh thái-bình.— (27) *Thơ thất-nguyệt thổ-than cùng mục-thụ* (Thất-nguyệt : tên một bài thơ trong *Kinh Thi* do ông Chu-công làm ra đề kể việc dựng nghiệp nhà Chu khó nhọc ; mục-thụ : trẻ chăn trâu) : thổ than với đứa trẻ chăn trâu về cơ-nghiệp nhà vua.— (28) *Điêu-nguyệt* : đi câu ở dưới bóng trăng — (29) *Chữ Tam-mô bản bạc với tiều-phu* (Tam-mô : ba thiên trong *Kinh-Thư* (Vũ mô, Cao-Đạo mô, Ích-Tắc mô) nói những phép-tắc về chính-trị) : đem việc chính-trị ra bàn bạc với người kiếm củi.— (30) *Ve nhặng* : con ve và con nhặng ; nghĩa bóng chỉ kẻ tiều-nhân.— (31) *Trai có* : nghĩa bóng chỉ những kẻ tranh giành nhau (xem câu chú-thích số (1) ở Bài (58) (duật không phải là cõ).— (32) *Cao lưu* : cũng như chữ «*thượng-lưu*».— (33) *Nhạo-thủy* : thích nước. Theo câu trong sách *Luận-ngữ* : Tri-giả nhạo-thủy 知者樂水». (Người trí-thức thích nước).— (34) *Khi rạng quế* : (quế : đây chỉ mặt trăng ; xem câu chú-thích số (4) ở Bài (36) : khi mặt trăng sáng.— (35) *Yên cảnh* 煙景 : cảnh đẹp.— (36) *Đăng đài* 登臺 : lên đài cao.— (37) *Buổi bay ngô* : lúc lá ngô-đồng rụng mà bay xuống, tức là mùa thu.— (38) *Đồ thư* 圖書 : tranh và sách.— (39) *Trĩ* 雉 : xây cao một trượng và dài ba trượng.— (40) *Gương loan* : Loan là con cái của chim phượng. Loan phượng là biểu hiệu cho tình vợ chồng : gương loan là gương hai vợ chồng soi chung. Đây nói về cung nữ trong cung vua Lê phải chạy loạn.— (41) *Da ngựa* : da ngựa bọc thầy người chết ở trận tiền. Theo câu của Mã-viện, tướng nhà Hán, nói : «*Làm tài trai, nên chết ở chiến trường, lấy da ngựa bọc thầy*». Đây nói về các binh-sĩ chết trận.— (42) *Canh dịch* 更易 : thay đổi.— (43) *Tiên-lương* 蕭涼 : tiêu điều, lạnh lẽo.— (44) *Thanh-lãng* 清朗 : trong-trẻo, sáng sủa.— (45) *Mậu-thân* : tức là năm 1788, năm ông Nguyễn-Huệ xưng Hoàng-đế.— (46) *Tường-vân* 祥雲 : đám mây bao diềm lành, chỉ cảnh

thái-bình.— (47) *Đãng địch* 蕩敵 : dẹp yên giặc-giã.— (48) *Canh-tuất* : tức là năm 1790.— (49) *Thời-vũ* : mưa phải thời. Theo câu trong sách *Mạnh-lữ* : « Thời-vũ giáng, dân đại duyệt 時雨降, 民大悅 ». Khen công đánh dẹp của vua Thang, vì quân của vua ấy đi đánh đến đâu như « mưa phải thời xuống, dân sự vui mừng lắm ».— (50) *Triêm-nhu* 沾濡 : đẫm-thấm ; nghĩa bóng nói ơn trên ban khắp như mưa móc thấm-nhuần.— (51) *Tri chiểu* 池沼 : ao chuôm.— (52) *Chốn bầy cây* : ở chỗ hồ Tây giáp với hồ Trúc-bạch, xưa có bầy cây to.— (53) *Lăng vân* 凌雲 : lán cả mây ; ý nói cao lắm.— (54) *Thương lão* 蒼老 : (Thương là lốm đốm trắng, lão là già) : già cỗi.— (55) *Hi-thủy* 戲水 : chơi đùa ở dưới nước.— (56) *Trầm-phù* 沉浮 : chìm và nổi.— (57) *Hoa-thạch* 花石 : đá hoa.— (58) *Trùng cầm* 虫琴 : (trùng loài sâu ; cầm : đàn) : tiếng các loài côn-trùng kêu như tiếng đàn.— (59) *Nội-Chu* : vua Vũ-vương nhà Chu thả ngựa trâu ra ngoài nội, tỏ ý không dùng đến việc binh nữa.— (60) *Ao Hàn* : sách *Hán-sử* có câu : « Xích tử lộng giáp binh ư Hoàng-tri chi trung 赤子弄甲兵於潢池之中 » trẻ con đùa bọn áo giáp, đồ binh ở trong ao Hoàng-tri ; ý nói : giặc giã chẳng ra gì, như bọn trẻ đùa nghịch.— (61) *Cô-trúc* 孤竹 : tên nước (nay thuộc tỉnh Trực-lệ bên Tàu). Đây là nói đến hai anh em ông Bá-Dì và ông Thúc-Tề, con vua Cô-trúc, sau khi nhà Thương mất nước, không chịu ăn thóc của nhà Chu, lên núi Thủ-dương hái rau vi, rồi chết đói ở đấy.— (62) *Sào, Do* : tức là Sào Phủ và Hứa Do : hai bậc cao-sĩ bên Tàu. Vua Nghiêu xin nhường ngôi cho Hứa Do, Hứa Do không muốn nghe chuyện ấy, ra bờ sông Dĩnh-thủy rửa tay, gặp Sào-Pủ dắt trâu đi uống nước, thấy thế, sợ nước ấy làm bẩn cả miệng trâu, bèn dắt trâu lên quãng sông trên cho uống.— (63) *Tây-hữu* : chữ lấy trong *Hán-sử* : « Tây vực hữu thần, kỳ danh viết Phật 西城有神, 其名曰佛 ». (Phương Tây có vị thần tên là Phật).— (64) *Lữ Ngộ về từng niệm chữ* « Nam-mô » : lữ Ngộ chỉ bọn quân Tàu của Tôn Sĩ-Nghị bị Nguyễn-Huệ đánh thua, được tha cho về nước ; niệm chữ « Nam-mô » ý nói : ca tụng nhà Tây-sơn như Phật, chữ vô đây phải đọc mô mới đúng âm.— (65) *Hậu nhân* 厚仁 : phúc hậu nhân đức.— (66) *Kim thang* : tức là kim thành thang tri 金城湯池, thành đúc bằng kim khí và ao nước nóng, ý nói kiên cố hiểm trở.— (67) *Chỉ trụ* 砥柱 : cột đá.— (68) *Nước trí non nhân* : chữ lấy trong sách *Luận-ngữ* : « Nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy 仁者樂山, 知者樂水 ». (Người nhân thích núi, người trí thích nước).— (69) *Biên ngu* 邊隅 : ở ven ngoài, ở góc ; chốn biên-ngu cũng như chốn biên-thủy.

PHẠM-THÁI 范彩 (1777-1813)

(Xem Tiểu truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (8).)

71.— Tự trào

Năm bảy năm nay những loạn-ly :
 Cũng thì duyên phận, cũng thì thì.
 Ba mươi tuổi lẻ là bao nả ;
 Năm sáu đời vua khéo chóng ghé !
 Một tập thơ dày ngậm sáng-sáng :
 Vài nai rượu ketch nich ti-ti.
 Chết về tiên bụt cho xong kiếp ;
 Đù ỏa (1) trần-gian, sống mãi chi ?

CHÚ-THÍCH.— (1) Đù ỏa : tiếng chửi.

72.— Chiến tụng Tây-hồ phú 戰頌西湖賦

(Trích một đoạn)

« Năm canh-thân (1800) mùa hạ, ta đến chơi với bạn ở Trảng-an, nghe bạn ngâm bài *Tụng Tây-hồ phú*. Hỏi ai làm bài ấy mà hay thế? — Bạn rằng: Chương-linh hầu Hữu-hộ Lượng làm ra. — Ta rằng: Chao ôi! Hữu-lộ Lượng à! Xưa hán làm tôi Triều Lê, nay ra làm ngụy, lại còn tụng Tây hồ mà chẳng thẹn mặt! Ghét đứn định làm sao! Nhớ xưa có bài thơ « Chiến cổ », nay nhân bị kẻ làm bài Tụng, ta cũng làm bài « Chiến-tụng » để góp một chút trò cười với đời.» (Lời tiểu-dẫn của tác-giả).

Bài này họa đủ 86 vắn của bài *Tụng Tây-hồ phú*. Dưới đây cũng trích tự liền 28 đến liền 59 để có thể so-sánh với đoạn đã trích-lục của bài trên (Xem bài số 70).

28.— Bấy nhiêu đã lấy chi làm khảng-khái ; — còn những đầu mà dám nói nhân-ngu?

29.— Cao-minh chi mà biết phép quan ngư, nào có phải Ba-la cổ sắt (1); — tài cán ấy khó làm mưu dụ tượng, đề mà như Hư-Tĩnh thư phù (2).

30.— Đường ngoạ thưởng lờ-mờ bóng ngựa (3); — cung du quan mù-mặt bóng dù (4).

31.— Đờ ăn, thức mặc, ngán nổi phổ-phương, xem phong-vị khó như đời đại-hữu (5); — kẻ ám, người gian, góm thay quân tướng, ngẫm minh-lương nào phải đạo trung phu (6).

32.— Chữ lối cua bò, lãng-nhãng thư thảo ;— thơ rông chó chạy, lão-nháo xương thù.

33.— Nhạc tiêu-thiếu (7) còn lôm-bôm khúc xưa, tiếng thanh-diều (8) gọi người đi, kẻ lại ; sắc chương-phủ (9) hãy lờ-mờ dấu cũ, ngọn kim phong (10) lay lá rụng chồi khô.

34.— Con túc-vụ (11) mờ-mờ về lĩnh quạnh ; — cái cô hồng (12) thăm-thăm tếch sương mù.

35.— Chốn thi-dình (13) ve giục mới hê sang, bốn vách in sâu thơ bạch-nhạn (14) ; — mái cầm viện (15) để kêu liền thu đến, vài gian kết thảm lưới thanh-thù (16).

36.— Đàn dế, rúc sương, cung inh-ôi ; — lửa huỳnh đưa gió, bóng lù-mù.

37.— Cát xô lên, mặt nước trắng phau-phau, nghĩ ấy thầy Tân (17) đem hạc múa, — trăng lặng xuống, đáy hồ trong vằng-vặc, tưởng rằng ông Lý (18) cười kinh mô.

38.— Khóc khi vận tẩu cấm con đỗ-vũ ; — kêu cơ-hoang (19) sớm tử cái hà-mô.

39.— Quên thét lâu thì lưỡng để hờn lâu, bên cầu vồng nghe dịp trống khua trắng, vì Nam-trưởng phải cầm lòng Bắc-sĩ (20) ; ếch kêu mãi lại càng thêm oán mãi, trên thành trì lắng ngọn còi huýt gió, bởi Tây-triều mà ghét chí Đông-phu (21).

40.— Than với đất cả đàn ong lữ kiến ; — thờ cùng trời từ con cóc cái cò.

41.— Tưởng nghiên trà cho cá đớp hạc bay (22), khi hứng vịnh nguyệt dòm quanh bóng quế : — nhớ thuần tư (23) sẵn ngòi sâu nước rộng, buổi qui lai (24) gió thổi rụng cành ngô.

42.— Kẻ cao-sĩ ắt nhiều nơi trực bút (25) ; — đũa tiêu-nhân âu lắm sự hàm-hồ.

43.— Phường Khán-sơn (26) hoa kết *võng* vừa rồi, đoàn kỹ-nữ bẻ-bai hình đến phố; — chợ Võng-thị (27) rượu nồng hương mới chín, lũ túy-ông tất-tưởi *dạng* sang dò.

44.— Khói viển-thôn khi ngọn gió ra vào, trông thoang-thoảng ngõ nhà mở cửa lấp; — trăng cô-quán lúc tấm mây cuốn mở, thấy xa xa đường núi *ngất* cây rù.

45.— Chim bay nhẩy *đầu* non vi-vút, — cá xuống lên mặt nước thập-thò.

46.— Cảnh vừa khi quân tướng những ta xưa, *thú* cỏ hoa thì ai cũng chiều chơi; nào ngờ tuyết lạnh sương tan, lòng dạ ấy phải biết cho người với; — người đến buổi quan-hà về kẻ khác, thù non sông nghĩ mình chưa trả được, dẫu có trăng trong gió mát, mặt mũi nào *vui* với cảnh ru!

47.— *Quấy* cả văn-chương, hòn đất lấp! — *Chảy* băng danh-vọng, khúc sông nhỏ!

48.— Quỷ dạ-thoa (28) quấy bụi xuống chi đây, người bách nghệ đến đâu đều khỗ-não; — thần hạn-bạt (29) nát ai ra đấy tá, kẻ tam nông (30) mong chẳng được to như (31).

49.— Con binh-hỏa trải mấy *tao* đời đời; — *buổi* phong trần thêm mấy dịp tranh đua.

50.— *Lớp* tang-thương rơi *rụng* tựa hoa tàn, *ngẫm* thiên-tạo cũng vui thay cảnh thú; — *cuộc* nam bắc được *chẳng* dường chớp giật, nghĩ *thời-cơ* thêm ngán nỗi *khuông* phù.

51.— Đường vinh nhục nọ dòng nước chảy; — *úng* lợi danh kia đá lửa khua.

52.— Gánh quân thân ai đã mỗi vai rồi, kẻ *tráng-sĩ* làm tỉnh đi chẳng *cất*; — *vạc* quốc-bảo khách *đá* *dang* tay kéo, *dừa* nhâm-nhân (32) *gắng* sức lại mà hò.

53.— Du hồ dễ mấy ai Phạm Lãi (33)? — *Phù* hải âu chẳng một Tử Do (34)!

54.— Cửa âm dương *khép mở* sớm khuya liền, cơ *huyền-diệu khó* lường sinh với tử; — xe nhất nguyệt *dầy dui* xuôi ngược mãi, kiếp phù-sinh khôn tính hữu hay vô.

55.— *Vàng trắng* nọ tròn rồi thời lại khuyết; — *binh nước* kia *dầy lắm* có khi dò

56.— Nhớ khi thanh dạ *tuần trăng*, *hương* thoang-thoảng đưa phòng trà ướp mộc; — *tướng buổi* đoan-đương quạt gió, *lửa bằng-bằng đun* ấm rượu ngâm bồ (35).

57.— Thanh cung (36) khi hạ tới nắng *đương nồng*, *giời phấn phun hương*, so thanh lãnh với đông *kia* chẳng kém; — *lãng uyển* (37) lúc thu tàn hoa *chứa rã*, *thêu hồng* kết *gấm*, vì *phương-phù* (38) cùng xuân ấy không thua.

58.— Thuở *ngự du* đưa *đỉnh phượng* thuyền rồng, *thê thanh-hồng* (39) hoa *cắm chặt* ao tiên, *thu được* cả *vương hầu* *khánh tướng*: — *khi từ yển bầy* đàn loan *quán phượng*, *khúc vũ-nghe* (40) *gió thổi* lên cung nguyệt, *vui mừng* đều thành thị hải *ngu* (41).

59.— *Nông nổi* ấy, *kể càng* thêm *thảm nhĩ* ! *Cơn cơn* náy ai *hầu* *đẽ* biết cho ?

Bản chép khác.— Liên 28 :... *thứ cũng kể.. tháng..* — Liên 29 : *Vùng du ngự khi Quảng-bá dầy xuôi, quan ngự thể khó như đời Hưng-khánh* : — *đoàn chiến tượng buổi Tam-Sơn rạch ngược. dụ tượng* *kia không phép Kiên phù.* — Liên 30 :... *thường ngoạn bụi.. vô.. mây..* — Liên 31 :... *cảnh.. có..* — Liên 32 :... *viết.. làng nhằng.* — Liên 33 :... *quán.. đờng-vọng.. quen, khách lạ.. thương.. mơ-màng.. canh..* — Liên 34 :... *cổ.. đình.. chinh..* — Liên 35 :... *hạ.. gọi.. ba..* — Liên 36 :... *nhạn rong.. soi.. rừ (hoặc : dù)* — Liên 37 :... *khua.. ngờ.. vặc* — Liên 38 :... *túi thay.. trách.. xót lẽ..* — Liên 39 :... *hó. . vì.. hồ.. chú..* — Liên 40 : *lũ chim đàn sê. . lũ dẽ đàn (hoặc con cóc con)..* — Liên 41 :... *Thường.. lợi (hoặc : ngớt) tư khoái (hoặc : lư khí).. sông .. chôi..* — Liên 42 :... *ít.. lúc..* — Liên 43 :... *mãng.. tả đáng..* — Liên 44 :... *ma lấp. . lù.* — Liên 45 :... *sườn..* — Liên 46 :... *duyên.. đây.. cho người biết.. gặp.. vui với cảnh này..* — Liên 47 :... *Hoa cô xiết toan chừng tươi ù : — tang thương khôn tính nổi gặp-gỡ.* — Liên 48 :... *soa.. thấy..* — Liên 49 :... *phen.. lúc.. càng lắm..* — Liên 50 : *Dùi hàm*

niên đương nện nguyệt cồng kèn hồi thú cỏ đã rong sần lạc quốc ;—
 chày cổ-tự mới khua chuông chénh-choảng, địch chinh nhân đà hát oán
 diêm-phù...— Liên 51 :... đóm :... — Liên 52 :... chí... điét... còn...
 cánh...— Liên 54 :... đống... ào... khó ;... keo vắn... hư... — Liên 55 :...
 Đường... ru... như binh...— Liên 56 :... câu... sen... ngài... hóm...
 — Liên 57... : nhà ngọc phau châu... này... thượng... húi... về...
 nữ .. lục... phán phương...— Liên 58 :... buổi... tấu... quân hạc... từ—
 Liên 59 :... ta... cảm nhẽ... đã.

CHÚ-THÍCH.— (1) Ba la cõ-sắt : ông phật Ba-la gảy đàn sắt để
 xem cá (2).— Hư Tĩnh thư phù : (thư phù 書符) : thư là viết, phù
 là bùa ; nói về phép phù-thủy, dùng hương mà viết trống không,
 cho thành bùa để yểm trấn ma quỷ hoặc sai khiến âm-binh ; ông
 Hư-Tĩnh học được phép tiên, dùng phép thư phù mà hàng được
 rồng, phục được hổ.— (3) Lờ mờ móng ngựa : ít có chân ngựa đi
 lại — (4) Mù-mịt bóng dù : không thấy bóng dù lọng lui tới.— (5)
 Đại hữu : một quả trong Kinh-Dịch, nghĩa là thịnh-vượng, giàu có.
 — (6) Trung-phu ; một quả trong Kinh-Dịch, nghĩa là trong lòng ngay
 thẳng.— (7) Tiêu-thiếu 蕭韶 (tiêu : sáo ; thiếu : nhạc cò) : nói chung
 về âm-nhạc của nhà vua.— (8) Thanh điều 青鳥 : con chim xanh.
 — (9) Chương-phủ : thứ mũ cõ của các sĩ-phu thường đội.— (10)
 Kim phong 金風 : gió mùa thu, vì mùa thu, thuộc hành kim.—
 (11) Túc vu : 宿鶯 : con le ngủ.— (12) Cô hồng 孤鴻 : chim hồng
 bay một mình.— (13) Thi đình 詩庭 : sân thi lễ, nơi học hành.—
 (14) Thơ bạch nhạn : thơ của Đỗ Phủ đời Đường trong có câu :
 « Cổ quốc sương tiền bạch nhạn lai 故國霜前白雁來 (Nước
 cũ trước khi có sương chim nhạn trắng lại).— (15) Cầm viện 琴院 :
 viện gảy đàn.— (16) Thanh thù 青蛛 : con nhện xanh.— (17) Thày
 Tân : tức là Lã Đồng Tân cười hạc qua bể đến dự yến ở Dao
 Trì của bà Tây Vương mẫu mời.— (18) Ông Lý : tức là Lý Bạch tự
 xưng là « Hải thượng kỵ long khách 海上騎鯨客 » (người khách
 cười cá kinh ở trên bể.— (19) Cơ hoang 磯荒 : dòi và mất mùa.
 — (20) Nam tướng : tướng phương Nam tức là của Tây-sơn ; Bắc-sĩ : sĩ
 tốt phía Bắc, tức là của Tôn Sĩ-Nghị.— (21) Tây triều : tức là
 triều Tây sơn ; Đông-phu : tức là sĩ-phu ở Đông-kinh (Hà-nội).—
 (22) Tưởng nghiên trà cho cá đớp hạc bay : theo hai câu thơ của
 Lâm-Bồ « Tây nghiên ngư thôn mặc, phan trà hạc tị yên 洗硯
 魚吞墨,烹茶鶴避煙. » (Rửa nghiên thi con cá nuốt mực,
 đun chè thi chim hạc tránh khói).— (23) Nhớ thuần lưu : Trương

Hàn đời Tấn, đến mùa thu, nhớ canh rau thuần và gỏi cá lư, ở quê mình, liền từ quan về.— (24) *Qui lai*: đi về. Đào Tiềm đời Tấn, lúc từ quan về có làm bài *Qui khứ lai từ* 歸去來辭.— (25) *Trực bút* 直筆: thẳng bút mà chép.— (26) *Khán sơn* 看山: tên một cái mô đất ở phía nam Hồ Tây và ở phía Tây thành Thăng-Long, vua Lê Thánh tôn thường lên đây xem tập trận giả.— (27) *Võng thị* 網市: Tên một làng ở phía Bắc Hồ Tây (nay thuộc huyện Hoàn long Hà-Đông) xưa làm nghề nấu rượu.— (28) *Đạ thoa* 夜叉: tên một thứ quỷ.— (29) *Thần hạn bạt*: thần làm đại hạn.— (30) *Tam nông*: ba hạng người làm ruộng. Theo sách *Chu lễ* ba hạng ấy là người làm ruộng ở đồng-bằng, ở đồng lầy và ở núi.— (31) *Tô nhu* 蘇濡: tô là sống lại; nhu là thấm nhuần ơn trạch.— (32) *Nhâm nhân* 壬人: kẻ nịnh-hót.— (33) *Phạm Lãi*: người đời Xuân thu, quê ở nước Sở, làm tướng nước Việt, giúp vua Câu Tiễn nước ấy diệt nước Ngô; xong, không nhận tước-phong, vượt biển sang nước Tề, đổi họ tên là Chi-di Tử-bi, làm ruộng trở nên giàu to; vua nước Tề đón làm tướng, ông lại chia tan của cải, trốn sang nước Đào, đổi tên là Đào Chu công, lại làm ăn buôn bán trở nên giàu lớn.— (34) *Tử Do*: tức là Tử Lộ, học trò đức Khổng-tử. Đức Khổng nói rằng Tử-Lộ có thể cưỡi bè vượt bèo theo ngài (*phủ hải*: vượt bèo).— (35) *Bồ*: quả bồ đào.— (36) *Thanh cung* 清宮: cung vua mát-mẻ.— (37) *Lãng uyển* 闈苑: nghĩa đen là vườn tiên, đây chỉ vườn nhà vua.— (38) *Phương phi*: thơm-tho.— (39) *Thẻ thanh hồng*: thẻ xanh, thẻ đỏ ở thuyền các quan.— (40) *Vũ nghệ*: tức là «Nghê thường vũ y khúc» 霓裳羽衣曲 (nghê thường: xiêm màu cầu vồng; vũ y: áo lông chim), khúc hát do vua Đường Minh Hoàng đặt tên sau khi chiêm bao được lên cung trăng thấy các nàng tiên ở trên ấy múa hát.— (41) *Hải ngư* 海偶: góc biển.

HOÀNG-QUANG 黄光

(Xem *Tiểu truyện của tác giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, chương thứ X lời chú (11).*)

73.— Hoài nam khúc 懷南曲

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X § 1*)

Khúc này viết theo thể lục bát và gồm có 670 câu không kể các bài thơ và bài cáo xen vào trong bài.

Thoạt tiên tác-giả kể công-nghiệp các chúa Nguyễn đã khai thác

cõi Nam, rồi nói đến việc Trương Phúc Loan phụ chính, chuyên quyền làm bậy gây nên cái loạn Tây-sơn, khiến cho chúa Trịnh thừa cơ tự phía bắc đánh vào, chúa Nguyễn (Định-vương) phải chạy trốn vào Gia-định; sau cùng nói đến nỗi cực-khổ đói rét của nhân dân mà kết lại cái ý mong cho chúa Nguyễn lại khôi phục lại được nghiệp cũ để nhân-dân được an-hương thái-bình. Lời văn nhiều đoạn rất bi ai thống thiết; sách *Đại nam liệt truyện tiền biên* (truyện Hoàng Quang) chép rằng: Bà Ngọc Huyền công chúa (con gái chúa Võ-vương) sao được khúc ấy, sai người đưa vào Gia Định, đức Thế-tổ sai đem bài ấy tuyên-bổ cho quan quân được biết, những người đọc có người cảm-động đến nỗi ứa nước mắt khóc».

- 141 Kể từ ất dậu (1) lâm triều,
Rời qua quý tị (2) chút nghèo chín năm.
Giặc dẫu nổi dậy xứ Chiêm (3),
Tây-sơn Biện Nhạc (4) nghì lâm Võ. Thang (5)
- 145 « Phù minh diệt ám » (6) tiếng vang,
Đã liềm búa sắt gươm vàng quản chi,
Trong non khói lửa đen sì,
Cờ thì treo áo, binh thì rút cây.
Rủ nhau chuột lỗ, cáo bầy ;
- 150 Vuốt nanh khách trú, cánh vai buồn bè (7)
Nực cười châu chấu chống xe,
Những ngò chấu ngã, chẳng dè xe nghiêng.
Lớn oai, sao nó chẳng kinh ?
Đầu còn chó gặm, sau liền kinh ăn.
- 155 Tời dẫu, ngọc thạch câu phần (8) :
Than ôi ! Thăng, Điện (9) ấy dân tội gì ?
Triều đình xa dễ chẳng nghe.
Đã đành đuổi cáo muông què ngọc khua.
Há không lương-sĩ cù-cù (10) ?
- 160 Bởi vì ngọc miệng xôi chùa tham ăn,
Há không lúa thóc đầy căng ?
Ba quân đánh giặc phải ăn cơm nhà,
Há rằng chẳng sắc can qua ?
Can qua sắc nữa, ai hòa đánh cho ?
- 165 Chẳng nài trăm trận đều thua,

- Miền là đặc thắng đầy kho bạc vàng (11).
 Tinh binh đồn-phủ Phấn-duyên (12)
 Đem binh lão-nhược lọt đường Tây-son.
 Ắi ngoài, sai chúng khó-khăn,
 170 Góc nhà đồn-thủ về phần cháu con.
 Trận bày dưới biển trên non.
 Vầy dân tiền của đắp đồn miên hơn.
 Khéo là đánh dạ bất-nhân :
- Một mình muốn sống, muốn dân nở hoai.
 175 Vi dầu xuống ngựa lên ngai,
 Không dân chưa dẽ cùng ai sang giàu.
 Tưởng hơn nào thiệt có áu,
 Nước nhà đã mất, công-hầu cùng ai ?
 Sao không chống sức ra tài,
 180 Lấy gan làm lũy, lấy vai làm thành ?
 Đề cho giặc nọ vô-danh,
 Xôn-xao ếch giếng khoe mình nổi chi,
 Anh-hùng đã phải tế thi (13),
 Nào là tài-cán chẳng đi dẹp loạn ?
- 185 Binh-cơ khéo vận trong màn.
 Chưa lo đánh giặc, đã càng đánh dân.
 Mới hay Tần lại công Tần (14)
 Quét hang đã lở, cây sần lại chìn (15)
 Đến đâu máu mỡ đều hao.
- 190 Cửa dân sao khéo tở hào chẳng kiềng.
 Ai là dân Quảng (16) truân chiến,
 Dẽ hầu gà lược mấy phen nữa là.
 Tranh nhau mấy trận vào ra.
 Xương phơi trắng núi, máu hòa đỏ sông.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Ắt dầu* : tức là năm 1765, năm đức Định-vương Nguyễn Phúc-Thuần (sau truy-tôn là Duệ tôn Hiếu định hoàng-đế) lên ngôi chúa.— (2) *Qui-tị* : tức là năm 1773, năm Nguyễn-Nhạc nổi loạn.— (3) *Xứ Chiêm* ; Tây-son (tên xã, nay là đất hai thôn An-khê và Cửu-an thuộc phủ Hoài-nhân, tỉnh Bình-định), quê ba anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ, vốn là đất cũ của Chiêm-Thành.— (4) *Biện Nhạc* : nguyên Nguyễn-Nhạc trước làm biện-lại ở Vân-dồn nên thường gọi là Biện-Nhạc.— (5) *Nghĩ làm Võ, Thang* (Võ : vua sáng

nghiệp ra nhà Hạ ; Thang : vua sáng nghiệp ra nhà Thương) : tưởng
 làm mình có tài làm nên vua sáng nghiệp.— (6) *Phù minh diệt ám*
 扶明滅暗 : giúp sự sáng, dứt sự tối. Khi Nguyễn-Nhạc nổi loạn,
 lấy danh nghĩa là trừ đảng Trương-Phúc-Loan là kẻ quyền thần làm
 bậy.— (7) *Câu 150* : Sau khi Nguyễn-Nhạc nổi loạn, có hai người khách
 buồn tên là Tập Đình và Lý-Tài cũng mộ quân đi theo.— (8) *Ngọc thạch*
câu phần 玉石俱焚 : ngọc và đá đều cháy ; nghĩa bóng : dân sự đều
 bị tàn phá.— (9) *Thăng-Điện* : p. Thăng-hoa (nay là Thành-binh) và
 p. Điện-bàn thuộc Quảng-nam.— (10) *Lương sĩ củ củ* 良士矍矍 : chữ
 trong *Kinh Thi*, nghĩa là tương sĩ giỏi mạnh mẽ.— (11) *Câu 166* : tuy
 quân thua, nhưng Trương-Phúc-Loan lâu man với chúa là quân
 thắng trận đề xin lấy vàng bạc làm tiền thưởng cho tướng-sĩ —(12)
Phấn-dương : tên xã, ở đây có cái biệt-thự của Trương-Phúc-Loan.—
 (13) *Tế thì* 濟時 : giúp đời — (14) *Tần lại công Tần* : nghĩa đen là
 quân nhà Tần lại đánh nhà Tần ; nghĩa bóng là quân mình lại làm
 hại dân mình.— (15) *Quét hang, cây sán* : đánh tràn đi.— (16) *Quảng* :
 Quảng-nam.

LÊ NGỌC-HÂN 黎玉欣

(Xem tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, năm thứ nhì, Chương
 thứ X. Lời chú (12)).

74.— Khóc vua Quang-Trung (Trích một đoạn)

- 77 Buồn thay nhẽ sương rơi, gió lọt !
 Cảnh diu-hiu, thánh thót châu sa.
 Tưởng lời di-ngữ thiết-tha.
- 80 Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê.
 Buồn thay nhẽ xuân về, hoa ở !
 Mỗi sầu này, ai gỡ cho xong ?
 Quyết liều, mong vẹn chữ « tông » ;
 Trên lương nào ngại, giữa dòng nào e ?
- 85 Còn trúng nước, thương vì đời trẻ.
 Chữ thâm-tình, không nhẽ bỏ đi.

- Vày nên nấn-ná ngày trì (1),
 Hình dường như ở, hồn thì đã theo.
 Năm canh lưỡng chiêm-bao lần quất.
 90 Mơ-trưởng còn phảng-phất thiên-nhan.
 Tiếng say trên gối trước màn,
 Khi mê dường thấy, khi tàn lại không.
 Nhà ngọc-vũ (1*) tiếng đồng vắng-vắng.
 Khúc q̄ân-thiếu sao vắng âm-hao ?
 95 Mơ màng lưỡng những khát-khao,
 Ngọc-kinh (2) chốn ấy, ngày nào tới nơi ?
 Tưởng thôi, lại bồi-hồi trong dạ,
 Nguyễn « đồng-sinh » sao đã kíp phai ?
 Xưa sao sớm hỏi, khuya vời,
 100 Nặng lời vàng đá, cạn lời tóc tơ ?
 Bày giờ bỗng thờ-ơ lặng-lẽ,
 Tình cô-đơn, ai kẻ biết đâu !
 Xưa sao gang tấc gần châu,
 Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca ?
 105 Bày giờ bỗng cách xa đôi côi,
 Tin hàn-huyền (3) khôn hỏi thăm lênh !
 Nửa cung gãy phim cầm lạnh,
 Nỗi con côi-cút, nỗi mình bơ-vơ !
 Nghĩ nông-nỗi ngần-ngờ đôi lúc,
 110 Tiếng tử qui (4) thêm giục lòng thương.
 Nào người thay, cảnh tiêu-lương !
 Dạ thường quẩn-quại, mắt thương ngóng trông.
 Trông mé đông, lá buồm xuôi ngược.
 Thấy mệnh-móng những nước cùng mây,
 115 Đông rồi, thời lại trông tây :
 Thấy non chắt-ngắt, thấy cây rườm-rà,
 Trông nam, thấy nhạn sa lác-dác ;
 Trông bắc thời ngàn bạc màu sương.
 Khấp trông trời đất bốn phương,
 120 Cõi tiên khời thăm, biết đường nào đi ?

Bản chép khác.— Câu 79 :... *chúc*...— Câu 80 :... *mà*...
nên...— Câu 81 :... *cảnh*...— Câu 82 :... *riêng*...— Câu 84 :... *rường*...
đầu...— Câu 85 :... *chút*...— Câu 86 :... *tình thâm chưa thoát được*...—
 Câu 87 :... *đời khi*...— Câu 88 :... *tuy còn*... *phá h*...— Câu 89 — 94 :
Theo buổi trước ngự đèo Bồng-đào. Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân.
Theo xa thôi lại theo gần. Theo phen điện quế, theo làn nguồn hoa.
Đường theo, hồng tiếng gà sức tình. Đâu đờn thay ấy cảnh chiêm bao !—
 Câu 95 :... *thêm nổi*...— Câu 99 : *Khi*...— Câu 100... *lòng*...— Câu 101 :
Giờ sao...— Câu 102 :... *xét*...— Câu 103 : *Khi*...— Câu 104 :... *làn*
ngoài... *định*...— Câu 105 : *Giờ sao*...— Câu 106 :... *nghe không*...—
 Câu 107 :... *vừa*... *đan*...— Câu 111 :... *tiên-hương*...— Câu 112 :...
quanh-quát, mặt...— Câu 113 :... *mái*...— Câu 114 :... *mông-mênh*...—
 Câu 116 : *ngán*...— Câu 118 :... *ngọn*...— Câu 119 : *No*...—
 Câu 120... *diễn*...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tri* : đây là tri-hoãn, đề chậm lại.— (1a) *Ngọc-vũ*
 玉宇 : cung điện trang-hoàng bằng vàng ngọc.— (2) *Ngọc kính* : hoàng
 đô, kính-đô.— (3) *Hàn-huyền* 寒暄 (lạnh và ấm) : nói về câu thăm hỏi,
 trò-chuyện. Khi hai người mới gặp nhau, lấy những câu trời lạnh,
 trời nóng đề hỏi thăm nhau. Cùng giống nghĩa như chữ « hàn ôn
 寒温 ».— (4) *Tử qui* 子規 : chim đỗ-quyên.

ĐẶNG ĐỨC-SIÊU 德鄧超

(Xem *Tiêu-truyện* tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương
 thứ X, Lời chú (13).)

75.— Văn-tế Phò-mã Chương hậu-quân Vũ-Tính và Lê-bộ thượng-thư Ngô Tùng-Châu

Vũ-Tính (Võ-Tánh) là một bực danh-tướng của vua Gia-long,
 lại lấy em gái ngài ; Ngô Tùng-Châu (Tòng-Chu) là bực văn-thần làm
 Lê-bộ thượng-thư kiêm chức Phụ-đạo Đông-cung. Khi đức Gia-long
 đã lấy được Qui-nhơn (Bình-định) của Tây-sơn (1799), ngài sai
 Tính làm trấn-thủ và Châu làm hiệp-trấn để cùng giữ thành ấy.
 Không bao lâu, quân Tây-sơn lại kéo đến đông vây thành. Trong
 non hai năm trời hai ông hết sức chống giữ thành-trì ; sau quân-sĩ
 mỏi-mệt, lương-thực khánh kiệt, hai ông bèn tuân-tử để toàn danh-
 tiết ; Châu thì uống thuốc độc chết (1801). Nên trong bài văn-tế này,
 trong đoạn kể tài-đức hai ông, cứ về trên nói về Tính, về dưới nói
 về Châu.

Than rằng :

1.— Đạo thần-tử hết lòng thờ chúa, gian-nan từng giải dạ trung-thành ; — đứng anh-hùng vì nước quỳn-sinh, *điên-bái* (1) *chẳng sai* lòng tiết nghĩa.

2.— Ngọc dầu tan, vẻ trắng nào phai ; — trúc dẫu cháy tiết ngay *vân* dề.

Nhớ hai người xưa ;

3.— Thao-lược (2) ấy tài ; — kinh-luân (3) là chi.

4.— Phù vạc Hán thuở ngôi trời chềch-lệch (4) chém gai đuồi lũ hung-tàn ; — với xe Đường khi thế nước chông-chênh (5), cầm bút ra tay kinh-tế (6) .

5.— Mỗi nghĩa sánh duyên gác tia (7), bước gian-truân từng cây dạ khuông-phù ; — màn kinh giúp sức cung xanh (8), công mông dưỡng (9), đã đành lòng ủy-ký.

6.— Hậu-quân thuở trao quyền tứ-trụ (10), chữ ân uy lớn nhỏ đều phu (11) ; — lễ-bộ phen làm việc chính-khanh (12), bề trung ái sớm khuya chẳng trễ.

7.— Ngoài cõi vượt nanh ra sức, chi tiêm-cừ (13) dành giải xuống ba quân ; — trong thành *then khóa* chia lo, lòng ưu quốc (14) đã thấu lên chín bệ.

8.— Miền biên-khôn (15) hai năm chia sức giặc (16), vững lòng tôi bao quân thế là nguy ; — cõi Phú-xuân (17) một trận *khét* uy trời, nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ.

9.— Sửa mũ áo lạy về bắc-khuyết (18), ngọn quang-minh hun mát tắm trung-can ; — chỉ non sông giã với cô-thành, chén tân-khổ (19) nhấp ngon mùi chính-khí (20) .

10.— Há rằng ngại một phen thử-thạch (21), giải trùng vi mà tìm tới quân-vương ; — bởi vì thương muôn mạng ti hưu (22), thà nhất tử dề cho toàn tướng-sĩ.

11.— Tiếng hiệu-lệnh mơ-màng trước gió, ân tín xưa người bộ-khúc (23) thương tâm ; — bóng tinh-trung (24) thấp thoáng dưới đèn, phong nghi cũ kể liêu-bằng (25) sai lẹ.

12.— Cơ dăng-dịnh (26) kip chầy dành hện buổi, xót tưởng doanh sao vắng mặt thân huân (27); — phận truy-tùy (28) gang tấc cũng đền công, tiếc nhung-mạc (29) bỗng: thiệt tay trung trí.

13.— Nay gặp tiết thu; — bày tuần úy-tể (30).

14.— Hai chữ cương-thường nghĩa nặng, rõ cồn-hoa (31) cũng thỏa chốn u-minh; — nghìn thu hà-nhạc (32) khi thiêng, giúp mao việt (33) để mở nền binh-trị.

Thượng hưởng!

Bản chép khác.— Liên 1 : *bản dăng dăm lay...*— Liên 2 : ... *còn...*— Liên 6 : ... *giúp...*— Liên 7 : ... *lòng dạ (hoặc vưng dạ)...*— Liên 8 : ... *đôi... thết...*— Liên 10 : ... *theo...*— Liên 14 : ... *quang...*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Điên bài 顛沛* : nghĩa đen : đồ lộn nhà; nghĩa bóng : loạn-lạc.— (2) *Thao-lược 韜略* : (thao : phép kín của binh; lược : mưu-mô) : phương-pháp và mưu-mô trong việc binh.— (3) *Kinh-luân* : xem câu chú-thích số (1) ở Bài 86.— (4) *Phù vạc Hán thuở ngói trời chếch-lệch* (phù : giúp; vạc : dịch chữ đỉnh 鼎, biểu-hiệu của ngôi vua; Hán : tên một triều vua ở bên Tàu) : giúp nhà vua khi có hoạn-nạn.— (5) *Vời xe Đường khi thế nước chòng-chênh* (vời : kéo lại; xe Đường : xe vua Đường Huyền-tôn chạy vào đất Thục khi có loạn An-Lộc-Son) : vãn-hồi lại vận nước khi có nguy-hiến.— (6) *Kinh-tế 經濟* : do chữ « Kinh bang tế thế 經邦濟世 », sửa việc nước và giúp đời.— (7) *Sánh duyên gác tía* (gác tía : chỗ công chúa ở) : nói về việc ông Vũ-Tĩnh lấy Ngọc-Du công-chúa em gái vua Gia-Long.— (8) *Màn kinh giúp sức cung xanh* (màn kinh : cái màn của ông thầy ngồi giảng-sách; cung xanh : cung thái-tử ở) : nói về việc ông Ngô Tùng-Châu dạy hoàng-tử Cảnh học.— (9) *Mông dưỡng 蒙養* : nuôi dạy trẻ con.— (10) *Tứ-trụ 四柱* : bốn cột cái; chỉ bốn vị đại-thần trong triều.— (11) *Phu 孚* : tin phục.— (12) *Chính khanh 正卿* : chức quan, trên bậc thiếu-khanh; chức quan to.— (13) *Tiêm cứu 讎仇* : giết kẻ thù.— (14) *Ưu quốc 憂國* : lo về việc nước.— (15) *Biên khồn 邊關* : nơi biên-thùy. Bấy giờ vua Gia-Long mới thu-phục được đất Gia-dịnh, nên thành Qui-nhơn cũng kể là nơi biên-thùy.— (16) *Chia sức giặc* : vì ông Vũ-Tĩnh giữ vững Qui-nhơn, nên quân Tây-son không thể đời đấy mà ra ngoài Phú-xuân được.— (17) *Phú-xuân* : tức là kinh-đô Huế ngày nay.— (18) *Bắc khuyết 北闕* : cửa hoàng-thành ở phía Bắc. Bấy giờ vua Gia-Long đương ở Phú-xuân, tức ở phía bắc thành Qui-nhơn.— (19) *Tân khổ 辛苦* : cay và

đảng ; chỉ thuốc độc.— (20) *Chính khí* 正氣 : cái khi-tiết ngay thẳng của những bậc trung-thần nghĩa-sĩ.— (21) *Thỉ thạch* 矢石 : tên và đạn.— (22) *Ti hưu* 貔貅 : tên hai loài mãnh thú : chỉ quân hùng-dũng.— (23) *Bộ khúc* 部曲 : các đội ngũ trong quân.— (24) *Tinh trung* 精忠 : hồn trung-nghĩa thiêng-liêng.— (25) *Liêu-bằng* 僚朋 : bè bạn cùng làm quan.— (26) *Đãng-dịnh* 蕩定 : dẹp yên giặc-giũ.— (27) *Thần huân* 親勲 : thân với nhà vua và có công to.— (28) *Truy tùy* 追隨 : theo dõi.— (29) *Nhung-mạc* 戎幕 : màn quan trường ở trong quân.— (30) *Úy-tế* 慰祭 : tế để yên-ủi.— (31) *Côn hoa* 衮華 : (côn : lễ phục của nhà vua) : sắc của vua ban, làm cho vinh-hiển như khoác áo côn vào mình.— (32) *Hà nhạc* 河岳 : sông và núi.— (33) *Mao việt* 旄鉞 : mao là cờ kết bằng lông mao để biểu-hiệu mệnh-lệnh của nhà vua ; việt là thứ binh-khí hình như cái búa.

ĐẶNG-TRẦN-THƯỜNG 鄧陳常 (1759-1813)

Ông người h. Chương đức, (nay là h. Chương-mỹ, Hà-đồng), đầu sinh-đồ về cuối đời nhà Lê. Sau khi nhà Lê mất, không chịu ra làm quan với Tây-sơn, vào Gia-định theo giúp sức Nguyễn-Ánh lập nhiều công trạng làm đến chức Tán-lý. Bình-định xong, lĩnh chức Binh bộ Bắc thành, rồi được triệu về Kinh làm Binh-bộ thượng-thư. Sau vì có lỗi, phải bắt giam trong ngục, làm bài phúc kê dưới; sau phải tội giảo.

76.— Hàn Vương-Tôn phú 韓王孫賦 (Trích một đoạn)

Hàn vương-tôn (vương-tôn : con cháu nhà quý tộc tức là Hàn-Tin 韓信 người đất Hoài-âm; một bậc danh tướng của vua Hán-Cao tổ bên Tàu. Trước hết ra mắt Hạng-Vũ, Vũ không dùng bèn đi theo vua Hán được làm đại tướng, đánh dẹp có công lớn, trước được phong làm Tề-vương, sau đổi làm Sở-vương. Về sau có kẻ tố cáo rằng Tin mưu phản, vua Cao-tổ giả cách đến chơi Vàn-mộng, bắt Tin, rồi tha và giáng xuống làm Hoài âm hầu, nhưng sau bị bà Lữ-hậu (vợ Cao-tổ) giết chết.

Bài phú này gồm 24 liên, có thể chia làm 5 đoạn : 1^o Lúc hàn vi (liên 1-10), — 2^o Lúc làm tướng (liên 11-22) — 3^o Công đánh dẹp (liên 23-32) — 4^o Lòng trung-thành và nỗi oan-uổng (liên 33-38) ; — 5^o Đoạn kết (liên 39-42).

33.— Ôi-ác biết lòng du-tử (1) : vậy khi đóng Định-đào, khi quân Tu-vũ, ra vào then khóa chẳng ngờ (2) ; — trung trình giữ tiết nhân thân ; dù rằng chơi Ván mộng, dù rằng được Trần-Hy, chút đỉnh tóc tơ dám nghĩ (3).

34.— Há có lòng như Hy, Bối (4) chút nào ; — tiết thẹn mặt với Phàn, Đẳng (5) một tí.

35.— Ôn nho-nhỏ cũng lấy vàng mà báo đáp (6), đỉnh chung (7) này đâu có nhẽ thờ ơ ; — oán rành rành còn cho tước dề dưng (8), giang-sơn ấy há lại lòng ngấp nghé.

36.— Giơ cung bắn thỏ, nặng sức nam-nhi ; — được cả bỏ nom, quản đâu thế vị.

27.— Đường phú quý có sức nào chuyển được : nọ kẻ trường màn khuya sớm, chốn Cốc thành còn phải lánh mình đi (9) ; — áng công danh hờ ai dễ xử đâu, (10) kia người then khóa bấy lâu, vườn Thượng-uyển cũng còn rơi tiếng lụy (11) !

38.— Chót tao phùng đã đỉnh lợi cùng danh ; — thời vinh nhục lọ bàn phi với thị.

39.— Lành thay ! Văn vũ gặp thời : — còn bằng phỉ chí.

40.— Luận tài năng, suốt Tây kinh, Đông Hán (12) chưa ai : — số huân nghiệp, dẫu Châu, Thiệu, Thái công (13) khá vi.

41.— Nhà thạch-thất dẫu nhạt son, mòn sắt (14), danh tướng quân đành muôn kiếp còn thom : — nền kim-đao dù nhạt lửa, phai vàng (15) công tướng quân dẫu nghìn năm như vẽ.

42.— Ta nay : xem pho cựu-sử, đọc truyện nhân thần thấy câu : « Hán đắc thiên hạ đại để giai Tín chi công » (16) chứa từng chẳng thán tích Hàn vương tôn chi anh tài, mà thâm trách Hán Cao hoàng chi sai kỳ (17).

CHÚ-THÍCH.— (1) *Ôi ác* : bạc ác ; *du tử* 遊子 : khách đi chơi. Hán Cổ tổ, trong một bài hát, tự xưng là « du tử ».— (2) *Định đào Tu-Vũ* : tên đất. Khi Hán Tín đóng quân ở đất Định đào và đất Tu-Vũ, vua Hán Cao-tổ lên vào trong dinh, lấy ấn đại tướng dẫu đi mà Hán Tín vẫn ngủ không biết.— (3) *Ván-mộng* : tên đất. Vua Hán

Cao Tổ, giả cách đi chơi Văn-mộng ; Hàn Tín đến chầu, bị vua bắt trời vào xe đem về. *Trần Hy* : một người tướng của vua Hán Cao Tổ, sau làm phản. Khi vua Hán Cao-Tổ đương đi đánh Trần Hy, bà Lữ-Hậu nói rằng đã bắt được hắn ; Hàn Tín vào mừng, bị bắt và giết chết. Hai việc ấy tỏ rằng Hàn Tín một lòng ngay thẳng, không hề có ý nghĩ làm phản— (4) *Hy-Bổ* : tức là Trần-Hy (vừa nói trên) và Anh Bổ đều là tướng của vua Hán Cao-Tổ mà sau làm phản.— (5) *Phàn, Đổng* : tức là Phàn-Khoái và Đổng-Công. Khi Hàn Tín làm đại tướng thì cai quản cả bọn, Phàn, Đổng ; sau phải giáng làm Hoài-âm hầu, thành ra ngang hàng với bọn ấy.— (6) *On nho-nhỏ cũng lấy vàng mà báo đáp* : lúc Hàn Tín còn hàn vi, có một lần đói khát, được bà Xiếu-mẫu cho ăn ; sau Tín làm Sở-vương, đem nghìn vàng tặng bà ấy để đền ơn.— (7) *Đỉnh-chung 鼎鐘* (vạc và chuông) : tức là « chung minh đỉnh thực 鐘鳴鼎食 : » xưa nhà giàu sang, bày vạc mà ăn và lúc ăn thì phải đánh chuông ; nghĩa bóng nói sự phú quý.— (8) *Oán rành-rành còn cho tước để sinh dùng* : lúc Hàn Tín còn hàn vi, một hôm, cầm guom ra chợ Hoài-âm, có người hàng thịt muốn làm nhục, bảo Tín rằng : « Có gan chết thì đâm ta : bằng không thì luôn qua khổ ta ». Hàn-Tín chịu luôn qua khổ hắn. Sau tin làm nên không giết hắn, lại còn cho hắn làm quan.— (9) *Đường phú quý... lánh mình đi* : thường thường không có sức mạnh nào làm chuyển được lòng ham phú quý của người đời, thế mà Trương-Lương một người đã có công ngồi trong màn bày mưu lập kế cho vua Hán Cao, sau khi bình định lại bỏ cả phú quý mà đi ẩn ở đất Cốc-thành, vì Lương biết rằng vua Hán hay ngờ ghét công thần.— (10) *Áng công danh hồ ai dễ xử đau* : người bày tôi đã lập nên công danh rất là khó xử để toàn được thân, vì vua hay đem lòng ngờ vực.— (11) *Kìa người then khóa còn rơi tiếng lụy* : đây là nói về Tiêu-Hà. Khi vua Hán Cao đánh nhau với nước Sở thì Tiêu Hà giữ đất Quan-trung (như người coi nhà giữ việc then khóa), có công trạng to, thế mà về sau, chỉ vì Tiêu-Hà xin cho dân được vào ở trong Thượng uyển (vườn nhà vua), Vua Hán nghi cho Hà ăn hối lộ, bắt giam vào ngục.— (12) *Tây-kinh, Đông Hán* : tức là nhà Tây-Hán đóng kinh-đô ở phía Tây (Tràng-an) và nhà Đông-Hán đóng kinh-đô ở phía đông (Lạc-dương) — (13) *Châu, Thiệu Thái-công* : Châu là Châu-công ; Thiệu là Thiệu-công, hai bậc tướng giỏi đã giúp vua Vũ-vương dựng nghiệp nhà Châu-Thái-Công : tức là Thái-công-vọng. (xem câu chú-thích số 11 ở Bài 63) — (14) *Nhà thạch-thất dấu nhạ sơn mòn sắt* : vua Cao-tổ có làm một nhà bằng đá (thạch-thất) trong ghi lời thề viết bằng sơn khắc vào sắt rằng : con cháu các công-thần được đời đời nối-nghiệp làm chư-hầu. Nhạ sơn mòn sắt : ý nói không giữ lời thề.— (15) *Nền kim*

dao dù tắt lửa phai vàng : ý nói nhà Hán dù mất ngôi vua. Nền kim-
 đao chỉ nhà Hán, vì vua Hán Cao-tổ họ Lưu, mà trong chữ Lưu 劉
 có chữ 金 (vàng) và chữ 刀 (dao) ; phai vàng là ám chỉ chữ
 « kim » ở trên ; còn tắt lửa là vì nhà Hán khởi lên tự phương tây,
 mà phương tây thuộc hành hỏa là lửa.— (16) *Hàn đắc thiên hạ đại-đề*
giai Tín chi công 漢得天下大抵皆信之功 : nhà Hán được
 thiên-hạ đại-đề đều là công của Hàn-Tín.— (17) *Thán tích Hàn*
vuong-tôn chi anh-tài : than tiếc cái tài giỏi của Hàn vương-tôn.
Thâm trách Hán Cao-hoàng chi sai ky : sâu trách cái lòng ngó ghét
 của vua Hín Cao.

PHẠM QUÍ-THÍCH 范貴適 (1760-1825)

(Xem *Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương*
thứ XV, Lời chú (1)).

77.— Tổng vịnh truyện Kiều (1)

Giọt nước Tiên-đường chẳng rửa oan,
 Phong-ba chưa trắng nợ hồng-nhan.
 Lòng tơ còn vướng chàng Kim-Trọng,
 Gót ngọc khôn đành chốn thủy-quan (2),
 Nửa giấc đoạn-trường tan gối điệp (3),
 Một dây bạc-mệnh dứt cầm loan (4),
 Chơ hay những kẻ tài tình lắm,
 Trời bắt làm gương đề thế-gian.

Bản chép khác.— Câu 4 : *Vẻ... chưa phai...*

CHÚ-THÍCH.— (1) Bài thơ nôm này là dịch thoát bài thơ chữ
 Hán thường in ở đầu các bản truyện Kiều nôm ; xem nguyên văn ở
Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, Bài đọc thêm số 1. —
 (2) *Thủy-quan* : như chữ « thủy-phủ » nơi thủy-thần ở.— (3) *Gối-điệp*
 (điệp : con bướm) ; xưa Trang-Chu nằm chiêm-bao thấy mình hóa
 ra con bướm, nên giấc chiêm-bao y gọi là « giấc-điệp », gối nằm chiêm-
 bao gọi là « gối-điệp ».— (4) *Cầm loan* (cầm : đàn ; loan : con cái
 của chim phượng) ; nghĩa bóng : tình hòa-hợp của hai vợ chồng,
 hoặc của hai tình-nhân.

NGUYỄN-DU 阮攸 (1765-1820)

(Xem *Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ Nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, Lời chú (2)*).

Kim Vân Kiều 金雲翹

Lược truyện.— Truyện Kiều (xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XVIII*) gồm có 3254 câu và, trừ đoạn mở bài và đoạn kết, có thể chia làm sáu hồi :

Đoạn mở bài (câu 1-38) . — Tác-giả đem cái thuyết « tài mệnh tương đố » (tài và mệnh ghét nhau) nêu lên làm luận đề cuốn truyện. Rồi tác giả nói gia-thế và tả tài sắc hai chị em Thúy-Kiều.

I. — *Thúy-Kiều và Kim-Trọng đính ước với nhau* (câu 39-528) . — Thúy-Kiều cùng hai em là Thúy-Vân và Vương-Quan, nhân đi chơi thanh-minh, gặp mã Đạm-Tiên là một người kỹ-nữ xưa có tài sắc mà số mệnh không ra gì ; lúc sắp về, lại gặp Kim-Trọng, hai bên bắt đầu yêu nhau. Kiều về nhà, nghĩ đến thân-thế Đạm-Tiên mà lo cho hậu-vận mình ; lại nhớ đến Kim-Trọng, không biết duyên-phận sẽ ra thế nào. Kim-Trọng từ khi biết Kiều cũng đem lòng tưởng nhớ, rồi tìm đến ở cạnh nhà Kiều, nhân thế mà hai bên gặp nhau và thế duyên gắn bó với nhau.

II — *Vương-ông mắc oan. Thúy-Kiều bán mình* (câu 529-864) . — Sau khi Kim-Trọng từ biệt Kiều về hộ tang chú thì bỗng Vương-ông bị thàng bán tơ vu oan phải bắt. Kiều muốn có tiền để chuộc tội cha, phải bán mình cho Mã Giám-Sinh và theo về Lâm-tri.

III. — *Kiều ở thanh lâu* (câu 865-1274). — Mã Giám-Sinh nói dối là mua Kiều làm thiếp ; thực ra, hắn chỉ là tay sai của Tú-bà, một mụ dẫu chủ một ngôi hàng thanh-lâu. Khi đến Lâm-Tri, Kiều biết mình bị lừa, toan bề tự vận. Tú-bà mới dỗ ngọt cho Kiều ra ở lầu Ngưng-bích nghỉ-ngơi, hứa sẽ tìm nơi xứng-đáng gả cho. Tú-bà bèn lập mưu sai Sở-Khanh làm ra mặt nghĩa-hiệp rủ Kiều đi trốn. Đến nửa đường, Sở-Khanh bỏ Kiều, Kiều bị Tú-bà bắt về, ép phải ra tiếp khách.

IV. — *Kiều vào tay Hoạn-thư* (câu 1275-1992). — Kiều ở thanh-lâu ba năm. Sau gặp một người làng chơi là Thúc-sinh lấy Kiều làm thiếp, Nhưng vợ cả Thúc-sinh là Hoạn-thư được tin, nổi ghen, sai

người, nhân khi Thúc-sinh đi vắng, đến bắt Thúy-Kiều đem về nhà hành hạ khổ sở.

V. — *Kiều lấy Từ-Hải* (câu 1993-2736) — Kiều bỏ nhà Hoạn-thư trốn đi đến ở chùa bà vải Giác-Duyên, được ít lâu bà cho Kiều sang ở nhà một người đàn bà thường đến lễ chùa là Bạc-bà. Không ngờ Bạc-bà cũng một phường với Tú-bà, giả làm lễ cưới Kiều cho cháu mình là Bạc-Hạnh để đem bán Kiều cho một hàng thanh-lâu ở châu Thai. Thế là Kiều lại phải vào thanh-lâu lần thứ hai. Được ít lâu, Kiều gặp một người tướng giặc là Từ-Hải lấy làm vợ. Kiều nhân dịp báo ơn xưa, trả oán cũ. Nhưng không bao lâu Từ-Hải mắc lừa bị giết chết. Kiều bèn đâm đầu xuống sông Tiền-đường, nhưng nhờ có bà vải Giác-Duyên vớt lên đem đến ở trong am của bà.

VI. — *Kim, Kiều tái hợp* (câu 2737-3240). — Kim Trọng, sau khi về hộ tang chú, trở lại tìm Kiều; nghe tin Kiều phải bán mình, mới nghe lời Kiều dặn lúc ra đi, lấy Thúy-Vân. Sau, cùng với Vương-Quan đi thi đỗ, được bổ làm quan, mới dò la tin-tức Kiều, rồi gặp bà vải Giác-Duyên đưa đến chỗ Kiều ở. Hai bên được đoàn tụ cùng nhau.

Đoạn kết (câu 3241-3254). — Tác-giả nhắc lại thuyết « tài mệnh tương đố » mà khuyên ta nên giữ lấy « thiện tâm ».

78. — *Đạm-Tiên ứng mộng cho Kiều*

- 171 Kiều từ trở gót trường hoa.
Mặt trời gác núi, chiêm đà thu không (1).
 Giương Nga (2) *chénh-chếch dòm song*,
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
- 175 Hải đường lá ngọn đông-lân,
Giọt sương gieo nặng cành xuân la-dà (3).
 Một mình lặng ngắm bóng *Nga*,
Rộn đường gần với nổi xa bời.bời :
 « Người mà (4) đến thế thì thôi,
- 180 « Đồi phồn-hoa cũng là đời bỏ đi !
 « Người đầu (5) gặp-gỡ làm chi ?
 « Trăm năm biết có duyên gì hay không ? »
 Ngôn-ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyết-diệu ngụ trong tinh-tinh.
- 185 *Chênh.chênh bóng nguyệt xế mảnh,*

- Tựa làn bên-triền một mình thiu thiu,
Thoắt đâu thấy một tiểu-kiều,
Có chiều phong-vận, có chiều thanh-tân.
Sương in mắt, tuyết pha thân (6),
- 190 Sen vàng (7) lững-thững như gần như xa,
Chào mừng đón hỏi dò-la :
« Đào-nguyên (8) lạc lối đâu mà đến đây ? »
Thưa rằng : « Thanh-khí (9) xưa nay ;
« Mới cùng nhau lúc ban ngày, đã quên ?
- 195 « Hàn gia (10) ở *mé tây-thiên* (11),
« Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu,
« Đã lòng hạ cổ đến nhau,
Mấy lời hạ-tử ném châu gieo vàng !
« *Dáng* trình hội-chủ (12) xem tường,
- 200 « Mà sao trong sổ đoạn-trường có tên !
« Âu đành quả kiếp, nhân duyên (13),
« Cũng người một hội một thuyền dầu xa !
« Nay mười bài mới, mới ra :
« Câu thần lại mượn bút hoa vẽ-vời »,
- 205 Kiều vàng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẫy, đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ, *nấc-nổm* khen thầm :
« Giá dành tú-khẩu cầm-tâm (14) khác thường !
« Vi đem vào tập đoạn-trường,
- 210 « Thì treo giải nhất, chi nhường cho ai ! »
Thềm hoa, khách đã trở hài,
Nàng còn cầm lại, một hai tự tình.
Gió đâu *sịch* bức mảnh mảnh,
Tĩnh ra mới biết rằng mình chiêm-bao.
- 215 Trông theo, nào thấy đâu nào :
Hương thừa nhường hãy ra vào đâu đây.
Một mình lưỡng-lự canh chầy,
Đường xa, nghĩ nổi sau này mà kính :
Hoa trời, bèo giạt, đã dành :
- 220 Biết duyên mình, biết phận mình thế thời.

Nỗi riêng lớp-lớp sóng giời,
Nghĩ đời con, lại sứt-sùi đời con.

Bản chép khác.— Câu 173 : *Mặt trăng* — (hoặc : *Gương Nga vầng vắt đầy song*).— Câu 174 : ... *đáy nước*...— Câu 176 : ... *đeo* (hoặc : *chú*) *nặng*...— Câu 177 : *Đăm đăm lặng ngấm bóng hoa*.— 185 : *Buồn xuân êm rủ bức màn*.— Câu 186 : *Tựa ngời*...— Câu 189 : *Tuyết in vóc tó*...— Câu 195 : ... ở *mái tây-thiên* (hoặc) : ... ở *mái tây-hiên*.— Câu 199 : *Vầng trịnh*...— Câu 200 : *Mà xem*...— Câu 207 : ... *nức-nôm*...— Câu 213 : ... *khua*.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Chiêng đà thu không* : Thu không 收空 : lúc chập tối, nhà chùa đánh một hồi chuông (hoặc chiêng) gọi là hồi chuông thu không, tức là đề báo hiệu kiểm soát trong ngoài không có gì lạ trước khi đóng cửa chùa — (2) *Gương Nga* : mặt trăng. Do tích trong *Hoài-nam-tử* : Hằng Nga là vợ Hậu-Nghệ, ăn cắp thuốc trường sinh của chồng, trốn lên cung trăng hóa thành con thiềm thừ. Do tích ấy người ta gọi mặt trăng « gương Nga », là « ở Hằng », « cung thiềm ».— (3) *Người mà ...* : đây là nói Đạm Tiên.— (4) *Người dàu*... : đây là nói Kim Trọng.— (5) *Tiểu kiều* 小 嬌 : tiểu là nhỏ ; kiều là người đàn bà đẹp.— (6) *Câu 189* : Đạm-Tiên ở dưới âm-phủ lên, dương đem tối, xông pha sương tuyết mà lên, nên nom ở mặt có sương in mà ở thân như có tuyết pha.— (7) *Sen vàng* : nghĩa bóng là bước chân đi của người đàn bà đẹp. Do tích vua Tề Đông-hòn-hầu yêu nàng Phan-phi, làm hoa sen bằng vàng lát xuống đất cho nàng đi, rồi cười mà nói rằng : « Qui-phi đi mỗi bước chân nở ra một cái hoa sen ». Chữ « gót sen » cũng do tích ấy.— (8) *Đào nguyên* 桃源 : suối đào ; chỗ tiên ở, tích một người đánh cá ở cuối đời nhà Tấn đi vào một cái suối hoa đào, vào mãi thì đến một chỗ những người ẩn-dật ở (chép trong bài *Đào hoa nguyên ký* của Đào Tiềm).— (9) *Thanh khí* : do câu trong *Kinh Dịch* : « Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu 同聲相應, 同氣相求. (Cùng một thanh thì ứng nhau, cùng một khí thì tìm nhau) ; ý nói cùng một tâm ý với nhau.— (10) *Hàn gia* 寒家 (nghĩa đen là nhà lạnh) : tiếng khiêm-tốn, nghĩa là nhà của tôi.— (11) *Mé tây thiên* : mé : phía ; tây thiên 西 天 : con đường nhỏ phía tây.— (12) *Hội chủ* : đây là chủ Hội đoàn-trường gồm những người đàn bà bạc mệnh.— (13) *Quả kiếp, nhân duyên* : Quả kiếp 果 劫 (quả : kết-quả ; kiếp : đời) là cái kiếp chịu cái kết-quả của cái việc đã làm ; nhân duyên 因 緣 (nhân : là nguyên-nhân ; duyên : duyên cớ) là cái gốc, cái cơ sinh ra quả. Theo thuyết « nhân-quả » của đạo Phật thì những điều ta hưởng thụ trong kiếp này là

cái kết-quả những công việc ta làm ở kiếp trước, mà các công việc trong kiếp này lại là cái nguyên nhân những điều ta sẽ hưởng thụ ở kiếp sau.— (14) *Tú khẩu, cảm tâm* : Tú khẩu 繡口 : là miệng thêu ; cảm tâm 錦心 là lòng gấm : ý khen tài thơ văn hay, cũng như mấy chữ « nhả ngọc, phun châu ».

79.— Tú-bà đồ Kiều

- 1001 Thuốc thang suốt một ngày thâu,
Giấc mè nghe đã dàu-dàu vừa tan.
Tú-bà chực sẵn bên màn,
Lựa lời khuyên giải mơn-man gỡ dần :
- 1005 « Một người dễ có mấy thân !
« Hoa xuân đương nhụy (1), ngày xuân còn dài.
« Cũng là lỗi một, lầm hai,
« Đá vàng *chi* nữ ép nài mưa mây (2) !
« Lỡ chân chót đã vào đây,
- 1010 « Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non (3).
« Người còn thì của hãy còn,
« Tìm nơi xứng-đáng làm con-cái nhà.
« Làm chi tội báo oan gia,
« Thiệt mình mà hại đến ta, hay gì ? »
- 1015 Kề tai mấy nổi năn-ni,
Nàng nghe nhường cũng thị phi rạch-rời.
Vả *suy* thần mộng mấy lời (4),
Túc-nhân (5) *âu* cũng có trời ở trong.
Kiếp này trả nợ chưa xong,
- 1020 Làm chi *thêm* một nợ chồng (6) kiếp sau ?
Lặng nghe, *thấm* thía gót đầu,
Thưa rằng : Ai có muốn đầu thế này ?
« Được như lời thế là may !
« Hẳn rằng mai có như rày cho chẳng ?
- 1025 « Sợ khi ong bướm dãi-dăng,
« Đến điều sống đục, sao bằng thác trong ? »
Mụ rằng : « con hãy thông-dong.
« Phải điều lòng lại đổi lòng mà chơi ? »

« Mai sau ở chẳng như lời,
 1030 Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi. »
 Thấy lời quyết-đoán hẳn-hoi,
 Đành lòng, nằng cũng sẽ người người dần.

Bản chép khác.— Câu 1008 : . . . *sao nỡ* . . . — Câu 1012 : . . .
làm . . . — Câu 1017 : . . . *Vả trong* . . . Câu 1018 : . . . *thì cũng* . . .
 Câu 1020 : . . . *lại một*. — Câu 1021 : *Lặng nằm ngắm nghĩ* . . . — Câu
 1032 : . . . *mới* .

CHÚ-THÍCH.— (1) *Nhụy* : mới nở. — (2) *Câu 1008* : Đả vàng :
 nghĩa bóng nói lòng trinh-tiết. Mây mưa : nghĩa bóng nói thời nguyệt-
 hoa. Hai chữ « mây mưa » xuất diễn ở bài *Cao-đường phủ* của Tống-
 Ngọc : Xưa vua Sở Tương-vương đến chơi đài Cao đường, nằm mơ thấy
 một người con gái tự xưng là con gái núi Vu-Sơn (tức Vu-giáp),
 xin cùng chung chăn gối. Vua bằng lòng ; đến lúc từ-biệt, người ấy
 nói : Thiếp xin sớm làm *mây*, tối làm *mưa*, sớm tối ở dưới Dương-
 đài. Những chữ « Vu-sơn », « Đỉnh-Giáp », « Cao-đường », « Dương-
 đài » dùng để nói sự trai gái gặp gỡ đều do diễn ấy mà ra. —
 (3) *Ngày đào non* : ngày đi lấy chồng. Lấy chữ trong *Kinh-thi* (thơ
 Đào yèu) : « Đào chi yèu yèu. Kỳ diệp trần-trần. Chi tử vu qui, Nghi
 kỳ gia nhân 桃之夭夭, 其葉蓁蓁, 之子于歸, 宜其家人. »
 (Cây đào đang non, lá xanh ròn-ròn. Cô kia về nhà chồng, hòa-
 thuận với người nhà chồng cô). — (4) *Thần mộng mấy lời* : sau khi Kiêu
 toan tự tận, mẹ mần đi, thì thấy Đạm-Tiên báo cho biết Kiêu chưa thể
 chết được. — (5) *Túc nhân* 夙因 : túc : xưa ; nhân : nguyên-nhân ;
 nguyên-nhân tự kiếp trước, nợ-nần tự kiếp trước. — (6) *Chồng* : đây là
 chồng chất.

80.— Kiêu gặp Thúc-sinh

Sinh rằng : Từ thuở tương-trì,
 1330 « Tắm riêng, riêng những nặng vì nước non.
 « Trăm năm tính cuộc vương tròn,
 « Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông ».
 Nàng rằng : « Muôn đời ơn lòng,
 « Chút e bên thú, bên tông (1), dễ dàu !
 1335 « Bình-khang (2) nấn-ná bấy lâu,
 « Yếu hoa, yếu được một màu diễm-trang.
 « Rồi ra lạt phẩn phai hưng,

- « Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng ?
 « Và trong thềm quế cung trăng,
 1340 « Chủ-trương đành đã chị Hằng ở trong
 « Bấy lâu khăng-khít dải đồng (3),
 « Thêm người, người cũng chia lòng riêng-tây.
 « Vẻ chi chút phận bèo mây,
 « Làm cho bề ái, khi đầy khi vơi !
 1345 « Trăm điều ngang ngửa vì tôi.
 « Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ?
 « Như chàng có vũng tay co,
 « Mươi phần cũng đắp-diểm cho một vài.
 « Thế trong dù lớn hơn ngoài,
 1350 « Trước hàm sư-tử (4) gửi người đấng-la (5).
 « Cúi đầu luồn xuống mái nhà,
 « Giấm chua lại tội bằng ba lửa nòng (6).
 « Ở trên còn có nhà thông (7),
 « *Lượng* trên trông xuống, biết lòng có thương ?
 1355 « Sá chi liễu ngõ hoa tường (8),
 « Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh.
 « Lại càng dơ dáng đại hình,
 « Đành thân-phận thiếp, *ngại* danh-giá chàng,
 « Thương sao cho vẹn thì thương,
 1360 « Tính sao cho trọn mọi dường thì vâng ».
 Sinh rằng : Hay nói dè chừng (9),
 « Lòng đây, lòng đấy chưa từng hay sao ?
 « Đường xa chớ *ngại* Ngô, Lão (10),
 « Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.
 1365 « Đã gần chi có điều xa.
 Đá vàng đã quyết, phong-ba cũng liều ».

Bản chép khác.— Câu 1337 : ..., *lữ*...— Câu 1354 : *Lòng*
 trên...— Câu 1358 : ... *nghe*...— Câu 1363 *nghe*...— Câu 1366 : ... *cùng*...

CHÚ-THÍCH : (1) *Bên thú, bên tông* : bên thú (đây là thú thiếp 娶妾 ; lấy vợ lẽ) là bên Thúc-sinh đã có vợ cả mà còn lấy vợ lẽ, bên tông (đây là tông lương 從良 : theo người tử-tế) là bên Thúy-Kiều đương ở thanh-lâu mà đi lấy chồng ; hai bên đều khó cả.—
 (2) *Bình Khang* 平康 : tên một xóm ở đất Tràng-an bên Tàu ngày

xưa có những người ca nhi kỹ-nữ ở; nay thông-dụng để gọi nơi có những người xướng ca ở. Đây là phổ những nhà thanh lâu tử.— (3) *Dải đồng*: dải đồng tâm. Vua Tùy Dương Đế sai tết dải lụa lại gọi là « đồng tâm kết », đưa cho phu nhân.— (4) *Sư-tử*: nghĩa bóng chỉ người vợ cả làm cho người chồng phải sợ: lấy chữ ở bài thơ của Tô Đông-Pha riếu Trần Tháo sợ vợ, trong có câu: Hốt văn Hà đồng sư tử hống, Trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên 忽聞河東獅子吼, 拄杖落手心茫然». (Chợt nghe sư tử Hà đồng réo, Gậy chống rời tay, búng bồi hồi).— (5) *Đằng-la* 藤蘿: loài cây có dây, phải tựa vào cái que mới leo lên được; nghĩa bóng chỉ người vợ bé phải nương tựa vào người vợ cả.— (6) *Câu 1352*: Giấm chua: chỉ người đàn bà ghen; lửa nòng: chỉ nơi thanh lâu.— Lấy chữ trong *Tinh sử* «Người ghen như giấm chua, nhà thổ như hang lửa». Cả câu ý nói: Gặp người vợ cả hay ghen thì lại còn khổ hơn là ở thanh lâu.— (7) *Thông椿* (chính âm là *xuân*, đây đọc chạnh đi cho hiệp vần): tên một thứ cây: nghĩa bóng là cha. Theo sách *Trang tử*: cây này thọ lắm (tám nghìn năm là mùa xuân, tám nghìn năm là mùa thu), bởi thế dùng tên cây ấy để chỉ người cha là mong cho cha được sống lâu.— (8) *Liễu ngô hoa tường*: cây liễu mọc ở ngoài ngõ, cây hoa mọc ở ngoài tường, ai hái cũng được: nghĩa bóng nói về những người đàn bà giang hồ.— (9) *Nói dè chừng*: nói phỏng.— (10) *Ngô, Lào*: Ngô là tên ta gọi nước Tàu; Lào là xứ Ai-Lao. Đây ý nói xa-xối.

81.— Từ-Hải sai quân về đón Kiều

- Đêm ngày luống những âm-thầm,
 2250 Lửa binh đầu đã âm-âm một phương.
 Ngát trời sát-khí mơ-màng;
 Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh (1).
 Người quen thuộc, kẻ chung quanh,
 Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
 2255 Nàng rằng: « Trước đã hẹn lời,
 « Dẫu trong nguy-hiểm, dám rời ước xưa! »
 Còn đang dùng-dẫn ngăn-ngờ,
 Mái ngoài đã thấy bóng cờ, tiếng la, (2).
 Giáp binh kéo đến quanh nhà,
 2260 Đồng thanh cùng hỏi: « Nào là phu-nhân? »
 Hai bên mười vị tướng quân,
 Đặt gươm, cỡi giáp, trước sân khấu đầu.

- Cung-nga, thê nữ (3) *nối sau*.
 Rằng: « Vàng lệnh-chỉ (4), rước châu vu-qui (5).»
- 2265 Săn-sàng phượng-liễn loan-nghi (6),
 Hoa-quan (7) phấp-phới, hà-y (8) rõ-ràng.
Dụng-cờ, nổi trống lên dăng,
 Trúc tơ (9) nổi trước, *kiệu* vàng kéo sau.
 Hỏa-bài (10) tiền lộ ruổi mau.
- 2270 Nam-dinh nghe động trống châu đại doanh.
 Kéo cờ lữ, phát súng thành,
 Từ-công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài.
 Rõ mình là vẻ cân đai,
 Hã còn hàm én mây ngài như xưa,
- 2275 Cười rằng: « Cá nước duyên ra ?
 « Nhờ lời nói những bao giờ hay không ? /
 Anh-hùng mới biết anh-hùng.
 « Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa ? »
 Nàng rằng: « Chút phận ngày thơ.
- 2280 « Cũng may dây cát (11) được nhờ bóng cây.
 « Đến bây giờ mới thấy dây,
 Mà lòng đã chắc những ngày một hai.»
 Cùng nhau trông mặt cả cười,
 Dang tay về chốn trường mai tự tình,
- 2285 Tiệc này thưởng tướng khao binh,
 Thi-thùng trống trận, rập-rình nhạc-quân.
 Vinh-hoa bỗng lúc phong trần,
 Chữ tình ngày lại thêm *xuân* một ngày.

Bản chép khác.— Câu 2.258 :... tiếng *loa*.— Câu 2.263 :
theo hầu — Câu 2265 : phượng *tán*...— Câu 2267 :... *Kéo cờ*...
 Câu 2268 :... *đào* vàng... — Câu 2273 : *Lữ* mình.. (hoặc) :... *lạ* về
 cân đai.— Câu 2288 : thêm *thân*...

CHÚ THÍCH.— (1) *Câu 2251-2252*: Hai câu này tả cái cảnh
 tượng cuộc binh đao. *Sát-khi* 殺氣 là cái hơi tự chỗ giết chóc
 nhau bốc lên. *Kình ngạc* 鯨鱓 (cá ông voi và cá sấu) là hai
 thứ cá dữ ở biển; nghĩa bóng chỉ quân lính hung-dũng. *Giáp binh*
 甲兵 (giáp: áo bằng da hoặc bằng sắt mặc khi ra trận; binh: binh

khí, đồ dùng để đánh trận), nói chung các binh khí.— (2) *La* 鐸: niết thứ nhạc khí, mặt tròn và phẳng, nhỏ hơn cái lệnh; thường gọi là thanh-la — (3) *Cung nga* 媿 娥: cung-nga 宮 娥 (nga: con gái đẹp) là mỹ-nữ ở trong cung; *thê nữ* 媿 女 (thê: vẻ) là con gái hầu ở trong cung.— (4) *Lệnh chỉ* 令 旨: hiệu lệnh của vua hoặc của ông tướng — (5) *Rước châu vu qui*: châu tức là châu bà; tiếng gọi một vị phu-nhân tôn-qui, vu-qui là về nhà chông: chữ lấy trong *Kinh-Thi* (xem câu chú thích số (3) ở bài 83).— (6) *Phượng-Liễn*; *loan-nghi*: phượng-liễn 鳳 擘 là xe phượng; loan-nghi 鸞 儀 là đồ dùng của những người đàn bà có phẩm trước.— (7) *Hoa quan* 花 冠: mũ hoa.— (8) *Hà-y* 霞 火: áo màu ráng trời.— (9) *Trúc tơ*: tre và sợi tơ; đây là sáo và đàn.— *Hỏa bài* 火 牌 (hỏa: lửa, ý nói rất nhanh; bài: thẻ); thẻ bằng gỗ để truyền lệnh quan rất cần kíp; đây là thẻ báo tin trước. (11) *Cát 葛*: một loài cây có dây leo, ví với người đàn bà.

82.— Kiều khuyên Từ-Hải hàng

- 2451 Có quan tổng-đốc trọng-thần
Là Hồ-Tôn-Hiến, kinh-luân (1) gồm tài.
Đầy xe (2), vàng chỉ đặc-sai,
Tiện-nghi bát-tiểu, việc ngoài đồng-nhung (3).
- 2455 Biết Từ là đứng anh-hùng,
Biết nàng cũng dự quân-trung luận-bàn.
Đóng quân làm chước chiêu-an (4).
Phong thư, mâm lễ, sai quan thuyết hàng (5)
Lại riêng một lễ với nàng:
- 2460 Hai tên thê nữ (6), ngọc vàng nghìn cân.
Tin vào gởi trước trung-quân,
Từ-công riêng hũy mười phân hồ-dồ:
« Một tay gậy dựng cơ-dồ,
« Bấy nay bề Sở, sông Ngô tung-hoành.
- 2465 « Bó thân về với triều-đình,
« Hàng-thần lo-láo, phận mình ra đâu?
« Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,
« Vào luồn ra cúi, công hầu mà chi?
« Sao bằng riêng một biên-thùy.
- 2470 « Sức này, đã dễ làm gì được nhau?

- « *Chọc trời, quấy nước, mặc dầu,*
 « *Đọc ngang nào biết trên đầu có ai ?* »
 Nàng thì thật dạ tin người,
 Lẽ nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu.
- 2475 Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
 Đã nhiều lưu-lạc, lại nhiều gian-truân.
 Bằng nay chịu tiếng vương-thần,
 Thên-thên đường cái thanh-vân (7), hẹp gì.
 Công, tư vẹn cả hai bề,
- 2480 Dàn-dà rồi sẽ liệu về cố-hương.
 Cũng ngôi mệnh-phụ đường-duyên,
 Nở-nang mày mặt, rõ-ràng mẹ cha.
 Trên vì nước dưới vì nhà,
 Một là đặc hiếu, hai là đặc trung.
- 2485 Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,
 E-dè gió đập hãi-hùng sóng va.
 Nhân khi bàn-bạc gần xa,
 Thừa cơ nàng mới bàn ra nói vào.
 Rằng : « *Ơn Thánh-đế dôi-dào,*
- 2490 « *Tuổi ra đã khắp, thắm vào đã sâu,*
 « *Bình-thành (8) công-đức bấy lâu,*
 « *Ai ai cũng đội trên đầu, xiết bao !*
 « *Ngẫm từ đây việc binh đao,*
 « *Đồng xương Vô-định đã cao bằng đầu.*
- 2495 « *Làm chi để tiếng về sau,*
 « *Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng-Sào (9) ?*
 « *Sao bằng lộc trọng, quyền cao,*
 « *Công-danh ai dứt lối nào cho qua ? »*
 Nghe lời nàng nói mận mà,
- 2500 Thế công, Từ mới trở ra thế hàng.
 Chính nghi tiếp sứ vội-vàng,
 Hẹn kỳ thúc giáp (10), quyết đường giải binh (11).

Bản chép khác.— Câu 2453 : *Dĩ* xe... (hoặc) : *Giấy* xe... —

Câu 2454 : ... *phủ* tiêu... — Câu 2458 : *Ngọc, vàng, gấm, vóc* ... —

Câu 2462 : ... *riêng* nghĩ... — Câu 2467 : ... *buộc* trời (hoặc) ; *đùm* bọc...

Câu 2471 : ... *Đục trời khuấy nước*...— Câu 2474 : *Của nhiều*...—
 Câu 2486 : *sóng vỗ*... *nước sa* (hoặc) *sóng gió*.. *cô hoa*.— Câu 2489 : ...
Trong Thánh-trạch...— Câu 2492 : *biết bao*.— Câu 2493 : ... *khởi*...—
 Câu 2498 : ... *dắc*...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Kinh luân* 經綸 : (kinh : gỡ các sợi tơ cho khỏi rối ; luân : sắp các sợi tơ cùng loại để xe) : nghĩa bóng nói về cái tài sắp đặt việc chánh-trị.— (2) *Đầy xe* : dịch chữ « thời cức ». Chữ lấy trong *Sử-ký* : Thiên-tử mệnh tướng thời cức, viết : Khôn dĩ nội, quả-nhân chế chi ; khôn dĩ ngoại, tướng-quân chế chi. 天子命將推轂, 曰 : 關以內, 寡人制之 ; 關以外, 將軍制之 ». (Nhà vua sai tướng đi đánh giặc, lúc tiễn chân đầy xe mà dặn rằng : Từ cửa thành trở vào thì quyền ở ta : từ cửa thành trở ra thì quyền ở tướng quân).— (3) *Câu 2454* : bát tiểu 撻勒 là đánh dẹp : đồng nhưng 董戎 là đứng đầu việc đánh giặc, cả câu ý nói : cầm quân đi đánh giặc ở cõi ngoài, được tùy tiện mà đánh dẹp.— (4) *Chiêu an* 招安 : nói về lúc loạn-lạc, gọi dân chúng về yên nghiệp.— (5) *Thuyết hàng* 說降 : dụ về hàng.— (6) *Thề-nữ* : xem câu chú-thích số (3) ở bài trên.— (7) *Đường cái Thanh-vân* : đường lên mây xanh, nghĩa bóng là đường công danh.— (8) *Bình-thành* : do câu « địa bình thiên thành 地平天成 » trong *Bình thư* nói về công đức của ông vua giúp cho đất được bình trị, trời được nên việc.— (9) *Hoàng-Sào* 黃巢 : tên một người ở đời Đường Hi-Tôn 874-888 đi thi tiến-sĩ không đỗ, nổi lên làm giặc.— (10) *Thúc-giáp* 束甲 : bỏ áo giáp lại, không dùng nữa.— (11) *Giải binh* 解兵 : giải tán quân lính, thôi không đánh nhau nữa.

83.— Kiều gảy đàn (a)

1) *Cho Kim-Trọng nghe sau khi đã cùng chàng thề nguyện*

Rằng : « Nghe nổi tiếng cầm-dài (1),

Nước non lưỡng những lắng tai Chung-Kỳ (2) ».

465 Thưa rằng : « Tiện-kỹ (3) sá chi ?

« Đã lòng dạy đến, dạy thi phải vâng ».

(a) Muốn cho học-trò nhận rõ cái tài làm văn của tác-giả truyện Kiều ở hai bài sau này chúng tôi trích những đoạn văn cùng một đề mục mà mỗi chỗ tác-giả biểu-diễn ý-từ một khác.

- Hiên sau treo sẵn cầm-trăng,
 Vội-vàng, sinh đã tay nâng ngang mây.
 Nàng rằng: « Nghề mọn riêng tay,
 470 Làm chi cho nặng lòng này lắm thân (4) ? »
 So dần dây vũ, dây văn (5),
 Bốn dây to nhỏ theo vần cung, thương (6)
 Khúc đầu Hán, Sở chiến-trường,
 Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau.
 475 Khúc đầu Tư-mã Phụng cầu (7),
 Nghe ra như oán như sầu phải chăng ?
 Kê-Khang này khúc Quảng-lãng (8),
 Một rãug lưu thủy, hai rãug hành-vân,
 480 Quá-quan này khúc Chiêu-quân (9),
 Nửa phần luyện chúa, nửa phần tư gia.
 Trong như tiếng hạc bay qua.
 Đục như nước suối mới sa nửa vôi.
 Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
 Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa.
 485 Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
 Khiến người ngồi đó cũng ngư-ngẩn sầu,
 Khi tựa gối, khi cúi đầu,
 Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.
 Rằng: « Hay thì thật là hay,
 490 « Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào !
 Lựa chi những khúc tiêu-tao (10) ?
 « Thiệt lòng mình cũng nao nao lòng người !
 Rằng: « Quen mất nét di rời,
 « Tẻ, vui, thôi cũng tính trời biết sao !
 495 « Lời vàng vâng lĩnh ý cao,
 Họa dần-dần bớt chút nào được không ».

2o) Cho Hồ-Tôn-Hiến nghe

- 2565 Trong quân mở tiệc hạ công (11),
 Xôn-xao tơ trúc, hội đồng quân quan.

- Bắt nàng thi yển dưới màn,
Giở say lại bắt *cung* đàn *nhật* tâu.
Một *cung* gió *thắm*, mưa *sầu*,
2570 Bốn *dây* rõ *máu* năm *đầu* ngón *tay*.
Ve *kêu*, vượn *hót* nào *tày*,
Lọt *tai*, Hồ *cũng* *nhấn* *mày* rơi *châu*.
Hỏi *rằng* : « *Nào* *khúc* ở *đâu* ?
Nghe *ra* *muôn* *thắm* nghìn *sầu* *lắm* *thay* ! »
2575 Thưa *rằng* : « *Bạc-mệnh* *khúc* *này*,
« *Phổ* (12) *vào* *đàn* *ấy* *những* *ngày* *còn* *thơ*.
« *Cung* *cầm* *lựa* *những* *ngày* *xưa*,
« *Mà* *gương* *bạc-mệnh* *bây* *giờ* *là* *đây* ! »
30) *Cho* *Kim-Trọng* *nghe* *sau* *khi* *tái* *hợp*
3191 *Tình* *xưa* *lai* *láng* *khôn* *hàn* (13),
Thong-dong *lại* *hỏi* *ngón* *đàn* *ngày* *xưa*.
Nàng *rằng* : « *Vì* *mấy* *đường* *to*,
« *Lầm* *người* *cho* *đến* *bây* *giờ* *mới* *thời* !
3195 « *Ăn-năn* *thi* *sự* *đã* *rời*,
« *Nề* *lòng* *người* *cũ*, *vàng* *lời* *một* *phen* »
Phím *đàn* *diu-dặt* *tay* *tiên*,
Khói *trầm* *cao* *thấp*, *tiếng* *huyền* *gần* *xa*.
Khúc *dâu* *dầm-ấm* *đương* *hòa* (14),
3260 *Ấy* *là* *hồ-điệp* *hay* *là* *Trang-sinh* (15) ?
Khúc *dâu* *êm-ái* *xuân* *trình*,
Ấy *hồn* *Thục-đế* *hay* *minh* *đỗ-quyên* (16) ?
Trong, *sao* *châu* *rõ* *duềnh* *quyên* (17) ?
Ấm, *sao* *hạt* *ngọc* *Lam* *điền* *mới* *đông* (18) ?
3205 *Lọt* *tai* *nghe* *suốt* *năm* *cung*,
Tiếng *nào* *là* *chẳng* *nào-nùng* *xôn-xao* ?
Chàng *rằng* : « *Phổ* *ấy* *tay* *nào* ?
« *Xưa* *sao* *sầu* *thắm*, *nay* *sao* *vui* *vầy* ?

« Tẻ vui bởi tại lòng này,

3210 « Hay là khổ tận, đến ngày cam lai (19) ? »

Nàng rằng : « Vì chút nghề chơi,

« Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu !

« Một phen tri-kỷ cùng nhau,

« Cuốn dây từ đây, về sau cũng chừa ».

Bản chép khác.— Câu 468 : ... *cầm* nàng ..— Câu 469 : ... riêng *táy*.— Câu 470 : ... cho *bạn*...— Câu 478 : ... Một rằng *Họa-nhạc*, hai rằng *Qui-vấn*.— Câu 486 : ... ngồi *đầy* mà...— Câu 491 : So chi những *bực*...— Câu 492 : ... *Dật* — Câu 2565 : *Quân-Trung*.— Câu 2568 : ... *vấn* đàn *nhật* tâu (hoặc) : ... cung đàn *nhật* tâu.— Câu 2571 : *Ve ngâm*...— Câu 2574 : ... muốn *oán*...— Câu 2577 : *Cung đun*...— Câu 3209 : *Thương vui*... Câu 3212 : ... *mừng* nhau (hoặc) : ... *măng* nhau.— Câu 3214 : từ *đó*...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Cầm đài* 琴臺 : chỗ gảy đàn của Tư-mã Tương Như ngày xưa ; đây mượn đề nói về sự gảy đàn hay.— (2) *Câu 464 : Chung-Kỷ* : tức là Chung-Tử-Kỷ, người đời Xuân-thu có tiếng sành nghe đàn thường thưởng-thức tiếng đàn của Bà-Nha là một tay hay đàn có tiếng đời bấy giờ. Khi Bà-Nha gảy đàn mà nghĩ đến núi cao thì ông khen : « Tiếng đàn chót-vót như núi ! » ; khi Bà-Nha nghĩ đến nước chảy, thì ông lại khen : « Tiếng đàn cuộn cuộn như nước chảy ! » Sau khi Tử-kỷ chết, Bà-Nha dứt dây, đập đàn đi, bảo rằng : « Trong thiên-hạ không ai nghe được đàn ta nữa ».— (3) *Tiền kỹ* 賤技 : nghề hèn mọn ; đây là lời nói khiêm.— (4) *Thần* : Tiếng cồ, cũng như tiếng « thay » ; « lấm thân » cũng như lấm thay ! — (5) *Dây vũ, dây văn* : dây vũ là dây to, dây văn là dây nhỏ.— (6) *Cung, thương* 宮商 : hai âm trong ngũ âm (cung, thương, giốc, chủ, vũ).— (7) *Tư-mã, phượng cầu* : Tư-mã là Tư-mã Tương Như, người đời nhà Hán. *Phượng-cầu* là khúc « *Phượng-cầu kỳ hoàng* » (chìm phượng tim chìm hoàng) của Tương-Như gảy, tiếng đàn nào-nùng ai-oán, khiến nàng Trác-văn-Quân (một người đàn bà góa chồng còn trẻ) nghe phải cảm-động sinh mê, sau hai bên lấy nhau.— (8) *Kê-Khang* : một người hay đàn về đời nhà Tấn. *Quảng lãng* : tên một khúc đàn thần dạy cho Kê-Khang.— (9) *Quá quan* : qua cửa ải. *Chiêu-quân* : cung-nhân đời nhà Hán, vua gả cho chúa Hung-nô, lúc ra đến cửa ải, cưỡi ngựa gảy đàn ti-bà đề tả nỗi nhớ nước nhớ nhà.— (10) *Tiểu tao* 蕭騷 : buồn bã.— (11) *Hạ-công* : mừng công đánh xong giặc.— (12) *Phổ* 譜 : biên ghi cung điệu bài đàn.— (13) *Khôn hàn* : khó ngàn lại được.— (14) *Dương-hóa* 陽和 : (dương : mặt trời ; hòa là êm-ái) ; ý nói ấm-áp như khi nóng, mặt trời.— (15) *Hồ-diệp* 蝴蝶 : bướm-

bướm ; *Trang sinh* : tức là Trang-Chu xưa nằm mơ thấy mình hóa ra bướm-bướm.— (16) *Đỗ quyên* 杜鵑 : chim cuốc. Tục truyền *Thục-đế* xưa mất nước, chết hóa làm con đỗ-quyên ngày đêm kêu mãi không thôi.— (17) *Châu rỏ duyên quyên* (châu : hạt châu ; rỏ : rỏ nước mắt ; duyên : chỗ nước sâu ; quyên : mắt trắng) : nước biển có ánh trăng soi vào, trông như hạt châu rỏ nước mắt.— (18) *Lam-diên* : tên một huyện thuộc tỉnh Thiểm-tây là nơi sản ngọc quý. *Mời đông* : mời đong lại, mời thành.— (19) *Cam lai* 甘來 : (cam : nghĩa đen là ngọt ; đây là vui sướng) sự vui sướng đến.

84.— Kiều nhớ nhà

1o) *Kiều ở lầu Ngưng-bích*

- Bẽ-bàng mây sớm đèn khuya,
 Nửa tình, nửa cảnh, như chia tấm lòng.
 Tưởng người dưới nguyệt chén đồng (1)
 1040 Tin sương luống đã rày *trông* mai chơ.
 Bèn tròi góc bể hơ-vơ.
 Tấm son (2) gột *rửa* bao giờ cho phai.
 Xót người tựa cửa hôm mai (3).
 Quạt nồng ấp lạnh (4), những ai đó giờ ?
 1045 Sân lai (5) cách mấy nắng mưa,
 Có khi gốc tử (6) đã vừa người ôm !
 Buồn trông cửa bể *chiều* hóm,
 Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa.xa ?
 Buồn trông ngọn nước mới sa,
 1050 Hoa trôi man-mác, biết là về đâu ?
 Buồn trông nội cỏ rầu-rầu,
 Chân mây mặt đất một màu xanh-xanh
 Buồn trông gió cuốn mặt *duềnh*,
 Âm-âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

2o) *Khi ở thanh-lâu*

- 1251 Ôm lòng đòi đoạn xa gần,
 Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau !
 Nhớ ơn chín chữ cao sâu (7),
 Một ngày một ngả bóng dàu tà-tà,
 1255 Dặm nghìn nước thăm non xa,
 Nghĩ dàu thân-phận con ra thế này !

- Sân hờ* (8) *đôi chút thơ ngây*,
 Trân cam (9), ai kẻ đỡ thay việc mình ?
 Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
 1260 Xa-xôi, ai có biết tình chẳng ai ?
 Khi về hỏi liễu Chương-đài (10),
 Cảnh xuân đã bẻ cho người chuyên tay !
 Tình sâu, mong trả nghĩa dày,
 Hoa kia đã chấp *cánh* này cho chưa ?
 1265 Mỗi tình đòi đoạn vô tơ,
 Giấc hương quan (11) lưỡng lãn mơ canh dài !
 Song-sa (12) vô-võ phương trời,
 Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng (13) !

3o) *Khi lấy Thúc.Sinh*

- Nàng từ chiếc bóng song the ;
 Đường kia nổi nọ, như chia mỗi sầu.
 Bóng dầu đã xế ngang đầu.
 1630 Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi ?
 Tóc thề đã chắm *ngang* vai,
 Nào lời non nước, nào lời sắt son !
Sấn bìm (14) chút phận con-con,
Khuôn duyên biết có vương tròn cho chẳng ?
 1635 Thân sao lắm nổi bất bằng ?
 Liễu như cung Quảng ả Hằng (15) nghĩ nao (16) !

4o) *Khi lấy Từ.Hải*

- Nàng *thi* chiếc bóng song mai (17).
Đêm thu dằng-dặng, nhật cài then mây (18),
 Sân rêu chẳng vẽ dấu giày.
 Cỏ cao hơn thước, liễu gãy vài phân.
 2235 Đoái thương muôn dặm tử-phần (19),
 Hồn quê theo ngọn mây Tần (20) xa-xa.
 Xót thay huyền cõi xuân già (21),
 Tấm lòng thương nhớ biết là có người !
 Chốc *đá* mười mấy năm trời
 2240 Còn ra khi đã da mồi tóc sương !

Tiệc thay chút nghĩa cũ-càng,
 Dấu lia ngó ý, còn vương tơ lòng (22).
 Duyên em dù nối chỉ hồng (23),
 May ra khi đã tay bằng tay mang.

2245

Tắc lòng cố-quốc tha-hương,
 Đường kia nối nọ, ngồn-ngang bời-bời.
 Cảnh hồng (24) bay bằng tuyết vời,
 Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm.

Bản chép khác.— Câu 1040 :... *rày mong*... (hoặc) : *lưỡng nhữg rày mong*... — Câu 1042 :... *gột đến*... — Câu 1047 :... *gần hôm*. — Câu 1053 :... *mặt ghềnh*. — 1251 : *Nội lòng*.. Câu 1257 : *Long-đong nhà bạc em ngày*. — Câu 1264 :... *cây này*... (hoặc) *cây này*... — Câu 1266 :... *mẫu mơ*... — Câu 1931 :... *quanh vai*. — Câu 1633 :... *Cát đàng*... — Câu 1634 : *Nhân duyên*... — Câu 1636... *chị Hằng*... — Câu 2231 : *Nàng từ*.. — Câu 2232 : *Ngày thu*.. — Câu 2239.. *là* — Câu 2422... *mỗi chi*... — Câu 2245 : *Tắc niềm*...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Người dưới nguyệt chén đồng* : người cùng vời mình ngồi dưới bóng trăng uống chén rượu mà thề chữ « đồng-tâm » — (2) *Tấm son* : dịch chữ « đan tâm 丹心 », chỉ tấm lòng trung trinh—(3) *Người tựa cửa hôm mai* : người mẹ. Do tích chép trong *Chiến quốc sách* : bà mẹ Vương Tôn-Giả, người đời Chiến-quốc, một lần mắng con rằng : «Mày đi buổi sớm mà chậm thì tao tựa cửa đứng mong ; mày đi buổi tối mà chưa về thì tao tựa cổng đứng mong. Nay mày thờ vua, vua chạy trốn, mà mày không biết vua ở đâu, mày còn về làm gì ? » Thi ra lần ấy vua Tề Mân-Vương là ông vua Tôn-Giả đương thờ bị tướng nước Sở giết chết mà Tôn-Giả bỏ chạy về nhà, nên bị bà mẹ mắng như thế.— (4) *Quạt nồng, ấp lạnh* : Chữ trong *Kinh Lễ* : Thờ cha mẹ, quạt khi nóng, ấp khi lạnh (*ấp* đây là chỗ cha mẹ nằm cho ấm trước khi mời cha mẹ đi nằm). — (5) *Sân Lai* : sân nhà cha mẹ. Do tích chép trong *Cao-sĩ truyện* : *Lão Lai*, người đời nhà Chu, đã bảy mươi tuổi mà cha mẹ hãy còn ; một hôm, ông mặc áo ngũ sắc ra sân múa, rồi giả cách ngã, khóc như trẻ con, để làm vui cho cha mẹ. — (6) *Tử 梓* : tên một thứ cây : đây chỉ què hương. Do câu trong *Kinh Thi* : « Duy tang dữ tử. Tất cung-kính chỉ 維桑與梓, 必恭敬止 » Cây dâu và cây tử ất phải kính trọng) vì hai cây ấy cha mẹ đã trồng.— (7) *Chín chữ cao sâu* : Chín chữ trong *Kinh-Thi* (thơ Lục-nga) nói về công ơn cao sâu của cha mẹ. Chín chữ ấy là : sinh 生 (cha mẹ), súc 鞠 (nuôi cho ăn) phủ 撫 (vỗ-vè), súc 畜 (nhắc dạy), trưởng 長 (mong cho lớn), dục 育

(nuôi nấng che chở), cố 顧 (trông nom), phục 復 (sản sóc), phúc 腹 (ôm ấp nâng niu).— (8) *Sân hòe* : Vương-Hựu, người đời nhà Tống, trồng ba cây hòe ở trong sân, chú ý mong cho con sau này làm đến chức tam-công (về đời nhà Chu, chỗ các quan hội họp có cây hòe chỉ chỗ của hạ vị tam-công). Sau quả nhiên con ông là Vương-Đán làm tới chức ấy. Vậy chữ « sân hòe » ở đây chỉ anh em.— (9) *Trân cam 珍甘* : của ngon vật lạ dâng lên cha mẹ xơi.— (10) *Liễu Chương-dài* : nghĩa bóng là tinh nhân (xem câu chú-thích số (7) ở bài 70).— (11) *Hương quan 鄉關* : cổng làng, chỉ quê hương. Giấc hương quan là giấc ngủ mơ-màng đến quê hương,— (12) *Song sa* : cửa sổ che màn bằng sa.— (13) *Câu 1268* : *Hoàng hôn 黃昏* (hoàng : vàng ; hôn : tối ; lúc nhá nhem tối. Chữ « hôn hoàng » nghĩa là lúc mặt trăng lặn. Cả câu ý nói : ngày nay hết, lại ngày mai hết.— (14) *Sấn, bím* : dây sấn và dây bím-bím, ví vói người vợ lẽ. Như chữ « cát lữ ».— (15) *Cung Quảng, ả Hằng* : Cung Quảng là cung trăng. Do tích vua Đường Minh-hoàng, giữa hôm rằm tháng tám, có người phù-thủy dùng phép đưa lên chơi trên cung trăng, thấy có sáu chữ đề : Quảng hàn thanh-hư chi phủ 廣寒清虛之俯 (Cái phủ rộng-rãi, lạnh-lẽo, trong trẻo, hư không). Ả Hằng là Hằng-Nga, vợ Hậu-Nghệ, ăn cắp thuốc trường sinh của chồng, rồi trốn lên cung trăng. Bốn chữ ấy ý nói : phải ở một mình như Hằng-Nga ở trên cung trăng.— (16) *Nao* : bồn-chồn bổi-tối.— (17) *Song mai* : cửa sổ người có hoa mai.— (18) *Nhật cái then mây* : cài cái then chặt-chẽ. Ý nói : đóng kín cửa ngõ trong nhà.— (19) *Tử phần 梓粉* : tên hai thứ cây, dùng để chỉ quê hương.— (20) *Theo ngọn mây Tần* : nghĩa bóng là nhớ nhà. Chữ lấy trong câu thơ của Hàn-Dũ đời Đường : « Vân-hoành Tần lĩnh, gia hà tại ? 雲橫秦嶺家何在 ». Mây che ngang núi Tần, không trông thấy nhà ở đâu).— (21) *Huyền côi xuân già* ; cha mẹ già. Huyền : xem câu chú-thích số (1) ở bài 101. Xuân : xem câu chú-thích số (7) ở bài 84.— (22) *Câu 224?* : « ngó » và « tơ » đây là ngó sen và tơ sen. Cả câu ý nói : tuy xa cách linh nhân mà lòng vẫn nhớ đến, ví như cài ngó sen tuy gãy mà tơ nó vẫn liền.— (23) *Chỉ hồng* : dịch chữ « xích thằng 赤繩 », chỉ việc hôn-nhân. Do tích chép trong *Tinh sử* : Đời nhà Đường, Vi Cố di kén vợ gặp một ông cụ ngồi dựa túi xem sách dưới bóng trăng. Anh ta hỏi, thì ông cụ bảo sách ấy chép lên những người lấy nhau và túi ấy đựng những sợi chỉ hồng (xích thằng) để buộc hai người phải lấy nhau không sao gỡ được nữa. Anh ta hỏi phải lấy ai, thì ông cụ chỉ một đứa bé lên ba tuổi ở trong tay một người đàn bà chợt mắt đem rau ra chợ bán mà bảo đó là vợ Vi-Cố. Cố giận, sai người đăm con bé ấy ; nhưng nó chỉ bị thương thôi. Cách mười bốn năm sau quả nhiên Vi-Cố lấy người con gái ấy. Do tích ấy, nên những chữ « xích thằng », « chỉ hồng », « tơ thắm » dùng để chỉ việc hôn-nhân, và những chữ « nguyệt lão », « trăng già », « ông Tơ », « bà Nguyệt » dùng để chỉ vị thần chủ về việc hôn-nhân.— (24) *Hồng 鴻* : giống ngỗng trời ; đây dùng để ví với Từ-Hải.

HỒ-XUÂN-HƯƠNG 胡春香

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (11)).

85.— Bánh trôi

Thân em thì trắng, phận em tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non,
Dẫu nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

86.— Tự tình

Tiếng gà văng-vẳng gáy trên bom ?
Oán-hận trông xa khắp mọi chòm.
Mỡ thấm không khua mà cũng cốc,
Chuông sầu chẳng đánh, *có sao om* ?
Trước nghe những tiếng thềm rầu-rĩ,
Sau giận vì duyên đề mỗm-mòm !
Tài-tử văn-nhân ai đó tá !
Thân này đâu đã chịu già tom ?

Bản chép khác.— Câu 4 : *Trống... cũng kêu...*

87.— Than thân

Canh khuya văng-vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng-nhan với nước non.
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.
Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại
Mảnh tình san-sẻ tí con con.

BÀ HUYỆN THANH-QUAN

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (13)).

88.— Chùa Trấn-bắc (1)

*Trấn-bắc hành cung cỏ dãi-dầu,
Khách đi qua đó chạnh niềm đau,
Mấy tòa sen rớt mùi hương ngự,
Năm thức mây phong nếp áo châu.
Sóng lớp phế-hưng coi đã rợn,
Chuông hồi kim-cổ lắng càng mau.
Người xưa, cảnh cũ, nào đâu tá ?
Khéo ngẫu ngộ thay lũ trọc đầu !*

Bản chép khác.— Câu 1-2 : *Qua chơi Trấn-quốc cảnh buồn
rầu, Ngao-ngán tình xưa, dạ chạnh đau (hoặc) : Ngồi cửa hành cung
cỏ dãi-dầu, Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau.* — Câu 3 : . . . hơi
. . . — Câu 6 : dòn . . . — Câu 7 : . . . đi (hoặc) đầu . . .

CHÚ-THÍCH (1) *Chùa Trấn-bắc* : tên một ngôi chùa ở bờ phía đông Hồ-Tây thành Hà-nội. Nguyên tên là chùa An-quốc 安國 làm tự đời nhà Trần ; đến năm Vĩnh-tộ thứ 10 (1628) đời vua Lê-thần-Tôn, làm lại, đổi tên là chùa Trấn-quốc 鎮國. Năm Dương-hóa thứ 5 (1639) chúa Trịnh (Trịnh Tráng) sửa sang rộng thêm, lại đổi tên là chùa Trấn-bắc 鎮北 ; vua Lê, chúa Trịnh thường ngự tới đó hưởng sen.

89.— Chiều hôm nhớ nhà

Vàng tỏa non tây, bóng ác tà ;
Đầm-dầm ngọn cỏ, tuyết phun hoa.
Ngàn mai lác-đác chim về tổ ;
Dậm liễu băng-khuàng khách nhớ nhà.
Còi mục thét trắng miền khoáng dã (1) ;
Chài ngư tung gió bãi bình-sa (2) .
Lòng quê một bước nhường ngao-ngán,
Mấy kẻ tình chung có thấu là ?

CHÚ-THÍCH.— (1) *Khoáng-dã* 曠野 : cánh đồng rộng.— (2) *Bình-sa* 平沙 : cát phẳng,

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ 阮公著 (1778-1858)

(Xem Tiểu truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (14).)

90.— Tự thuật

Hai mươi năm lẻ những mơ-màng,
Cuộc thế xem qua đã chán-chường.
Lúc đạt, chẳng qua nhờ vận-mệnh ;
Khi cùng chớ cậy có văn-chương.
Theo thời cũng rắp tìm nghề khác,
Bầm tính đã quen giữ nếp ương.
Thời-thế rủi may thời cũng mặc.
Ai dư nước mắt khóc giàu sang ?

Bản chép khác.— Câu 1-2 : *Ràng đây há phải khách tầm thường. Theo thế cho nên phải giữ-giàng* (hoặc : *Mắt thấy từ đây mới rõ-ràng*) — Câu 5 : *Nghèo...* — Câu 6 : *Võn...* — Câu 7 : *Hễ chuyện... chẳng trách.* — Câu 8 : *Khéo...*

91.— Khuyên người đời

Cho hay thiên-hạ khéo xem gương :
Hễ khó thời thôi mấy kẻ màng
Miệng nói đã đành mua chuyện ghét ;
Tay không chưa dễ ép người thường.
Khéo khôn ai cũng tranh phần được ;
Trong sạch ta thời giữ mực thường.
Đi lại chẳng qua thời với mệnh.
Cũng đừng thắc mắc (1), chớ lo-lường.

Bản chép khác.— Câu 3... *toan...*— Câu 4 :... *dễ dám...* — Câu 5 ... *dễ chen...*— Câu 6 ... *nhưng...*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thắc mắc* : không yên.

92.— Cây thông

Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười.

Kiếp sau xin chớ làm người,
 Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
 Giữa trời, vách đá cheo-leo,
 Ai mà chịu rét thời trèo với thông.

Bản chép khác.— Câu 5 :... *cành lá*..

93.— Chí Nam-nhi

Thông-minh nhất Nam-tử,

聰明一男子

Yêu vì thiên-hạ kỳ (1)

要為天下奇

Chót sinh ra thì phải chi-chi.

Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu.

Đổ-ky sá chi con Tạo.

Nợ tang-bồng (2) quyết trả cho xong.

Đã xông-pha bút trận, thì gắng gỏi kiếm cung.

Làm cho rõ tu-mi nam tử.

Trong vũ-trụ đã dành phận-sự,

Phải có danh mà đối với núi sông.

Đi không, chẳng lẽ về không.

CHỮ-THÍCH.— (1) Hai câu 1-2: một người con trai thông-minh phải làm nên kẻ khác thường trong thiên hạ — (2) Tang bồng: Xem câu chú-thích số (2) ở Bài 39.

94.— Kê sĩ

Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt,

爵有五士居其列

Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên

民有四士為之先

Có giang-sơn thì sĩ đã có tên;

Từ Chu, Hán vốn sĩ này là quí.

Miền lương-dãng đã khen rằng hiếu nghị (2)

Đạo lập-thân giữ lấy cương-thường.

- Khi hạo-nhiên chí đại chí cương (3),
 So chính-khi đã đầy trong trời đất,
 Lúc vị-ngộ, hối tâng nơi bồng-tất (4),
 10 Hiều-hiều nhiên điều Vị, canh Sần (5).
 Xe bờ-luân dầu chưa gặp Thang, Văn (6).
 Phù thế-giáo một vài câu thanh-ngệ (7)
 Cầm chính đạo để tịch tà cự bí (8)
 Hồi cuồng lan nhi chương bách xuyên (9).
 15 Rờng mây khi gặp hội ưa duyên,
 Đem quách cả sở tồn làm sở dụng.
 Trong lang-miếu ra tài lượng-đống (10)
 Ngoài biên-thùy rạch mũi can-tương (11),
 Làm sao cho bách thế lưu phương.
 20 Trước là sĩ, sau là khanh tướng.
 Kinh-luân khởi tâm thượng, binh-giáp tàng hung trung
 經 綸 起 心 上 兵 甲 藏 胸 中
 Vũ trụ chi gian giai phận sự, nam nhi đáo thử thị
 宇 宙 之 間 皆 分 事 男 兒 到 此 是 豪 雄
 hào hùng (12)
 Nhà nước yên mà sĩ được thung-dung.
 Bảy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng-thạch, (13)
 25 Năm ba chú tiểu đồng lếch-thếch,
 Tiêu-dao nơi hàn cốc thanh-son (14).
 Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đàn.
 Đồ thích chỉ chất đầy trong một túi.
 Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi tôi,
 30 Gẫm việc đời mà gẫm kẻ trọc thanh.
 Nay này sĩ mới hoàn danh.

Bản chép khác.— Câu 4 :... *Đời... nhất... đều...* — Câu
 5:... *xung rãng* hiểu nghị (hoặc) : .. khen rằng hiếu đã.— Câu
 8:... *cho...* — Câu 11... *chưa gặp hội...*— Câu 12 :... *lời...*— Câu
 16 :... *chí...*— Câu 18 :... *cậy sức...*— Câu 19 : *Sĩ làm cho...*—
 Câu 20 : *Đầu nhất...*— Câu 21 : *tự...*— Câu 22... *nội...*— Câu
 23 :... *mình...*— Câu 24 :... *sẽ hỏi thăm...* — Câu 26 : *Tụ những...*
bích thủy...— Câu 27 : *Nào là thi, nào là từ, nào là địch, nào là đàn.*—
 Câu 28 : .. *thú để... cuộc thế.*— Câu... *nhắm*—

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hai câu 1-2* : Trước có năm bậc (thượng đại-phu khanh, hạ đại phu, thượng-sĩ, trung-sĩ, hạ-sĩ), sĩ được liệt vào trong ; dân có bốn hạng (sĩ, nông, công, thương), sĩ đứng đầu tiên.— (2) *Nghị 諍* : tinh-nghĩa.— (3) *Khi hạo nhiên chí đại chí cương* : khi lớn lao rất to rất cứng ; nói về cái « chính khi », cái khi tiết ngay thẳng của những bậc anh hùng.— (4) *Lúc vị ngộ hối làng nơi bông lút* (vị ngộ : chưa gặp : hối-tàn, ăn nẫu ; bông-tắt : tên hai thứ cỏ) : lúc chưa gặp thời thì ăn nẫu ở nơi thôn quê.— (5) *Điều Vị, canh Sần* : Điều Vị : câu cá ở sông Vị : theo tích ông Lã-Thượng (xem câu chú thích số (11) ở bài (63). Canh Sần : cây ở đất Sần. Ông Y-Doãn cây ruồng ở đất Sần, vua Thương-Thang nghe tiếng ông là người hiền, vời ông ra làm tướng ; ba lần mời, ông mới chịu ra ; sau giúp vua Thang đánh vua Trụ, lập nên cơ nghiệp nhà Thương.— (6) *Xe bờ-luân chưa gặp Thang, Văn* : Xe bờ-luân (bờ : tên một thứ cỏ ; luân : bánh xe) : thứ xe bánh có quán cỏ bờ cho êm, vua dùng để đón người hiền. Thang-Văn : tức là vua Thương-Thang đã đón ông Y-Doãn và vua Chu-Văn-vương đã đón ông Lã-Thượng.— (7) *Phù thế-giáo một vài câu thanh-nghị* : phù thế-giáo 扶世教 : giúp cho đạo giáo của đời. Thanh-nghị 清議 : Lời bàn bạc khen kẻ hay, chê kẻ dở.— (8) *Tịch tà cự bi 闢邪距諛* : trừ những điều gian tà, ngăn những điều bất chính.— (9) *Hồi cuồng-lan nhi chương bách xuyên 迴狂瀾而障百川* : ngăn sóng dữ mà giữ các dòng sông.— (10) *Lang miếu 廊廟* : nói chung về đền đài nhà vua ; đây nói làm quan ở kinh-đô. *Lương-đống 樑棟* : rường và cột ; nghĩa bóng : người cáng-đáng công việc trọng-đại trong nước.— (11) *Can-tương 于將* : tên một thanh gươm của vua Hạ-Lư nước Ngô ; đây chỉ chung các binh khí.— (12) *Hai câu 21-22* : Tài sắp đặt việc nước tự trong lòng ra, dò dùng đánh giặc chưa sẵn ở trong bụng ; trong khoảng trời đất đều là phận sự của mình, con trai đến thế mới hào-hùng. Cả câu ý nói : làm trai vừa có tài văn để trị nước, vừa có tài võ để dẹp giặc, bất cứ việc gì cũng cáng-đáng được, thế mới là giỏi.— (13) *Hoàng-thạch* : tức Hoàng-thạch-công 黃石公 : Một bậc ăn-dật ở bên Tàu đời xưa.— (14) *Hàn-cốc, thanh-son 寒谷青山* : hang lạnh núi xanh.

95.— Cầm kỳ thi tửu

Cầm, kỳ, thi, tửu,

Đường ăn chơi mỗi vẻ mỗi hay.

Đàn năm cung, giéo-giắt tinh-tinh đây ;

Cờ đôi nước, rập-rình xe ngựa đó.

Thơ một túi, phẩm-đề cầu nguyệt lộ (1) ;
 Rượu ba chung (2), tiêu-sái cuộc yên-hà (3)
 Thú xuất trần, tiên vẫn là ta ;
 Sánh Hoàng-thạch, Xích-tùng (4), ở cũng đáng.
 Cầm tứ tiêu nhiên, kỳ tứ sáng ;
 琴 思 瀟 然 棋 思 爽
 Thi hoài lạc hĩ, tửu hoài nồng (5).
 詩 懷 樂 矣 酒 懷 濃
 Một chữ nhân giá lại đáng muôn chung (6)
 Người ở thế, dẫu trăm năm là mấy.
 Sách có chữ : « Nhân sinh thích chí 人生適志 »
 Đem ngàn vàng chác lấy chuyện cười.
 Chơi cho lịch mới là chơi,
 Chơi cho dài-các, cho người biết tay
 Tài tình dễ mấy xưa nay.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Phẩm-đề* 品題 : phê lời khen. *Nguyệt lộ* 月露 : ràng và móc; ý nói văn hay.— (2) *Chung* 鐘 : chén uống rượu.— (3) : *Tiêu sái* 瀟洒 : phóng khoáng, không vướng víu với trần tục.— *Yên-hà* 煙霞 : (yên: khói, đây là hơi mù ; hà: ráng); nói về cái cảnh thiên-nhiên, cái thú ẩn-dật.— 4 *Hoàng thạch* : xem câu chú-thích số (13) ở bài trên. *Xích-tùng* : tức là Xích tùng tử 赤松子 : tên một ông tiên đời xưa.— (5) *Hai câu 9-10* : Từ đàn trong trẻo, tứ cò sáng-sủa; lòng thơ vui-vẻ, lòng rượu nồng-nàn. — (6) *Muôn chung* : dịch chữ « vạn chung » xem câu chú-thích (7) ở bài 71.

LÝ VĂN-PHÚC 李文馥

(Xem tiền-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (1).)

96. — Tự thuật ký (1)

Ở cõi trời Nam ; có người đất Bắc (2).

Dòng thi-lễ vốn Minh-triều tạt lại (2) ; áng binh-qua vừa Lê mặt xuống sinh.

Nhờ nghĩa-phương (3) từ bé chút từng nghe, dưới sân nghiêm mắt quở tai răn, tinh du-dưỡng uốn lần cho nhập giáo (4), — theo học-nghiệp đã lớn khôn biết nghĩ, bên trường ráng sớm ôn lối đọc, việc tập-tành gắng mãi cũng thành danh.

Vận đổi-xoay vừa chán cuộc tang thương; — cơ binh-trị sớm rạng vùng thiên-nhật.

Khoa đình-mão (5) cũng nước bầu cơm gói, tiệc lễ đi không về luống, kỳ tứ-trường còn nhượng bằng Tôn-sơn (6) ; — chón Trảng-an (7) thời củi quế gạo châu (8), lấy gì ngọt thảo bụi thơm, đường bách lý những ghi lời Tử-lộ (9).

Nghề buôn bán tay không khôn võ ; — bước khó-khẩn đầu gối hay bò.

Cất mình đi đem lưới bút thay cày, hết miền Cỗ-nhuế (10), lại Phố Thăng-Long (11), nhờ lộc thánh đã giúp công rèn tập ; — làm thế lại giở túi nghề dãi khách, nay số Tử-vi, mai pho Dã-hạc, mượn giá thầy cho đất tiếng xem coi.

Nhân cùng trí đoán, hết nói khôn ngoan ; — hĩ cực thái lai, là nhờ vận chuyển.

Trường át-mão (12) may tên dự hương-tiến (13), hàng thường lệ (14) nối liền ba nhánh, công sinh-thành đã hơn-hở mẹ cha ; — năm canh-lhìn (15) vàng ửng chiếu hạ trung (16), cánh tiêu-liêu (17) gửi ghé một cánh, đường vinh-dạt cũng theo đòi bạn hữu.

Ti-lạp (18) chung nhờ lộc nước ; — đầu-thăng (19) riêng thiết nổi nhà.

Trông quãng mây che đỉnh Hồ khuấy đi, một phong

thư lặn suối trèo non, mở ra xem giấy thăm mực sần, kêu trời thăm những cắt lòng nơi lữ-xá ; — đội vầng nguyệt chỉ quê Phần (20) ruổi lại, hai tháng hạn năm rơm gối đất, tả chưa hết dòng thương giọt tủi, lại mẹ già thôi trở gót chốn thần-kinh.

Yên phận rồi, đầu đề nổi gia-tình ; — gác chữ hiếu phải chăm bề công-sự.

Tài sơ-thiên chực một bề tôm-tép, lần lửa mưa sương nắng nguyệt, trĩu tháng ngày nên dự số công-lao ; — duyên tao-phùng may nghìn thuở rờng mây, vẻ-vang áo măng dai mồi, tuôn mưa móc thấm cả mình bố.tố (21).

Đường mây thanh-thả, khi quận khi triều ; — bề hoạn chấp-chờn, có vinh có nhục.

Vinh thay buổi ra vào nơi điện bệ, phận hàn-sĩ thoát nhảy ngời quan cả : tuy chẳng được bằng vàng bia đá, nghĩ lại sáu bảy năm chùng ấy, tám chín phần đã trả nợ sách đèn ; — nhục thay khi ngồi đứng gốc hành-dương (22), thân á.khanh cam sánh kẻ lính già : gương cho qua cháo muối cơm rau, tính dờn ba bốn tháng dài ghê, trăm nghìn nổi đủ nếm mùi cay đắng.

Tội thân-tử dẫu búa rìu cũng đáng , — ơn thánh mình rồi sấm sét lại qua.

Lầu thái-vân đầu này xuống liêng tơ, may bóng dương còn soi đến dấu bèo, nét son thăm sáng lờn nha ngục-thất ; — khối bạch-cốt hồng nở dần gân thịt, nhờ hòn đất lại nặn lên ông bụt, giấc mộng tàn tỉnh cả chốn cư-đình (23).

Trải nhục rồi, mới biết thuở xưa vinh ; — được sống lại, dám quản đâu là thác.

Đếm với bề đã sáu lần thiệp-lich (24), sóng gió kẻ bao phen chìm nổi, chắc trong mình vàng có mệnh quân-vương ; — góp non sông vào mấy quyền phẩm-đề, bút nghiên là vốn nghiệp xưa nay, mở con mắt ngó cùng nơi dị-vực.

Trong sai khiến ấy là huấn-hối ; — sức hẹp-hòi thêm được kiến-văn,

Đành tẩm.thần nhờ đào.tạo còn dày, xếp đặc-táng có bàn chi sự cũ ; — cầm tắc dạ với quỷ thần không hổ, miễn thủy-chung cho chó phụ ơn trên.

Buồm thênh-thênh hầu dáng bằng hồi-sai (25) ; bút thảo-thảo gói ghi thiên tự-thuật.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tự thuật ký* : bài ký kể thân-thể của mình. Bài này tác-giả làm năm 1834 (Minh-Mệnh thứ 15) khi vâng mệnh công-cán ở Áo-môn, trở về (xem câu cuối). Bài này làm theo thể «tự-lục».— (2) *Người đất Bắc*— *Vốn Minh-triều tại lại* : tác-giả vốn dòng-dõi người Tàu ; khi triều Minh bị nhà Mãn-Thanh đánh đổ, tổ-tiên tác-giả mới sang ở bên nước ta.— (3) *Nghĩa phương* 義方 : chỉ hướng hợp đạo nghĩa.— (4) *Nhập giáo* 入教 : vào khuôn phép.— (5) *Đình mào* tức là năm 1807.— (6) *Nhượng bằng Tôn-sơn* (Tôn-sơn 孫山 : tên một người đi thi đỗ cuối bằng) : ý nói hồng thi.— (7) *Trang-an* 長安 : nguyên là kinh-đô nước Tàu về đời nhà Tây-Hán (nay ở tỉnh Thiểm tây) ; sau dùng theo nghĩa rộng để gọi chung kinh-đô nhà vua.— (8) *Củ quế, gạo châu* : củi đất như quế, gạo đất như hạt châu ; ý nói đất lấm.— (9) *Đường bách-lý những ghi lời Tử-Lộ* (bách-lý 百里 : trăm dặm ; Tử-Lộ 子路 ; tên một người học-trò đức Khổng-Tử) : xưa Tử-Lộ thờ cha mẹ rất có hiếu ; nhà nghèo thường đội gạo đi tram dặm để lấy tiền nuôi cha mẹ.— (10) *Cổ nhứt* : tên làng, nay thuộc phủ Hoài-đức tỉnh Hà-dông.— (11) *Thăng-long* : tên cũ Hà-nội, đặt ra từ đời Lý-Thái-ô.— (12) *Ất-mão* ; tức là năm 1819.— (13) *Hương tiến* 鄉薦 : đỗ khoa thi hương.— (14) *Thường lệ* 常棣 : tên một thứ cây ; lại là tên một thiên trong *Kinh-Thi* tả cảnh vui-vầy trong anh em.— (15) *Canh thin* : tức là năm 1820.— (16) *Hạ trung* 下徵 : nói vua hạ tờ chiếu xuống đòi ra làm quan.— (17) *Tiên liêu* 椒聊 : tức là cây hồ-liêu ; tên một thiên trong *Kinh-thi* nói về quả cây hồ-liêu sai đề ví với con cháu nhiều.— (18) *Ti-lạp* 緜粒 : sợi tơ và hạt gạo.— (19) *Đầu-thăng* 斗升 : đấu và thăng (phần mười của đấu) : ý nói lương bổng ít-ôi.— (20) *Quê phần* : quê-hương. Nguyên vua Hán cao-tổ quê ở xã Phần du 粉榆 (tên hai thứ cây), nên đời sau dùng chữ ấy để gọi quê-hương.— (21) *Bố-lố* 布素 : áo vải mộc-mạc ; chỉ thân người học trò nghèo.— (22) *Gốc hành-dương* (hành-dương 桁楊 : cùm bằng gỗ) ; chỉ nơi ngục-thất. Tác-giả một lần đương làm hữu-tham-tri, bị tội phải tước chức ; sau theo phái-bộ đi ra ngoại-quốc hiệu lực, rồi lại được khai-phục.— (23) *Cư-dinh* 居亭 : nhà trọ.— (24) *Đếm với bề dũ sáu lần thiếp-lịch* : sáu lần vượt qua bề khơi. Đây tác-giả nói đến việc được cử đi công-cán ở Tiểu-tây-dương ở Tân-gia-ba, ở Lữ-tống, ở Quảng-đông, ở Tân-gia-ba lần thứ hai, ở Áo-môn.— (25) *Hồi-sai* 回差 : đi việc công sai trở về.

NHỊ THẬP TỨ-HIỆU DIỄN ÂM 二十四孝演音

« Nhị thập tứ hiếu » nghĩa là hai mươi bốn chuyện hiếu. Trong tập này (gồm có 416 câu), tác giả đem truyện hai mươi bốn người con có hiếu chép ở sử sách Tàu đặt ra lời ca song thất lục bát.

97.— Nằm vâng, khóc măng

- 297 Người Vương-Tường cũng ra đòi Tấn,
Tủ huyền-đường (1) sớm ẩn bóng xa (2).
- 300 Mẹ sao gặp kẻ chua ngoa,
Tiếng gièm thêu dệt với cha những điều.
Lòng cha vẫn còn yêu như trước.
Lòng con thương chẳng khác như xưa.
Mẹ thường muốn bữa sinh-ngư (3)
Giả đông trời lạnh, bấy giờ tìm đâu ?
- 305 Trên vầng đông, quyết cầu cho thấy.
Cởi áo nằm, rét mấy cũng vui.
Bỗng không vản lở làm đôi,
Li-ngư (4) may được một đôi mang về.
Bữa cung-cấp một bề kính thuận,
- 310 Mẹ cha đều đổi giận làm lành.
Cho hay hiếu cảm lại mình,
Dẫu trăm giận, lúc hạ tinh (5) cũng thôi.
-
- 325 Ngô Mạnh-tôn phụ-sinh sớm khuất,
Thờ mẫu thân lòng thực khăng khăng.
Tuổi già dẫn-dọc bần-khoản ;
Khi đau, nhớ bát canh măng những thêm.
Trời đông-nguyệt biết tìm đâu được,
- 330 Chốn trúc-lâm phải bước chân đi.
Một thân ngồi tựa gốc tre,
Ôm cây kêu khóc nản-ni với cây.
Giữa bình-dịa phút giây bỗng nứt,
Mây rò măng mặt đất nảy sinh.
- 335 Đem về điều đặt bữa canh,
Ăn rồi bệnh mẹ lại lành như xưa.
Măng mùa lạnh bấy giờ mới thấy,

Đề về sau nhờ lấy cỏ cây.

Cho hay hiểu động cao dày (6).

340 Tình sâu nên khiến cỏ cây cũng tình.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Huyền đường* 萱堂 : (nhà trồng cây huyền) : chỉ người mẹ. Huyền là một thứ cỏ có tính giải phiền, nên còn gọi là « vong ưu thảo 忘憂草 » (cỏ làm quên nỗi lo), bởi thế hay trồng ở chỗ mẹ ở để mong cho mẹ được vui. *Kinh thi* có câu : « Yên đắc huyền thảo, ngôn thụ chi bối 馬得萱草, 言樹之背. » (Ước gì được cỏ huyền, mà trồng ở nhà phía bắc (tức là nhà mẹ ở). Những chữ « huyền đình », « nhà huyền » cũng có nghĩa ấy (2).— *Sớm ần bóng xa* : mắt sớm. — (3) *Sinh ngư* 生魚 : cá sống. — (4) *Lí ngư* 鯉魚 : cá chép. *Hạ tình* 下情 : nói người trên đoái tình thương người dưới. — (6) *Caο dày* : trời, đất ; do câu « trời cao, đất dày » nói tắt lại.

NGÔ THẾ - VINH 吳世榮

(*Biệt hiện Trúc-đường, người xã Bài-dương (nay thuộc p. Nam-trực, t. Nam định), đỗ tiến sĩ năm 18 9, Minh-mệnh thứ 10.*)

98.— Thanh phong, minh nguyệt

Giang tâm thu nguyệt bạch,

江心秋月白

Nã-nùng thay khi gió mát, lúc trăng thanh !

Bóng thềm soi đầy nước long-lanh.

Quang cảnh ấy cũng thanh mà cũng lịch.

Vạn khoảnh tịch-nhiên thu dạ vĩnh,

萬頃寂然秋夜永

Nhất hồ oánh nhĩ nguyệt minh thâu (1)

一壺瑩爾月明秋

Đàn năm cung, thư một *túi*, cờ một cuộc, rượu một bầu,

Tiếng ca quản (2) một vài câu khiêu hứng.

Chèo mấy mái, thuyền lan lững-thững,

Bạn mấy người tài-tử *ngao-du*.

Nón mấy tầng, dĩa mọc *lò-nhỏ*,

Cầu mấy dịp, bắc ngang sông *Vị-thủy* (3)

Hội Xích-bích nọ năm Tuất nhĩ !

Thú phong-lưu há để một *Tô-công* (4) ?

Trăng thanh gió mát kho chung.

Bản chép khác.— Câu 1 : Giang tâm, thu nguyệt.— Câu 5... *lãi*
— Câu 7 :... *khúc* Câu 10 :... *tiểu đao* — Câu 11 :... *so-le*. Câu 12 :... *một*...

CHÚ-THÍCH.— (1) Hai câu 5-6 : Muôn khoảnh (trăm mẫu) vắng ngắt trong đêm dài mùa thu ; một bầu lóng lánh ánh trăng thu.— (2) *Ca quân* 歌管 : hát và sáo.— (3) *Vị thủy* : tức là sông Vị hoàng chảy qua tỉnh Nam định.— (4) *Tô công* : tức là Tô Đông-pha, một bậc danh sĩ ở bên Tàu về đời Tống. Nam *Nhâm-tuất* (1082) ông đi chơi thuyền ở dưới núi *Xích-bích* hai lần: nhân đó làm ra hai bài *Tiền Xích-bích* và *Hậu Xích-bích phú*

PHAN THANH-GIẢN 潘清簡 (1796-1867)

(Xem *Tiểu-truyện* tác giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì. Chương hứ XV, Lời chú (14).)

99.— Đi sứ nước Pháp

Chín tầng lồng-lộng giữa trời thình,
Phụng chỉ ra đi buổi sứ trình ;
Lo nổi nước kia còn phiến.biển ;
Thương bề dân nọ cuộc giao chinh.
Nghìn trùng biển cả sang tây-địa ;
Muôn dặm đường xa thẳng đế.kinh.
Mây nước sang qua cùng Pháp-quốc,
Rước đưa mừng rỡ cuộc hòa-minh.

100.— Tuyệt cốc (1)

Trời thời, đất lợi, lại người hòa :
Hà để ngồi coi phải nói ra,
Lắm trả ơn vua, đền nợ nước ;
Đành cam gánh nặng, ruồi đường xa
Lên ghềnh xuống thác, thương con trẻ ;
Vượt biển trèo non, cảm phạn già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi.
Nào hay ba tỉnh lại châu ba (2).

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tuyệt cốc* 絕穀 : không ăn thóc ; nhịn đói. Năm 1867, sau khi nộp ba tỉnh phía tây Nam kỳ (Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên) cho người Pháp, cụ nhịn đói trong mười ngày, rồi uống thuốc

độc chết.— (2) *Ba tỉnh lại châu ba* (châu: thêm vào): đây là nói ba tỉnh phía tây lại sáp nhập ba tỉnh phía đông xứ Nam kỳ (bây giờ là Nam Việt (Gia-định, Biên-hòa, và Định-trường) mà vua ta đã nhượng cho nước Pháp theo tờ hiệp-ước ký ngày 5 tháng 6 năm 1862.

CAO BÁ-QUÁT 高伯适 (? -1854)

(Xem *Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, Lời chú (10)*).

101.— Uống rượu tiêu sầu

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy,
 Cảnh phù-du (1) trông thấy cũng nực cười,
 Thôi công đầu *chuồn* lấy sự đời,
 Tiêu.khiển một vài chuông lếu-láo.
 Đoạn tống nhất sinh duy hữu tửu,
 斷送一生惟有酒
 Trăm tư bách kế bất như nhàn (2)
 沉思百計不如閒
 Dưới thiều-quang thấp thoáng bóng Nam-san (3),
 Ngoảnh mặt lại, cửu hoàn (4) coi cũng nhỏ.
 Khoảng trời đất, cồ kim, kim cồ,
 Mảnh hình.hài không có, có không.
 Lọ là thiên tử, vạn chung (5) !

Bản chép khác.— Câu 2 : *buồn...*— Câu 3 : *rước* (hoặc *chác*)...
 Câu 7 : ... *Bóng ... dưới ...* — Câu 9 : *Thuở ...*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Phù du* : xem câu chú thích số (10) ở bài 36.— (2) *Hai câu 5-6* : Dứt hẳn một cuộc đời chỉ có rượu ; ngâm nghĩ trăm kế, không gì bằng nhàn. Cả hai câu ý nói : nghĩ cho kỹ, ở trên đời, chỉ có uống rượu và an nhàn là hơn cả.— (3) *Thiều quang* 韶光 : ánh sáng đẹp đẽ, phong cảnh mùa xuân. *Nam-san* 南山 : quả núi ở phía nam.— (4) *Cửu hoàn* : như chữ hoàn-cầu, khắp trái đất, cả thế giới.— (5) *Thiên tử vạn chung* : xem câu chú thích số (7) ở bài 71.

102.— Ngán đời

Thế sự thăng trầm, quân mạc vấn ;
 世 事 升 沉 君 莫 問

Yên ba thâm xứ hữu ngư châu (1)
 煙波深處有漁舟
 Vất tay nằm nghĩ chuyện dâu dâu,
 Đem mộng sự độ với chân-thân thì cũng hết.
 Duy giang thượng chi thanh phong, dữ sơn gian
 chi minh nguyệt (2)
 惟江上之清風，與山間之明月
 Kho trời chung, mà vô tận của mình riêng,
 Cuộc vòng tròn phó mặc khuôn thiêng ;
 Kể thành-thị, kể vui miền lâm tâu (3).
 Gõ dĩa lấy, đọc câu « Trương tiến tửu » (4) :
 « Quán bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng
 lai, bồn lưu đạo hải bất phục hồi » (5)
 Làm chi cho mệt một đời !

Bản chép khác. — Câu 4 :... *mệt*.

CHÚ-THÍCH. — (1) Hai câu 1-2: Việc đời lên xuống, nhà người chẳng hỏi làm gì (Kia) trong chỗ khởi mù sóng rợn, có chiếc thuyền đánh cá. Ý nói : nên gác bỏ việc đời và tiêu dao ở nơi mây mù sóng nước vậy, — (2) Câu 5 : Câu này lấy ở bài phú *Tiền xích bích* của Tô Đông-pha và nghĩa là : chỉ có gió mát ở trên sông, cùng trăng sáng trong khoảng núi — (3) *Lâm tâu* 林藪 : rừng và nội cỏ. — (4) *Trương tiến tửu* 將進酒 (Sắp kéo rượu) nhan một bài Nhạc phủ đề của Lý-Bạch. — (5) Câu 10 : 君不見黃河之水天上來，奔流到海不復回。 Câu này là câu đầu bài « Trương tiến tửu » nói trên và nghĩa là : người chẳng thấy nước sông Hoàng hà tự trên trời xuống, chảy tuôn xuống bể không hề lộn lại ; ý nói : thời giờ cứ đi, không bao giờ trở lại.

NGUYỄN-QUÍ-TÂN 阮貴新 (1811-1856)

(Xem *Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì. Chương thứ XX. Lời chú (16).*)

103.— Vui chơi phong nguyệt

Nhân sinh thiên địa gian, hốt như lữ-hành-khách (1)
 人生天地間，忽如旅行客

Có bao nhiêu ba vạn sáu nghìn ngày.
 Nợ phong trần trót đã ăn vay,
 Phải trang trả mới phải là tay chi-khí.
 Đã trót nhấp say mùi thế-vị,
 Phải tìm phương tỉnh thuốc phồn-hoa
 Kiếp phù-sinh thắm-thoắt bỗng nên già,
 Thi tuyết, nguyệt, phong, hoa cho phi chí.
 Hỏi những khách tang-bồng hồ-thỉ (2)
 Chốn lâm-tuyền thành-thị mấy tri-âm ?
 Trăm năm luống những cười thắm.

CHÚ-THÍCH.— (1) Câu này nghĩa là : người ta sống trong khoảng trời đất, vụt như người khách qua ở trọ.— (2) *Tang bồng hồ thỉ* : Xem câu chú thích số (2) ở bài 43.

BÙI HỮU-NGHĨA 裴有義 (1807-1872)

(*Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX. Lời chú (3).*)

Kim thạch kỳ duyên 金石奇緣

Đề-mục tản tuồng này mượn ở một cuốn truyện Tàu. Việc xảy ra về đời nhà Bắc Tống (960-1126).

Tản tuồng chia làm ba hồi, đại-lược như sau :

Hồi thứ nhất.— Ngạn-Yêm (quê ở Hà-nam) có người con trai tên là Kim-Ngọc đã đính-hôn với Ái-Châu, con gái Lâm-Vượng, một người nhà giàu ở gần Tô-châu (thuộc tỉnh Giang-tô).

Lợi-Đồ, tri-huyện Tô-châu, có một người vợ cả và một người vợ lẽ vốn hiềm-khích nhau, một hôm, vợ cả đau, mời Thạch Đạo-Toàn (thầy thuốc) sang chữa ; vợ lẽ thừa dịp bỏ chất độc vào thuốc cho vợ cả uống. Người này chết, Đạo-Toàn bị bắt ; con gái là Vô-Hà phải bán mình làm thị-tì cho Ái-Châu để lấy tiền lo cho cha.

Ở vùng núi Đại-lư (thuộc tỉnh Thiểm-tây và Hồ-nam) có tên tướng giặc là Tiêu Hóa-Long vẫn cướp bóc hành khách qua sông. Khi Thiết Đình-Quý vâng chỉ đến nhậm chức tri phủ Tây-an (Thuộc Thiểm-tây) đi qua đó, Hóa-Long đón bắt. Đình-Quý đâm đầu xuống sông chết, dạn lại vợ đương có mang nên nhẫn-nhục sống để cứu

đứa con. Vợ là Giải-thị dành gương sống, nhưng thế thế nào cũng trả thù cho chồng.

Sau khi thi đậu giải-nguyên, Ngạn-Yêm được bổ làm tri-phủ Bò-châu (thuộc Sơn-tây). Khi cùng con qua vùng Đại-lư để đi nhậm chức, cũng bị Hóa-Long bắt ; nhờ có Giải-thị xin cho, mới khỏi bị giết và ở đây dạy con bà là Thuần-Lương. Còn con là Kim-Ngọc thì ngã xuống sông, trôi rạt vào bờ, rồi đến ở một ngôi chùa gần đấy ; chả may mắc bệnh hủi. Sau ba năm ở chùa, chàng trở về, nhờ người đến hỏi cưới Ái-Châu. Nhưng Ái-Châu thấy chàng có ác-tật không muốn lấy ; mẹ nàng bèn nghĩ cách trá hôn, đem Vô-Hà thay làm Ái-Châu để gả cho Kim-Ngọc. Còn Ái-Châu sau lấy con quan huyện Lợi-Đồ là Ái-Lang.

Hồi thứ nhì. — Kim-Ngọc nhờ có cha nàng Vô-Hà chữa khỏi, lên kinh-đô đi thi, đậu trạng-nguyên. Lư Khải-Phong làm thủ-tướng trong triều muốn gả con gái cho Kim-Ngọc để mưu sự thoán-đoạt nhưng chàng từ chối.

Khi ấy, Hóa-Long lấy được thành Tây-an, giết chết quan tổng-đốc Từ Tuấn-Kiệt. Khải-Phong định hại Kim-Ngọc, mới sai chàng đi đánh giặc ấy một mặt lại sai đưa mặt-thư hứa giúp Hóa-Long. Kim-Ngọc cùng với Hữu-Quang (em vợ, con Đạo-Toàn) đi đánh giặc. Hữu-Quang bị giặc bắt ; nhưng khi Kim-Ngọc ra trận thì Hóa-Long bị thua, chạy về thành Tây-an. Giải-thị, Thuần-Lương, Ngạn-Yêm bèn mưu với Hữu-Quang cho Hóa-Long uống rượu say, rồi giết chết. Kim-Ngọc được tin vào thành Tây-an, nhận cha nhận mẹ, nổi mừng khôn xiết. Giải-thị mới chặt đầu Hóa-Long làm lễ tế chồng rồi đâm đầu xuống sông chết. Kim-Ngọc kéo quân về kinh-đô, vua nhà Tống thưởng công cho cả mọi người. Còn Khải-Phong can án phản-quốc phải tội chết.

Vì tội hà-lạm, Lợi-Đồ cùng với con là Ái-Lang đều phải tù và bị tịch biên gia-sản ; Ái-Châu (Vợ Ái-Lang) cũng bị bắt đem bán lấy tiền cho đủ số sung công.

Hồi thứ ba — Kim-Ngọc được cử đi giữ thành Tây-an. Vợ là Vô-Hà, nhân sinh con, cần người hầu-hạ, bà đỡ đưa một người đến ; người ấy lại là Ái-Châu. Vô-Hà thấy Ái-Châu định nhường ngôi vợ cả cho nàng, nhưng Kim-Ngọc không thuận. Ái-Châu bèn tìm

cách quyền-rũ Kim-Ngọc, Kim-Ngọc nổi giận, dò biết tội của Ái-Châu, mới làm án tửm. Nhờ có Vô-Hà xin cho, Ái-Châu được tha, nhưng phải bỏ đi nơi khác. Sau Ái-Châu vào ở thanh lâu.

Trong khi ấy, bọn em Lư-Khải-Phong, muốn báo thù cho anh, bèn đánh Đái-loan bảy giờ do Thành-Trai (bạn cha Kim-Ngọc) và Lý-Thiệu-Cơ (ân-nhân của Thạch-Hữu-Quang) dương làm quan ở đấy. Hai ông này thấy thế nguy, bèn phi báo nhà vua. Vua sai Kim-Ngọc đi đánh. Kim-Ngọc cùng với Hữu-Quang đến nơi, đánh tan quân giặc, kéo quân về kinh đô. Khi đi qua một ngôi chùa, thấy có người thất cổ ở trước ; nhận ra, thì là Ái-Châu. Về tới kinh, Vua Tống ban thưởng cho cả mọi người.

104.— Thiết-Đình-Quý gặp bọn giặc Tiêu Hóa-Long

TIEU HÓA-LONG (bạch viết) :

Thần cung nhất bả, quải phò tang ;

神 引 一 把 袂 扶 桑

Thiên hạ anh hùng mạc cảm dang.

天 下 英 雄 莫 敢 當

Sử ngã cầm phàm, kinh ngạc tâm tôn Bắc-Hải ;

使 我 錦 帆 鯨 鯢 尋 踪 北 海

Huy ngô bửu kiếm, ti hưu viễn tích Nam-sam (1)

揮 吾 寶 劍 覩 迹 南 山

(Hựu viết)

Đại-lư san (2) hùng cứ nhất phương ; — Ngã trại-chủ Hòa-Long thị dã.

(*Như ta*) : Chiếm cứ nhất châu thiên hạ ; — tự xưng Giang-Hải đại-vương.

Giấu vuốt nanh chờ vận Võ Thang (3), — nuôi vây cánh cướp người thương-khách.

(*Lâu la*) (4) ! Bài khai kiếm kích ; — chỉnh túc thuyền sưu. Truyền đoạn-triệt giang đầu ; ngộ truy tầm thương-lữ.

THIỆT ĐÌNH-QUÍ (viết) :

Thăng Tây-an trị-phủ ; — Thiết Đình Quý thị danh.

Khặng thìn (5) hai chữ trung-thành ; — nắm giữ một cầu cần thận.

(*Như ta*) : Cùng Giải-thị duyên vầy loan phụng ;— roi Thiết gia chưa ừng bi xà (6).

Trước đà vàng lệnh hoàng-gia;—nay phải tới chẵn trọng-địa.

GIẢI-THỊ (viết) :

Từ sánh duyên xe chỉ, — đà đẹp phận nung khăn.

Mừng nay tam nguyệt hữu thần (7) ; — xin đặng nhất thuyền phó-lị.

ĐÌNH-QUÍ (viết) :

Thị Thiết-gia hoan-hỉ ; — (*váy ta*) bừa hiền-phụ đồng hành.

(*Đà công*) (8) | Phó đà-công nhẹ tếch dòng xanh ; ra trọng địa võ an con đỏ,

(Văn viết) :

Trọng-địa võ an con đỏ,

Mây móc nhuần cây cỏ càng tươi.

Dương xuân bữa (9) một phương trời,

Ngựa tre đón rước (10) vui cười gió nhơn.

GIẢI-THỊ (Văn viết) :

Chữ từng đẹp-dẽ tơ duyên,

Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đờn (11) gần nhau.

ĐÌNH-QUÍ (viết) :

Muôn trùng vôi-vọi non cao ; — trăm khúc minh-minh biển thẳm.

(*Nợ*) ; Đất đã sanh thể hiểm ; — sông lại vắng người đi.

(*Đà-công*) ! Phó đà công tu khả tận trì , — quá thử địa tối vi sầm-lịch.

HÓA-LONG (viết) :

Một thuyền nhẹ tếch ; — mấy ngựa ruồi theo.

Kịp bẻ lái rút chèo ; — mau giết người lấy cửa.

ĐÌNH QUÍ (viết) :

Thất thố (12) chơn thất thố | — chí kinh thị chí kinh !

(*Ớ phu nhơn*) ! Hoại ngô vạn lý tiền trình ; — cố ngã nhất ngôn cốt huyết.

壞吾萬里前程；顧我一言骨血。
 Vạt khả chấp kinh tuân tiết ; — tu đương nhân nhục tồn cô
 勿可執經殉節；須當忍辱存孤。
 Tặc thù bất nghi ô ; — giang trung đương tự tận (13).
 賊手不宜污；江中當自盡。

· GIẢI-THỊ (viết) :

Chung thiên bảo hận ; — phủ địa trường hô.

終天抱恨；俯地長呼。

Khởi khả sự nhị phu ; — quyết tu nhương nhưt tử (14)

豈可事二夫；決須攘一死

HÓA-LONG (viết) :

Cấp bảo trụ ! Cấp bảo trụ (15) ! — Vạt khinh sanh ! Vạt khinh sanh !

Xem qua phải sắc khuynh thành ; — đem lại thay ngôi chủ trại.

GIẢI-THỊ (viết) :

Thề hện ấy nước non không cải ; — gian-nan này trời đất có hay.

Lá sương chi quân tẩm thân này ; — hột huyết còn mang, hòn mau đỏ.

(Như ta) ; Ngộ biển đã mang lấy hồ ; — tòng quyền còn kẻ chi minh.

Lấp cơn sàu hờn dôi dòng xanh ; — lau giọt thấm máu rơi nước bích.

(Ai vẫn viết) :

Giọt thấm máu rơi nước bích,
Thương phận mình giá sạch ra như.

Dây oan khéo vấn sờ sờ.

Vì ai chẳng trọn một thờ với ai.

Gặp khi sóng gió giữa vời,

Thương vì khi huyết dôi đời non sóng.

(Hồi thư nhất)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thần-cung... tích Nam-san*: Tay cầm một chiếc cung thần và mang theo những cái tên nhẹ. Trong thiên-hạ không người anh-hùng nào dám địch với ta. Hễ ta giương cái buồm bằng gấm lên, những giống cá voi và cá sấu phải trốn lên biển Bắc; Hễ ta tuốt cái gươm quí ra, những giống tì hưu (tên một giống mãnh thú) phải trốn xuống núi Nam (ý nói: ai ai cũng phải khiếp sợ).— (2) *Đại-lư-san*: tức là Tần-lĩnh, một dãy núi ở miền Thiểm-tây, ở giữa sông Vị (chi lưu của Hoàng-hà) và sông Hán (chi lưu của Dương-tử-giang) một nơi rất hiểm-yếu.— (3) *Chờ vận Võ, Thang* (Võ: tức là Võ-vương (1122-116) sáng nghiệp ra nhà Chu; Thang: tức là Thành-thang (1783-154) sáng nghiệp ra nhà Thương): ý nói chờ cơ-hội để làm vua.— (4) *Lâu la 嚙囉*: quân cướp tụ-hợp ở rừng núi.— (5) *Khăng thìn* (khăng: một mực; thìn: giữ-gìn): một mực giữ gìn.— (6) *Ứng bi xà* (bi: con gấu; xà: con rắn): nằm chiêm bao thấy gấu hoặc thấy rắn; ý nói sinh con trai hoặc sinh con gái. Chử lấy ở *Kinh-Thi Tiêu-Nhã Thơ Tư-can* «Duy hùng, duy bi, nam tử chi tướng. Duy hỷ duy xà nữ tử chi tướng. 惟熊惟羆, 男子之祥. 惟虺惟蛇, 女子之祥.» (nằm chiêm bao) thấy gấu, đó là điềm để con trai. Thấy rắn là điềm để con gái). Hùng là giống gấu thường, bi là giống gấu lớn; hỷ và xà đều là rắn. Giống gấu ở núi khỏe-mạnh nên cho là điềm con trai; giống rắn ở hang, mềm-mại nên cho là điềm con gái.— (7) *Hữu thần 有媿*: có mang.— (8) *Đà-công 舵工* (đà: bánh lái, công: thợ, người làm việc gì): người bẻ lái thuyền.— (9) *Bủa*: tỏa ra khắp mọi nơi.— (10) *Ngựa tre đón rước*: nghĩa bóng là vui-vẻ đón rước một ông quan có nhân. Theo tích Quách-Cấp đời Hậu-Hán làm quan ở Tinh-Châu. Sau khi đi chỗ khác, lại về Tinh-Châu. Khi trở về, các trẻ con trong hạt lấy những thanh tre làm ngựa cưỡi đi đón ông ấy vui vẻ lắm.— (11) *Tiếng hạc, tiếng đờn*: nói về một ông quan thanh-liêm. Theo tích Triệu-Biện ở đời nhà Tống, đi làm quan chỉ đem có một con hạc, một cái đàn đến quận, tỉnh rất thanh-liêm.— (12) *Thất-thố 失措*: chính nghĩa là cuống quít lẫn-lộn; đây nghĩa là nguy đến nơi.— (13) *Hoại ngộ... dương tự tận*: (Nó) làm hỏng con đường tương-lai dài muôn dặm của ta; (Phu-nhân) nên nghĩ đến một lời xương máu của ta: Chớ nên giữ đạo thường mà chết vì tiết-nghĩa; phải nên nhẫn-nhục mà cứu lấy đứa con bỏ-côi (Còn ta) không nên để cho tay giặc làm nhơ; phải tự-tận ở giữa dòng sông.— (14) *Chung-thiên nhất-lữ*: suốt đời ôm nỗi giận; cúi xuống đất kêu dài. Há có thể thờ hai chồng? Quyết nên một thác cho rồi.— (15) *Cấp bả trụ*: kip ôm giữ lấy.

105.— Giải-thị tuần tiết theo chồng

GIẢI-THỊ (viết) :

Giai tiên bài yết ; — trước hạ cung trần.

階 前 拜 謁 ; 帳 下 恭 陳

Thiếp bản vị vong nhân ; — quý vi thất.tiết phụ (1)

妾 本 未 亡 人 ; 愧 為 失 節 婦

(Nhu thiếp) : Xử nghịch cảnh (mà) ngoại tân thường đảm (2) ; — (chẳng qua là tôi) phụng di ngòu (nên mới) nhân nhục 'tồn cô.

(Nhưng mẹ con tôi) : Chém xương trót dặng trả thù ; — (mà) mở miệng càng mang lấy hồ.

KIM-NGỌC (viết) :

Hảo bá mẫu (3) ba-đào tiết.phụ ; — cứu song thân la võng đại ương (4).

好 伯 母 波 濤 節 婦 ; 救 相 親 羅 網 大 殃.

(Công tử thời sát lặc lập công) ; vẫn hồi nhất thống bản chương — (là cùng) toàn lại đại gia tâm lực (đó mà).

Tiết bá mẫu nên ghi thẻ bạc : — (còn) công thế huynh đáng dựa nhà vàng.

(Đề cháu) tu biểu văn thượng tấu trào dâng, — (dặng mà) nhờ lượng thánh minh dương đại tiết (cho).

GIẢI-THỊ (viết) :

(Thưa) dám bày tình chí thiết ; — trót trả nghĩa tương thân.

Hồn tiên phu đó khôn hỏi chốn thủy tân ; — (thưa) đầu Tiêu tặc (tội xin) tế an người tuyền nhường (5).

KIM-NGỌC (viết) :

Đại tiết linh nhân khả tường ; — dạ đài tụy tử do sinh (6).

Xin phu nhân an tại biên thành, — cùng hiền đệ tuần du trọng địa

(Chúng tởng) ! Tế nghi chính bị ; — thuyền thích nghiêm minh.

Truyền quân nhân gian khẩu tấn hành ; — (dặng cho ta) hồ bá mẫu hải tân tri tế (a).

GIẢI-THỊ (viết)

(Hà) ! Oan kết theo hồn tinh-vệ (7) — lụy rơi hóa huyết
đổ-quyên (8).

Minh-mông sóng thắm bủa đầu thuyền ; — (còn) lai-
láng gió sầu xao mặt nước.

(Văn-viết) :

Mặt nước tới ngày quyết biệt,
Dưới suối vàng, ai biết cho chăng ?
Tồn cô chữ dặn khăng-khăng,
Vì ai, nên lỗi đạo hằng với ai ?
Than ói ! kia đất nọ trời,
Ấy sông thệ thủy, nào lời mình san.

KIM-NGỌC

(Quân) Truyền trụ thuyền ban ; — cấp trần tế-phẩm.

GIẢI-THỊ, THUẦN-CƯƠNG (viết) :

Ngưông kỳ linh-sảng ; — nguyện giám đơn thâm (9).
Hương thề chong giả bạn đồng tâm ; — chén thảo
rót dung người dị-lộ.

(Thán viết) :

Ta hồ ! tiên giá cảnh hà chi ; — cát đoạn can trường
hận biệt-ly.

Vân ám Đỉnh-hồ long khứ viễn ; — nguyệt minh Hoa-
biểu nhận qui tri (10).

雲暗鼎湖龍去遠 ; 月明華表雁歸遲.

GIẢI-THỊ (viết) :

Chàng ngâm cười chín suối ; — thiếp ướng thắm ngàn
ngày.

Nước oan-thù thắm thoát từ đây ; — sóng ly-biệt lao-
xao thuở nọ.

Đầu Tiên-tặc đó đà dặng đó , — mặt tiên phu nào
thấy đầu nào ?

(*Tiên-phu ói*) Bất nhị canh hồ phạm má đào ; — Vô tư chiếu in vừng trăng bạc.

(*Như thiếp chừ*) : Như nhuộm khôn che đây mặt ; hồ hang dễ lấp ngõ lòng.

Nguyễn tận tiết vu ba trung ; — thú tòng phu ư tuyền hạ (11)

願盡節于波中；庶從夫於泉下。
(*Nhập thủy*)

(*Hồi thứ nhì*)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Giai tiên... thất tiết phụ* : Trước thềm lay yết ; — dưới trường kinh bày : Thiếp vốn là người góa chồng ; — xấu hổ làm người vợ thất-tiết.— (2) *Ngoa tân, thường đảm 卧薪嘗膽* : nằm gai nếm mật ; nghĩa bóng là chăm lo sự báo thù. Theo tích vua Câu-Tiến nước Việt bị vua nước Ngô đánh thua, trong hai mươi năm trời, cứ nằm trên củi gai và thường nếm mật đắng để lúc nào cũng nhớ đến mối thù.— (3) *Bá mẫu* : bác gái. Đầy Kim-ngọc gọi Giải-thị là bá-mẫu để có ý kính trọng.— (4) *La võng đại ương* : (la : lưới bắt chim ; võng : lưới bắt cá ; đại ương : nan lớn) : đây chỉ cái nạn bị giặc bắt.— (5) *Tuyền nhưông 泉壤* (tuyền : tức là cửa-tuyền, chín suối ; nhưông : cõi) : cõi cửa-tuyền, nơi âm-phủ.— (6) *Đại tiết... do sinh* : Tiết lớn (của bà) khiến người phải tưởng nhớ đến ; — ở dưới âm-phủ (chồng bà) tuy chết cũng như còn sống.— (7) *Tinh vệ 精衛* : tên một giống chim. Điền cô : con gái vua Viêm-đế chết đuối ở biển Đông, hóa ra chim tinh-vệ ; tự bấy giờ, cứ đi nhặt đá ở núi Tây để lấp biển ấy. Sau người ta mượn biển ấy để nói những người ôm một mối thù hoặc một mối hận ở trong lòng.— (8) *Đỗ quyên 杜鵑* : cũng gọi là đỗ-vũ 杜宇 : chim cuốc tiếng kêu ai-oán người ta cho là nó kêu mãi chảy máu cổ họng ra. Điền cũ : vua Đỗ-Vũ nước Thục sau khi phải nhường ngôi cho Bà-Linh, hóa ra chim ấy.— (9) *Nhưông kỳ... đơn thâm* (lĩnh : thiêng-liêng ; sáng : sáng-sủa ; đơn : đỏ như son ; thâm : thành-thực) : mong rằng hồn thiêng-liêng sáng-sủa soi xét đến tấm lòng son thành-thực.— (10) *Ta hồ... nhận qui tri* (tiên-giá : xe tiên ; nói về người chết ; — đỉnh hồ (đỉnh : cái vạc) : chỗ vua Hoàng-đế bên Tàu sau khi đúc cái vạc thì có con rồng đem đi mất, nên dùng chữ ấy để nói về vua chết ; — hoa-biêu (biêu : dằm) : chữ lấy trong *Kinh thi* ; đời Lê-vương, dân bị khổ sở ly-tán, đến đời Tuyên-

vương mới lại được an-cư lạc-nghiệp, bèn tự ví mình như đàn nhạn bay mãi mới đến chỗ đầm hoa mà yên nghỉ : Than ôi ! xe tiền đi nơi nào ? Cát đứt gau ruột vì nỗi hận biệt-ly ! Mây mờ trên hồ vắng, con rồng đi đã xa (ý nói : chông chết đã lâu) ; trăng soi sáng trên cột trụ đá ở trước lăng-mộ chim nhạn về chậm (ý nói : giặc-giã đã dẹp yên, dân-sự lục-tục trở về.— (11) *Nguyện tận tiết... u tuyền hạ* : xin đâm đầu xuống giữa sóng dề trọn tiết ; ngô hầu theo chông ở dưới chín suối.

NGUYỄN ĐÌNH-CHIỂU 阮廷紹 (1822-1888)

(Xem *Tiểu-truyện* tác giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XIX, Lời chú (1)).

106.—Trung thần, nghĩa-sĩ

Làm người trung-nghĩa đáng bia son,
 Đứng giữa càn-khôn tiếng chẳng mòn.
 Cơm áo dền rồi ơn đất nước ;
 Râu mày giữ vẹn phận tôi con,
 Tinh-thần hai chữ phao sương tuyết ;
 Khí phách ngàn thu rõ núi non.
 Gẫm chuyện ngựa Hồ, chim Việt cũ (1)
 Lòng đây tưởng đó mắt như còn,

CHÚ-THÍCH.— *Ngựa Hồ, chim Việt* : do câu : « Hồ mã tê bắc phong, Việt-diều sào nam chi 胡馬嘶北風, 越鳥巢南枝 ». Con ngựa rợ Hồ (ở phía bắc nước Tàu) cất tiếng kêu khi thấy gió bắc thổi, con chim đất Việt (ở phía nam nước Tàu) làm tổ ở cạnh chỗ về phương nam. Ý nói : loài vật còn nhớ quê hương.

LỤC VÂN-TIÊN 陸雲仙

(Xem phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XIX).

LƯỢC TRUYỆN.— *Truyện Lục vân-Tiên* (gồm 2246 câu) có thể chia làm 4 đoạn như sau.

I.— *Lục Vân-Tiên và Kiều Nguyệt-Nga gặp nhau* (câu 1-552). — Nguyễn Lục Vân-Tiên là người học trò có nết có tài, con nhà phúc hậu, đã đính hôn với Vũ-thái-Loan, nhân gặp khoa thi, lên kinh đô để kịp ngày vào trường. Lúc đi đường gặp nàng Kiều Nguyệt-Nga bị bọn giặc bắt, chàng bèn ra tay cứu nàng thoát nạn. Sau hai bên từ biệt nhau : nàng về ly sở của cha, chàng đến chốn kinh-kỳ để kịp ngày vào thi.

II.— *Lục Vân-Tiên gặp nạn* (câu 553-1240).— Chàng vừa đến nơi, chợt nghe tin mẹ mất, vội vàng lia chôn khoa trường, về nhà chịu tang. Đi đường, vì nỗi đau buồn, thụ bệnh mắt mù : đã gặp bọn dung nạp pháp-sĩ lừa dối, tiền mất tật mang, lại gặp người bạn bắt lương (Trịnh-Hâm) lập mưu hại. Sau tới nhà ông nhạc, thì đã không cứu giúp lại sinh lòng hiểm-độc đem chàng bỏ vào một cái hang sâu. Nhưng may gặp một tiên-ông cứu ra, gặp bạn hiền (Hán-Minh) đem đến ở một ngôi chùa.

III.— *Kiều Nguyệt-Nga phải sang cống Phiên* (câu 1241-1740) — Về phần Kiêu Nguyệt-Nga, vì có tên nịnh thần muốn ép duyên không chịu, nhân có giặc Phiên sang quấy nhiễu, tên ấy bèn tâu với vua Sở bắt nàng sang cống vua Phiên. Nàng định thủ-tiết, đi nửa đường đâm đầu xuống sông tự vẫn. May gặp ngư-ông quăng lưới vớt lên, sau đến ở một ngôi chùa.

IV.— *Lục Vân-Tiên và Kiêu Nguyệt-Nga được sum-hạp hiển-vinh*, (câu 1741-2246).— Lục Vân-Tiên sau nhờ có thuốc tiên uống khỏi mắt về nhà thăm cha, thăm Kiều-Công (cha nàng Nguyệt-Nga), rồi đi thi đỗ Trạng-nguyên. Nhân có giặc Phiên lại sang quấy nhiễu, vua sai đi đánh giặc thua tan. Lúc về, nhờ một sự tình cờ, gặp Kiêu Nguyệt-Nga ở chùa hai bên nhận nhau rồi lại được sum họp một nhà. Sau nhân vua không có con, mới truyền ngôi cho Lục Vân-Tiên, thật là vinh-quang sung-sướng. Còn bọn gian nịnh tham ác trước thì đều bị tội vạ cực khổ cả.

**107.— Lục Vân-Tiên đánh bọn cướp,
cứu nàng Kiêu Nguyệt-Nga**

- 91 Bỗng nghe tiếng khóc vang rầm,
 Xôn-xao rừng bụi, y-âm núi non,
 Vân-Tiên hỏi lũ công con :
- « Việc chi *tấp-nập* la om chạy hoán ? »
- 95 Dân rằng : « Tráng sĩ kêu ai ?
 « Hay là cũng lũ Sơn-dài đuổi ta ? »
- Chàng* rằng : « Chớ ngại chi mà,
 « Hãy xin dừng lại, để ta trao lời,
 « Ta đây du học qua chơi,
- 100 « Giữa đường, thấy việc lạ, thời hỏi xem,
 « Đề cho được tỏ căn nguyên (1) ;
 « Dở hay sẽ liệu kinh quyền (2) giúp cho. »

- Dân nghe *khỏi sợ hết lo*,
 Rủ nhau đứng lại, *nhỏ to trình rằng* :
- 105 « *Dám thừa tráng-sĩ qua đường,*
 « *Sự này nói lại thêm càng ngựa gan.*
 « *Ở đây có đảng côn-quang (3),*
 « *Ra vào nhiễu-loạn thôn-trang trăm bề.*
 « *Còn thẳng đầu-mục (4) nó kia,*
- 110 « *Tên là Đỗ-Dự, hiệu thi Phong-lai.*
 « *Hợp nhau ở chốn Sơn-dài,*
 « *Người đều sợ nó tri tài khôn đương.*
 « *Vừa rồi xuống cướp ban-bương,*
 « *Gặp người thực-nữ qua đường bắt đi,*
- 115 « *Xóm làng chẳng dám nói chi,*
 « *Cảm thương hai gã nữ-nhi mắc nạn;*
 « *Con ai vóc ngọc minh vàng.*
 « *Má đào, mày liễu, dung-nhan, lạnh lùng.*
 « *Vì mà mắc chúng hành hung,*
- 120 « *Uổng trang thực-nữ sánh cùng thất-phu !*
 « *Hở mồm, bụng lại thêm lo,*
 « *Thối thối chạy trốn đi cho rảnh mình. »*
 Vân-Tiên *nổi trận lôi-đinh (5).*
 Hỏi thăm « *Lũ ấy nấu hình nơi nao ?*
- 125 « *Tôi xin ra sức anh-hào,*
 « *Trở đương việc ấy, người nào lo chi ? »*
 Dân rằng : « *Lũ nó còn kia,*
 « *Xin chàng qua đó một khi mới đành.*
 « *E khi họa hồ bất thành (6).*
- 130 « *Khi không mình lại chôn mình vào hang. »*
 Vân-liên *chi khi hiên ngang (7),*
 Bẻ cây làm gậy *rẽ đường thẳng vô,*
 Thét rằng : « *Hỡi đảng hung-đồ !*
 « *Chớ quen thói cũ mơ-hồ hại dân. »*
- 135 Phong-lai *mặt đỏ mắng rằng* :
 « *Thằng nào lớn mặt lầy-lùng vào đây.*
 « *Trước gây việc dữ tại mày. »*

Truyền quân bốn phía bõ vầy nghiêm phòng.

Vân-Tiên tả đột hữu xung,

140 Khắc nào Triệu Tử vượt vòng Đương-dương (8).

Lầu la (9) bốn phía tan-hoang,

Đều quảng gươm giáo, kiếm đường chạy ngay.

Bản chép khác. — Câu 93 : *Tiền rằng : Bớ chú...* — Câu 94 : *nền nổi bon bon...* — Câu 96 : *một lữ...* — Câu 97 : *Tiền rằng : « Cơ sự làm sao ?* — Câu 98 : *Hãy đừng gót lại mà trao một lời* — Câu 103 : *... tiếng nói khoan thai.* — Câu 111 : *Nhóm.* — Câu 112 : *... có tài...* — Câu 113 : *Bây giờ... thôn...* — Câu 114 : *Thấy con gái tốt...* — Câu 115 : *Dân chúng...* — Câu 116 : *Cùng nhau lăn khóc vậy thì đã vang.* — Câu 119 : *E khi... đảng...* — Câu 121-122 : *Thôi thôi chẳng dám nói lâu ! Chạy đi cho khỏi, kéo áo tới mình.* — Câu 123 : *... giận...* — Câu 124 : *... nó còn đình...* — Câu 126 : *Cứu người cho khỏi lao đao buổi này.* — Câu 127 : *... đấy...* — Câu 128 : *Qua xem tướng bậu thơ ngáy đã đành.* — Câu 130 : *... xuống bang* — Câu 131 : *... ghé lại bên đảng.* — 132 : *... nhắm làng xông...* — Câu 134 : *... làm thói mô-hồ...* — Câu 135 : *... phùng phùng.* — Câu 138 : *... bịt bùng* — Câu 141 : *Lu... vỡ tan.* — Câu 142 : *... nhắm* — Câu 143 : *... chẳng* — Câu 144 : *... Bị Tiên một gậy thác rày, thân vong.*

CHÚ-THÍCH. — (1) *Căn-nguyên* 根源 : rễ cây và nguồn nước ; nghĩa rộng là : duyên do, gốc tích. — (2) *Kinh quyền* : do câu : « Xử thường chấp kinh, xử biến tòng quyền 處常執經, 處變從權. » nghĩa là : Ở cảnh thường thì giữ đạo thường, nhưng khi gặp cảnh biến thì phải theo tình-thế mà đối-phó, định-đoạt, không thể câu-nệ được — (3) *Côn quang* (côn 棍 : cái gậy dùng để đánh võ ; quang 杓 : then ngang của cái thang) : chỉ bọn du-côn, bọn giặc cướp — (4) *Đầu mục* 頭目 : người đứng đầu trong một bộ-lạc hay một đảng — (5) *Lôi đình* 雷霆 : sấm và sét ; nghĩa bóng là giận dữ — (6) *Họa hồ bất thành* : do câu ở trong sách *Hậu Hán thư* « Họa hồ bất thành phản loại cầu 畫虎不成反類狗. » (Vẽ hồ không nên lại giống chó) ; ý nói làm việc quá cao mà không thành công. — (7) *Hiển ngang* 軒昂 : (hiển : chỗ cao ở đằng trước một cái xe ; ngang : ngẩng cao lên) : cao kỳ, khác người thường. — (8) *Triệu Tử vượt vòng Đương dương* : tích lấy trong truyện *Tam-quốc-chí diễn nghĩa* : Triệu Tử-long đánh ở Đương-dương Trường-bản-kiều, phá tan quân Tào-Tháo, cứu được A-đầu. — (9) *Lầu-la* 囉囉 : quân cướp tụ họp ở rừng núi.

108.—Lục Vân-Tiên bị Vũ-công hãm-hại

- Vũ-công trong dạ ưu-phiền,
 Muốn toan một chước chu-tuyên độc thay !
 « Vân-Tiên người hãy ngồi đây,
 1050 Đẽ ta vào trước, sẽ rày liệu toan.
 Vội cho đòi mẹ Quỳnh-Trang (1),
 Cùng là ái-nữ Thái-Loan đều vào.
 Mọi bề sau trước liêu-hao
 Sự chàng lam-lũ, tìm vào đến đây.
- 1055 Nên hư, tùy mẹ con mày,
 « Đã không ép vợ, há rày ép con. »
 Loan rằng : « Gót đỏ như son,
 « Xưa nay ai nữ đem chôn xuống bùn ?
 « Có đầu sen, ấu mọc chùm ?
- 1060 « Có đầu chanh, khế sánh cùng lựu, lê »
 « Thà không thì chịu một bề,
 « Còn hơn mình ngọc dựa kê thất phu.
 « Quyết lòng chờ đợi danh-nho,
 « Có đầu lầy dứa đuôi mù thế nay ?
- 1065 « Vả nghe người nói hội này,
 « Có Vương Tử-Trực đỗ dày thủ-khoa.
 « Xin cha cố kết thông-gia,
 « Họ Vương, họ Vũ một nhà mới xinh »
 Công rằng : « Muốn trọn việc mình,
- 1070 Phải toan độc-kẻ dứt tình mới xong.
 « Gần đây có núi Xương-tòng,
 « Hang sâu thăm-thẳm, bịt bùng khôn ra.
 « Đông Thành (2) nghìn dặm cách xa,
 « Dem chàng bỏ đó, ai mà biết đâu ? »
- 1075 Ngán thay họ Vũ mưu sâu !
 Cha con khen khéo bảo nhau hại người !
 Bóng trắng vừa gác non đoài,
 Vân-Tiên ngồi tựa nhà ngoài thở-than,
 Vũ-công khi ấy dỗ chàng :
- 1080 Xuống thuyền, cho lính đưa sang Đông-Thành.
 Đưa đi vừa lúc tan canh,

- Dẫn vào hang đá, bỏ dành Vân-Tiên.*
Đoạn rồi, ren-rén bò lên,
Vội đưa chèo quế, tếch miền xa trông.
- 1085 *Vân-Tiên thực dạ tin lòng,*
Hững hồ, nào biết Vũ-công hại mình.
Thưa rằng : « Nhạc-phụ xét tình,
« Cho người đưa đến Đông-thành quế nay,
« Gắng lòng báo đáp ơn dày,
- 1090 *« Một phen tưởng đến ngàn ngày dám quên».*
Hay đâu vắng tiếng đôi bên,
Tay chân đụng đá, dưới trên chập-chồng,
Vân-Tiên khi ấy hãi-hùng,
Nghĩ ra mới biết Vũ-công hại mình.
- 1095 *Nực cười con Tào đành-hanh,*
Chữ duyên điều-trác, chữ tình đời trao,
« Nghĩ mình tai nạn xiết bao !
« Mới qua khỏi bến, lại vào ngay hang.
« Dãy sào ai khéo vãn-vương,
- 1100 *« Tránh nơi núi kênh, gặp đường hang beo.*
« Quanh hang đá mọc tai mèo.
« Muốn ra cho khỏi, ai diu-dắt tay ?
« Oan-gia ai khéo dựng gậy ?
« Đủ dành một thác thân này cho an ? »
- 1105 *Chắc rằng xa cõi nhân-gian,*
Cho nên vào chốn thạch-bàn nằm lo,
Đèm khuya ngọn gió thổi lò,
Sương sa ảm thấp, mưa to lạnh-lùng.

Bản chép phác.— Câu 1047 :... *khôn ngọt lòng...* — Câu 1048 : *Ấn tình thế lợi có tuyền vậy vậy.*— Câu 1049 : *Đay...*— Câu 1050 : *Cho ta trở lại sau này.*— Câu 1051-1056 : *Công rằng : « Mu hời Quỳnh-Trang ! Dè lòng ái-nữ Thế.Loan thế nào ? Mặc bay toan liệu làm sao, Vốn không ép vợ, lẽ nào ép con.*— Câu 1059 : *Ai cho sen mừng một bồn.*— Câu 1061 :... *trót...* — Câu 1063 : *Dốc...* — Câu 1064 : *Rể đâu có rể dui mù thế này ?* — Câu 1065 : *Tôi.* — Câu

1066 : *Rằng... đầu...*— Câu 1067 : *Ta đầu muốn...sui...*— Câu 1069 :
...đặng...— Câu 1070 : *... một chức... cho.*— Câu 1071 : *Nghe rằng*
trong... Thương...— Câu 1072 : *Có hàng sáu...*— Câu 1073 : *... còn xa*
 — Câu 1077 : *Phút vừa trăng đã đứng đầu.*— Câu 1078 : *... trước...câu*
...— Câu 1079 : *... ra đó phình...*— Câu 1080 : *... trê...*— Câu 1081 : *Ra*
... tam...— Câu 1082 : *Dắt... tới*— Câu 1083 : *Bỏ rồi lên lên bước liền*
 — Câu 1084 : *Xuống gay... đời thuyền tránh xa.*— Câu 1085-1090 : *Tiền*
ràng : « Các chú đưa ta ! Xin đưa cho tới quê nhà sẽ hay ! Ghi lòng dốc
trộn thảo ngay ! Một phen ra sức ngày ngày chẳng quên ! ».— Câu 1091 :
Lặng nghe... hai...— Câu 1092 : *Tay lần hàng tới, đá...*— Câu 1095 : *...*
tró trình.— Câu 1096 : *tráo chác... lẳng sao.*— Câu 1079 : *Gắm...*— Câu
 1098 : *... lên... trong...*— Câu 1099 : *ương mang.*— Câu 1100 : *... lược*
thô... bẩy cheo...— Câu 1101 : *Trong hàng sau trước quanh-hiu.*— Câu
 1102 : *... đi...*— Câu 1103 : *nợ đã khéo gây.*— Câu 1104 : *Ồi thôi !*
thần thế còn gì mà toan ?— Câu 1105 : *Đã đành...*— Câu 1106 : *Đưa*
minh... co.— Câu 1107 : *Đêm đông...*— Câu 1108 : *... lác đác ... tro...*

CHỮ-THÍCH.— (1) *Quyển-trang* : vợ Vũ-Công.— (2) *Đông-thành* : tên
 quận, quê Lục Văn-Tiên.

109.— Vương Tử-Trực nhiech mắng Vũ-công và Vũ Thái-Loan

Nhân khi Tử-Trực (1) hồi hương,

1250 Vào nhà họ Vũ, thăm chàng Văn-Tiên.

Công rằng : « *hỏi đến thêm phiền,*

« *Nó đã lâm bệnh, hoàng tuyền xa chơi.*

« *Thương thay tài trí ở đời !*

« *Nhỡ đường danh phận, nhỡ nơi tơ hồng ».*

1255 Nghe thói Tử-Trực động lòng,

Hai hàng nước mắt rờng-rờng như mưa.

Than rằng : « *Rày nhớ linh xưa (2).*

Nghĩa đà tỏ nghĩa, tình chưa tỏ tình.

« *Trời sao nở phụ người lành ?*

1260 « *Bảng vàng chưa chiêm, ngày xanh đã mòn !*

- « Cùng nhau *chửa được* vương tròn,
 Người đã *sớm mất*, ta còn *ích* chi ?
 « Trong *trần* mấy *kẻ* cố-tri ?
 Mấy *trang* đồng *đạo*, mấy *nghe* đồng *tâm* ? »
- 1265 Công *rằng* : « ta cũng *xót* *thăm*,
 « *Tủi* *duyên* con *trẻ*, *sắt* *cầm* *dở-dang*.
 « *Mất* *rồi*, *không* *lẽ* *tái* *hoàn*,
 « *Lão* *đã* *sớm* *tính* *một* *đường* *liện* *ngay*.
 « *Tôi* *đây* *thì* *ở* *lại* *dây*,
- 1270 « Cùng con *gái* *lão*, *sum-vầy* *thất-gia*.
 « *Phòng* *khi* *sớm* *tối* *vào* *ra*,
 « *Thấy* *Vương* *Tử-Trực*, *cũng* *là* *thấy* *Tiên* ».
Trực *rằng* : « *Cùng* *bạn* *bút* *nghe* *nhau*,
 « *Anh* *em* *trước* *đã* *kết* *nguyên* *cùng* *nhau*.
- 1275 « *Vợ* *Tiên* *là* *Trực* *chị* *dâu*,
 « *Chị* *dâu*, *em* *bạn*, *có* *đâu* *lỗi* *nhì* ?
 « *Chẳng* *hay* *người* *học* *sách* *gi* ?
 « *Nói* *ra* *những* *chuyện* *dị-kỳ* *khó* *nghe* !
Hay *là* *học* *thối* *nước* *Tề* ?
- 1280 « *Vợ* *người* *Tử-Cử* *đưa* *về* *Hoàn-công* (3),
 « *Hay* *là* *học* *thối* *Đường-cung* ?
 « *Vợ* *người* *Tiêu-Lạc* *sánh* *cùng* *Thế-Dân* (4)
 « *Hay* *là* *học* *thối* *nhà* *Tần* ?
 « *Bất-Vi* *gả* *vợ*, *Dị* *Nhân* *lấy* *nhằm* (5),
- 1285 « *Nói* *sao* *chẳng* *biết* *hồ* *thần* ?
 « *Người* *ta* *há* *phải* *loài* *cầm* *thú* *sao* ? »
Vũ-công *hồ* *thẹn* *xiết* *bao*,
Sượng *sùng* *khôn* *cãi* *lẽ* *nào* *cho* *qua*.
Thái-Loan *trong* *trường* *bước* *ra*,
- 1290 *Miệng* *mừng* *thầy* *cử* *tân* *khoa* *mới* *về* :
 « *Thiếp* *nay* *lỗi* *đạo* *xương* *tùy*,
 « *Lỡ* *đường* *sửa* *túi*, *lỡ* *bề* *nung* *khăn*.
 « *Uổng* *thay* *dạ* *thỏ* *khăng-khăng*,
 « *Đêm* *đêm* *chờ* *đợi* *bóng* *trăng* *bấy* *chầy*.
- 1295 « *Chẳng* *ưng* *thì* *cũng* *làm* *khuây*,

- « *Nữ đem chuyện sách mà bày chẳng kiêng ?* »
 Trực rằng : « *Ai Lã Phụng-Tiên (6),*
Mà toan đem thối Điều-Thuyền (7) trên người ?
 « *Mồ chồng ngọn cỏ còn tươi,*
 1300 « *Lòng nào mà nữ buông lời nguyệt hoa ?*
 « *Hổ thay mặt ngọc da ngừ,*
 « *So loài cầm thú, để mà khác chi ?*
 « *Vân-Tiên anh hỡi cố tri !*
 « *Suối vàng có biết việc gì cho ta ?* »
 1305 Tay lau nước mắt, trở ra,
 Vội về sắm sửa sang qua Đông-thành.

Bản chép khác.— Câu 1249 : *Xây đàn... vira về.*— Câu 1250 : *bê...*— Câu 1251 : ... *chớ hời* ... — Câu 1252 : *Chàng* ... — Câu 1253 : ... *chàng phân bạc* ... — Câu 1254 : *Cũng vì nguyệt lão xe lơ; mỗi hồng.*— Câu 1255 : ... *qua* ... *chạnh* ... — Câu 1256 : ... *lụy ngọc* ... — Câu 1257 : ... *Chạnh* ... — Câu 1258 : ... *kết* ... *phỉ* ... — Câu 1259 : ... *tài* ... — Câu 1260 : ... *gặp, mây* ... — Câu 1261 : ... *chưa đặng*...— Câu 1262 : ... *thác*... *làm*...— Câu 1263 : ... *đời*... *bực*...— Câu 1264 : ... *người*...— Câu 1265 : ... *túi*... — Câu 1267 : *Thôi thôi khuyến chức thờ than.*— Câu 1268 : ... *tính đặng* ... *rất hay* — Câu 1271 : *khuya sớm* ... — Câu 1272 : ... *I Vân* ... — Câu 1273 : ... *ngồi viết đĩa*... — Câu 1274 : ... *xưa có thề*... — Câu 1276 : ... *dám* — Câu 1277 : ... *chi* ... — Câu 1278 : ... *tiếng* ... — Câu 1283 : *Người nay nào phải* ... — Câu 1285 : ... *thăm*... — Câu 1286 : ... *để* ... — Câu 1288 : *Ngồi trán không* ... — Câu 1290 : ... *chào* — Câu 1291 : ... *đá chẳng trọn lời thề*... — Câu 1292 : ... *bề, tráp, lỗi* ...— Câu 1293 : ... *nằng nằng* — Câu 1294 : ... *thu* ... — Câu 1295 : *Không* ... — Câu 1296 : *buông lời nói chẳng vì* ... — Câu 1298 : *Phòng* ... — Câu 1300 : ... *quên* — Câu 1301 : *hàng vẩy cũng người ta* — Câu 1302 : ... — Câu 1304 : ... *thế này chàng là ?* — Câu 1306 : ... *tìm* ...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tử-Trực* : họ Vương, bạn của Lục Vân-Tiên, đi thi đỗ thủ khoa. — (2) *Linh xưa* : hồn thiêng xưa, đây chỉ Lục Vân-Tiên -- (3) *Vợ người Tử-Cử đưa về Hoàn-công* : Tử-Cử là anh Hoàn-công nước Tề bị Hoàn-công giết đi, rồi cướp lấy vợ. — (4) *Vợ người Tiểu-Lục sanh*

cùng *Thế-Dân* : *Tiểu-Lạc* là em *Thế-Dân*, bị *Thế-Dân* giết đi, cướp lấy vợ rồi lên làm vua tức là vua *Đường Thái-Tôn* (627-650). — (5) *Bất-Vi* giả vợ, *Dị-nhân* lấy nhâm : *Lã Bất-Vi*, người đời *Chiến-quốc*, buôn-bán giàu có, có một người thiếp rất đẹp đã có mang, đem dâng cho *Hoàng-tôn Dị-nhân* (tức là *Tần Trang-nhưong* vương). Ông này không biết sự gian-trá, lấy người thiếp ấy, sau sinh ra *Tần Thủy-Hoàng*. — (6) *Lã-Phụng Tiên*, *Điêu-Thuyền* : tích phép trong *Tam-quốc-chí diển nghĩa* : *Phụng-Tiên* là tên tự của *Lã-Bố*, người đời *Đông-Hán*, con nuôi *Đổng-Trác*, *Điêu-Thuyền* là tên tự một mỹ-nhân đời ấy, dùng sắc đẹp mà phân ly *Đổng-Trác* với *Lã-Bố* : vì *Trác* say mê *Điêu-Thuyền*, *Bố* nổi ghen, giết chết bố nuôi. Sau dùng tên ấy để chỉ người đả bả lấy nhan-sắc khiêu-động người khác.

DỤC-TÔN 翼宗 (1829-1883)

110.— Ngẫu cảm

Sự đời ngẫm nghĩ, nghĩ mà ghê !
 Sống gửi, rồi ra lại thác về.
 Khôn dại cùng chung ba thước đất ;
 Giàu sang chưa chín một nồi kê (1).
 Tranh dành trước mắt mây tan tạc ;
 Đày-đọa sau thân núi nặng-nề.
 Muốn đề hỏi tiên, tiên chẳng bảo,
 Gượng làm chút nữa đề mà nghe.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Giàu sang chưa chín một nồi kê* : ý nói cuộc giàu sang ở trên đời rất chóng tàn. *Điền cũ* ; Trong bài *Châm trung ký* 枕中記 của *Lý-Bí* 李泌, có chép truyện này ; *Lư-sinh* đời *Đường* gặp một nhà đạo-sĩ tên là *Lữ* ở nhà trọ, than thở với nhà ấy rằng mình cứ phải chịu cảnh bần cùng mãi. Bấy giờ chủ trọ đương nấu nồi kê, *Lư-sinh* muốn ngủ một giấc rồi dậy ăn. Nhà đạo-sĩ bèn lấy một cái gối ở trong túi đưa cho *Lư-sinh* bảo nằm lên đấy thì sẽ được vinh-hiền như ý. *Lư-sinh* nằm xuống thì quả nhiên thấy mình lấy được vợ đẹp, đi thi đậu tiến-sĩ, làm quan to, sinh được năm người con trai đều làm nên, thật là hiển-vinh sung-sướng, lại sống đến tám mươi tuổi mới chết. Bấy giờ tỉnh dậy thì thấy mình vẫn nằm ở nhà trọ, mà nồi kê của chủ trọ vẫn chưa chín. Bởi tích ấy nên sau mới dùng mấy chữ « *Hoàng-Lương mộng* 黃梁夢 » (giấc mộng kê vàng) để nói về cuộc phú-quí ở trên đời ngắn-ngủi chóng tàn.

NGUYỄN NHƯỢC-THỊ 阮若氏

(Xem Tiểu-truyện tác giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (7).

HẠNH THỰC-CA 幸蜀歌

(Xem Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX)

111.— Việc kinh-thành thất thủ năm Ất-dậu(1885)

Khuyên can chúng thầy hết điều,
 Cắt thềm Tôn-Thuyết (1) dạy liềm nửa đêm (2)
 Phen này may rủi thử xem,
 Đã đành cô chú quyết đem đánh vầy.
 Chẳng cho ai biết ai hay,
 Cũng chẳng lâu dạt, một tay thiện hành.
 Chiến công, đều « phần nghĩa binh » :
 Chín dùng những phúc-tâm mình mà thôi.
 Chắc chi bề nạn chống trời !
 Hay là làm chước thoát nơi lửa thành ?
 Hay làm bất ý thành-linh,
 Họa là may dặng công thành tiên ky ?
 Thất kinh, ai nấy hồn phi :
 Đêm khuya, nào biết sự vì làm sao.
 Quanh-co hơ-hải cùng nhau ;
 Lệnh truyền gác cửa hỏi mau cho tường.
 Giờ lâu mới thấy gửi sang (3).
 Rằng : « Nguyên ở đó (4) thị cường bản lên.
 « Ta nay không nhẽ điềm-nhiên,
 « Phải toan cự địch, hư nêu nhờ trời. »
 Âm-âm tiếng súng khắp vời :
 Khói dùn mù đất, lửa lòe nhòe mây.

Canh tư, thắng phụ chưa hay ;
 Canh năm, nghe báo (5), rút may mừng lòng ;
 Bình đài (6) thu phục đã xong,
 Lầu Tây (7), dương đốt lửa dong bốn bề.
 Liễu chừng thuốc đạn đã mòn,
 Giã lên, Tây mới thành-môn bắn vào (8).
 Nhường như sấm sét ầm ào ;
 Dầu là núi, cũng phải chao, hướng thành !
 Quân ta khôn sức đua tranh,
 Đem nhau trốn chạy tan tành bèo trôi.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tôn-Thuyết* : tức là Tôn-thất-Thuyết 尊室說, làm phụ-chánh đại-thần, kiêm binh-bộ thượng-thư lúc bấy giờ. Sau khi vua Tự-Đức mất (19 tháng 7 năm 1883), quyền chính ở trong triều đều ở tay hai ông Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường 阮文祥 là phụ-chánh đại-thần. Hai ông này chuyên quyền, làm sự phế lập : vua Dục-đức mới lên ngôi được ba ngày thì hai ông bỏ đi mà lập vua Hiệp-Hòa, rồi lại bỏ vua Hiệp-hòa (tháng 1 năm 1884) mà lập vua Kiến-phúc ; được chín tháng vua Kiến-phúc mất, hai ông lập vua Hàm-Nghi mới có 12 tuổi (tháng tám năm 1884). Tuy triều-đình đã ký tờ hiệp-ước ngày mồng 6 tháng 6 năm 1884 nhận cuộc bảo-hộ của nước Pháp mà hai ông vẫn lo cuộc chống cự ; mộ quân « phấn nghĩa » lập đồn Tân sở 新所 (ở gần Cam-lộ, thuộc tỉnh Quảng-trị), chứa vàng bạc ở đây để phòng khi hữu sự.— (2) *Nửa đêm* : tức là đêm hôm 22 sang ngày 23 tháng 5 năm Ất-dậu, Hàm-Nghi nguyên-niên (đêm ngày mồng 4 sang ngày mồng 5 tháng 7 năm 1885). Một giờ đêm hôm ấy, Tôn-thất-Thuyết ra lệnh cho quân đánh tòa Khâm-sứ và trại quân Pháp ở Mang cá — (3) *Gửi sang* : đây là lời Thuyết tâu với vua Hàm-Nghi.— (4) *Ở đó* : ý nói bèn người Pháp. — (5) *Nghe báo* : nghe lời Thuyết báo.— (6) *Bình-dài* : tức là Mang-cá nói trên. Chính tên là Trấn-bình-dài, một khu thành nhỏ ở góc đông-bắc kinh-thành Huế.— (7) *Lầu Tây* : tức là tòa Khâm-sứ Pháp.— (8) *Giã lên, Tây mới thành môn bắn vào* : Khi quân ta bắn sang, quân Pháp đang ngủ, chợt tỉnh dậy, chưa biết ra làm sao, chỉ yên lặng mà chống giữ. Đến gần sáng, quân Pháp mới tiến lên đánh thành thì quân ta thua chạy.

LÊ NGÔ-CÁT 黎吳吉 và **PHẠM ĐÌNH-TOÁI** 范廷俔

(Xem *Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VII, Lời chú (14) và (16)*).

Đại-nam quốc-sử diễn-ca

大南國史演歌

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ năm*)

112.— Hai bà Trưng

- 331 Bà Trưng quê ở Châu Phong (1)
Giận người tham-bạo, thù chông chướng quen.
Chị em nặng một lời nguyện,
Phất cờ nương-tử (2) thay quyền tướng-quân.
- 335 Ngàn tây (3) nổi áng phong trần,
Ầm-ầm binh-mã xuống gần Long-Biên (4).
Hồng-quần nhẹ bước chinh-yên (5),
Đuổi ngay Tô-Định dẹp tan biên-thành.
Đỏ-kỳ (6) đóng cõi Mi-linh (7),
- 340 Lĩnh-nam (8) riêng một triều đình nước ta.
Ba thư gánh vác sơn-hà,
Một là báo-phục (9) hai là bá vương (10).
Uy-thanh động đến Bắc-phương,
Hán sai Mã Viện lên đường tiến công.
- 345 Hồ Tây (11) đua sức vẫy vùng,
Nữ-nhi chống với anh-hùng được nao !
Cấm-khè (12) đến lúc hiểm-nghèo,
Chị em thất thế cũng liều với sông.
Phục-ba (13) mới dựng cột đồng,
- 350 Ải-quan truyền dấu biên công cõi ngoài.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Châu Phong* : tức là Phong-Châu 峯州 tên đất cũ ở nước ta, ở vào khoảng phủ Vĩnh-tường (trước thuộc tỉnh Sơn-Tây nay thuộc tỉnh Vĩnh-yên).— (2) *Nương-Tử* 娘子 : con gái. Cờ Nương-Tử là cờ của một vị tướng đàn bà đi đánh giặc.— (3) *Ngàn tây* : chỉ quê bà Trưng, vì Phong-Châu ở phía tây thủ-đô nước ta bây giờ.— (4) *Long-biên* 龍編 : tên đất cũ ở nước ta, nay ở địa-hạt phủ Thuận-thành tỉnh Bắc-ninh.— (5) *Chinh-yên* 征鞍 : cái yên đặt lên mình

ngựa cưỡi đi đánh giặc.— (6) *Đô-kỳ* 都畿 : cũng như chữ « kinh-đô » chỗ nhà vua đóng.— (7) *Mi-linh* 糜冷 : tên đất cũ của nước ta, nay thuộc địa-hạt phủ Yên-lãng tỉnh Phúc-yên.— (8) *Lĩnh-nam* 嶺南 : (nghĩa đen là phía nam dãy núi Ngũ-lĩnh) tên : người Tàu ngày xưa gọi chung phần đất ở phía nam dãy ngũ-lĩnh, gồm có Quảng-đông, Quảng-tây và nước nam ta.— (9) *Báo-phục* 報復 : tức là báo ân, phục thù, nghĩa là đền ơn và trả thù.— (10) *Bá-vương* 霸王 : bà là người có quyền thống lĩnh các nước nhỏ, ở dưới vương ; vương là vua : nói về người làm nên sự-nghiệp hùng trưởng.— (11) *Hồ Tây* : tên một cái hồ ở phía bắc thành-phố Hà-nội. Đây chép « Hồ Tây » vì sử cũ chép rằng Mã-Viện đánh nhau với bà Trưng ở *Lãng-bạc*, mà « Lãng-bạc » là một tên cũ của Hồ Tây. Nhưng ở các nhà sử-học gần đây xét ra rằng « Lãng-bạc » nơi bà Trưng đánh nhau với Mã-Viện, không phải là tên hồ mà là tên đất, tức là Tiên-du sơn huyện Tiên-du tỉnh Bắc-ninh bây giờ (Xem H. Maspéro. *L'expédition de Ma Yuan*, BEFEO, t. XVIII, số 3).— (12) *Cấm-khê* 禁谿 : tên đất cũ ở nước ta, nay ở địa-hạt phủ Vĩnh-Tường tỉnh Vĩnh-yên.— (13) *Phục-ba* 伏波 : tức là Phục-ba tướng-quân, chức của vua Hán phong cho Mã-Viện.

TÔN THỌ-TƯỜNG 尊壽祥

(Xem *Tiêu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (5)*).

113.— Đi sứ nước Pháp

Mùa gươm, quặng chén cất mình đi,
 Bịn rịn đầu mang thối nữ-nhi.
 Mây khói một màu thuyền thoát-thoát ;
 Biển trời muôn dặm núi ti-ti.
 Phương xa xe ngựa lừa đi đến ;
 Nước cũ non sông ngóng lúc về.
 Tèn cổ cung dẫu là chi trẻ,
 Danh mà chi đó, lợi mà chi ?

114.— Tôn phu-nhân qui Thục (1)

Cật ngựa thanh gươm vẹn chũn tòng,
 Ngàn thu rạng tiết gái Giang-đông (2).
 Lia Ngó, bịn-rịn chòm râu bạc ;

Về Hán trau-trĩa mảnh má hồng.
 Sơn phấn thà cam dày gió bụi ;
 Đá vàng chi dễ thẹn non sông ?
 Ai về nhắn với Châu Công-cần (3) :
 Thà mất lòng anh, đừng bụng chông.

Bản chép khác.— Câu 5 :... *đem dày*...— Câu 8 :... *Chu*...—
 Câu 8 :... *đọc*...

CHÚ-THÍCH.— *Tôn phu-nhân qui Thục* 孫夫人歸蜀 : Phu-nhân họ Tôn về nước Thục. Tôn phu-nhân, em gái Tôn-Quyền vua nước Ngô, lấy Lưu-Bị vua nước Thục (hoặc Hán) năm 209 (sự tích đời Tam quốc). Tác-giả mượn việc này để ám-chỉ cảnh ngộ mình, trước đã làm quan với Nam triều, sau lại làm quan với Chánh-phủ Pháp — (2) *Giang-đông* 江東 : phía đông sông Dương-tử giang. Đây chỉ đất nước Ngô ở phía đông-nam sông ấy về phía đông sông Trương là một chi lưu của sông ấy.— (3) *Công-cần* : tự của Chu Du, cố tài văn võ, giúp Tôn-Quyền, đánh thua Tào Tháo ở trận Xích bích.

115.— Tự thuật

(Tất cả mười bài liên hoàn : dưới đây trích lục hai bài)

I

Giang-san ba tỉnh hãy còn đây ;
 Trời đất xui chi đến nỗi này ?
 Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo ;
 Mây tuôn đen kịt khói tàu bay.
 Xăng-văng chậm tính, thương đòi chỗ ;
 Khấp-khởi riêng lo, biết những ngày.
 Miệng cọt, hàm rồng, chưa dễ chọc ;
 Khuyên đàn con trẻ chớ thầy lay (1).

IX

Kề mấy mươi năm nước lẽ vắn,
 Trời đà xui thế, thế khôn ngăn.
 Bốn đời chung đội ơn nuôi dạy ;
 Ba tỉnh riêng lo việc ở ăn.
 Hết sức người theo trời chẳng kịp,
 Hoài công chìm lấp biển khôn bằng.

Phải sao chịu vậy, thôi thì chớ...

Nhắm mắt đưa chân, lối đạo hằng !

Bản chép khác.— Bài IX, Câu 1 : ... *nếp*... — Câu 7 : *Ồi thôi !*
đá...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thầy lay* : mua chuộc lấy những việc không phải việc của mình.

116.— Thân thế nàng Kiều (1)

Mười mấy năm trời *nợ giữ* xong,
Sông Tiền-đường đục hóa ra trong,
Mảnh duyên bình lãng (2) còn *nong nả* ;
Chút phận tang-thương lắm *ngại-ngùng*.
Chữ hiểu ít nhiều, trời đất biết ;
Gánh tình nặng nhẹ, chị em chung.
Tấm lòng thiên cổ thương mà trách :
Chẳng trách chi Kiều, trách Hóa-công.

Bản chép khác.— Câu 1 : ... *nhục rủa*... — Câu 2 : ... *nén*... —
Câu 7 : *Soi gương*...

CHÚ-THÍCH.— (1) Bài này tác giả làm khi đã về tri sĩ, mượn thân thế nàng Kiều để ký thác tâm sự mình.— (2) *Bình-lãng* 萍浪 : bèo và sóng ; như chữ « bình thủy » nói về cái duyên hai người ngẫu nhiên mà gặp gỡ nhau.

PHAN VĂN-TRỊ 潘文植

(Xem tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX. Lời chú (6).)

117.— Tôn phu-nhân qui Thục

(Họa vịnh Bài của Tôn Thọ-Tường, xem Bài số (2) ở trên)

Cài trâm sửa áo vện câu tông,
Mặt ngả trời chiều biệt cõi Đông.
Ngút lòa đời Ngô *un sắc trắng*,
Duyên về đất Thục đượm màu hồng.
Hai vai tơ tóc bền trời đất ;
Một gánh *cang (cương)* thường nặng núi sông.
Anh hỡi ! Tôn-Quyền anh có biết ?
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.

Bản chép khác.— Câu 1 :.. sửa *tráp* (hoặc . *xóc áo*).. — Câu 2 :... *giả*... — Câu 3 : Ngút tòa trời Ngô... (hoặc) : *Khói* tỏa vùng Ngô *xen thức bạc* — Câu 4 : *Duyên xe về Thục*.. — Câu 7 : *Nhấn với họ Tôn người*...

118. — Tự thuật

(Họa vận bài của Tôn-Thọ-Tường, xem Bài số 122 ở trên)

Hơn thua chưa quyết đó cùng đây,
 Chẳng đã, nên ta phải thế này.
 Bền Nghé (1) quản bao cơn lửa cháy ;
 Cồn Rồng (2) dầu mặc bụi tro bay.
 Nuôi muông giết thỏ còn chờ thỏ :
 Bủa lưới (3) sẵn nai cũng có ngày,
 Đùng mượn hơi hùm rung nhát khi :
 Lòng ta sắt đá, há lung lay ?

IX

Một đôi mươi uổng lính xăn-văn (4) !
 Đất lở, ai mà dễ dám ngăn ?
 Nong-nả, (5) dốc vun nền đạo nghĩa ;
 Xốn-xang (6) nào tưởng việc làm ăn !
 Thương người vì nước ngồi không vững
 Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng.
 Gió *xãng* mới hay cây cỏ cứng,
 Đổi theo người trước giữ năm hằng.

Bản chép khác.— Bài IX câu 7 :... *manh*.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Bền-nghé* : tên một cái bến ở thành Saigon — (2) *Cồn rồng* : tên một cái cồn ở thành Saigon.— (3) *Bủa lưới* : chăng lưới.— (4) *Xăn-văn* : tức là xăn-vàng : vội-vàng, hấp tấp.— (5) *Nong nả* : hăm hở, liăng-lái.— (6) *Xốn-xang* : rộn ràng, bối rối trong lòng.

CAO BÁ-NHẠ 高伯适

Người xã Phú-thị (nay thuộc q. Gia lâm t, Bắc-ninh), con Cao-Bá-Đạt cháu Cao-Bá-Quát.

Tự tình khúc 叙情曲

Năm 1854 Tự-đức thứ 7, sau khi Cao-Bá-Quát (xem *Tiểu truyện ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV. Lời chú (10).*) khởi loạn, rồi bị chết chém, người anh đồng-bào song-sinh là Cao-Bá-Đạt (đỗ cử-nhân năm 1834, Minh-mạng thứ 15) bảy giờ đương làm tri-huyện Nông-cống (Thanh-Hóa) cũng bị bắt giam, sau ông tự tận. Cả nhà ông đều bị bắt. Duy có Cao-Bá-Nhạ trốn thoát, ẩn náu ở hạt Mỹ-đức (Hà-đông) được tám năm trời thì lại bị bắt. Khúc *Tự-tình* này, Nhạ làm khi đương bị giam ở trong ngục.

Kể về lời văn tự tình thì khúc này đáng kể là một áng văn hay, vì tình ý thiết tha, lời văn thống thiết, thật là tả hết nỗi đau đớn của một người chẳng may gặp cảnh gia biến bị nỗi oan uổng, mà vẫn giữ được lòng trung hiếu nghĩa thủy chung, khiến cho ai nấy đọc đến cũng phải cảm thương cho cái thân thế của tác-giả.

Khúc này gồm có 608 câu và viết theo thể « song thất lục bát ».

119.— Lúc đi trốn

- Đạo con lấy hiếu trung làm trọng,
 70 Nỗi thế thường xem mỏng xem khinh,
 Phù sinh một sợi tơ màu,
 Giữ-gìn di-thê (1) như hình thiên-kim (2).
 Nhạn sa nước, nổi chim bề khô ;
 Yến e cung, tìm đỗ cây lành,
 75 Đường ngang những sợ chông-chênh,
 Khăng-khăng quyết giữ tấm thành như sơn,
 Áo bạch-chữ (3) dầu cơn mưa nắng,
 Khăn ô-luân (4) dội nặng gió sương.
 Cành mai chéch-mác càng thương,
 80 Câu thơ tang tử (5) giữa đường càng đau,
 Ngàn non Thái một màu mây bạc (6),
 Giạt chân bèo lưu lạc bề oan.
 Gập-ghềnh từng bước gian-nan,
 Một vùng khách-địa, muôn vạn thương tâm.
 85 Lòng hiếu-dưỡng trăm năm đã lỡ,

- Lời di-danh (7) hai chữ còn mang.
 Trong khi biển, chẳng khác thường ;
 Đến điều cùng quá, lại càng kiên trinh.
 Thu nước mắt, gia-tình biếng cạn ;
- 90 Thấm mồ-hôi, vận-hạn lâu qua.
 Tràng-dinh ngoảnh lại xa-xa,
 Khỏi cầu « chiết liễu » (8), ai là cố-nhân ?
 Ghê chân bước phong-trần mới trái,
 Nặng lòng ơn sơn-hải chưa đành.
- 95 Nước mây mình biết cho mình,
 Trời dành tuế-nguyệt đất dành điền-viên (9).
 Thú thôn.ô ; ao nghiên, ruộng chữ ;
 Màu giang.sơn ; cơm sử, áo kinh.
 Pha hòa hai chữ trọc, thanh ;
- 100 Đồi màu lữ.khách, thay hình hàn-nho.
 Người mến cảnh, giang-hồ nên thú,
 Cảnh yêu người, tân chủ phải duyên.
 Lần hồi trong tám, chín niên,
 Gối nhàn tạm chợp, mối phiền tạm khuấy.
- 105 Vườn riêng, lấy cỏ cây làm bạn ;
 Năm dài, xem yến nhạn bay qua.
 Song hồ ngày tháng lán-la,
 Một hai hoàng-quyền, năm ba tiều.đồng.
 Tráp Vĩnh-thúc (10), tay phong, tay mở ;
- 110 Tập Thiếu-lãng (11), câu lựa, câu ngâm,
 Thờ-ơ thân-thế phù trầm,
 Khi rong trước gió, khi nằm dưới trăng.
 Khuôn tạo-hóa dấu rắng phong, sắc (12),
 Nợ phù-sinh phó mặc bí, hoan.
- 115 Thôn-cư riêng thú bàn-hoàn (13)
 Đem thanh giải trọc, đem nhàn giải ưu.
 Túi Tư-nữ (14) giỏ câu thánh-phú,
 Vườn Đào Am (15) quyền chủ thần hoa,
 Mấy phen điểm tuyết yên.hà (16).
- 120 Cúc mười lăm khóm, mai và bốn cây.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Di-thể* 遺體 : thân-thể của cha mẹ để lại cho.— (2) *Thiện-kim* 千金 : nghìn vàng ; ý nói quí lắm.— (3) *Bạch-chữ* 白紵 : gai trắng.— (4) *Ô-luân* 烏輪 : (ô : quạ : đen như quạ ; luân : sợi tơ) sợi tơ đen.— (5) *Câu thơ tang tử* : câu thơ trong *Kinh-Thi* (thơ tiểu-biện 小弁) : Duy « tang dữ tử, tất cung kinh chỉ 維桑與梓, 必恭敬止. » (Cây dâu và cây tử (của cha mẹ giồng, phải kính trọng nó.) Hai chữ « tang tử » sau dùng để chỉ quê cha mẹ.— (6) *Ngàn non Thái một màu mây bạc* : xưa Địch Nhân-Kiệt đời Đường đi làm quan xa, trở đám mây trắng ở núi Thái-hàng 泰行, nói : « Nhà cha mẹ ta ở dưới đó ». Sau dùng những chữ « non Thái », « mây hàng » để nói lòng nhớ cha mẹ.— (7) *Lời di danh* : lời cha mẹ dặn mình phải sống để truyền tên họ lại về sau.— (8) *Cầu chiết liễu* (chiết liễu 折柳 : bẻ cành liễu) : ở cầu Bá kiều bên Tàu, có cây liễu : khách đi xa, qua đây, thường bẻ cành liễu : rồi từ biệt những người tiễn đưa, nên gọi là cầu chiết liễu.— (9) *Trời dành luế-nguyệt, đất dành điền viên* : (luế-nguyệt : năm tháng ; điền-viên : ruộng vườn) : ý nói : mình còn sống thì còn ngày giờ, còn đất cát.— (10) *Tráp Vĩnh thục* : tráp đựng sách của ông Vĩnh-thục, tên tự của Âu Dương-Tu, một văn-hào đời Tống bên Tàu.— (11) *Tập Thiếu-lãng* : tập thơ của ông Thiếu lãng, tên hiệu của Đỗ-Phủ, một thi-hào đời Đường bên Tàu.— (12) *Phong, sắc* : (phong : nhiều, hơn ; sắc : ít, kém) do câu : « Phong vu bỉ, sắc vu thử 豐于彼, 嗇于此 » hơn bên này kém bên kia.— (13) *Bàn-hoàn* 盤桓 : quanh quẩn, không nỡ dứt đi.— (14) *Tư-mã* : tức là Tư mã Trương-như làm bài phú « Lãng-vân » nổi tiếng là thánh-phú ở đời nhà Hán bên Tàu.— (15) *Đào-Am* : ông có cái vườn giồng hoa, mỗi thứ có một vị thần hoa ; người chủ vườn hoa tức là chủ các thần hoa.— (16) *Điểm-xuyết yên-hà* 點綴煙霞 (điểm-xuyết : tô vẽ cho đẹp ; yên-hà : khói và rặng ; chủ cảnh thiên-nhiên) ? sửa sang cảnh thiên-nhiên cho đẹp-đẽ thêm.

120. — Lúc bị bắt

- 190 Tưởng khuấy-khỏa ngày qua, tháng tới ;
 Bỗng hãi-hùng gió thổi, mưa chan.
 Nồi chim, chim nổi bể oan,
 Mấy năm hầu cạn, một cơn lại đầy.
 Nặng kiếp trước, vò giày chi mãi ?
 Ngẫm tình này oan trái sao cần ?
- 195 Nghĩ thân mà ngán cho thân !
 Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi !
 Chữ bạc-mệnh, ai ơi ! xót với ;

- Câu đa gian (1), trời hỡi thấu chăng ?
 Gớm thay ! ngọn lửa đốt rừng :
- 200 Dập tàn, tàn lại bùng-bùng bùng không.
 Ghè cho kẻ mọc lông trong bụng (2) :
 Đặt nền điều vẽ bóng ngoài môi (3).
 Ngựa hươu thay đổi như chơi :
- Đấu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay (4)
- 205 Gây ra sự chia cây, rụng lá,
 Để cho ai chìm cá, giạt bè.
 Năm ba kẻ thước, người hèo.
- Ngõ Nhan lời cái đàn-biêu dập tan (5).
 Gà co-óc vừa tàn giấc mộng,
- 210 Nhặng vo-ve sự động hồn kinh,
 Tiểu-dồng thồn-thức chung quanh.
 Thê nhi lẩn-lóc bên mình khóc than.
 Phút nửa khắc muôn ngàn thê-thảm
 Trong một mình bảy tám biệt-ly.
- 215 Ngảnh vào, ái ngại thê-nhi.
 Ngảnh ra, án cũ cầm thi ngại-ngần.
 Lay ngọn cúc gió dẫn lẩn-lóc,
 Thấm cảnh mai sương khóc chan hòa.
 Trông hoa, đau đớn cùng hoa.
- 220 Ai ngờ từ đấy hóa ra vô tình ?
 Áo xốc-xếch nửa manh chấp nối,
 Tóc loãn-xoăn trăm mối bông-bong.
 Sầu dài chia nửa vào song (?)
 Bước ra dùng-dắt, lại trông giở vào.
- 225 Hồn khuê-phụ lao-đao lạng ngắt,
 Người hương-quan quanh-quất thương thay.
 Bèo mây lỡ bước từ đây,
 Nước non tiền khách là ngày hai năm.

CHÚ-THÍCH.— (1) Đa-gian : nhiều nỗi gian-truân, cực-khổ.— (2) Mọc lông trong bụng : tục-ngữ ; ý nói : bụng dạ độc ác.— (3) Vẽ bóng ngoài môi : ý nói : đặt chuyện nói vu.— (4) Đấu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay : ý nói : lấy miệng lưỡi vu hãm mà giết người ; bắt

thinh-linh dùng mưu kế ác-độc mà làm hại người — (5) *Ngõ Nhan*: lời cái đan-biểu đập tan (đan : rỏ ; biểu : bầu) : xưa Nhan Hối, học trò đức Khổng-Tử, nhà nghèo, ở ngõ hẻm, chỉ có một rỏ cơm, một bầu nước. Cả câu ý nói : linh trảng vào nhà đập phá hết cả.

NGUYỄN-KHUYẾN 阮勳 (1835 - 1909)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV. Lời chú (20)).

121. — Cảnh già

Nhớ từ năm trước hãy thơ ngây,
 Phút chốc mà già đã đến ngay.
 Mái tóc chòm đen, chòm lốm-đốm ;
 Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung-lay,
 Nhấp nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ,
 Khấp-khềnh ba chân dở tỉnh say.
 Ông ngẫm mình ông thêm ngán nỗi :
 Đi đâu, giờ những cõi cùng chày.

Bản chép khác. — Câu 1 : *Vừa thuở* ngày nào hãy đại ngây.
 — Câu 2 : *Cái già* sòng sọc đã theo ngay. — Câu 3 : *chòm đen, chòm* . . . (hoặc) : *phần sâu, phần* . . . (hoặc) : *chòm rậm, chòm* . . . — Câu 5 : *Lèm-nhèm* . . . (hoặc) *lấp lờ* . . . — Câu 6 : *bước* . . . — Câu 7 : *Còn một* nỗi này thêm chán ngắt (hoặc) : thêm nỗi chán.

122. — Ông tiến-sĩ giấy

Khéo chủ hoa man (1) khéo vẽ trò,
 Bốn ông mà lại dư thẳng cu.
 Mày râu vẽ mặt vang trong nước ;
 Giấy má nhà bay đáng mấy xu ?
 Bán tiếng, mua danh, thầy lũ trẻ ;
 Bảng vàng, bia đá, vẫn nghìn thu.
 Hỡi ai muốn ước cho con cháu ?
 Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu,

CHÚ-THÍCH. — *Chủ hoa-man* : người thợ mã.

123. — Nước lụt hội thăm bạn

Ai lên, nhắn hỏi bác Châu-câu (1) ;
 Lụt-lội năm nay bác ở đâu .

Mấy ổ lợn con rày lớn bé ?
 Vài gian nếp cái ngập nông, sâu ?
 Phận thua, suy tình càng thêm thiệt ;
 Tuổi cả, chơi-bời họa sống lâu.
 Em cũng chẳng no, mà chẳng đói.
 Thung-thắng chiếc lá, rượi lưng bầu.

Bản chép khác.— Câu 3 : ...*mua đất, rẻ ?* — Câu 4 : ...*thóc nếp* ...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Châu-câu* : tên một làng thuộc huyện Thanh-liêm tỉnh Hà-Nam, quê bạn tác-giả là Bùi-Quốc.

124.— Đêm mùa hạ

Tháng tư đầu, mùa hạ,
 Tiết trời thực oi-ả,
 Tiếng dế kêu thiết-tha ;
 Đàn muỗi bay toỉ-tả,
 Nỗi ấy biết cùng ai ?
 Cảnh này buồn cả dạ !
 Biếng hấp năm canh chầy,
 Gà đà sớm giục-giã,

125.— Mẹ Mốc

So danh-giá ai bằng Mẹ Mốc (1) !
 Ngoài hình-hài, gấm vóc, cũng thêm ra.
 Tấm hồng-nhan đem bôi lấm, xóa nhòa ;
 Làm thế để cho qua mắt tục.
 Ngoại mạo bất cầu như mỹ-ngọc ;
 外貌不求如美玉
 Tâm trung thường thủ tự kiên kim (2)
 心中常守似堅金
 Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,
 Giữ son sắt êm-dềm một tiết,
 Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết
 Mảnh gương Trinh vắng-vật quyết không như.
 Đắp tai ngảnh mặt làm *ngơ*.
 Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thây.
 Khôn em để bán đại này.

Bản chép khác.— Câu 6 : *Thân* 身 .. — Câu 8 : *Dù* ... —

Câu 11 : *lo*..

CHỮ-THÍCH.— (1) *Mẹ Mốc* : tên một người đàn bà hóa đại ở tỉnh Nam-dịnh xưa — (2) *Hai câu 5-6* : ngoài mặt không cầu như ngọc đẹp ; trong lòng thường giữ bền tựa vàng.

TRƯƠNG VĨNH-KÝ 張永記 (1837-1898)

(*Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ III, Lời chú (1).*)

126.— Vài nơi cung điện đền chùa ở Hà-nội

Trước hết vô Hoàng-thành cũ. Lọt khỏi ngũ-môn-lâu, lên đến Kính-thiên. Đền ấy nền cao lắm. Có 9 bậc xây đá Thanh, hai bên có hai con rồng cũng đá lộn đầu xuống. Cột đền lớn trót ôm, tinh những là gỗ liêm (*lim*) cả. Ngó ra đằng sau còn thấy một hai cung điện cũ chỗ vua Lê ở thuở xưa, bây giờ hư tệt còn tích lại đó mà thôi. Ra ngoài cửa ngũ-môn-lâu, thẳng ra cửa Nam, có cột cờ cao quá xây bằng gạch, có thang khu ếch trong ruột nó mà lên tới trên chót vọt...

Coi rồi mới ra đi đến xem chùa một cột, là cái miếu cất lên trên đầu cây cột đá lớn trông giữa ao hồ. Nguyên tích ai thiết-lập ra thì người ta nói mờ-ơ, không biết lấy đầu làm chắc cho mấy. Cứ sách sử-ký và *Đại-nam nhất thống chí*, thì chùa ông thánh đồng đen kêu là Trần-vô quan tự ở về huyện Vĩnh-thuận, phường Đoan-chương đời nhà Lê, năm Vĩnh-trị năm Chánh-hòa, vua Hi-tông (1675) sửa lại đúc tượng đồng đen cao 8 thước 2 tấc, nặng 6600 cân, tay hữu chống trên cây gươm, chỉ mũi trên lưng con rùa, có rấn văn doanh theo vô gươm ... Còn chùa một cột, thì cũng ở hạt huyện Vĩnh-thuận, làng Thanh-bửu ở giữa cái hồ vuông, có trụ đá cao trót trượng, yên-viên chừng chín thước, trên đầu có cái miếu ngồi chổng lên, như cái hoa sen ở dưới nước ngóc lên. Sử chép rằng : Thuở xưa vua Lý Thái-Tông nằm chiêm-bao thấy Phật Quan-âm ngồi tòa sen dắc (*dát*) vua lên đài. Tỉnh dậy học lại với quần-thần, sợ điềm có xấu có hệ chi chăng. Thì thầy chùa thầy sai tâu xin lập ra cái chùa thế ấy, dâng cho các thầy tụng kinh mà cầu diên-thọ cho vua, thì vua cho và dạy lập ra. Qua đời vua Lý Nhân-

Tổng sửa lại, bồi-bổ, lập tháp, đào ao, xây thành làm cầu-tử-tử, hễ tháng tư mồng tám vua ngự ra đó kỳ-yên.

*Voyage au Tonking en 1876, Chuyển đi Bắc-kỳ năm út-hợi (1876)
Saigon, Guillard et Martinon. (1881)*

HUỲNH TỊNH CỦA tức PAULUS CỦA (1834-1907)

(Xem *Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ III, Lời-chú (2)*).

127.— Chí-khí cao

Thuở xưa vua Nghiêu muốn truyền ngôi cho Hứa-Do (1), bèn đòi Hứa-Do tới mà dạy rằng: « Trẫm nghe người có tài đức lớn, trẫm muốn truyền ngôi cho người, người phải nối ngôi cho trẫm mà làm vua thiên-hạ.» Hứa-Do nghe nói, tức cười, vội-vàng đi xuống suối mà rửa tai. Cũng một khi ấy, có người Sào-Phủ là người giữ trâu, đem trâu xuống suối mà cho uống nước, thấy Hứa-Do đương lum-khum rửa tai, hỏi Hứa-Do làm sao mà rửa tai? Hứa-Do lắc đầu nói: Ông Nghiêu đòi tôi, biểu tôi thì làm vua. Sào-Phủ nghe nói, liền đem trâu lên trên dòng nước mà cho uống. Hứa-Do hỏi, làm sao anh lại đem trâu lên trên ấy mà cho uống? Sào-Phủ rằng: Anh rửa tai anh xuống đó, tôi sợ trâu tôi uống nhầm. Sào-Phủ lại rằng: Anh đi đâu cho người ta biết anh mà muốn nhường ngôi vua cho anh, ấy là tại bụng anh vẫn còn danh-lợi.

Nghe mà rửa, chỉ bằng giữ vẹn dưng nghe.

Chuyện giải buồn

DƯƠNG-KHUÊ 楊桂 (1839-1902)

Hiệu Vân-trì 雲池, người xã Vân-dinh, huyện Sơn-minh, tỉnh Hà-nội (nay thuộc phủ Ứng-hòa tỉnh Hà-đông), đậu tiến-sĩ năm 1868 (Tự-đức thứ 21), làm quan đến hàm thượng-thư, sung-chức tham-tá nha Kinh-lược Bắc-kỳ).

128.— Lại gặp người quen

Hốt ức lục thất niên tiền sự (1).

忽憶六七年前事

Trái trắng hoa chưa trả nợ hương nguyên,

Đến bây giờ lại gặp người quen,

Nỗi lưu-lạc sự ghét-ghen là thể *nhĩ*.
 Thiếp tự thâu khinh, lang vị khi ;
 妾自身輕郎未素
 Thần tuy tội trọng, đế do liên (2).
 臣雖罪重帝猶憐
 Can chi mà tội phạm, hơn duyên.
 Đề son phấn dần em thêm khúc-khích.
 Ý-trung-nhân tự khả tình tương bạch (3)
 意中人自可情相白
 Thôi bút nghiên, dần phách cũng đều sai.
 Trông nhau nói nói, cười cười.

Bản chép khác— Câu 2 : *Nợ phong-lưu* chưa trả hương
 nguyên.— Câu 2 : *Tới...*— Câu 4 : ... thể — Câu 7 : *Vội...*— Câu 8 : ...
Lũ đàn em (hoặc : *mặc đàn em*)..— Câu 9 : ... *chi* (hoặc : *đàn*)..—
 Câu 10 : ... *sinh*..— Câu 11 : *Gặp.* (hoặc) : ... *cùng nói cả cười*
 (hoặc) : ... *ta sẽ vui cười*.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Câu 1* : Chợt nhớ đến việc tự sáu bảy năm về trước.— (2) *Câu 5-6* : Minh thiếp dù khinh, chàng chưa nở bỏ ; tội bầy tôi dẫu nặng, vua vẫn còn thương.— (3) *Câu 9* : Đối với người thương yêu của mình, có thể đem tình thực mà nói rõ cho nhau hay.

129.— **Gặp cô đầu cũ**

Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết,
 Mỗi ngày nào còn *chửa biết* chi chi.
 Mười lăm năm *thăm-thoắt* có xa gì !
 Chợt *ngảnh lại*, đã đến kỳ *tơ-liếu*.
 Ngã lãng du thời quân thượng thiếu ;
 我浪遊時君尚少
 Quân kim hứa giá, ngã thành ông (1)
 君今許嫁我我翁
 Cười cười, nói nói *then thưng*.

Mà bạch phát với hồng nhan chùng ái ngại.
 Riêng một thú Thanh Sơn (2) đi lại,
 Khéo ngậy-ngậy đại-dại với tình.
 Đàn ai một tiếng dương tranh ?

Bản chép khác.— Câu 2 : ... Chưa biết cái.— Câu 3 : ... lâu.
 — Câu 4 : Ngảnh mặt lại... tới... — Câu 7 : ... sưng sưng (hoặc : gương
 gương).— Câu 8 : bạch phát, hồng nhan, (hoặc : lạ lạ, quen quen).— Câu
 9 : ... xuân... — Câu 10 : Luống...

CHÚ-THÍCH.— (1) Hai câu 5-6 : Lúc ta chơi bởi phóng túng thì người còn nhỏ ; bây giờ người đến tuổi lấy chồng thì ta đã thành ông (ý nói đã già) — (2) Thanh-Sơn ; Có người cho Thanh là Thanh thần ; Sơn là Sơn minh (sau đổi là Sơn-lăng, tên huyện, quê tác-giả). Làng Thanh thần thuộc h. Sơn-lăng (nay thuộc p. Thanh-oai, t. Hà-dông) là làng có nhiều cô đầu.

CHU-MẠNH-TRINH 朱孟楨 (1862-1905)

(Xem Tiểu truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (12)).

130.— Kiều mắc lận Sở-Khanh
 Những nghĩ chim lồng chấp cánh bay,
 Có khi phận rũi tới hồi may.
 Làng nhỏ người cũng coi ra vẻ ;
 Tô bợn ai ngờ mắc phải tay.
 Hai chữ tin hồng trao gác nguyệt ;
 Một roi vó kỹ tếch đờng mây.
 Mẫu-dơn vùi-vấp cơn mưa gió,
 Cái nợ yên-hoa khéo đọa đày.

Thanh-tâm tài-nhân thi tập

Bản chép khác.— Câu 2 : Họ... có... — Câu 4 : Bợn số.
 — Câu 5 : ... nhan... — Câu 6 : ... ngựa.

131.— Thúc-sinh về thăm Hoạn-thư
 Trong nửa năm trời mới bèn hơi,
 Hồ vui sum họp, lại xa khơi,
 Chén đưa lòng những bán-khoản nổi ;
 Dặm thẳng lòng còn lẫn-quất nơi.

Nước lã ra chùng coi cũng lạnh ;
 Bờ-hòn hầu dễ ngậm làm tươi.
 Ghê cho cái gái tay danh-đá ;
 Giòn-giã càng thêm vẻ nói cười.

(*Thanh-lâm tài-nhân thi tập*)

Bản chép khác.— Câu 5 : ... *lãng* — Câu 8. *Đùng đình...*

132.— Tổng vịnh truyện Kiều

Cuốn ngỏ rèm xuân trái mấy sương,
 Sắc tài chi lắm dễ làm gương.
 Công cha bao quản liễu thân thiếp ;
 Sự nước xui nên phụ với chàng.
 Cung oán nữ-non đàn bạc mệnh,
 Duyên may dun giũ lưới Tiền-đường.
 Hai bên vẹn cả tình cùng hiếu,
 Đem bắc đồng cân đáng mấy vàng.

(*Thanh-lâm tài nhân thi tập*)

133.— Phong cảnh Hương-sơn

Bầu trời, cảnh *bụt*,
 Thú Hương-sơn ao ước bấy lâu nay !
 Kia non non, nước nước, mây mây,
 « Đệ nhất động » (2), hỏi là đây có phải ?
 Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái ;
 Lững lơ khe *Yến* (3) cá nghe kinh.
 Thoảng bên tai một tiếng chày kinh. (4),
 Khách tang-hải giặt mình trong giấc mộng !
 Này suối Giải oan (5), này chù Cửa vông (6).
 Này am Phật-tích (7), này động Tuyết-quỳnh (8).
 Nhác trông lên, ai khéo vẽ hình :
 Đá ngũ sắc long-lanh như gấm dệt.
 Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
 Gập-ghenh mấy lối uốn thang mây.

Chừng giang-sơn còn đợi ai đây?
 Hay tạo-hóa sẽ ra tay sắp-dặt?
 Lần tràng-hạt, niệm: Nam-vô Phật!
 Cửa từ-bi công-đức biết là bao,
 Càng trông, phong-cảnh càng yêu.

Bản chép khác.— Câu 1 :... *Phật.*— Câu 4 :... *ràng.. chẳng...*—
 Câu 6 :... *nước...*— Câu 10 :... *hang... quỳnh.*— Câu 11 :... *họa nên..*—
 Câu 14 :... *đôi...*— Câu 15 : *Ý...*— Câu 16 :... *sẽ ra tay xếp đặt*
 (hoặc) *khéo ra tay xếp-dặt!* Câu 18 :... *xiết.*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hương sơn*: xem câu chú-thích số (1) ở Bài 64 — (2) *Đệ nhất động*: ngoài cửa động Hương-tích, có đề năm chữ « Nam-thiên đệ nhất động 南天第一峒 » (Động thứ nhất ở trời Nam) — (3) *Khe Yến*: dòng suối thuộc địa-phận làng Yến-vỹ; muốn vào động Hương-tích, phải xuống thuyền ở bến đò Suối (ở đầu làng Yến-vỹ, thuộc p. Mỹ-đức, Hà-đông), rồi theo dòng suối ấy đi đến Chùa Ngoài (tên chữ là Thiên-trù); đoạn, đi theo đường núi vào đến động (tục thường gọi là Chùa Trong). — (4) *Chày kinh*: xem câu chú-thích số (3) ở bài 65. — (5) *Suối giải-oan* (giải oan 解冤: cởi gỡ những nỗi oan): ở khoảng giữa lối đi từ Chùa Ngoài vào Động Hương-tích, có một cái mạch nước trong và mát, khách đi lễ thường dừng lại đây lấy nước uống; suối ấy gọi là « Suối giải oan » và ngôi chùa xây ở đây gọi là « Chùa giải oan » — (6) *Chùa Cửa võng*: tên một ngôi chùa cũng ở lối vào động. — (7) *Phật tích* 佛跡: dấu vết của Phật; tục truyền Động Hương-tích là nơi hóa kiếp của Phật-Quan Âm. — (8) *Động Tuyết-quỳnh*: không biết có phải tác-giả nói về chùa Tuyết ở mé ngoài Động Hương-tích, gần Bến đò Suối không?

TRẦN TẾ XƯƠNG 陳濟昌 (1870-1907)

(Xem *Tiểu truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ XX Lời chú* (19).)

134.— Than thân

Kề đã ba mươi mấy tuổi rồi,
 Tôi ngồi tôi nghĩ cái thằng tôi.
 Mấy khoa hương-thí không đầu cả;

Ba luống vườn hoang bán sạch rồi.
 Gạo cứ lệ ăn đong bữa một;
 Vợ quen dạ đẻ cách năm đôi.
 Bắc thang lên hỏi ông trời nhỏ:
 Trêu gheo người ta thế nữa thôi?

135.— Đưa cho vợ

Quanh năm buôn bán ở *mom* sông.
 Nuôi *nấng* năm con với một chồng.
Lặn-lội thân cò khi quăng vắng;
 Eo-sèo mặt nước *buổi* đò đông.
 Một duyên, hai nợ, âu đành phận;
 Năm nắng, mười *mưa*, dám quản công.
 Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:
 Có chồng, hờ hững cũng như không!

Bản chép khác.— Câu 1 :... *miền*...— Câu 2 :... *đu đàn*... —
 Câu 3 : *Lật lật chân* (hoặc *lặn lội chân*...)— Câu 4 :... *lúc*...— Câu
 6 :... *sương*...

136.— Tết đến

Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo.
 Tiền của trong kho chứa lĩnh tiêu.
 Rượu cúc nhẩn đem, hàng biếng quẩy;
 Trà sen mượn hỏi, giá còn kiên.
 Bánh đường sắp gói, e nồm chảy,
 Giò lụa toan làm, sợ nắng thiêu.
 Thói thế thì thôi, đành tết khác,
 Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo.

137.— Thói đời

Vì chưng chẳng có, hóa *thần* hèn,
 Hồ với anh em chúng bạn quen.
 Thuở trước chơi bời còn quyến-luyến;
 Bây giờ đi lại dám *mon-men*.
 Giàu sang âu-yếm tình quen thuộc;
 Bần tiện, thờ-ơ dạ bạc đen.

Vi khiển trong tay tiền bạc có,
Nói doi, nói chuột, chán người khen.

Bản chép khác.— Câu 1 : ... ra... — Câu 8 : Nói doi *chuột cũng*...

138.— Năm mới

Chỉ bảo nhau rằng : mới với me,
Bảo ai rằng cũ, chẳng ai nghe.
Khăn là bác nọ to tày rế ;
Váy lĩnh cô kia quét sạch hè.
Công-đức tu-hành sự có lọng ;
Xu hào rủng-rỉnh mán ngồi xe.
Chẳng phong lưu, cũng ba ngày tết :
Kiết cú như ai cũng rượu chè.

Bản chép khác.— Câu 1 : *khéo*... — Câu 2 : *Thầy ai mặc rách*... — Câu 3 : ... *cụ*... — Câu 4 : ... *cả*... — Câu 5 : ... *cũng*... — Câu 6 : *đúng đỉnh*... — Câu 7 : *Phong lưu rất mực*... — Câu 8 : *Dù*... (hoặc) .. *vấn*...

139.— Phường tuồng

Nào có ra chi lũ hát tuồng !
Cũng hò, cũng hét, cũng y-uông.
Dẫu rằng dối được đàn con trẻ.
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn.

Bản chép khác.— Câu 1 : ... *một lũ*... — Câu 4 : ... *thét*...

140.— Chiêm bao

I

Bỗng thấy chiêm-bao thấy những người,
Thấy người nói nói lại cười cười.
Tỉnh ra, mới tiếc người trong mộng.
Mộng thể thi bằng tỉnh mấy mươi !

II

Nằm nghe tiếng trống, trống canh ba,
 Vừa giã chiêm-bao chợt tỉnh ra.
 Thiên-hạ có khi đơng ngủ cả,
 Việc gì mà thức một mình ta ?

Bản chép khác.— Bài II. Câu 2 : ... lúc... sực...— Câu 3 ...
 đã thường...— Câu 4 : Tội..

141.— Vợ chồng Ngâu (1)

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,
 Con trời lấy chú chầu trâu cũng phiền.
 Một là duyên, hai thời là nợ,
 Sợ xích-thăng ai gỡ cho ra ?
 Vụng-về cũng thể cung nga,
 Trăm khôn nghìn khéo chẳng qua mục-dồng.
 Hay là sợ muợn chồng chẳng tá
 Hơi đầu mà kén cả chọn canh !
 Lấy ai, ai lấy cũng đành,
 Rê trời đầu cả đến anh áo buồm.

Bản chép khác.— Câu 2 : .. đũa... — Câu 3 : ... rằng...rằng...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Vợ Chồng Ngâu* : xem câu chú-thích số (6)
 ở Bài 37.

TỪ DIỄN-ĐỒNG 徐演桐

142.— Than nghèo

Cái khó theo nhau mãi thế thôi !
 Có ai, hay chỉ một mình tôi ?
 Bạc đầu ra miệng mà mong được !
 Tiền chữa vào tay đã hết rồi !
 Van nợ, lắm khi tràn nước mắt :
 Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi,
 Biết rày, thuở bé đi làm quách :
 Chẳng Ký, không Thông, cũng cậu bồi.

Bản chép khác.— Câu 7 : .. than... trước...

143.— Đêm dài

Đêm sao đêm mãi tối mò-mò !
 Đêm đến bao giờ mới sáng cho ?
 Con trẻ u.ơ chùng muốn dậy ;
 Ông già *thung-thắng* vẫn *đương* ho.
 Ngọn đèn *giữ* trộm khêu còn bé,
 Tiếng chó *nghi* người cần vẫn to.
Hàng xóm láng-giềng ai đã dậy ?
 Dậy thì lên tiếng gọi nhà Nho.

Bản chép khác.— Câu 4 :... *khúng-khàng*... còn ho.— Câu 5 :
 ... *rình... tí*.— Câu 6 :... *khinh*...— Câu 7 : *Bốn góc... tình*.— Câu 7 :
Tình... làng.

HOÀNG CAO-KHẢI 黄高啟 (1850-1933)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX,*
 Lời chú (4).)

144.— Ông Trần Quốc-Tuấn

Ông Trần Quốc-Tuấn là quan tôn-thất nhà Trần, tư-chất thông-minh, có tài trí, có can-đảm. Cha là ông Yên-sinh vương, trước cùng vua Thái-tôn có hiềm-khích ; khi ông ấy đã làm quan, chầu hầu vua Thái-tôn, tay cầm cái gậy gỗ có mũi nhọn, ai nấy cũng ngờ, nên chỉ ông ấy lại phải bỏ cái mũi nhọn mà cầm cái gậy không ; ấy là hay lấy chữ hiếu mà làm chữ trung vậy.

Ông ấy thường hay làm sách binh-thư đồ trận để mà dạy bảo chư tướng, như là người Yết-Kiều, người Dã-Tượng là người đầy tớ giỏi, ông Trương Hán-Siêu, ông Phạm Ngũ-Lão là người tướng-tá hiền ; ông ấy thường nói rằng : « Chim hồng học cao bay cũng vì nhờ chưng sáu cánh ». Đương đời vua Trần Thánh-tôn, nhà Nguyên có ý muốn chiếm nước ta, mượn cơ sinh sự, đem 500.000 quân sang đánh ; ngài sai ông ấy làm quan tiết-chế coi các đạo quân ; trận thứ nhất đánh ở cửa Hàm-tải cùng đồ Chương-dương mà người Toa-Đô phải giết, trận thứ hai đánh ở làng Vân-dồn cùng sông Bạch-Đằng mà người Ô Mã-Nhi phải thua. Từ đó, nhà Nguyên không dám lại xâm chiếm nước ta nữa. Vua Thánh-Tôn có câu rằng : « Xả-tác lương hời lao thạch-mã, Sơn hà thiên-cổ điện kim-âu » (1), tướng cũng là bài thơ kỹ

niệm công việc trong đời ấy vậy. Ông ấy khi đã mất rồi người ta lập đền mà thờ, ở núi Vạn-Kiếp, đến bây giờ vẫn còn lấy làm linh-ứng.

Non bề yên lang, sóng ngạc đầy,
 Tráp gươm ba thước tuốt ra tay.
 Nếu như xã-tắc hai hồi ấy,
 Đâu có tang-thương một hội này,
 Muốn kiếp thần thiêng vì tướng mạnh:
 Trăm năm con thảo với tôi ngay.
 Đời dầu xa cách, lòng không cách,
 Phẳng-phất mây hồng sáu cánh bay.

Bài thơ này là khen ông Trần Quốc-Tuấn có công nghiệp từ trước mà làm cho người đời sau tưởng tượng không quên vậy. Đại ý nói rằng : Nước có anh-hùng thời thế mới mạnh, người có huân nghiệp, thời giá mới cao. Đương buổi vua Trần Thánh-Tôn phải nhà Nguyên đem quân sang đánh, lấy mạnh hiếp hèn, núi ngắt khói lang, bể đầy sóng ngạc, thế chẳng là nguy-hiểm cho nước ta lắm ru ! May mà nhờ ông ấy hết dạ trung-trinh ra tay chống vác, hồi thứ nhất thì đánh cửa Hàm-tái, đồ Chương-dương mà người Toa-Đò phải giết, hồi thứ hai, thì đánh ở làng Vân-đồn, sông Bạch-đăng mà người Mã-Nhi phải thua. Xã-tắc nhờ đó mà duy-trì, giang-sơn nhờ đó mà vinh-hiến, thế mới biết rằng nước có thịnh suy, cũng bởi người có hay dở, người mà hay thì nước bao giờ cũng là thịnh, người mà dở thì nước bao giờ cũng là suy. Dầu bởi bề lấp thay đổi không thường, không nên trách bởi ở trời, mà chỉ nên trách bởi ở người vậy.

Xưa nay sống làm danh-tướng, chắc là thác làm danh-thần, làm tôi giữ trung cũng bởi làm con giữ hiếu, như ông ấy thờ vua thì gậy không mũi nhọn, đánh giặc thì tráp có gươm thiêng, dẫu rằng muốn kiếp tôn là thánh là thần, cũng chẳng qua một lòng giữ trung lấy hiếu. Than ôi ! sáu cánh hồng bay, nghìn lần mây bổng, người tuy cách mà lòng không cách, đời càng lâu thời tiếng càng lâu, núi Vạn-Kiếp, sông Lục-đầu, anh-hùng sự-nghiệp, nghìn thâu vẫn còn.

Vịnh Nam-sử

(Đồng-dương tạp-chí, Lợp mời, số 8)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Xã tắc... kim âu* 社稷兩回勞石馬山河千古奠金甌. Xã tắc (thần đất và thần lúa; nghĩa bóng là đất nước) hai phen chồn ngựa đá. Non sông nghìn thuở vững âu vàng (âu: ang nhỏ: âu vàng: nghĩa bóng chỉ cơ nghiệp nhà vua).

145.— Xét về việc quan lại người Tàu cai trị dân ta trong những hồi Bắc thuộc

Nhà nước đã lấy thuộc địa, thế tất phải đặt quan lại mà cai-trị, mà những kẻ quan lại ấy là người thay mặt cho nhà nước, mà để chủ-tể cho nhân-dân, nếu mà quan-lại được người tốt thì dân yên, quan-lại phải người dở thì dân khốn. Xem như đời nhà Hán tham bạo có ông Tô-Đĩnh, thời nước ta phản-đổi lại có bà Trưng-Vương: đời nhà Lương tham tàn có ông Tiêu-Tư thì nước ta phản đổi lại có vua Lý-Bý: đời nhà Đường tham bạo như ông Lưu Diên-Hựu, ông Cao Chính-Bình thì nước ta phản-đổi lại có ông Đinh-Kiến, ông Phùng-Hưng. Những việc giống như thế còn nhiều, không kể cho xiết được, và những đời ấy cũng đã lâu rồi, xin kể gần đây, như là nhà Minh. Lúc nhà Minh sang lấy nước ta, trước vẫn nói rằng lập con cháu nhà Trần, mà sau thì chiếm lấy, người nước ta có ông Lê Cảnh-Tuân là người học trò có danh tiếng, có làm ra ba bài sách, mà khuyên nhà Minh rằng phải lập con cháu nhà Trần thì nước mới yên. nếu không thì làm thế nào về sau cũng sẽ loạn, tưởng rằng ông ấy nói như thế, chẳng những có ích cho nước ta mà cũng có ích cho nhà Minh nữa, thế mà quan nhà Minh đã không nghe lại thêm bắt tội, giải cha con ông ấy về đất Kim-lăng mà về sau đều phải chết cả. Làm như thế thì nước ta làm sao mà chẳng thù? Chẳng những thế mà thôi, mà lại nặng đó lấy việc thuế khóa, như là thuế muối, người nước ta ai mà nấu muối đã phải thuế rồi, mà những kẻ bán kẻ mua lại đặt quan ra mà coi sóc. Chẳng qua là mượn tiếng thêm thuế, để mà cầu lấy sự thăng-thuởng, mà không nghĩ sự phiền nhiễu cho dân ta. Chẳng những thế mà thôi, mà lại buông lấy lòng tham lam, như là bắt dân đi khai mỏ để mà lấy vàng bạc, bắt dân mò xuống bể để mà lấy hạt trai: chẳng qua là tham của mà cầu sự ích riêng, mà không nghĩ đến nỗi thiệt hại cho dân-sự. Và lại quan lại nhà Minh đã như thế, mà dùng những người nước ta làm quan thì rặt những đồ bôn-cạnh, như là người Lương Như-Hốt, người Đậu Duy-Trung cũng đều là một lũ tham-tàn, thế thì dân ta làm sao mà không oán? Đến khi người nước ta đầu đầu cũng là dấy, mà

ông Lê-Lợi cũng đã dựng cờ ở núi Lam-Sơn, thế mà quan nhà Minh tâu với vua nhà Minh, một thì nói rằng : ông Lê-Lợi đã chết, hai thì nói rằng : ông Lê-Lợi đã hàng. Đến lúc tướng Liễu-Thăng phải chết, thành Đông-quan phải hàng, mà trong khoảng mười bốn năm trời, nhà Minh phải bỏ mà về không còn cai-trị nước ta được nữa. Thế có phải rằng việc cai-trị của một người riêng, mà làm hại cho sự cai-trị của nhà nước chung vậy.

Tuy thế, dân nước ta thuở trước còn đương mọi rợ, từ khi nước Tàu sang cai-trị nước ta, chẳng những làm cho ta hóa được cái sự giống nòi, mà lại mở cho ta lấy đường giáo hoá. Dầu như ông Nhâm-Diên, ông Sĩ-Nhiếp là những người dạy cho ta lễ nghĩa, bởi sự dạy lễ nghĩa ấy, mới nên ra giống văn-minh ; dầu đến ông Lý-Bân, ông Mã-Kỳ làm cho ta oán thù, bởi sự oán thù ấy, mới nên cho ta lấy sự độc-lập.

Thế thì chung lại mà nói rằng : người hay người dở cũng đều là có công với nước ta vậy.

Giương sử Nam

(Nhà in Nguyễn-văn Vĩnh et Cie, Hà-nội 1910)

NGUYỄN BÁ-HỌC 阮伯學 (1857-1921)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất Năm thứ ba, Chương VII, Lời chú (1)).

146. — Ở đời

Ở đời, mỗi người phải gánh một việc. Việc lớn hay nhỏ là tùy theo học thuật và tài đức từng người ; sự nghiệp tuy có khác nhau, song cũng là muốn có ích-lợi chung cho xã-hội. Nếu ai cứ riêng mình, không biết đến kẻ khác, như thế gọi là ký sinh (1).

Người ta là giống đa-tình, đã có tình thời có dục, muốn điều nọ lại muốn điều kia, muốn ngon ngọt, muốn yên vui, muốn công-danh muốn tiền của ; bấy giờ mới sinh ra công này việc nọ : tình càng nhiều, dục càng lớn, việc càng nhiều. Cho nên vô tình, vô dục, không gọi là người ở đời được.

Than ôi ! cảnh đời là một cái trò rối, người đời là những con người rối. Nếu ở đời mà không sẵn có lòng cao-thượng, mỗi khi gặp cảnh-ngộ, sao

cho khỏi động tâm. Lúc giàu sang sinh ra kiêu-ngạo ; lúc nghèo hèn sinh ra xiêm-du ; lúc thất chí thì khóc, lúc đắc chí thì cười, có khác gì con người gỗ cứ để người ta giật mà nhảy mà múa. Phải biết rằng khi tình dục người ta đã no đã chán, nghĩ lại mùi đời cũng không có ý-vị gì mật-thiết cho lắm.

Thứ để mình ra ngoài thế-giới, ngành lại mà trông, nào hình hình, sắc sắc, nào lợi lợi danh danh, người ta đang om-sòm trên chốn diển-trường, mà thực đã nên người giác-ngộ. Làm người có tình dục cũng phải có nghĩa-lý. Tình-dục bởi khí-huyết mà ra, mà nghĩa-lý bởi học vấn mà ra ; vậy nghĩa-lý để phòng tình-dục thì nghĩa-lý thắng, tình-dục phải lui ; nếu cứ buông dông thả dài, mắt trông động lòng, tai nghe động tưởng, cả đời chỉ để cho cái tình-dục nó sai khiến mình, nó chói buộc mình, thế gọi là tình lụy (2).

Ở đời, có học-vấn cũng phải có kinh-lịch ; học-vấn cho biết lẽ phải, kinh-lịch để tập thói quen. Những kẻ có học-vấn mà không có kinh-lịch, ngồi nói thì thật là khôn, đến lúc ra tay mà làm lại hay nát việc. Như thế gọi là gan. Những tay triết-học non non, hồ hết mắc phải bệnh ấy.

Gan nên lớn mà lòng phải tế-nhị (3). Nếu táo gan mà hay xuất-lược (4), chỉ là người tráng-sĩ chớ chưa được là vi-nhân.

Tình nên thiết mà tính phải hòa-bình. Nếu cứ nóng-nảy không biết nhẫn nhục, thành sự thì ít mà bại sự thì nhiều.

Tư-tướng nên cao mà nước đi phải thấp ; ý-chí nhỏ hẹp thì ra người tầm-thường, mà việc làm không cứ tuần-thường (5) thì ra người vu-khoát (6).

Phàm vật đã đến cực-điểm thì hay giống nhau : cho nên người cực hiền giống như ngu ; người cực gian giống như thật, cực nhả giống như tục ; còn những kẻ chí nhỏ tài sơ, mới hay khoe tài, khoe trí.

Lời khuyên học trò

(Nam-phong tạp-chí số 26, Août 1919)

CHÚ-THÍCH— (1) *Ký-sinh* 寄生 (Sống nhờ) : dùng để nói các giống động-vật (như giun, sán) hoặc thực-vật (như tầm gửi) ăn bám vào một giống khác.— (2) *Tình-lụy* 情累 (lụy : vương-vit bận-bịu) :

sự bận-bịu trôi buộc bởi tình-dục mà ra.— (3) *Tế-nhị* (tế 細 : nhỏ ; nhị 蕊 : phần ở trong hoa, đầu có phấn vàng và thơm) : đề ý đến những điều nhỏ-nhặt tinh vi.— (4) *Xuất lược* 率略 (xuất : bộp-chộp, không cần-thận ; lược : sơ-sài) : không tinh-tế.— 5 *Tuần thường* 循常 : noi theo lẽ lối thường.— (6) *Vu-khoát* 迂闊 : bông-lông.

147.— Một cảnh gia-đình

Trong tỉnh Nam-định về Phủ Thiên-trường, trước có người đàn bà họ Trần, mới ngoài hai mươi tuổi mà góa chồng chưa có con, có nữ-công, có tư-sắc ; trong lối xóm., còn những kẻ thiếu-niên nghịch ác hay nói chòng ghẹo, hề thấy mặt chị ta nghiêm-ngặt, thì không dám giở thói khinh bạc ra nữa. Ai cũng bảo chị ta còn kén chồng, cứ ở một mình, đi làm thuê mà kiếm ăn.

Sau có một người đàn ông ngoài ba mươi tuổi tự đến nhà giạm lấy. Nói mình là họ Lý, ở cùng một xứ, góa vợ đã hơn hai năm, có một đứa con riêng, còn nhỏ, phải mượn người nuôi. Mình đi làm công cho nhà máy, ăn công mỗi ngày bốn hào. Coi giáng người cao mà mảnh, hai con mắt dài mà đen, ngoài mặc cái áo thâm đã sờn tay, đi đôi giầy da đầy những bụi. Tiếng là người lao-lực mà có vẻ nhàn-nhã, mới trông biết ngay là người có tinh-thần hơn là lữ-lực.

Chị chàng kia xem người vừa ý không còn đắn-đo hơn thiệt gì cả ; hai bên đính-hôn với nhau. Trong lời giao-ước không ai có của tây riêng gì, có một điều phải giữ là trong việc làm ăn của người chồng, dù đi sớm về khuya, người vợ không được can-thiệp và ngăn-trở.

Từ bấy giờ hai người lập nên một cái gia-đình nho nhỏ ở trong một cái nhà có ba gian : một gian làm phòng ngủ, một gian làm phòng ăn, còn một gian để cho người chồng làm việc riêng ; chồng cứ sáng đi tối về ; vợ cũng làm thuê, kiếm được mỗi ngày một phần tiền công của người chồng. Hai bên ăn cần ở kiệm, cách sinh nhai càng thấy khó nhọc bao nhiêu, thì tình thương yêu nhau lại càng thiết-tha bấy nhiêu.

Một hôm, anh chồng từ ngoài về cho vợ mấy tấm bánh và mấy trái quả, vừa cười vừa nói : « Lâu nay chúng ta đã từng kham-khổ, nay sẽ nếm

chút ngọt bùi. » Người vợ cầm lấy rồi cứ phàn-nàn rằng : « Vợ chồng mình ăn dè uống sên còn lo không đủ mà nuôi con ; người ta không phải là sắt đá sao cũng có lúc hu-hâm, có dè-sên được ít nhiều cũng để phòng khi thiếu-thốn. Nếu cứ như ai bóc vắn cắn dài, ngày nắng chẳng nghĩ đến ngày mưa, như thế chỉ gọi là đời ăn sổi. » Người chồng nghe nói sừng-sốt mà nói rằng : « Hôm nay nhân linh tiền công làm ngoài giờ, chúng bạn rủ đi mua vui một vài chén rượu. Sức nhớ đến kẻ ở nhà cà chua mắm mặn, mới cấp nấp về một chút, gọi là cùng nhau sẽ ngọt chia bùi ? ai ngờ trung-tín mà phải tội như mình, cũng là vô-lý quá ! ». Bấy giờ hai vợ chồng cứ nhìn nhau mà cười, lại đem bánh và quả chia nhau mà ăn ; tưởng cái ý-vị đoàn-viên bấy giờ không còn có miếng cao-đương nào mà ngon ngọt hơn được. Cả ngày cũng như một lúc, cả năm cũng như một ngày, nghe tiếng nào cũng là lời âu yếm, trông mặt ai cũng có ý hã-hê. Thiên-đường ở đâu ? Cực-lạc ở đâu ? Chính ở trong ba gian nhà vợ chồng người chung-ái.

Có gan làm giàu

(Nam-phong tạp-chí, số 23, Mai 1919)

PHAN KẾ-BÍNH 潘繼炳 (1875-1921)

(Xem Tiểu-truyện Tác-giả ở Phần thứ nhất. Năm thứ ba Chương thứ VII Lời chú (2).)

148.— Luận về nguyên-lý văn-chương

Phàm việc gì cũng có nguyên-lý. Nguyên-lý là cái lẽ căn-nguyên của việc ấy. Văn-chương cũng vậy. Đặt nên câu thơ câu hát, viết ra bài luận bài văn, thì gọi là văn-chương. Song thử xét xem cái căn-nguyên của văn-chương ấy, bởi lẽ gì mà có, vì ở đâu mà sinh ra thì gọi là nguyên-lý văn-chương.

Cha mẹ dạy con, giảng giải điều hơn lẽ thiệt, rạch-rời kẻ tóc chân tơ. Hai người tự tình biệt-ly với nhau, ấm lạnh, ngọt bùi, kể hết nỗi này sang nỗi khác. Người đàn bà lơ bước thở dài than vắn, phàn nàn số phận những hẩm-hiu. Đưa mục-đồng đi chăn trâu, nhân khi thích chí, nghêu-ngao vài tiếng giữa đồng, đó toàn là cái mầm của văn-

chương cả. Nói cho cùng thì một tiếng cười một tiếng khóc của đứa trẻ thơ, cũng là cái gốc văn-chương.

Người ta có tính-tình, có tư-tưởng, có ngôn-ngữ văn-tự, tự nhiên phải có văn-chương. Tính-tình người ta cảm-xúc với ngoại-vật, sinh ra khi mừng, khi giận, khi vui, khi buồn, khi xót xa, khi ham muốn. Các mối tình ấy chứa ở trong bụng, tất phải phát-tiểu ra lời nói : đó tức là nguyên-lý văn-chương.

Tư-tưởng là cái trí suy nghĩ tự trong óc, biết phân-biệt lẽ phải lẽ trái biết phán-đoán điều hay, biết suy-xét đến những lý cao xa mắt không trông thấy, tai không nghe tiếng. Những điều nghĩ ra được lại muốn tỏ cho người khác biết, đó cũng là nguyên-lý văn-chương.

Có tính-tình, có tư-tưởng, mà nếu không có ngôn-ngữ văn-tự thì cũng không thành văn-chương được. Xem như giống súc-vật cũng có cảm-giác, có trí thức, mà không có văn-chương, là bởi không có ngôn-ngữ văn-tự. Vậy ta phải nhờ có ngôn-ngữ văn-tự mới đạt được tính-tình tư-tưởng của ta thì ngôn-ngữ văn-tự cũng là cái nguyên-ủy của văn-chương.

Nói rút lại thì sở-dĩ có văn-chương, một là bởi ở tính-tình, hai là bởi ở ngôn-ngữ văn-tự, đó là ba cái căn-nguyên trước nhất. Có ba cái căn-nguyên ấy, rồi những sự quan-cảm ở bề ngoài đưa đến mới, thành ra văn-chương vậy.

Quan cảm bề ngoài, thì lại do ở cảnh-tượng của tạo-hóa, do ở công việc của cuộc đời và ở cảnh-ngộ của một mình.

Cảnh-tượng của tạo-hóa hiển hiện ra trước mắt ta nghìn hình muôn trạng làm cho ta phải nhìn phải ngắm, phải nghĩ ngợi ngẩn-ngơ. Ta cứ theo cái cảnh-tượng mà tả ra thì gọi là văn-chương tả cảnh.

Công việc của cuộc đời xảy qua đến mắt ta, chạm đến tai ta, việc gần việc xa, việc lớn việc nhỏ, có việc ta ghét, có việc ta ưa, làm cho ta phải khen phải chê, phải cười phải khóc. Ta cứ theo công việc đó mà ghi chép thì gọi là văn-chương tự sự hay là nghị luận.

Cảnh ngộ của một mình, khi gặp được cảnh sung-sướng khi gặp phải cảnh chua cay. Ta nhận cái cảnh ngộ đó, ta muốn giải tỏ cá tính của ta thì gọi là văn-chương tự tình hay là thuật hoài.

Văn chương tuy nhiều, nhưng đại ý thì bất ngoại ba điều ấy.

Việt Hán văn khảo

(*Đông-dương tạp-chí*, *Lớp mời*, số 167)

149.— Am chúng sinh

Mỗi làng, đầu làng hoặc cuối làng, có một khu đất rộng để làm chỗ *tha-ma* mộ-địa, trong làng có ông già, bà cả hoặc người nào mất thì cứ đem lại đó mà chôn.

Mỗi chỗ *tha-ma* mộ-địa có lập một cái am năm ba gian hoặc xây bệ lộ thiên, đề ba chữ « hàn lâm sở » (1), để thờ chung cả những mồ mả vô chủ, gọi là am chúng sinh. Mỗi cửa am có một bà đồng ở, sớm tối đèn hương thờ phụng. Về ba tháng hè thì cứ ngày rằm, ngày mồng một nấu cháo cúng, đổ vào cái lá đa cuộn tròn lại, cắm hai bên dọc đường gọi là cúng các quan, hoặc gọi là cúng bách linh. Cho nên tục có câu rằng cướp cháo thí lá đa, là nói những người vô hậu.

Bà đồng ở đó thường bày một cái nong ra cạnh đường đi, đốt vài nén hương để khuyển-giáo, kẻ qua lại ai cũng cúng một vài đồng kềm. Bà đồng thì ngồi trong am đánh trống kẻ kẻ, hoặc là hóp năm ba bà vải chèo đò.

Nhiều nơi mỗi năm về tháng bảy, hoặc công làng, hoặc riêng một hội thiện, thiết đàn tràng tại cửa am để làm chay cúng hai ba ngày hoặc năm bảy ngày...

Các nơi chiến trận, có nhiều tướng-sĩ tử trận chôn một chỗ thì nhà vua lập đàn thờ, gọi là *Lệ-dàn*. *Lệ-dàn* thì mỗi năm nhà vua sai quan về tế, hoặc là hội thiện góp tiền với nhau mà cúng hay lễ làm chay.

Tục thường cho chỗ am chúng sinh và *lệ-dàn* là nơi rất thiêng-liêng, cho nên nói đến việc bách linh thì nhiều người dốc lòng làm phúc. Nhất là những khi bất đắc dĩ phải thiên mộ địa đi nơi khác, các nhà giàu tranh nhau mà cúng tiếu, cúng gạch Bát-tràng (2) còn các thiện nam tín nữ tranh nhau mà đi rước bách linh, để bách linh phù-hộ cho được vạn sự như ý.

Tục ta tin qui thần, cho nên sự gì cũng cho người chết có linh hồn, có tri giác cũng như người sống. Mà ở dưới âm-phủ cũng có kẻ khổ người sướng như trên dương gian. Người có con cái giữ hương-hỏa thì hồn phách có chỗ bằng-y, người bất hạnh tuyệt tự thì không có ai cúng cấp, chắc là phải phiến nào ở dưới âm-phủ. Vì thế đám mộ địa nào cũng có am, có đàn, có người hương hoa thờ phụng, để cho u-hồn oán qui, dầu không ai nhìn nhận, cũng có chỗ mà hương khói nương nhờ.

Đi đến chỗ mộ-địa, trông thấy mồ mả san sát, ai là không động lòng cảm thương; mà nghĩ đến mồ mả vô-chủ, thì lại đau đớn thay cho người nằm dưới sỏi vàng lấm.

Nhất là đi qua những nơi trận trường thuở xưa, nghĩ đến các đấng anh-hùng hào kiệt, khi sinh tiền dưng-mãnh can-đảm biết là bao nhiêu, mà nay chỉ thấy gò cao lớn-nhỏ, cỏ rậm rì rì thì lại xui cho người ta buồn rầu nữa.

Kìa những lúc bóng chiều nhạt vẻ, gió bắc lạnh lùng, đêm tối mưa sa, bốn bề vắng ngắt, qua chỗ đó mà ngắm cái cảnh điêu-hiu, lại nghĩ đến nông nỗi người xưa nằm đó, biết bao nhiêu tình-cảnh sầu người.

Nói đến đó thì am kia đàn nọ, bách linh dấu thiêng dấu chẳng thiêng, dấu biết dấu chẳng biết, dấu có dấu chẳng có, chẳng kể làm gì, nhưng cũng chua xót mà xin gửi tặng vài ba giọt lệ.

Than ôi! từ xưa đến giờ, biết bao nhiêu người khôn ngoan, biết bao nhiêu người vụng dại, biết bao nhiêu người hưng công lập nghiệp, biết bao nhiêu người vong thân táng gia, nào hiền, nào ngu, nào phạm, nào thánh, bây giờ ở đâu cả, chẳng qua cũng mù mịt trong đám cỏ xanh mà thôi.

Việt-nam phong-tục

(Đồng dương tạp chí, Lốp mới, số 31 và 32)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hàn lâm sở* 寒林所 (sở rừng lạnh) : nơi thờ chúng sinh — (2) *Bát-tràng* : tên một làng thuộc p. Gia-lâm, t. Bắc-ninh gạch Bát-tràng là thứ gạch làm ở làng ấy.

THÂN TRỌNG-HUỀ 甲仲携 (1869 — 1925)

Người xã An-lê, h. Phong-diên, phủ Thừa-thiên ; sau khi sang học ở bên Pháp về, được bổ biên-tu viện Cơ-mật, rồi làm quan ở Trung-Việt và ở Bắc-Việt từng làm đốc-học trường Hậu-bổ (1905), bồi thẩm tại phòng thứ tư tòa Thượng-thẩm Hà-nội (1913). Năm 1921 (Khải-Định thứ 6), được triệu vào Kinh làm Thượng-thư bộ Học và bộ Binh.— Tác-phẩm gồm có *Học luật-lệ an-nam* (trg. ĐĐTC... Lớp mới, số 1 td). *Phép cai trị an nam* (trg. ĐĐTC... Lớp mới, 83 td.), và nhiều bài luận-thuyết đăng trg ĐĐTC và NP.

150.— Đức hiếu của vua Dục-tôn

Ngài hiếu-phụng đức Từ-dụ. xưa nay ít ai bằng. Lệ-thường, ngày chẵn thì châu cung : ngày lẻ thì ngự triều, trong một tháng châu cung 15 lần, ngự triều 15 lần, trừ khi đi vắng và khi se-yếu. Trong 36 năm thường vẫn như thế, không sai chút nào.

Khi Ngài châu cung, thì Ngài tâu chuyện này, chuyện kia, việc nhà việc nước, việc xưa việc nay. Đức Từ-dụ thuộc sử sách đã nhiều, mà biết việc đời cũng rộng, khi đức Từ-dụ ban câu chi hay, thì ngài biên vào một quyển giấy hiệu là : « *Từ huấn lục* ».

Đọc quyển sách ấy, thì tôi tưởng xưa nay mẹ ở với con, con ở với mẹ, ít ai được như thế.

Khi rảnh việc nước, Ngài hay ngự đi bắn chim hay là câu cá. Cách kinh-thành chừng 15 *kilomét*, ở bên bờ sông Lợi-nông, có một cái bàn cắm gọi là Thuận-trực. Chỗ ấy nhiều chim, Ngài thường ngự đến bắn.

Một hôm Ngài ngự bắn ở bàn Thuận-trực, gặp phải khi nước lụt. Còn hai ngày nữa thì có kỵ đức Hiến-tổ, là đức Thiệu-Trị, mà Ngài chưa ngự về. Đức Từ-dụ nóng ruột, sai quan đại-thần là ông Nguyễn Tri-Phương đi rước. Quan Nguyễn Tri-Phương đi được nửa đường, vừa gặp thuyền ngự đương chèo lên, mà nước chảy mạnh, thuyền không đi mau được. Gần tới thuyền ngự mới đến bến. Khi ấy trời đang mưa, mà Ngài vội-vàng lên kiệu trần đi thẳng sang cung, lạy xin chịu tội. Đức Từ-dụ

ngồi xoay mặt vào màn, chẳng nói chẳng rằng chi cả. Ngài ngự mới lấy một cây roi mây, dăng lên để trên ghế trác-kỷ, rồi Ngài nằm xuống xin chịu đòn. Cách một hồi lâu, đức Từ-dụ xoay mặt ra, lấy tay hất cái roi mà ban rằng :

— Thôi, tha cho ! Đi chơi để cho quan quân cực khổ, thì phải ban thưởng cho người ta, rồi sớm mai đi hầu ky.

Ngài lay tạ lui về, nội đêm đó Ngài phê thưởng cho các quan quân đi hầu ngự. Quan thì mỗi ông được một đồn tiền bạc, lớn nhỏ tùy theo phẩm, còn lính thì mỗi tên một quan tiền kềm. Đến sáng Ngài ngự ra điện Long-an lay ky.

Chân-dung của đức Dực-tôn Anh hoàng-đế
(Đồng-dương tập-chi số 61 và 62.)

PHẠM DUY-TỐN 范維遜 (1883 — 1924)

(Xem *Tiền-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ V, Lời chú (1).*)

151.— Câu chuyện thương tâm.

Hôm ấy trời mưa mà lại rét. Mưa rào vừa tạnh ; đường đá củ-đâu củ-khoai trời ra chồn-nhồn.

Tôi đứng cửa trông, thấy có một người gầy-gò yếu-đuối khăng kheo; cổ công cùng sức kéo miết cái xe tay, mà không sao đi nhích được. Xe chông-chất hai bờ nghe chùng đã nặng, lại còn một mụ vất-vèo ngự ở trong xe. Người kéo đã chẳng nổi, mà mụ thì mĩa-mai nặng lời xỉ-vả. Cho đến nỗi rằng người ta phải đặt xe xuống, thở dài mà thưa : « Chịu, không sao kéo được. Xin bà bằng lòng vậy : bà thuê xe khác. » — Miệng nói thế, tay bỏ nón ra, chùi trán mồ-hôi tằm-tã. Khi bấy giờ tôi mới nhìn ra thì là ông lão đầu râu tóc bạc... Tôi động lòng, tôi bèn chạy đến, cầm lấy tay mà hỏi : « Chứ con cháu cụ ở đâu, mà để cụ già-nua tuổi-tác, yếu-đuối thế này mà phải đi kéo xe vất-vả ? »

Ông lão nhìn tôi. Anh ơi, ông lão nhìn tôi, hai con mắt ông, trông mờ-mờ, hình như ruột nhãn, nước chảy chứa-chan, mà chung quanh vành thì đỏ hửng.

Ông lão nhìn tôi, ra ý ngập-ngừng, thì tôi lại hỏi :

— « Cụ ở đâu, con cháu cụ làm gì, sao cụ lại đi kéo xe ? Tôi trông thấy cảm tình, cho nên mới hỏi; xin cụ nói cho tôi nghe. »

Ông lão nói rằng :

— « Thừa cậu, tôi ở tỉnh Sơn. Tôi có mỗi một thằng con trai. Năm ngoái trời làm lụt-lội, dề-diều vỡ-lở chẳng may con tôi chết đuối. Nó để lại một lũ con thơ. Bây giờ nhà nghèo khổ, trẻ-mỏ ốm đau, sài ghê; vợ nó phải ở nhà trông nom để tôi xuống Hà-nội kéo xe thuê mướn, kiếm mỗi ngày lấy răm ba xu, một hào, mà nuôi nấng đàn cháu mồ côi, cậu ạ. Tôi ngoài sáu mươi tuổi rồi, cho nên cũng yếu. Phải đường đá đau chân, mà xe lại nặng, kéo không sao nổi... »— Miệng ông lão nói, hai mắt mờ-mờ, vẫn cứ nhìn tôi.— Tôi thương, ứa hai hàng nước mắt ra, anh ạ..

Trời ơi ! sao mà lại có cái khổ cực dường này, hử ông trời xanh cao ngất ?...

Bực-mình

(Đông-dương tạp-chí số 55).

NGUYỄN VĂN-VĨNH 阮文永 (1882-1936)

(Xem *Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ IV § 1*)

152— Gì cũng cười

An-Nam ta có một thói lạ là thế nào cũng cười. Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hi, mà dở cũng hi; quấy cũng hi. Nhân răng hi một tiếng mọi việc hết nghiêm-trang.

Có kẻ bảo cười hết cả, cũng là một cách của người hiền. Cuộc đời muôn việc chẳng qua là trò phùngng chèo hết thấy không có chi là nghiêm đến nỗi người hiền phải dãn mày mà ngời ngời.

Ví dụ được y như vậy, thì ra nước An-nam ta cả dân là người hiền. Nếu thế tôi đâu dám đem lời phùngng chèo mà nhử người nhếch mép bỗ tính tự-nhiên mà làm bộ đứng-đắn lại, nghiêm nhin những cuộc trẻ chơi.

Nhưng mà xét ra cái cười của ta nhiều khi có cái vô tình độc ác ; có cách láo-xược khinh người ; có câu chữ người ta ; có nghĩa yên trí không phải nghe hết lời người ta mà đã gièm trước ý-tưởng người ta, không phải nhìn kỹ việc người ta làm mà đã chê sẵn công cuộc người ta.

Thực không có tức gì bằng cái tức phải đối đáp với những kẻ nghe mình nói chỉ lấy tiếng hi-hì mà đáp. Phản-đối không tức, kẻ bịt tai chẳng thèm nghe cũng không tức đến thế...

Ừ, mà gì bực mình bằng rất cổ bồng họng, môi lưỡi, tê môi. để mà hỏi ý một người, mà người ấy chỉ đáp bằng một tiếng thì khen chẳng ơn, mắng chẳng cái, hỏi chẳng thừa, trước sau chỉ có miệng cười hi, thì ai là không phải phát tức...

Ta phải biết rằng khi người ta nói với ta, là để hỏi tình ý ta thế nào. Ai nói với mình thì mình phải đáp. Tùy ý mình muốn tỏ tình ý cho người ta biết thì nói thực ; không hiểu thì hỏi lại ; mà không muốn nói tình ý cho người ta biết, thì khéo lấy lời lịch-sự mà tỏ cho người ta hiểu rằng câu hỏi khi phạm đến một điều kín của mình. Hoặc là có khôn thì lựa lời mà tỏ cho người ta biết những điều mình muốn cho biết mà thôi, và khiến câu chuyện cho người ta không khỏi căn vặn được mình nữa. Nhưng phạm người ta hỏi, mình đã lắng tai nghe, là mình nợ người ta câu đáp.

Xét tạt mình. XVII. Gì cũng cười

(Đông dương tạp chí, số 22)

153.— Nghề hát bội của ta và nghề diễn kịch của người Âu-châu

Vốn nghề hát bội của An-nam ta, thì là một cái thể mượn sự trang hoàng, mượn điệu ca-nhạc, mượn lối tổ mừng, mà ôn lại những việc cũ, hoặc để phê những gương trung nghĩa cho người bất chước, hoặc để bêu những đứơc gian ác cho người ta sỉ nhục mà đừng bất chước. Thể ôn lại ấy là một ước thể, nghĩa là chỉ dùng những cách phác diễn ra cho người ta biết việc thế nào mà thôi, chứ không cần phải

tả cho in sự thực. Như núi thì bày cái bàn cái ghế, sông thì trải cái mền mà cầm hai đầu rũ ; trận đánh nhau thì hai người cầm hai cái giáo gỗ múa-may, lư tré cầm cờ vừa chạy vừa la, v. v. là đủ hiểu. Chớ nên thấy cách người ta thế kia, thấy cách nhà mình thế ấy mà khinh. Đó cũng là một lối tả, nhưng khác cái tinh-lý mà thôi. Trong lối ấy cũng có cái hay, cái thú riêng. Cũng có khéo, có vụng ; có lệ, có phép. Trong tiếng trống oi tai nhưc óc người không hiểu, cũng có cái cao-thú động lòng. Giơ thẳng cánh điếm hai tiếng *tùng tùng* vào giữa chỗ xuống giọng hay cũng sướng bằng cái lay mũi giày của người Đại-Pháp (1) đứng nghe kèn.

Đến như nghề diễn-kịch của người Âu-châu thì khác lắm. Trước hết nên cắt nghĩa cho rõ chữ một nghề (*art*) theo lý-tưởng Âu-châu là thế nào. Nghề đây là mỹ-nghệ (*beaux arts*). Mỹ-nghệ là tổng cả những chức thuật mà người ta dùng để kêu gọi sự cảm giác và cảm tình, nhất là cảm tình vì điều đẹp. Lấy mục-đích, thì mỹ-nghệ là sự tỏ cái đẹp ra ; lấy phương-thuật thì mỹ-thuật là sự làm thông-ngôn cho Tạo-hóa. Mỗi người ngắm các sự vật các cảnh tượng trong Tạo-hóa có một cách thấy đẹp, đem cái đẹp ấy tỏ ra cho người khác cũng cảm giác như mình, vị chi là mỹ-nghệ. Cho nên mỹ-nghệ lại có người cắt nghĩa là cách lấy tính của mình (*tempérament*) mà làm kính cho thiên-hạ soi Tạo-hóa (*La nature vue à travers un tempérament*). Nghĩa là tuy mỹ-nghệ là thực-tả, nhưng mỗi người thực tả cái cách mình trông thấy đẹp mà thôi, chớ không thực tả được hết cả cái đẹp. Mắt mình trông to hơn sự thực thì mình tả cũng to ; mắt mình trông nhỏ thì mình tả cũng nhỏ, quý-hồ có thành-thực (nghĩa là mắt trông thấy thế nào là đẹp thì tả như thế, mình hiểu cảnh thế nào thì làm thông-ngôn cho Tạo-hóa mà đạt ra như thế) thì nghệ được thiện.

Diễn-kịch cũng là một mỹ-nghệ. Mục-đích cũng là để tỏ cái đẹp trong tình-tình người ta, trong cách người ta cư-xử với nhau ở đoàn thể. Mà phương thuật thì cũng dùng cách làm thông-ngôn cho Tạo-hóa, nghĩa là mắt người làm kịch trông ở trong nhân-tình thế-cớ thấy điều gì đẹp, điều gì kỳ-khôi, thì cũng diễn ra cho người khác được trông thấy mà cảm-động như mình. Nghề diễn-kịch mượn nhiều nghề thực-tả khác mà diễn ra cho người ta trông thấy.

nghe thấy, cho người ta cảm-giác một cái quang cảnh bịa đặt ra, đã y như là sự thật vậy. Nào dùng văn-chương để mà thuật lại những lời người ta nói với nhau ; lại dùng âm-nhạc nhảy-múa để tả cái thể và cái nhịp-thước cảm tình của người ta ; lại dùng đến nghề họa, nghề điêu khắc để bày biện, để tô-điểm chỗ sàn hát khiến cho người xem tưởng-tượng như có sự thực trước mắt.

Nghề diễn kịch bên Đại-Pháp (1)
(*Đông-dương tạp chí, Lớp mới, số 18*)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT 阮仲述 (1882-1940)

(*Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì. Chương thứ VII, Lời chú (3).*)

154.— Giữa bể khơi

(An-Tiêm vốn làm quan về đời vua Hùng-vương thứ XVII ; sau vì một câu nói làm cho vua giận, phải đày ra một nơi hoang-đảo giữa bể. Đây là lúc An-Tiêm đi thuyền ra đảo ấy.)

Trời hân-hăng rạng đông, ba chiếc mảnh, đánh cánh ra cửa bể mệnh mông, đêm sương lạnh-lẻo, thủy-thủ ai nấy đều ngồi khuất để tránh rét, lúc đó ở cái mảnh đi giữa, lờ-mờ có một người ra đứng trước gió, dựa lưng vào cột buồm trông xem cảnh bể, tự nghĩ một mình rằng : « Mình vốn sinh ở vùng đường bể, nhưng còn bé chưa từng ra bể mà biết cảnh bể thế nào ; sau lưu lạc được vào vương-cung, lúc việc chực châu, khi đi chinh-thảo, lúc đi khẩn hoang, nào cái cảnh vương-triều đê-khuyết, nguy-nga hùng-tráng, nào cái cảnh hậu cung thượng-uyển, mi-lệ huy-hoàng, nào cái cảnh rừng núi, cây cao suối mát, vượn hót chim kêu, lại như cái cảnh điền-gian thì lúa mạ xanh om, tiếng nông-ca theo tiếng gió véo-von quăng đồng vắng, cảnh nào mình cũng đã lịch-duyet qua, mình chỉ ước được xem cảnh bể buổi sáng nữa, thì cái trí tang-bồng kia mới phải, thế thì lần này mình không may mà lại hóa ra may, nếu không bị thoán ra qua đây, thì bao giờ được biết cái cảnh thiên-

(1) Tiếng Đại Pháp bây giờ không thông dụng.

nhiên nọ, phương chi lại được cái cửa bể Đại-nha này là một cửa bể có danh tiếng nhất trong vùng Nam-hải, cửa bể này lại thông với cửa Thần-phù,

*Lênh-dênh qua cửa Thần-phù;
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm ;*

nổi chìm nhờ đức cao xanh, ta đã đến đây, ta cứ ta xem ta ngắm cho sướng mắt thích tình ».

Thuyền chạy vùn-vụt, gió thổi ù-ù, sóng vỗ chòng-chành, người ấy cứ đứng sừng-sững, không hề nhúc-nhích chút nào, chọt đầu vằng thái-dương ở dưới găm thương-hải kéo lên đỏ lừng-lừng, trong hàm cái sắc kim-quang lóng-lánh, không lấy vật đồ nào của thế-gian mà tỉ-nghĩ được, bảy giờ ánh triêu-dương chiếu ra, mây khói sóng nước đều đối có vẻ hồng-hồng cả, rồi càng lên thế-gian càng rạng dần ra, mà nhỡn-quang của người càng chiếu rộng xa mãi ra được ; sóng mông-mênh bát-ngát, tít-tấp mù khơi không biết đâu là bờ, cơn mây bốn chân trời kéo lên tó-tấp, khoảnh-khắc biển-thiên, vô số hình sắc, mà ngảnh lại phía tây chốn non sông tổ-quốc thì mây ám sương sa không rõ gì cả, người ấy lại thêm ngậm-ngùi vô-hạn. Người ấy không phải là An-Tiêm ở ba cái mảnh áp giải ra phối-sở thì còn là ai ? An-Tiêm ngảnh lại trời tây tựa hồ có ý buồn, mà trông ra bể lại càng thích ý được thương một cuộc hào-du hiểm có trong thân-thể, lòng thơ phôi-phối, bèn ngâm lên một bài rằng :

*Văng trắng lừng-lừng bể đông.
Thần-châu mù.mịt mây phong non Đoài.
Sóng kền dào.dạt doanh khơi,
Lung ngao ngùn-ngụt chân trời mênh-mang.
Sa chân xuống cõi trần-hoàn.
Đã xem xem khắp kỳ quan của trời.*

Quả dưa đỏ

(Nam-phong tạp-chí, số 104, Avril 1926).

NGUYỄN KHẮC-HIỆU 阮克孝 (1889-1939)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ VI, Lời chú (1).)

155.— Muốn làm thành Cuội

Đêm thu buồn lắm ! Chị Hằng ơi !
 Trần-thế em nay chán nữa rồi.
 Cung quế đã ai ngồi đó chữa ?
 Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
 Có bầu, có bạn, can chi tủi ;
 Cùng gió, cùng mây, thế mới vui.
 Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
 Tựa nhau trông xuống thế-gian, cười.

Khởi tình con. Quyền thứ nhất

(Nhà in Văn-Minh Haiphong-Hanoi, In lần thứ hai, 1918)

156.— Mỵ-châu, Trọng-thủy (Vân-thê)

Một đôi kẻ Việt người Tần,
 Nửa phần ân ái, nửa phần oán thương.
 Vuốt rùa chàng đổi máy,
 Lông ngỗng thiếp đưa đường.
 Thề nguyện phu phụ,
 Lòng nhi-nữ,
 Việc quân-vương,
 Duyên nợ tình kia dở dở dang,
 Nệm gấm vó câu,
 Trăm năm giọt lệ.
 Ngọc trai nước giếng,
 Ngàn thu khói nhang.

Khởi tình con. Quyền thứ nhất

NGUYỄN BÁ-TRÁC 阮伯卓

157.— Quanh đường vượt biển ra khơi

Ngày tháng giêng năm 1908, tôi với người bạn ra chơi Bắc-kỳ ; định ở lại Nam-dịnh mà học. Đến tháng ba, nhân việc ngăn trở, phải đáp tàu về Đà-nẵng (Tourane). Khi về đến nơi không tiện lên bờ, bèn chạy thẳng vào Qui-nhân. Đến đây đổ bộ đi xuyên-son vào Phú-yên, lẩn-lút trong rừng tám chín tháng. Ngày 24 tháng chạp năm ấy, mới đáp mảnh vào Nam-kỳ. Từ cửa bể Xuân-dài mà ra khơi. Đến ngày 7 tháng giêng năm 1909 tới Mỹ-tho, lẩn vào Bến-tre, đến làng Tân-hương tìm chỗ ngồi bảo trẻ.

Nhớ khi ngồi bảo trẻ có làm bài ca rằng :

*Một nghìn lô-mét xa là mấy ;
Hăm bốn hành-canh lớn biết bao.
Bề trầm theo với ngọn ba-đào ;
Buồm quá-độ dập.diu trên quả đất.*

*Nhích thử gánh tang-bồng biết sức,
Nặng ai diu mà nhẹ cũng ai nâng.
Cái hợp tan là đám phù-vân ;
Chim bay nổi lượn theo buồm với gió,*

*Vậy có câu rằng : Phong-trần tùy sở ngộ ;
Hà tất kể cùng thông,
Ấy mà thôi ! Gió mát trăng trong ;
Tạm lấy cảnh đỡ khuấy miền đất khách.*

*Vây-vây một đôi trò, huây-huây ba chữ sách ;
Nhắc chuyện đời cho trẻ nhỏ nói nghe chơi,
Đi Tầm-dương gẫm chị cũng nực cười ;
Khéo dối khách mà trêu người cho Tư-mã khóc.*

*Thôi ! chuyện cũ kể chi cho nhọc ;
Hỏi sông Hương có mấy thức trăng tròn.
Tôi đâu là chẳng nước non...*

Tôi đây là chẳng nước non ; nhưng mà lên-đỉnh đất khách một mình, ngồi chần ba đứa trẻ của nhà người, để nương thân cho qua cái thì giờ không có hy-vọng, cái cảnh-ngộ không có chủ-đích, thời cũng dễ chán thật. Trời cao đất rộng, tôi đâu là chẳng nước non ; nghĩ đến đây mà không thể ngồi yên được.

Ngày tháng tư năm ấy, nhân theo bạn lên Saigon mua sách vở. Đêm nằm nhà trọ mộng tai nghe người một bên nói chuyện đi Xiêm, kể những kỳ tẩu và cách đi, hôm sau bèn xuống ngay tàu mà châm-chước với một người thủy-thủ. Được người ấy chịu lời rồi, đêm mộng 3 tháng tư xuống tàu mà làm khách xuất-dương từ đấy.

Xuống tàu rồi ngồi trong một cái phòng kín dưới khoang... Bấy giờ ngồi một mình, hồi tưởng cảnh ngộ sinh-bình lịch-lịch như in trong tâm-khảm ! Nào những lúc đang vui đầu ở chốn tràng-ốc, cùng chúng bạn quyết tranh leo giạt giải, ỷ-khí hăng-hái biết là nương nào ! Lại những lúc cười trắng cợt gió, một năm trời vui thú Hành-sơn, sớm hôm cảnh phật người tiên, buồm ngư đồng-hải, chuông chiền Từ-tâm, thì thân-thể lại thanh-lịch là nương nào ! Lại nhớ lúc làm ruộng Cẩm-nê, thầy trò diu-dắt, có khi đặt câu ca cho thợ gặt hái, thú điền-gia nghĩ cũng vui thay ! Lại nhớ lúc bãi cỏ bên đường, mái chùa cạnh suối, cùng đôi ba chúng bạn trò - trò chuyện - chuyện, mượn bóng tà-dương, mảnh tàn nguyệt soi chung một tấm tâm-can. Lúc bôn tẩu về việc hội thương, lúc hô-hào về việc hưng-học ; bạn cựu-nho đã chê là phường hư-hông, kẻ bàng-quan cũng cười là lũ điên-cuồng, thế mà mình vẫn ngông-ngông nghênh-nghênh, tự lấy làm đặc-ý. Lại nhớ vừa năm ngoái đây, bảy tám tháng trời, trèo non lách núi, không tìm được một chỗ thể-thân. Than ôi ! Trời đất hẹp-hòi, khách chơi lỡ bước, vào chốn nông-gia, không đủ làm một người điền-tốt ; ra nơi thành-thị thường phải nhục

với đũa phu tuần. May mà lúc còn ẩn bóng chùa Vân (Suối mây), lúc còn nương thân trại Cống (Cống sơn) : lúc gặp bạn trong núi, lúc đi săn trong rừng ; trong cảnh cùng sâu, mà cũng lắm lúc tiêu dao tự tại.

Hạn mạn du ký

(Nam-phong tạp-chí, số 38, tháng 8 — 1920)

DƯƠNG BÁ-TRẠC 揚伯濯

158.— Chức-trách các văn-sĩ trong xã-hội ta ngày nay

Nước ta là một nước trải mấy ngàn năm chỉ học mượn viết nhờ, cứ nói cho đúng ra thì các nhà trong văn-giới ta kể cũng còn hiếm quá ; song, vào khoảng vài chục năm nay, nhờ cái hồn linh-thiênêng phảng-phất của những người cùng nói cái thứ tiếng Việt-Nam này ngậm-ngùi tức-tối ở dưới cửu-nguyên, âm thầm xui-giục mà cái phong-trào quốc-văn đã nổi lên một ngày một bành-trướng, một ngày một tràn-lan. Trong bọn các nhà văn Tàu, các nhà văn Tây, cũng đã có được một số kha-khả người không chịu cam tâm kiêu-cư ký-ngự trong văn-giới Tàu, văn-giới Tây mà đã gióng trống mở cờ lập lên ở cái miếng đất sông Lô non Tân cũng có một cái văn-giới ta, tuy mới phôi-phác thành hình mà không phải không có cái cơ vững bền chắc-chắn ; mà chẳng những là vững bền chắc-chắn, may ra lại mong có ngày tráng-lệ nguy-nga ; cái nền quốc-văn của ta đương lúc mới gây dựng như bây giờ đã là đúc lại cả hai lối văn Tàu văn Tây thì đến lúc trưởng-thành sau này tất là cũng hòa-hợp được cả hai lối văn ấy ; mà hai lối văn ấy chính đều là lối văn rất phong-phú, rất tốt đẹp mà rất hoàn-bị trong các lối văn ở thế-giới từ xưa đến nay ! tòa lâu-đài quốc-văn của ta mà kiến-trúc bằng những vật-liệu lương-hảo như thế thì còn gì bằng.

Các nhà trong văn-giới ta mà nếu thực là bậc thượng-lưu hoàn-toàn xứng đáng thì thực là Pháp-học đã thâm thúy mà Hán-học cũng có uyên nguyên, hoặc là Hán-học đã tinh-thông mà Pháp-học cũng biết đại-khái, tư-tưởng tất là thuần-túy mà cao-thượng, học-thức tất là xem rộng mà biết nhiều nghiên-cứu cái tình-thế bản-quốc đã tường, quan-sát

cái cục diện hiện thời lại rõ, từng-trải việc đời hay dở đã lắm, phán-đoán những điều khuyết-diểm quốc dân lại rành ; không vì danh lợi mà đổi bụng, không lấy khen chê mà khác lòng, không a-dua cái hiệu-thượng thiên lệch của xã-hội mà cố đem ngọn bút làm lưỡi gươm kiểu chính những tệ-tục đời-phong không kiêng nể cái oai thế hống-hách của cường-quyền mà cố đem quyển sách làm tấm gương soi mói những mưu gian chước độc, cái tinh-thần chỉ-thú của thánh hiền đời trước xiển-phát cho hết để luyện nên những tể thuốc nuôi hồn, cái tân-lý kỳ-tưởng của Âu-mỹ đời nay, thu nhật cho sành để chế lấy những thang bổ óc, về thông-tục giáo-dục thì hoặc báo-chương hoặc tạp-chí, hoặc thi ca, hoặc tiểu-thuyết, hoặc kịch-bản, lấy miệng thêu lòng gấm mà dệt thành những lời khuyên giới dằm-thấm khôn-ngoa ; về thanh-niên giáo-dục thì sách luân-lý, sách sử-ký, sách địa-dư, sách khoa-học, sách chuyên-môn, lấy nhụy Á hoa Âu mà xếp thành những tập giáo-khoa tường-minh giản-quát ; không kể những cái văn bại-hoại phong-tục, cùng những cái văn khoa môi múa mép, nhật nhạnh đông dài, không hề khi nào dám để cho trong văn-giới ta mọc ra có cái mầm xấu-xa nhớp-nhua như thế, mà mỗi khi cầm đến cây bút, cái nhiệt-huyết yêu nước yêu nơi thường sôi nổi ở trong trí nghĩ mà mình tự hỏi cây bút của mình rằng : Mi định viết cái gì đây ? Viết ra mà có ích gì cho nhân-tâm thế-đạo, bổ-cứu cho thời-tệ, mở mang cho trí-thức được phần nào không ? Hay chực viết ra để cầu lấy cái danh lợi gì, kiếm lấy cái gì, mua chuộc lấy cái lòng khờ dại ham ưa của công-chúng gì đây chẳng ?

Tiếng gọi dân

(Nghiêm Hàm ấn-quản Hà-nội, 1925)

NGUYỄN HỮU-TIẾN 阮有進

159.— Thuyết tính thiện của Mạnh-Tử

Thuyết triết-học của thầy (Mạnh) tường nhất là luận về tính thiện 性善, thầy nói rằng : Tính người ta vốn là thiện, cũng như nước chảy xuống chỗ trũng : không người nào là tính chẳng thiện, cũng như không nước nào là chẳng xô xuống chỗ thấp. ».

Thầy Mạnh luận về tính thiện viện dẫn ra có hai lẽ: Một là chứng lời kinh Dịch rằng: « Trong vũ-trụ một khí âm, khí dương hợp lại thành đạo: tiếp thu lấy cái đạo ấy là thiện, thành ra quen là tính 一陰一陽之謂道. 繼之者善也, 成之者性也. » Sách Luận-ngữ rằng: « Tính người ta gần giống nhau vốn là thiện cả; duy bởi tập-nhiệm mới sinh ra xa khác nhau 性相近也, 習相遠也. » Trung-dụng rằng: « Mệnh trời phú cho người ta cái lẽ nhân nghĩa lẽ trí ấy là tính, cứ noi theo cái tính tự-nhiên ấy mà làm là đạo. 天命之謂性 率性之謂道. » Tuy rằng những lời chứng dẫn trên ấy chưa nói rõ là tính thiện, nhưng cũng đã ám nhận là tính thiện rồi. Hay là thầy Mạnh lại chứng về sự thực, cho rằng: « Người ta ai cũng có lòng bất nhẫn, như là khi trông thấy đứa trẻ con sắp ngã xuống giếng, ai cũng phải chột dạ thương-xót đứa trẻ không phải là muốn làm thân với cha mẹ nó mà thương, không phải muốn cầu tiếng khen với làng xóm mà thương, mà cũng không phải là vì ghét cái tiếng bất-nhân mà phải giả cách thương đâu, nguyên trong tâm người ta ai cũng có sẵn cái lòng tự-nhiên thương người, cái lòng thương đó tức là cái đầu mối điều nhân. Suy ra mà xét thì ai cũng sẵn có lòng hổ thẹn điều xằng, tức là đầu mối điều nghĩa, cái lòng nhún-nhường lẽ-phép tức là đầu mối điều lễ; ai cũng sẵn có cái lòng phân biệt đừu phải, đừu trái, tức là đầu mối trí khôn: xem thể thì trong tâm người ta ai cũng có sẵn bốn cái đức tính: nhân, nghĩa, lễ, trí, ấy tức là tứ-doan 四端, thì biết tính người ta ai cũng bản thiện »...

Thầy Mạnh lại nói rằng: « Người ta sinh ra, cái sự gì chẳng đợi học tập mà tự mình làm được, tức là cái lương-năng 良能; cái lẽ gì chẳng đợi nghĩ-ngợi mà tự mình biết được, tức là cái lương-tri 良知. Cái lương-năng, lương-tri đó tức là điều thiện bản-nhiên tự trời phú cho, mà tự mình hay, tự mình biết. Xem như đứa trẻ con kia không đứa nào chẳng biết yêu cha mẹ nó; khi nó lớn lên, không đứa nào chẳng biết kính anh nó. Cái lòng biết yêu, biết kính đó, tức là lòng nhân, lòng kính trưởng đó tức là điều nghĩa. Nhân-nghĩa vốn là cái bản-tính tri-năng của người ta ai cũng có thể thì tính ai là chẳng thiện »..

Thầy Mạnh đã dựng lên cái thuyết tính thiện như trên, thì tính người ta ai cũng thiện, trong cõi đời lẽ ra không có người ác nữa thì phải. Sao trong thế-gian vẫn thấy vô-số là người ác, nhất là đời Chiến-Quốc, biết bao nhiêu là kẻ loạn-thần tặc-tử xuất-hiện, đạo-đức đời-bại phong-hóa tồi-tàn, nào là tranh cướp quyền-lợi mà giết nhau, say-dấm sắc-dục mà tự giết mình, thì tính thiện ở đâu ?

Thầy Mạnh phải gỡ cái có ấy mới nói rằng người ta mà sinh ra ác là tại phải cái vật-dục nó làm hôn-mê mất tính thiện đi, cũng ví như búa rìu nó làm trụi mất mầm cây đi vậy.

Thầy Mạnh có nói rằng : « Cây ở trái núi Ngưu-Son kia, nó vốn xanh tốt ; vì nó gần nơi thành-thị, nên bị nhiều người đem búa rìu ra chặt đốn luôn, thì cây mọc tốt sao được. Song còn cội rễ nó mọc lên, ngày đêm sinh-trưởng mưa móc tưới-nhuần, nó cũng vẫn còn chồi nhánh đâm ra. Nhưng lại bị trâu dê nó đến phá, nên cây núi mới trụi sạch như thế kia. Người ta thấy trái núi nó trụi sạch như vậy cho rằng trái núi kia nó vốn không có cây gỗ nào, có phải là cái bản-tính của núi ấy như thế đâu ?

Cũng ví như người ta lúc mới sinh ra vốn có cái lương-tâm nhân-nghĩa, chỉ vì vật dục nó làm phóng mất cái lương-tâm đi, cũng như rìu búa nó làm trụi mất cây đi, ngày nào cũng đẵn phá đi mãi, thì thế nào cho mọc lên được. Nhưng còn chút mầm thiện-tâm nó chưa mất hẳn, cũng ví như cái cây vẫn còn mầm, lúc tinh-mịch nó lại hồi tâm tươi tỉnh lên, như những lúc bình-minh buổi sớm, khi còn tỉnh, tâm còn thanh, cái mầm nhân-nghĩa lương-tâm nó cũng hồi tỉnh được đôi chút, nhưng đến ban ngày lại bị biết, bao nhiêu là vật-dục nó cùm trói cái lương-tâm ấy nó đem đi mãi, đem dấn đi mãi thì cái thần-khí trong sạch lúc ban đêm lại mờ tối đi cái tâm lại sinh xăng, không khác gì loài cầm-thú. Người ta thấy con người kia nhân diện mà thú-tâm, mới nghĩ rằng con người kia chưa từng có lương-tâm bản-thiện bao giờ, nào có phải cái bản-tính người ấy nó vẫn như thế đâu,

« Phải biết rằng cái tâm-tính người ta nó vốn bản-thiện phải nên giữ-gìn lấy cái tâm mới được, cũng ví như cây ở núi kia, biết giữ-gìn nuôi nó thì nó mới sinh-trưởng được, nếu chẳng biết giữ-gìn nuôi nó thì nó tất phải tiêu mòn đi. »

Học thuyết thầy Mạnh

(Nam-phong tạp-chi, số 183, tháng 4 — 1933).

BÙI-KỶ 裴紀

160.— Bài truy-diệu cụ Tiên-diền (1)

(mồng mười tháng tám)

Kiếp kim cổ tài-tình là bạn
 Hồn văn-chương vợ-vần non sông.
 Xót thay nước đục bụi trong.
 Nghìn thu biết ngổ tằm lòng cùng ai!
 Trộm nhớ thuở anh-tài giáng-thế,
 Cõi Tiên-diền rớt khi linh-kỳ.
 Gặp cơn Lê-thị suy-vi,
 Kim-thành muốn lở, thang trĩ muốn vơi.
 Mắt chí-sĩ trông đời ngao-ngán,
 Muốn ra tay tát cạn bể đông.
 Trách người chi bấy hóa-công,
 Lỡ thời dễ khách anh-hùng bỏ tay,
 Miền Bắc-tái rờng bay mỗi cánh,
 Đỉnh Hồng-sơn hạc lánh xa xa.
 Rắp toan tìm thú cỏ hoa,
 Tang-bồng gác mái yên-hà cùng cao.
 Trời Đông-phổ (2) ào-ào gió động,
 Hội tào-phùng đá-ủng tân-quân.
 Giang hồ lang-miểu một thân,
 Dật-dân bỗng hóa hàng-thần, lạ thay!
 Há chẳng biết cao bay xa chạy,
 Cái công danh là bẫy trên đời.

Song.le con tạo trêu người,
 Buộc nhau chỉ một chữ thời mà đau.
 Bắt đây.đọa cát đầu không nổi,
 Bắt đến điều mỗi gói chồn chân.
 « Bắt phong-trần phải phong-trần,
 « Cho thanh-caò mới được phần thanh.cao. »
 Xuất với xử bên nào cũng khó,
 Nhục hay vinh ở đó mà ra.
 Cát làm ngọc trắng cũng là,
 Càng kiên-trinh lắm, càng ma-chiết nhiều.
 Song chẳng lẽ cũng liều nhắm mắt,
 Cũng dày mày dạn mặt cho xong.
 Cầm bằng như kiếp má hồng,
 Hơn nhau chỉ một tấm lòng chính-chuyên.
 Dạ trinh-bạch đã nguyên sắt đá,
 Giả hình.hài liễu-mạ mà chi ?
 Dở.dang thay cái tu-mi,
 Cực trăm nghìn nổi trong khi tông quyền !
 Bước đã lỡ mượn thuyền sao nổi,
 Nợ còn nhiều định chối không xong.
 Hỏi ai gan đục khơi trong,
 Đục trong trong đục mà lòng tro tro.
 Đồng ly-thử gió mờ bụi tối,
 Nổi hương.quang ruột rối như vò.
 Lâm-ly ngọc bút song hồ,
 Văn.chương một áng điểm-tò tuyết vời.
 Vì mặt trắng thương người mệnh bạc,
 Khúc đoạn-trường tả bước lưu-ly.
 Lờ-mờ nước chảy mây đi,
 Tri-âm biết có Chung-Kỷ là ai ?
 Dòng thệ thủy núi mài sông lở,
 Tấm lòng son gột rửa bao phai.

Bạn mình chi bấy chữ tài,
 Túi cơm giá áo như ai cũng nhân !
 Muốn động đến cửu-toàn linh-thỉnh,
 Hỏi bao giờ tài mệnh không ghen.
 Mệnh sao hay bốn hay chen ?
 Tài sao vùng-vẫy những toan chọc trời ?
 Lòng bằng-diếu mấy lời giải tỏ,
 Đỉnh trầm bay ngọn gió hiu-hiu
 Non sông man-mác mọi chiều,
 Khí thiêng phảng-phất ít nhiều đầu đây.

Tháng 8 năm Đinh-mão (1927)

(Nam-phong tạp-chí, số 120, tháng 8 1927)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Cụ Tiên-diên* : Nguyễn-Du, tác-giả truyện Kiều; vì cụ quê ở làng Tiên-diên, thuộc h. Nghi-xuân, t. Hà-tĩnh.— (2) *Đông-phổ* : tên cũ của thành Gia-định (Sài-gòn).

NGÔ BẰNG-GIỰC 吳鵬翼

161.— Ông gàn

Mắc tiếng gàn mà tự nghĩ không có điều gì gàn, thì ông gàn cho là đời nói càn, không để ý đến. Nhưng sau thấy vợ rầy-rứt : vì ông chồng gàn mà bà vợ cũng bị giễu là « bà gàn », nên muốn tìm người hỏi xem mình gàn về nỗi gì. Một hôm dạo sơn-thủy, gặp một ông cụ ở trên một ngọn núi cao, bèn đem câu chuyện ra hỏi.

Ông cụ hỏi : « Thế anh có hay nói chuyện đạo-đức không ? »

Ông gàn đáp : Thưa cụ, có.

— Thế là một tội gàn rồi ! vì người ta đều nói chuyện lợi danh, sao anh lại nói chuyện đạo-đức.

Ông cụ lại hỏi : « Thế anh có tròn không ? »

— Thưa cụ không, cháu tất phải bánh chưng ra góc mới được.

— Thế là hai tội gàn rồi ! sao người ta tròn như cây gỗ, lăn đâu cũng được mà anh lại bánh chưng ra góc cho chưng đời.

Ông cụ lại hỏi : « Thế anh có hay ngâm thơ không ? »

— Thưa cụ có.

— Thế là ba tội gàn rồi ! đời bây giờ người ta tranh nhau vì miếng ăn, giết nhau vì đồng tiền, nghi nát óc vì cách cướp ăn, vét tiền mà anh ngồi ngâm thơ thì sao hợp thời được. Cái gàn của anh ở đây chứ ở đâu. Anh phải biết : phạm trái với đời là gàn, dẫu mình phải mười mười cũng mặc. Nhưng thôi ! sẵn tiền đây, anh có bán cái gàn ấy, lão mua.

— Thưa cụ, nếu thế là gàn, thì cái gàn ấy bao nhiêu tiền cháu cũng không bán. Muốn tạ cụ có lòng chỉ giáo, cháu lại xin ôm cái gàn này về nhà.

Thực là :

*Gàn cũng nắm bẫy đường gàn,
Bàn tay bưng miệng thể-gian được nào !
Đời này còn muốn thanh.cao,
Khen chê thối có để vào chi tai.*

Thời-hài

(Nhà in Ngô Tử-Hạ, Hà-nội)

PHAN KHÔI 潘魁

163.— Sự thực với việc làm thơ

Đã biết rằng làm thơ không phải như làm văn : làm văn phải giữ cho đúng với sự thực, còn làm thơ thì đôi khi không kể sự thực nữa thế mà thơ lại hay. Đã biết vậy, nhưng lại phải biết rằng : về ý thì có khi bỏ sự thực, song về sự thực thì bao giờ cũng phải giữ cho đúng.

Trời có ai bán được, nhưng ông Tú-Xương lại nói : « Lúc túng toan lên bán cả trời », thì ai đọc đến cũng phải chịu là hay. Đó, ông Tú-Xương chỉ căn-cứ ở câu tục-ngữ « Bán trời không chứng » mà thôi ; hề có căn-cứ như thế là đủ cho câu thơ của mình dùng được.

Nhưng, đó là thuộc về ý. Cái ý của thi-nhân muốn gì thì muốn, nào ai cấm ngăn được ư ? Cho nên vẫn biết trời là không bán được mà thi-nhân muốn bán cũng vô-hại. Cái ý ấy chẳng qua là để tả cho ra cái túng đáo-đẽ.

Xưa kia ông Tô Đông-pha có một bài thơ « Đùa Tử-do ».— Tử-do là Tô-Triệt, em ruột tác-giả, làm giáo-thọ, dạy học-trò mà lương-bổng bạc-bèo lắm, ông Đông-pha trong bài thơ « đùa » ấy có những câu này :

Uyển-khâu tiên-sanh trường như khâu

宛 邱 范 生 長 如 邱

Uyển-khâu học.xá tiểu như châu.

宛 邱 學 舍 小 如 舟

Thường thời đê đầu tụng kinh sử,

常 時 低 頭 誦 經 史

Hốt nhiên khiếm thân ốc đã đầu.

忽 然 欠 伸 屋 打 頭

(Nghĩa là : Ông giáo Uyển-khâu mình dài như cái gò ; trường-giáo Uyển-khâu nhỏ như chiếc ghe. Bình-thường ông giáo cúi đầu đọc kinh sử ; thỉnh-linh ngẩng đầu lên, mái nhà đụng đầu ông).

Coi mà coi, cái nhà trường đầu có nhỏ đến thế nào nữa, cũng không đến nỗi con người ta ngồi trong ấy hề cúi đầu luôn thì thôi mà ngược đầu lên là đụng. Con người ta đầu có cao mấy cũng không đến nỗi ngồi mà đụng đầu trên mái nhà bao giờ. Vậy mà ông Đông-pha lại làm thơ nói được như vậy. Ấy chẳng qua để tả cho ra cái bộ-tịch ông Tử-do cao lồng-không và cũng tả cho ta cái trường-giáo, chỗ ông ở làm úm-thủm không ra chi đó thôi. Đó cũng là thuộc về ý, cho nên không đúng sự thật cũng không hại.

Sự thực là như cái cảnh trước con mắt và cái việc xảy ra mới là sự thực. Cái sự thực ấy thì không bao giờ thi-nhân được làm sai đi.

Khí-hậu ở Nam-kỳ, nói cho thật ra, chẳng có thể phân bốn mùa được. Mùa xuân thì nắng thiếu điều phỏng da, vậy mà ôn hòa gì? Mùa thu cũng chẳng thấy cái vẻ gì là tiêu-sát. Nam-kỳ không có xuân, hạ, thu, đông mà chỉ có hai mùa là mùa nắng và mùa mưa.

Vậy mà thi-nhân tả cái xuân của Sài-gòn những là *trăm bóng đua nở*, tả cái thu của Sài-gòn những là *lá rụng sương sa*, có phải là vô-lý không? Ấy là sai với sự thực. Nhà làm thơ mà khôn ra, gặp cái xuân cái thu của Sài-gòn nó phân thường như vậy, lẽ đáng nhè chỗ phân thường ấy mà tả, mới thấy cái nghệ-thuật của mình chớ ; có sao lại cứ rập theo sách cũ, cứ hề xuân thì hoa nở, thu thì lá rụng, làm cho trái với cảnh đi là sao?

Nước Nam ta chẳng đời nào thấy tuyết, vậy mà trong thơ nôm, thường thấy có những chữ *tuyết phủ*, *tuyết ngậm*, thì thật là láo quá! Họ không sợ làm vậy rồi con cháu đời sau nó đọc đến, nó tưởng đời chúng ta đây có tuyết mà đến đời chúng nó không có!

Chương-dân thi thoại

(Nhà in Đắc-lập, Huế, 1936)

PHẠM QUỲNH 范瓊

163.— Cách lễ phép của người mình

Người ta ở trong xã-hội, trong khi giao-tiếp với nhau, cần phải có lễ-phép, dẫu đối với người cao hơn mình, người ngang bằng mình hay người thấp kém mình cũng vậy, kẻ khôn-khéo thời tùy-nghi mà gia-giảm, nhưng bao giờ cũng phải có lễ-nhượng mới là người có giáo-dục. Nhưng giữ lễ phép không phải là tự làm đê-hạ mình đi mới là tôn-trọng kẻ khác, không phải là tự nằm rạp xuống đất hay uốn gậy mình làm đôi mới rõ là mình kính-trọng người ta. Cách lễ-phép như vậy thời một là giả-dối, hai là đê-hèn, đều đáng khinh-bĩ cả, tưởng người được hưởng sự lễ-phép ấy nếu biết cũng nên khinh trước mới là phải. Xét trong cách lễ-phép của người mình phần nhiều như thế cả. Đối với người dưới thời đã tuyệt-nhiên không có chút lễ-phép gì, thường lấy sự thô-bỉ tàn-nhẫn mà đả-kẻ kém mình, đối với người trên thật đê-tiện quá chừng. Rụt-rè, khúm-núm, gãi đầu, gãi tai, bầm bầm thưa thưa, vâng vâng dạ dạ, coi lời ăn tiếng nói, dáng đứng cách ngồi, tưởng phàm người biết trọng cái phẩm-giá con người không ai tự hạ đến thế. Mà thật những người ấy không biết lòng danh-dự là cái gì. Lòng danh-dự là biết tự-trọng mình, trọng cái nhân-cách của mình: người ta là người, mình cũng là người, không có lẽ một người đối với một người mà phải tự coi mình như con giun, con dế, dẫu người kia có oai-quyền thế-lực đến thế nào nữa mặc lòng. Và lại muốn biểu dương cái lòng tôn-trọng với người hơn mình, không phải là tự-hạ mình đi mới là kính-trọng người: tự-hạ mình đi là làm hạ giá cả cái lòng kính-trọng của mình, không

những thế, tức là khi người ta nữa, vì tự hồ như cho người ta là hẹp lượng lấy những cách khúm núm quy-lụy của mình làm chân thành vậy.

Danh dự luận

(Nam-phong tạp-chí, số 25 tháng 7-1919)

164.— Triết-lý của đạo Phật

Trung-tâm đạo Phật là thuyết về luân hồi, nghĩa là vạn-vật đã vào trong vòng sinh tử thời cứ sống đi chết lại mãi mãi, không bao giờ cùng, cũng như cái bánh xe đã quay thời càng quay càng tít, không bao giờ dừng. Theo thuyết ấy thời đã sinh ra tất phải chết đi, đã chết đi tất phải sinh lại, sinh tử, tử sinh, vô cùng vô hạn, hết đời nọ đến đời kia, hết kiếp này đến đời khác, chữ phạn gọi là *samsāra*, chữ Tàu dịch là luân hồi. Nhưng những đời đời kiếp kiếp, tử tử sinh sinh ấy là làm nhân quả lẫn cho nhau, không phải là vô bằng, vô cứ; các việc xảy ra ở đời này là sự thưởng hay sự phạt những việc đã xảy ra trong kiếp trước, và là nguyên nhân mầm mống những việc sẽ xảy ra về kiếp sau. Đạo Phật gọi phép báo ứng ấy là nghiệp báo (*karma*). Nghĩa chữ nghiệp báo là vừa chỉ các việc làm, vừa chỉ cái kết quả việc ấy sau này. Nay để nhất đề gọi « khổ đề » (1) là thế nào? — Chính là phép khốc hại nó bất chúng sinh cứ phải chết đi sống lại mãi, cứ phải qua hết đời nọ sang kiếp kia mà chịu những sự khổ não vô cùng, chính là phép luân-hồi vậy. Thành ra khổ (*duḥka*) là một chữ đồng nghĩa với chữ nghiệp (*karma*), và khổ với nghiệp cũng lại là đồng nghĩa với luân-hồi, vì có nghiệp báo nên phải luân-hồi vì có luân-hồi nên phải khổ não, ba chữ bổ nghĩa lẫn nhau, giải thích cho nhau, và là ba cái động lực rất mạnh gây ra cái thế-gian « hữu tình », cái cõi đời khốn nạn này..

Cơ màu đã như thế, thời người trí-giả phải mưu tính thế nào? Chắc là phải tìm cách ngăn ngừa sự luân-hồi, trừ át-cái phép khốc hại ấy cho không thi hành được nữa. Nếu có thể tiêu-diệt được nghiệp báo thời tiện thì là ngăn cấm được luân-hồi, thoát khỏi được vòng sinh tử, cùng tránh được hết những sự khổ não nó đi kèm với cái sống cái chết, và trong một khoảng từ khi sinh ra đến khi chết đi tiếp tục nhau

mà bày ra cái cuộc đời rất sâu thẳm này. Đã ngăn cấm được sự luân hồi thời không có sống, không có chết nữa. Không sống, không chết, đạo Phật gọi cảnh ấy là nát-bàn (*nirvāna*), nghĩa là chốn an ổn vô cùng, tịch mịch vô cùng. Nhờ vậy thời đệ-tam đề (2) gọi là diệt đề (*nirodha*) tức là nát-bàn; diệt với nát-bàn, hai chữ đồng-nghĩa, vì nát-bàn là cái kết-quả trực-tiếp của sự tiệt-diệt: diệt được khổ-não, tiện-thị là nhập nát-bàn vậy.

Phật-giáo lược khảo

(Nam-phong tạp-chí; số 40, tháng 10-1929)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Đệ-nhất đề*, (2) *Đệ-tam đề*: xem phần thứ nhất Năm thư nhất, Chương thứ VI. Bài đọc thêm số 1.

165.— Tính cách chung của văn-chương Pháp

Hai thời đại trước-danh nhất trong văn-học sử nước Pháp là thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18. Hai thế-kỷ ấy có khác nhau mà có giống nhau. Thế-kỷ thứ 17 thì là đời *cổ-diễn*, thế-kỷ thứ 18 là đời *cách-mệnh*. Các nhà làm văn đời *cổ-diễn* chỉ vụ nghiên-cứu cái tâm-lý người ta. Lấy người ta là một « giống rất hư-hoang, uyển-chuyển, tạp-đạp » (*être merveilleusement vain, ondoyant et divers*), nên phải xét nghiệm nó thật kỹ, cho giải được hết cái khúc ă ò của nó, để tìm cách mà chữa dạy. Vì các nhà ấy thông-tỏ cái tâm-tính con người ta mà biết rằng người ta *tính bản ác*; nếu không kiềm-chế những cái dục-tình sẵn lại thì xã-hội không thể ở được. Bởi thế các nhà ấy lấy sự duy-trì xã-hội làm mục-đích vì xã-hội có duy-trì được lòng người có kiềm-chế được thì người ta cùng xã-hội mới được sung-sướng. Nói rút lại thì văn-chương thế-kỷ thứ 17 là văn-chương chữa đời, chủ sự ích lợi cho người đời, tức là một pho tâm-lý, một bài luân-lý thực hành vậy. — Thế-kỷ thứ 18 cũng là vụ cho người đời được sung-sướng. Các nhà làm văn đời *cách-mệnh* cũng chỉ nghiên-cứu một cái vấn-đề về sự hạnh-phúc của người ta, nhưng khác người đời trước, là đời trước lấy cái hạnh-phúc ở sự kiềm-chế, đời này lấy cái hạnh-phúc ở sự tự-do, đời trước chủ sự duy-trì, đời này dùng kế phá-hoại vậy. Đời trước dạy người đời tính vốn ác, đời này xướng người đời tính vốn lành.

Người đời đã tính vốn lành thì mọi sự khổ-sở ở đời là bởi xã-hội cả, xã-hội đã không ra gì thì phải phá đổ xã-hội đi, mà hồi-phục lấy cái bản-tính của người ta lúc mới sinh-thành. Bởi thế mà các nhà làm văn chỉ thấy công-kích xã-hội mà tán-tụng đời cổ-sơ là cái « hoàng kim thời đại » của loài người. Xem thế thì hai cái tư-trào của thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18 thực là trái-ngược nhau vậy. Nhưng xét kỹ có phải cái tôn-chỉ cũng là giống nhau không ? Hai đời tuy xét người đời ra hai phương-diện khác nhau, song đều là chủ tìm cái cách cho người đời được sung-sướng, đều là vị cái nhân-đạo vậy...

Xưa nay người ta vẫn khen văn Pháp có ba cái tính cách hay nhất : một là phân-minh, hai là giản-dị, ba là thành-thực. Ba cái tính-cách ấy cũng là cái bởi nhân-đạo trong văn-chương mà ra cả. Như người Anh, người Đức, người Ý làm văn thường là để sướng lấy một mình, để diễn lấy cái giấc mộng riêng ở trong lòng mà làm một mối khoái-lạc cho mình. Người Pháp làm văn vị người hơn vị mình, cầm ngòi bút viết là chủ nói cái gì cho người đời nghe. Vậy cốt nhất là cho người ta hiểu mình. Nên phàm xưng ra cái tư-tưởng gì, không phải cứ mặc-mặc thế mà đem diễn ra đâu ; còn suy đi nghĩ lại, chắt-lọc chung đúc mãi, gạn lấy cái tinh-hoa rồi mới diễn nó ra thành lời ; cái lời văn ấy cũng không phải là cầu-thả, thực là chắt-chuốt trau giũa cho nó rất văn-tất, rất giản-dị, rất phân-minh, khiến cho người đọc thấu-giải được ngay, không phải mất công khó nhọc tí nào. Bởi văn Pháp có cái đặc-tính như thế nên xưa nay đã được cái danh-dự dùng làm văn chung cho vạn-quốc trong việc giao-tế các nước với nhau. Cái danh-dự ấy thực là xứng-đáng vậy thay !

Bàn về văn-minh học-thuật nước Pháp
(Nam-phong tạp-chí, số I, tháng 7-1917)

166— Vườn Luxembourg ở Paris

Vườn này rộng độ hai mươi lăm mẫu tây, có tiếng là nơi công-viên đẹp nhất ở thành Paris. Kiểu vườn là kiểu đời Phục-hưng (*Renaissance*) đồng-thời với cung *Luxembourg* ngày nay làm nhà Thượng-ngự-viện. Trong

vườn nào là tượng đá, nào là bể nước, nào là chiếu cỏ nào là thảm hoa, quanh mình rặt những hình - tượng đẹp, màu sắc tươi cả, thật như một bức gấm trăm hoa. Cây lớn thời toàn là những cổ - thụ hai ba trăm năm trồng thẳng bằng từng dãy dài, dưới có lối đi cho khách bộ du. Đẹp nhất là những thứ dương-ngô-đồng (cây vòng tây : *platanes*) lá xòe như cái tán. Đứng trước Thượng-nghị-viện mà trông thẳng ra, tưởng không cảnh gì đẹp bằng, cực - mục như một tấm gấm, tấm lụa giải thẳng cho đến kỳ - cùng ở giữa hai rừng cây xanh rậm, vì trước mặt vườn *Luxembourg* này lại thông với vườn Thiên-vân-đài, nên coi nó lại càng man-mác nữa. Nghĩ ra qui-mô một nơi công viên như thế này, thật cũng khéo quá : không khác gì như lấy những cổ hoa cây cối của Tạo-vật mà thêu trên mặt đất thành một bức gấm trăm hoa, để cho khách ưu-du thưởng ngoạn. Mà trong cuộc ưu-du vẫn có ý kỷ-niệm, vì quanh mình không thiếu gì tượng các danh-nhân. Có nơi hộp cả tượng các bà danh-phi liệt-nữ của nước Pháp thời xưa.— Nhưng trong vườn *Luxembourg* này có một chỗ thanh-thứ nhất, là nơi gọi là *Fontaine Médicis*, có cái bể bằng đá hình bờ-dục, bên trong có một bức chạm tích thần-tiên Hi-lạp ngày xưa, bốn bề toàn những ngô - đồng cây cao bóng mát, tiếng nước chảy róc-rách, tiếng chim kêu riu rít, rõ ra một cái cảnh lâm-tuyền mà lại có tay khéo của người ta tô điểm. Hai bên có hai dãy ghế cho khách du ngồi thưởng - ngoạn. Nhưng xét ra những khách mến cảnh này ngồi đến thâu giờ tan buổi, tho-thẩn một mình, không phải là những người trong trường náo-nhiệt ; phần nhiều là những hạng thi-nhân học-khách cũng như những bậc thiếu-phụ nhân-sầu, đến đây để tiêu-sầu khiên-hướng. Mà cảnh êm-dềm người lặng lẽ, cho đến nỗi chim sẽ từng đàn lượn qua trước mặt, đậu tận bên mình cũng không sợ.

Ba tháng ở Paris (tháng 5 — 7 năm 1922)
(Nam-phong tùng-thư.

Hà-nội, Đông-kinh ấn-quán x, b., 1927)

**167.— Quan-niệm người quân-tử trong đạo Khổng
và quan-niệm người « chính-nhân »
trong cổ văn Pháp**

Trong khi nghiên-cứu về người quân-tử trong đạo Khổng, tôi có tự hỏi không biết Tây-phương từ xưa đến nay có cái quan-niệm nào giống như thế không. Không xét đến thượng-cổ Hi-lạp La-mã, nhân đọc lại các cổ-văn nước Pháp, tôi lấy làm lạ thấy cái quan-niệm người « chính-nhân » (*l'honnête homme*) về thể-kỷ thứ 17, có nhiều điều giống như người quân-tử của đạo Khổng. Người « chính-nhân » của Pháp cũng như người « quân-tử » của Tàu, cũng vụ lễ phải hơn cả, chuộng điều-độ, ưa trật-tự, thờ Chính-lý làm phép chung của vũ-trụ, ghét những cái gì là quá-đáng, không tự-nhiên.

Cái quan-niệm « Chính-lý » của các nhà làm sách Pháp về thể-kỷ thứ 17 chẳng là giống như hết với cái quan-niệm « Thiên-lý » của các nhà triết-học Tàu dư ? — MALEBRANCHE nói rằng : « Chính-lý soi sáng cho loài người là trí-tuệ của Thiên-chúa... Như tôi đau đớn, người ngoài không cảm được cái đau của tôi ; đến như cái chân-lý mà tôi quan-niệm, thì ai cũng có thể quan-niệm được như tôi... Nhờ có chính-lý, tôi có thể cảm-thông được với Thiên-chúa (nhà triết-học Tàu thì nói là Trời), cùng với cả các giống thông-minh ở đời, vì các giống có linh-tính cùng với tôi đều có một cái dây liên-lạc chung, một cái phép-tắc chung là Chính-lý vậy » — Cái « chính lý » của MALEBRANCHE đó, có khác gì cái « đức sáng » (*Minh đức*) của Trời phú-bẩm cho mọi người, như trong *Đại-học* đã nói vậy ?

Chính-lý là luật thiên-nhiên của vạn-vật đem ra ứng-dụng thời là lẽ phải hằng ngày, theo lời nhà triết-học DESCARTES là « cái của ở đời chia đều hơn cả ». Trong « Phương-pháp-luận » của ông cùng những thư-trát ông viết cho bà Công-chúa ELISABETH, ông thường nói đến « người lương-thiện là người làm việc gì cũng theo như chính-lý ». Người « lương-thiện » ấy, đời bấy giờ gọi là người « chính-nhân » (*l'honnête homme*), há chẳng giống với người « quân-tử » trong đạo Khổng như hết dư ?

DESCARTES lại nói rằng : « Phàm cư-xử, tôi muốn bao giờ cũng theo những ý-kiến trung-bình, không thái quá, không bất cập, xét chung quanh mình, người nào là người khôn-giaoan biết điều thường hay theo thì tôi theo. » — « Như có nhiều cái ý-kiến thiên-hạ cùng theo cả, thì tôi chỉ chọn cái nào là trung-bình hơn nhất mà theo, một là bởi ứng-dụng ra nó tiện, và cũng có lẽ tốt hơn, vì lẽ thường cái gì quá đáng vẫn không hay, hai là vì làm như thế thì không sợ sai đường chính bằng giá mình chọn bên này mà thành ra bên kia mới phải vậy.. »

Nghe mấy lời đó, ai không bảo là một thầy học-trò cụ Khổng đương bàn về đạo « trung-dụng » ? Đạo « trung dụng » là gì, chính cái « lẽ phải phải-chăng (*raison raisonnable*) kia, nó « thường hay tránh chỗ cực-đoan, mà muốn cho người ta có đạo-đức cũng đạo-đức cho có chừng » như lời PHILINTE trong hài kịch « Người chán đời » của MOLIERE vậy.

Giá cứ so-sánh được như thế mãi cũng hay, có thể dẫn sách MOLIERE, BOILEAU, CORNEILLE cả RACINE nữa, tuy văn ông mô-tả những cái dục-tính rất mạnh, mà vẫn giữ được điều-độ, vẫn có phong-thể, vẫn hợp lẽ phải lắm. Nay nhân tiện đây nói qua cho biết người « quân-tử » Đông-phương với người « chính-nhân » Tây-phương có điều giống nhau là như thế mà thôi.

Thế là nghĩa làm sao, há chẳng phải là tuy văn-sĩ nước Anh KIPLING có câu chán đời rằng : Đông-phương với Tây-phương khác nhau, vạn-cổ không bao giờ gặp nhau được, nhưng kỳ thực Đông Tây không đến nỗi xa cách nhau như thế ? Đông-phương và Tây-phương từ xưa đến nay đã cùng nghĩ ra được một cái kiểu-mẫu làm người điều hòa tốt đẹp, giá nhiều người theo được như thế, thì cõi đất này sẽ thành chốn bồng-lai cho một cái tân-nhân-loại ở vậy.

Cái quan-niệm người quân-tử trong triết-học đạo Khổng.
(Nam-phong tùng thư.—Hà-nội, Đông-kinh ấn-quán x.b.1928)

168. — Văn-hóa Pháp đối với việc chấn-chỉnh tinh-thần người Nam

Muốn cho bọn tân-thượng-lưu nước Nam bây giờ có thể hưởng-thụ được văn-hóa Pháp cho ích-lợi, lại có thể giúp cho nước cũng nhờ đó mà chấn-chỉnh được tinh-thần trí-thức, thì cần phải tự mình

nhận-chân lấy mình, phải bỏ cái thái-độ tiêu-cực như bây giờ, phải tỏ ra biết suy-nghi phán-đoán, có tư-cách đặc-biệt, đối với văn-hóa ấy cũng như đối với các trạng-thái khác của văn-minh đời nay, phải xem-xét cho kỹ-càng, nhiệt-thành mà không háo-hức, tin theo mà biết phẩm-bình, có thể thời mới hiểu rõ và dần dần tiêm-nhiễm lấy được. Phải biết rằng văn-hóa nước Pháp có thể làm một cái động-cơ rất mạnh trong sự-nghiệp cải-tạo nước Nam sau này, nhưng muốn cho được hoàn-toàn hiệu-lực, thời cần phải có mấy cái tư-cách mà người mình hãy còn thiếu. Những tư-cách ấy phải gây lấy cho được. Nghĩa-vụ chúng ta ngày nay là phải chấn-chỉnh lấy cái hồn Việt-Nam của ta để có thể theo phong-trào mới mà cải-cách duy-tân vậy.

Trong cái sự-nghiệp chấn-chỉnh tinh-thần đó, văn-hóa Pháp có thể giúp cho ta được nhiều lắm. Đây không cần phải tán-dương những cái hay của văn-hóa ấy. Trong thế-giới thiếu gì những bậc danh-giá đã từng ngợi-khen nhiều lần rồi. Mới đây công-sứ Hòa-lan ở Paris làm lễ đặt viên đá thứ nhất cho nhà học-hiệu Hòa-lan ở Xóm Học-sinh, có tổ lòng cảm-phục cái tinh-thần học-thuật nước Pháp như sau này :

« Chỗ này là chỗ học-sinh vạn-quốc đến tụ-hội, sẽ được nhờ tinh-thần nước Pháp truyền cho mấy cái tính tốt, như tính sáng-sủa, đich-xác, lý-luận, phong-phú, là những đặc-tính của một nước về văn-học đã sản-xuất được những bậc đại-danh như Montaigne, Descartes, Pasteur, Berthelot, Branly. »

Lại ngay sau khi chiến-tranh, mấy học-giả nước Mỹ có nói riêng với giáo-sư Bergson một câu rằng :

« Cách dạy học của người Pháp, chúng tôi ưa nhất có hai điều : một là bài giảng của thầy giáo bao giờ cũng có mạch-lạc sáng-sủa lắm ; hai là khéo khiến cho học-trò, không những là học-sinh trường lớn mà cả học-trò trường nhỏ nữa, phải thường-thường suy-nghi biến-báo luôn.»

Sáng-sủa, đich-xác, có lý-luận, có kết-cấu, hay sáng nghĩ, hay biến

báo, đó chẳng phải là những tính-cách mà trong tâm-trí người Việt-nam ta hiện hầy còn thiếu dư? Tính-cách ấy, văn-hóa Pháp có thể đào-huyện cho ta được. Nếu ta biết khéo lợi-dụng, thời quốc-hồn Việt-nam của ta sẽ được nhờ đó mà phong-phú thêm lên, tức là cái diễm-nước Nam có cơ tái-tạo vậy.

Văn-hóa Pháp đối với tiền-đồ nước Nam
(Nam-phong tạp-chí, số 1247, tháng 2-1930).

169.— Đạo hiếu và đạo trung trong luân-lý của Khổng-giáo

Có thể nói cả cái đời luân-lý của dân-tộc Việt-nam là hun-đúc bằng đạo Khổng, nói thế không phải là nói quá vậy. Những lời huấn-dụ, những lời cách-ngôn của ông Đại Hiền-Triết vừa là Socrate vừa là Lycurgue của xã-hội giống da vàng, trong hai ngàn năm đã tiêm-nhiễm tâm-hồn người Việt-nam và đã sáp-nhập vào cái kho trí-thức của dân-chúng xứ này.

Nay luân-lý đạo Khổng không phải là một lý-thuyết bằng không mà kết-cấu ra, chính là nguồn gốc của sự thực hiện-nhiên của lẽ thường người ta, căn-cứ ở đạo *hiếu* và đạo *trung*, hiếu với trung là gốc của gia-đình, của tổ-quốc, và gia-đình với tổ-quốc là hai cái hiện-tượng hiển-nhiên, ai ai cũng phải công-nhận vậy.

Người ta là một giống ở xã-hội, Aristote thì nói là một động-vật sinh-trưởng ở xã-hội. Cái thiên-tính của người là phải ăn ở trong xã-hội, trong xã-hội những kẻ đồng-loại với mình. Cái xã-hội thứ nhất sau khi lọt lòng mẹ ra là gia-đình, căn-cứ ở máu-mủ. Xã-hội này lại thuộc một xã-hội lớn hơn căn-cứ ở đất nước, gọi là tổ-quốc. Cả « nhân-luân » là ở giữa hai cái đầu mối đó : gia-đình, tổ-quốc. Tưởng rằng cá nhân có một địa-vị gì là tưởng lầm : cá-nhân không có gì cả ; cá-nhân chỉ có địa-vị là ở trong phạm-vi gia-đình, ở trong phạm-vi tổ-quốc mà thôi.

Phàm xã-hội phải có trật-tự. Không có gì gọi là bình-dẳng cả. Auguste Comte đã nói : « Chính tạo-vật đã tổ-chức loài người theo lẽ tôn-ti sai-biệt. » Vậy thời gia-đình với quốc-gia phải có chủ : gia-trưởng là cha, quốc-trưởng là vua. Hai bậc đó bản-thể không có sai-biệt : chỉ có sai-biệt ở trật-tự mà thôi. Bổn-phận của mỗi người đối với cha là

hiếu, bốn-phận của mỗi người đối với vua là *trung*. Đó là hai mối tình-cảm thâm-trầm mà sự giáo-dục phải khai-phát ra trong lòng người, vì đó chính là nền tảng của gia-đình, tổ-quốc vậy. Không có hiếu thì không có gia-đình được, không có trung thì không có tổ-quốc được, vì gia đình với tổ-quốc không phải hai cái danh-từ trừu-tượng để nêu lên làm khẩu-hiệu mà thôi, chính là hai hiện-tượng có sinh-hoạt mà nguồn gốc là tự trong thâm-tâm người ta vậy.

Cổ-nhân ta đã có câu rằng : *Xuất mẫu hoài tiện thị hữu quân thân*, nghĩa là ở trong lòng mẹ ra đã có nghĩa vua tôi với cha con rồi.

Nghĩa đó là nghĩa tùy-thuộc, nghĩa phục-tòng cái trật-tự thiên-nhiên nó chi-phối sự sinh-hoạt của đoàn thể. Con người ta mới sinh ra đời bé-nhỏ yếu-ớt đã có ngay một hoàn-cảnh, một cái phạm-vi sẵn-sàng để đón lấy, che-chở cho, bênh-vực cho. Lý tự-nhiên là đem mình sáp-nhập vào phạm-vi đó, tùy-thuộc vào cuộc sinh-hoạt chung của đoàn-thể. Không những nghĩa phải như thế, lợi cũng khiến nên như thế. Vì cuộc sinh-hoạt chung đó vẫn đã có trước mình từ bao giờ, và sẽ còn có sau mình biết bao lâu nữa. Mình có nương tựa vào đó, có sáp-nhập vào đó, thì mới có cơ sinh-hoạt tồn-tại được, chứ không phải tự-phụ đem cái cá-tính đơn-độc của mình mà ngang-nhiên phản-đối lại được, cá-tính nọ cũng như cá-nhân kia là hão huyền không có cả.

*Công-cước chấn-chỉnh quốc-gia ở nước Pháp
và khôi-phục cồ-diễn ở nước Nam
(Nhà in Đắc-lập, Huế)*

170.— Nền luân-lý cổ của dân-tộc Việt-Nam

Thờ gia-đình, mến tổ-quốc, phụng tổ-tiên, tôn cồ-diễn những tình-cảm đó nhờ giáo-dục vun trồng, thói quen bồi-dắp, văn-chương cùng phong-tục cổ-lệ tán-dương, dần dần tạo thành cho người nước Nam một cái thần-trí vững-vàng ngay-thẳng, một cái tâm-địa chắc-chắn điều-hòa, một cái hồn-tính thiết-thực và kiện-toàn, có lẽ không được bay bổng cao-xa lắm, nhưng gặp khi quan-hệ đến vận-mệnh gia-đình tổ-quốc thì cũng có thể tận-tụy hi-sinh được. Lòng hiếu thảo trong đạo cha con, lòng tiết-nghĩa trong đạo vợ chồng, lòng trung-thành với nhà vua

là trạng-thái đặc-biệt của lòng ái-quốc người Việt-Nam, cổ lai vẫn gây nên những bực anh-hùng liệt-nữ, hoặc hiển-bách, hoặc vô-danh, hoặc tên đề chói-lọi trong sử-sách, hoặc việc chép lưu-truyền trong gia-phả, hay chỉ còn để lại cái bài-vị trong một gian miếu nhỏ nấp dưới bóng tre xanh. Lòng vị-nghĩa đó có khi siêu-việt đến bậc tuấn-tử một cách oanh-liệt. Như việc, Võ-Tánh và Ngô-Tòng Châu tuấn-tử ở thành Bình-định vậy.

Một người thời :

Chén tân-khồ nhấp ngon mùi chính-khí,

Một người thời :

Ngọn quang-minh hun mát tẩm trung-can,

Nhưng đó là những bậc anh-hùng có đóng vai quan-trọng trong lịch-sử. Ngoài những bậc đó, còn biết bao nhiêu những người nữa, và trong những người đó thiếu chi người đàn-bà, âm-thầm lặng-lặng mà can-đảm quyền-sinh để giữ tròn danh-tiết. Cho nên có câu thơ :

Khủng-khái cần vương dị,

Thung-dung tỵ nghĩa nan.

Như vậy thời cái luân-lý cổ thoát-thai ở đạo Khổng mà ra đó một phần căn-cứ ở thiên-nhiên, — là máu-mủ và đất nước, — một phần căn-cứ ở lịch-sử, — là sự kinh-lịch của đời trước, — rất là hợp-lý lắm, không có mâu-thuẫn chút nào với tư-tưởng đời nay, và rất có thể khôi-phục lại để làm cơ-sở cho sự sinh hoạt về đạo đức của dân-tộc Việt-nam này. Luân-lý ấy không phải là một lý-thuyết trừu-tượng ở trong sách cổ đầu ; những điều giảng dạy của luân-lý ấy đã thâm-nhiệm sâu-xa cả thượng-lưu cùng quần-chúng trong nước vậy. Những danh-từ dùng để chỉ các quan-niệm cốt-yếu của luân-lý đó, như : tam-cương, ngũ-thường, quân-tử, tiểu-nhân, tam-tòng, tứ-đức, v. v. . . đã thâm-nhập vào tiếng nói của bình-dân từ bao giờ đến giờ ai ai cũng hiểu rõ và ai ai cũng thường dùng vậy.

*Công-cuộc chấn-chỉnh quốc-gia ở nước Pháp
và khôi-phục cổ-diễn ở nước Nam*

TRẦN TRỌNG-KIM 陳仲金

171.— Tôn-chỉ đạo Khổng

Khổng Phu-tử ngắm cảnh-tượng của tạo-hóa mà xét việc cổ-kim, đạt được cái lẽ biến-hóa của trời đất. Ngài muốn người ta theo cái đạo ấy mà hành-động, khiến cho nhân-sự và thiên-lý cùng thích-hợp với nhau theo đạo thái-hòa trong vũ-trụ. Ngài tin rằng người ta sinh ra đã bẩm thụ cái lý-khí của trời đất, tất là cùng với trời đất có thể tương-cảm tương-ứng với nhau được. Sự tương-cảm tương-ứng ấy lúc nào cũng có, nhưng khi ta để lòng tư-dục mạnh lên, rồi chỉ dùng lý-trí mà tính toán những điều hơn-thiệt riêng của mình, thì cái tinh-thần rời loạn đi, cái trực-giác thành ra ám-muội, dẫu có cảm-ứng ta cũng không biết được. Nhưng nếu ta biết nén cái tư-dục xuống, giữ cho lúc nào cũng có cái thái-độ điều-hòa, cái bình-hành hoàn-toàn, thì cái trực-giác thành ra mãn-nhuệ, trông cái gì thấy ngay được đến phần rất sâu-xa, u-ẩn.

Giữ được cái thái-độ điều-hòa và cái bình-hành hoàn-toàn, tức là giữ được cái *trung*. Cứ ở trong cái trung ấy mà hoạt-động, mà lưu-hành theo thiên-lý, rồi cứ đôn-đốc cái tình-cảm cho thật hậu, thì tất là đến bậc *nhân*. Người nào tu-dưỡng đến bậc nhân, thì cái tinh-thần rất hoạt-động, xem xét điều gì cũng biết rõ thực hư, và sự hành-vi bao giờ cũng hợp với đạo thái-hòa của trời đất. Đã *nhân* mà lại *thành*, là bậc *thánh*. Thành là chân-thực, đúng như cái lý tự-nhiên của trời đất. Người chí-thành tức là người đã khiến mình trở nên thuần túy như cái nguyên-tính của Trời phú cho, thì tự-khác biết được hết cái tính của muôn vật và có thể giúp sự hóa-dục của trời đất mà sánh ngang với trời đất. Bởi thế cho nên mới gọi là thánh. Cái tôn-chỉ đạo Khổng rút lại chỉ có thế mà thôi. Còn những điều hiếu, nghĩa, lễ, trí, trung, tín, đều bởi đấy mà ra cả.

Cứ như ý-kiến của Khổng Phu-tử, thì vạn-vật ở trong vũ-trũ cứ biến-hóa theo lẽ điều-hòa và lẽ tương-đối mà lưu-hành mãi mãi, không lúc nào nghỉ. Thiên-đạo đã không nhất-định, thì ở đời có việc gì là việc nhất-định được. Vậy ta cứ nên tùy thời mà hành-động, miễn là lúc nào cũng giữ lấy cái thái-độ điều-hòa, cái bình-hành hoàn-toàn, thì sự hành-vi của ta bao giờ cũng được trung-chính. Làm việc gì cũng

giữ cho trung-bình, vừa phải, không thái-quá, không bất-cập, ấy là theo cái đạo trung-dung rất phải rất hay. Phu-tử đem cái tôn-chỉ ấy mà lập thành một cái đạo *nhân-sinh triết-học* là cái đạo luân-lý rất êm-ái, rất hòa-nhã, đủ là cho người ta có cái-vẻ thư-thái vui thú, không có những điều lo sợ buồn-bã.

Nho-giáo, Quyển I

(Hà-nội, Bản in Trung-Bắc tân-văn, 1930)

172.— Luân-lý của Đạo-giáo

Lòng người ta bao giờ cũng phải không-không, việc gì cũng không lấy làm thiết, chỉ nhất tâm giữ lấy được tinh, như thế là có thể gần với đạo được. Thường có bỏ hết được những cái lòng ham muốn, thì mới biết được những cái huyền-diệu của Đạo, chứ hễ còn có lòng ham muốn, thì chỉ biết được ngọn mà không biết được đến gốc. chỉ biết được những cái kết-quả ở đời, mà không biết được đến nguyên-nhân sâu-xa của muôn vật 常無欲以觀其妙, 常有欲以觀其微 (1). Nếu chỉ biết được những cái ngọn mà thôi, thì cái biết của mình có ích gì đâu vì những sắc mà mắt mình trông thấy, những tiếng mà tai mình nghe thấy, những vị mà miệng mình nếm thấy, sự vui mừng, sự ao-ước, lòng ham danh-lợi v.v... đều làm loạn cái tinh-thần của mình. Vì thế cho nên thánh-nhân chỉ lo cái bụng cho no mà thôi, chứ không cần đến những cái ảo-hình ảo-tượng làm gì.

Và lại chịu khó-nhọc làm công nọ việc kia để hao thần tổn-trí để làm gì? Có việc gì là việc được lâu dài, không? Con gió to cũng không thổi luôn được buổi sáng, trận mưa lớn cũng không suốt được cả ngày : mưa gió là việc của trời đất, mà trời đất còn không làm việc gì được lâu dài, huống chi người ta muốn làm việc lâu dài làm sao được. 爲無爲, 事無事, 味無味, 大小多少報怨以德 (2) thánh-nhân chỉ nên làm những việc không làm, lo những việc không lo, thích những việc không thích, lớn nhỏ nhiều ít cũng cho như nhau, không lấy làm hơn kém gì cả, đối với người thì lấy đức mà báo oán, nghĩa là người ta làm điều ác cho mình,

thì mình làm điều lành mà báo cho người ta, chứ không đem lòng thù-oán ai. Ta phải biết rằng: 小則得, 多則惑, 是以聖人抱一為天下或 (3) hễ người ta chỉ lưu-tâm vào ít thì được, muốn nhiều thì hỏng, cho nên thánh-nhân chỉ cốt lấy một việc là chăm-chăm về Đạo mà thôi, nghĩa là giữ yên-tĩnh trong sự vô-vi, để làm gương cho thiên-hạ, thế mà đắc-đạo...

Làm người ở đời thì bao giờ cũng nên giữ lấy ba điều làm quý: 一曰慈, 二曰儉, 三曰不敢為天下先 (4) một là từ, tức là lòng nhân-ái, hai là kiệm, tức là giản-dị không xa-xỉ; ba là không dám tranh hơn ai, tức là lòng khiêm-nhượng. Có ba điều ấy thì không có đánh nhau giết nhau, không hoang-phí, không tham danh tham lợi, ai cũng như thế cả, thì việc gì mà không thái-bình yên-trị.

Vả chăng, cạnh tranh mà làm gì, danh-lợi mà làm gì, chẳng qua ai thì cũng cần lấy sự an-nhàn sung-sướng mà thôi. Mà cái đó mình có thể tự mình tìm thấy được. Hễ mình biết tri-túc thì không việc gì mà phải bị những sự lâm-lụy khổ-sở. Đã tri-túc là đã giàu rồi 知足者富 (5); cần gì nữa phải vất-vả khó-nhọc để cho lụy đến thân...

Tóm lại mà xét, cái luân-lý của lão-tử là cốt lấy thanh-tĩnh, vô-vi. cái gì cũng để theo lẽ tự-nhiên, không có phiền-phức điều gì cả, là người mở đời được thế nào là hay thế, tự lấy thế làm sung-sướng, không tham danh-lợi. Đối với người thì không nên kết-thù kết-oán, cốt lấy lòng từ-ái mà giao-thiệp với nhau. Bất kỳ việc gì cũng lấy ơn mà trả thù. Cho cái cảnh đời là một cuộc tuần-hoàn xoay đi chuyển lại đầu đầu rồi cũng trở về cái nguyên-lý độc nhất, tức là Đạo. Sự sống sự chết cũng do cái lẽ tuần-hoàn ấy mà ra, không nên quan-tâm làm gì, cứ ung-dung tự-tiện để mặc tạo-hóa theo lẽ tự nhiên mà biến-đổi.

Cái luân-lý ấy có phần rất thanh-nhã cao-thượng, nhưng chỉ phải một điều nó khiến người ta không thiết đến cái gì cả, nó hủy mất cả cái nghị-lực, và sự cố-gắng của giống người, là hai cái yếu-điểm cho sự tiến-hóa của nhân-quần xã-hội.

Đạo giáo (Đạo Lão-lử)

(Nam-phong tạp-chí, số 67, tháng giêng 1923)

CHÚ-THÍCH.—(1) *Đạo-đức-kinh*, chương I.—(2) *Đạo-đức-kinh*, chương 63.— (3) *Đạo-đức-kinh*, chương 22.— (4) *Đạo-đức-kinh*, chương 67.— (5) *Đạo-đức-kinh*, chương 33.— (*Lời chú-thích của tác-giả*).

NGUYỄN VĂN-NGỌC 阮文玉

173.— Tư-tướng Lão, Trang trong những bài hát nói

Hầu hết các cụ xưa bó buộc với Luân-thường, giam-hãm trong Không, Mạnh, xuất thân chỉ có một đường khoa-cử, vật-lộn chỉ trong một trường sĩ-hoạn, cho nên các cụ chỉ lăn-lóc chen-nhau trong cái phạm-vi hẹp-hòi không hề để cho tâm-trí lãng-mạn sa lạc vào đâu, sợ mang tiếng rã ra ngoài vòng danh-giáo. Hết Tứ-Thư là đến Ngũ-Kinh, hết Ngũ-Kinh lại đến Tứ-Thư, ngoài chín cái quyển sách đã như là sách bói, sách ước để đi thi, để đỗ-đạt vẻ-vang, để làm nên công-hầu khanh-tướng ấy, là các cụ không muốn biết, không dư thời-giờ đọc quyển nào khác, các cụ đặt tên gọi là « sách ngoài » khác nào như đời bây giờ cho là « sách cấm » vậy. Gián hoặc có một đôi cụ siêu việt khác người, tham bác ít nhiều kinh-kệ nhà Phật, hay tiêm-nhiêm lâu ngày tư-tướng Lão, Trang thì các cụ dễ cũng không biết đem những tư-tướng khác lạ cao xa ấy mà phụ-diễn, bộc-lộ vào đâu nữa. Học chỉ còn được cái đám văn gọi là nôm-na mách-qué, văn chơi, văn đùa, những lúc trà dư, tửu hậu là còn mượn được để lấy cái có là tiêu sấu khiễn-muộn đó mà thôi. Mà những văn chơi đùa lối nôm-na ấy, còn gì dễ chơi mà vui hơn là văn nhà trò.

Cho nên ta có thể nói được rằng phần nhiều các bài Hát Nói gần xa hay ít nhiều là có chịu ảnh-hưởng của Lão, Trang, là một cách ứng-dụng của sự xem đọc Lão, Trang hay các « sách ngoài » vậy. Vì có Lão, Trang, mà nhiều bài Hát Nói mới có cái vẻ phong-lưu, cái tính phóng-khoáng, cái chí cao-xa nhẹ-nhàng, cái giọng hùng-hồn khảng-khái vượt ra hẳn ngoài khuôn phép nghiêm-nhặt của Không, Mạnh.

*Đào-nương ca. Tập I, Hát nói và Hát mượn
Việt-văn thư-xã*

(Vĩnh-hưng-long thư-quán, Hà-nội. 1932)

HOÀNG NGỌC-PHÁCH 黃玉魄

174.— Trên bãi bể Đờ-sơn

Trên mặt bể mênh-mông, bát-ngát, sóng cuộn-cuộn từng lớp đuổi nhau, chạy giòn vào bãi cát phẳng, nước tóe trắng phau-phau. Trên bãi cát dài hàng mấy nghìn thước phát-phới áo vàng, áo đỏ, áo trắng, áo xanh như bươm-bướm lượn ; trẻ con reo, tiếng sóng vỗ, ồn-ào như tiếng chợ đông người...

Đến đêm, lúc người đã vắng... phong cảnh lại càng thêm bát-ngát. Trước chỗ trời cao bể rộng, mình lại thấy mình bé nhỏ lạ thường, như gợn bụi, như mây lông, lửng-lơ không dính vào đâu cả. Trong lòng sinh ra một thứ kinh sợ, sợ cái tối vĩnh tối đại của Hóa-công. Nhưng, có một điều chúng tôi tự thấy hơn cái vô-cùng vô-cực đó, là chúng tôi có tri-giác biết Tạo-hóa là to, có tính-tình biết yêu nhau là sướng. Còn trời cao bể rộng mấy muôn ngàn vẫn troi-troi đó, ngọn sóng kia cư việc ào-ào suốt ngày nọ đến ngày kia, không biết mình là to lớn. Chúng tôi dạo quanh vài vòng trên bãi cát, rồi ngồi xuống những móm đá nổi lên ở gần bờ. Lúc đó, thủy-triều lên mạnh, chúng tôi bỏ chân xuống nước cho sóng vỗ vào, thỉnh-thoảng bị cơn sóng to đập vào đá, nước tóe bắn lên tận mặt...

Trong khi đêm khuya cảnh vắng như vậy, ở đó chỉ nghe tiếng thông reo trên bờ, tiếng sóng gầm dưới nước. Lặng ngòi mà ngắm quang-cảnh. thì thấy trong lòng sinh ra một thứ cảm-giác mơ màng như các con đồng ngòi trước điện nghe những tiếng đàn tiếng hát, ngửi những mùi hương khói trầm thì ngà-ngà say và thấy trong lòng khoan-khoái vô-hạn...

Tờ-mờ sáng hôm sau... Lúc đó cả Đờ-sơn còn đương an giấc, mặt bể phẳng-lặng, gió hiu hiu hơi gợn sóng lăn-tăn. Ngoài xa lơ-lơ những chiếc thuyền đánh cá, buồm trắng phát phơ in vào mấy rặng núi mờ xanh ở bên chân trời hung-hung đỏ. Trên bãi cát cũng phẳng-phấn chưa có một vết chân giẫm xuống : nước thủy-triều lên ban đêm đã rửa sạch những ghét rác phồn-hoa chiều hôm trước rồi.

Tố Tâm, Tâm-lý liêu-thuyết.

(Nhà in Chân-phương, Lià-u-ội, 1925)

ĐÔNG-HỒ (LÂM TẤN-PHÁC) 東湖 (林進璞)

175.— Nhớ rằm tháng hai

Non Bình-san (1) lững.lờ bóng nguyệt,
 Nước Đông-hồ (2) man mác hơi may.
 Cũng rằm năm ngoài tháng này,
 Cũng trăng, cũng nước non này năm xưa.
 Cảnh năm trước vẫn là năm trước,
 Tình năm xưa đã khác năm xưa.
 Ngày trăng, ngày núi, ngày hồ,
 Mà người cùng ngắm bây giờ là đâu ?
 Chợt nhớ thuở trăng nhô đầu núi,
 Dưới bóng trăng lủi-thủi bóng ai.
 Bóng ai tha.thuốt cành mai,
 Cảnh mai tuyết diêm, cảnh mai trắng lồng.
 Ta cùng ai thông-dong dưới nguyệt,
 Sẽ dang tay người ngọc thần-thơ.
 Hồ Đông một vũng nông sò,
 Non Bình một dãy tờ.mờ ngọn cao.
 Em mới hỏi : « Trăng sao sáng tỏ,
 Anh đáp rằng : « Trăng có đôi ta »
 Bây giờ em đã vắng xa,
 Vàng trăng cũng vẫn chưa lòa bóng gương.
 Ấy mới biết trăng thường soi tỏ,
 Mà lòng ta vẫn có với nhau.
 Màn trăng cũng vẫn một màu,
 Mà màu mai tuyết thế nào, đổi thay ?
 Khóm lau lách lung.lay trận gió,
 Khiến lòng anh nhờ chỗ năm xưa.
 Bóng ai trăng dải thướt-tha,
 Tiếng ai gió thổi gần xa đôi hồi.
 Nay vẻ tuyết chiều mai đã vắng,
 Tiếng ai còn vắng-vắng bên mình.
 Bụi hồng đã mờ mắt xanh,
 « Xa-xói ai có hay tình chẳng ai ?

Đi về những lối này năm nọ,
 Anh vắng em, anh nhớ xiết bao.
 Non Bình này vẫn cao-cao,
 Nước Hồ kia vẫn một màu xanh, xanh.
 Ngơ-ngẩn mãi với tình non nước.
 Nước cùng non đôi bức sầu treo.
 Nước non non nước diu-hiu,
 Người xưa cảnh cũ biết bao nhiêu tình t

Thơ Đông-Hồ.

(Văn-học tùng-thư. Nam-kỳ thư-quán, Hà-nội 1933)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Bình-san* : Tên một trái núi ở Hà-tiên.— (2) *Đông-hồ* : tên một cái hồ ở Hà-tiên.

176. — Phong cảnh Cửa cạn ở đảo Phú-Quốc

Cửa-cạn về mặt tây đảo Phú-quốc, về phía bắc cách Dương-đông nước ngọt mười lăm ngàn thước. Đi có hai thế, đi ghe có gió nam thì thuyền xuôi, và đi bộ dọc theo bãi cát. Hôm nay không có gió nam, đi thuyền chèo thì cũng được, nhưng sóng cồn chập-chờn lảo-đảo không quen đi biển cũng khó chịu, vậy cùng nhau bỏ thuyền lên bộ, đi cho được nhẹ-nhàng thông-thả. Vả cái thú đi chân mới sẽ phải là cái thú của khách nhàn-du, mà thú thiệt. Tôi mới được ngắm cái cảnh đẹp ở bãi biển lần này là một. Ở Hà-tiên cũng có bãi biển, nhưng không được dài rộng thênh-thang bằng ở đây; gia-dĩ ông Tạo-hóa cũng khéo tô-điểm, trong cái cảnh rừng xanh biển lục, thêm cái cảnh cỏ lạ hoa thơm. Bóng dương môn-môn, tư điều thướt-tha diên-cường trên ngọn gió; nước biển chập-chờn, làn sóng nhấp-nhô dào-dạt trên bãi cát, chạy dài hàng mấy ngàn thước thỉnh-thoảng điểm-nhiêm có cái cảnh chòm cây khóm đá trông thanh-thú lắm. Mỗi một cảnh là một bức tranh thủy-mặc con-con của các nhà danh-họa Tàu, nét bút nguệch-ngoạc khô-kỳ đơn-sơ mà thần-diệu vô-cùng. Đi hết một cái bãi cát lại phải đi lên trên ghềnh đá hay đi bên chân đồi, cho mới biết ông Tạo cũng khéo xếp-đặt. Chứ nếu trong cảnh sa-mạc mà không điểm cho cái cảnh cây cao bóng mát, để cho có lúc hăng-hấp mà đi, rồi cũng có lúc thanh-thoai mà nghỉ, thì khách lữ-hành còn biết gì là thú ..

Xóm Cửa-cạn nhà cửa dân-cư ở tụ-tập theo hai bên bờ sông. Con sông xinh làm sao! Thường đi chơi cũng gặp được nhiều cảnh sông cảnh rạch, nhưng chưa gặp được chỗ nào có cảnh đẹp bằng con sông ở Cửa-cạn này. Sông không rộng, có cầu cây bắc ngang, lối cầu chừa đoạn giữa để cho ghe thuyền qua lại. Chiều trời êm-ả, lên đứng trên cầu tựa vào lan-can mà trông, dòng nước trong như lọc, chảy từ-từ trong lòng cát trắng, hai bên bờ từng túp nhà bán-ăn bán-hiện trong khóm đước, dặng bần, cành xòa mặt nước, bóng lộn dòng sông, hoa lá đều có vẻ hàm-nhuận, có chiều xinh-xắn. Dòng sông uốn quanh ra hũu-ngạn rồi mới ra biển, có cánh cò cát chần ngang, bóng dương lơ-thơ dưới bóng trời cây bàng-lãng, trông thích quá, anh em bèn thuê chiếc thuyền chèo cùng nhau chở thuyền đi chơi phiếm. Bây giờ bóng dương đã nhạt, cây núi màu lam, vẻ trời sắc nước như có nhịp-nhàng điệu-độ với nhau, chiếc thuyền từ-từ xuôi dòng sông, quanh ra cửa biển, tiếng gió thổi vào cành cây thủy-liễu du-dương lẫn với tiếng nước reo dưới dịp khê-khieu thánh-thót, rõ vẽ ra cái cảnh:

*Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ, cuối ghềnh bắc ngang.
Trời tây bàng-lãng bóng vàng.
Một gian nước biết mây vàng chia đôi.*

Thăm đảo Phú-quốc

(Nam-phong tạp-chí số 124, tháng 12 — 1927)

THIỆU-SƠN (LÊ SĨ-QUÝ) 黎仕貴

177. — Lối văn tả-thực

Gần đây, khắp văn-học thế-giới đâu đâu cũng có cái phong-trào tả thực. Mà cái phong-trào này là nguyên-lai tự cái trí-thức của nhân-loại nó đã tiến hóa theo khoa-học tới một cái trình-độ khá cao.

Nhưng tả-thực là thế nào ?

Tả thực là đem những sự mắt thấy tai nghe cho vào văn-chương sách vở. Nhà cổ-điển chỉ tả những cái hiện-tượng đại-đồng của tâm-giới. Nhà

Nhà lãng-mạn chỉ tả những mối tình-cảm mơ-màng của thi-nhân. Còn nhà văn-học tả-thực thì chẳng chịu bỏ sót một cái gì mà không nói đến. Tâm-giới cũng tả mà ngoại-giới cũng tả. Cả những cái xưa nay người ta vẫn chê là tầm thường thô-tục không được nói vào văn-học mà nay cũng thấy họ đem làm tài-liệu cho văn-chương.

Trong phái tả-thực đã có người chịu khó trà-trộn vào những hạng lao-động thợ-thuyền, lẫn-quần ở những nơi đầu đường xó chợ, cốt để tìm-tòi học-hỏi cho biết cái sinh-hoạt của khắp các hạng người trong xã-hội. Hy-sinh vì chân-lý, khổ công cho văn-học, những đức-tính đó thật là đáng quý, đáng phục vô-cùng.

Nhưng ngoài ra ta lại thấy một cái tệ cũng rất nên đáng tiếc.

Tệ là những nhà văn tả-thực thường có ý muốn phê-trương những cái xấu hơn những cái tốt, đem cái bề trái của xã-hội mà vẽ ra hơn là đem bề mặt của nó mà tả-diễn.

Có lẽ họ cho rằng cái tốt trước đây đã có nhiều người nói đến thì cái xấu nay tới lượt họ phải trưng ra, cái bề mặt vốn bình-an vô-sự mà cái bề trái mới có lắm chuyện lý-thú ly-lý.

Đấy cũng là một cái thiên-kiến. Mà đã là thiên-kiến thì đều là có hại.

Như ý tôi thì tả-thực là nên, nhưng phải tả hết cả sự thực, chớ không nên nói cái này mà bỏ cái kia. Nhân-loại không phải chỉ có những tội phạm cấp, sát nhân, gian hùng, xảo-trá, mà cũng còn có người lương-thiện, có bậc anh hào, có kẻ phong-lưu hảo-hán, có đẳng nghĩa-hiệp trượng-phu.

Tả đủ sự thực, tức là cách-vật trí tri. Ta có thể coi đấy mà biết rõ được nhân-tình thế-thái, gần ra thì ở cái xã-hội của ta, xa ra thì ở cái phong tục xứ người, mà cốt nhất là biết được cái bản-sắc của nhân-loại.

Cái bản-sắc của nhân-loại (le fond humain), chính là cái có trực-tiếp quan-hệ đến ta.

Nhân-loại vốn đại-đồng mà tiểu-dị, thì nhân sinh đều nên hiểu biết lẫn nhau. Người cao-thượng, khách phàm lưu, kẻ giai-nhân đài các, tội đàng-diếm chơi-bời, nhất thiết đều là những người trong nhân-loại thì nhất-thiết đều có chút ít giống ta.

Ta là người tầm-thường mà ta cũng có chút ít cao-thượng Ta là kẻ lương-thiện mà ta cũng có đôi cái yếu hèn, vì ta là người trong nhân-loại mà cái bản-sắc của nhân-loại là phức-tạp ly-kỳ như vậy đó.

Nhà văn-sĩ có tài là người hay diễn-tả được cái bản-sắc đó ra cho ta coi đến mà biết người, biết mình, biết cái phần cao thượng của nhân-loại mà cảm phục, biết những chỗ yếu hèn của nhân-loại mà xót-thương, biết những cái cảm-giác đó mà phát-sinh những tư-tưởng thâm-trầm về cái nhân-sinh triết-học.

Phê-bình và cáo-luận

(Văn-học tùng-thư.— Nhà xuất-bản Nam-kỳ, Hà-nội, 1933)

THẾ-LŨ (NGUYỄN THỨ-LỄ) 阮 旭 禮

178.— Cây đàn muôn điệu

Tôi là người bộ-hành phiêu-lãng,
 Đường trần gian xuôi ngược để vui chơi ;
 Tìm cảm giác hay trong tiếng khóc, câu cười,
 Trong lúc gian-lao, trong giờ sung-sướng,
 Khi phấn-đấu cũng như hồi mơ-tưởng.
 Tôi yêu đời cùng với cảnh lâm-than,
 Cảnh thương-tâm, ghé góm, hay dụ-dàng,
 Cảnh rực-rỡ, ái-ân hay dữ-dội.
 Anh dù bảo : tỉnh-tỉnh tôi hay đời,
 Không chuyên-tâm, không chủ-nghĩa : nhưng cần chi ?
 Tôi chỉ là một khách tình-si,
 Ham vẽ Đẹp có muôn hình, muôn thể.
 Mượn lấy bút nàng Ly-Tao, tôi vẽ,
 Và mượn cây đàn ngàn phím, tôi ca,
 Vẽ Đẹp ú-trầm, dăm-đuối hay ngậy-thợ,
 Cũng như vẽ Đẹp cao siêu, hùng-tráng,
 Của non-nước, của thi-văn, tư-tưởng
 Dáng yêu-kiêu tha-thướt khách giai-nhân ;
 Ánh tung-bùng linh-hoạt nắng trời xuân ;

Vẻ sầu muộn âm-thầm ngày mưa gió ;
 Cảnh vĩ-đại sóng nghiêng-trời, thác ngàn đổ,
 Nét mong-manh, thấp thoáng cánh hoa bay ;
 Cảnh cơ-hàn nơi nước đọng bùn lầy ;
 Thù sát-lạ mơ-hồ trong ảo-mộng ;
 Chí hăng-hái ganh đua đòi náo động :
 Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê.
 Tôi sẵn lòng đau vì tiếng ai bi,
 Và cảm khái bởi những lời hăng-hái.
 Tôi ngợi-ca với tiếng lòng phẫn-khởi,
 Tôi thở than cùng thiêu-nữ băng-khuàng,
 Tôi véo von theo tiếng sáo lưng chừng,
 Tôi yên-ủi với tiếng chuông huyền diệu,
 Với Nàng-thơ, tôi có đàn muôn điệu,
 Với Nàng-thơ, tôi có bút muôn màu ;
 Tôi muốn làm nhà nghệ-sĩ nhiệm màu ;
 Lấy Thanh Sắc trần-gian làm tài liệu.

Mấy vần thơ, Tập Mới

(Hà-nội, nhà xuất-bản Đồi Nây, 1941)

179. — Câu chuyện trên tàu thủy

Tôi biết một kẻ cấp rất giỏi, tên là Hai Nhiều, người Ninh-bình. Bác ta rất thông-minh, thiệp-nhã, lại « quân-tử » nữa. Quân tử trong phùngng kẻ cấp — cố-nhiên. Không bao giờ bác thèm lấy của người nghèo, cũng không hay lấy của ai mấy khi. Ăn cấp đối với bác không phải là một nghề kiếm cơm, đó chỉ là một cách giải-trí của tay chơi hay có thể nói là một.. « nghệ-thuật ». Bởi thế việc lấy cấp càng khó càng nguy hiểm, Hai Nhiều càng thích, Bác ta khi đã « nhằm » món nào, tất món ấy phải lắm tiền, mà đã cố ý lấy tất không bao giờ hụt..

Hồi ấy Hai Nhiều đang trở tài nghệ trong mấy sòng bạc ở Hải-phòng. Bác ta thí-nghiệm ngón khôn khéo trên túi ai là các túi ấy sẽ phải rỗng. Nhưng bác lại có tính máu mê, được đồng nào của con bạc thì lại nường cho nhà cái hết. Đang lúc lập một mưu « chưa xuất bản » để ăn to, bỗng có tin nhà ra báo cho biết rằng vợ Hai Nhiều ốm nặng.

Là ăn cắp, nhưng cũng là chông tốt, bác Hai Nhiều phải đến vay tạm tôi dăm đồng để về thuốc thang cho vợ. Rồi ngay chiều hôm đó đi tàu thủy xuôi Nam (1). Xuống đến tàu, công việc thứ nhất của bác là xem xét mọi nơi : Bác ta mong gặp được cái may có thể giúp mình được ít tiền nữa. Nhưng hành khách tuy đông mà không người nào có « máu mặt ». Phần nhiều là hạng người buôn bán, túi tiền không xứng đáng với tài-hoa của bác ; hay những người phu mỏ ốm dở trở về... Bác thông thả đến ghé ngồi bên mép chiếu ở gần buồng máy, uể-oải mượn cái điều cây rít một hơi, rồi ngả lưng dựa vào cái cột sắt ngủ gà ngủ gật cho đến khi trong tàu lên đèn.

Bỗng những tiếng ồn-ào gần đó nổi lên. Anh chàng mở độc một mắt ra coi rồi lại nhắm lại. Nhưng tiếng ồn-ào lại thành tiếng quát mắng lẫn tiếng van-lơn. Bác khó chịu, phải mở cả hai mắt ra thì thấy người mại-bán đang xía-xói một người nhà quê thiếu tiền tàu và nhất định đuổi người ta xuống. Hai Nhiều bức mình quá, đứng lên can-thiệp, thì người nhà quê kia lạy lạy để, vừa nhăn vừa kêu :

« Bẩm ông, con về Nam, nhưng thiếu mất một hào. Con nói với chú ấy cho chịu đến khi lên bến, con vay con trả, mà chú ấy không nghe ».

Tên khách thì cứ luôn mồm.

« Cái lạy ti tàu, không có tiền thì ti làm gì ? Không ! Cái lạy phải xuống tây, không có lời-thời »... Rồi hăm-hở toan tóm lấy ngực người đàn ông kia lôi đi.

Sự bất-bình liền sôi trong máu Hai Nhiều. Bác ta chợt thấy mình là người anh hùng kê cả, liền gạt anh khách ra, rút tờ giấy bạc quảng vào mặt nó, hách-dịch nói :

« Bán một cái vé về Nam-định, giữ lấy một hào của người này nữa rồi trả lại tiền ».

Tên Khách đưa vé xong vừa lẩm bẩm quay đi thì Hai Nhiều lại giữ vai kéo hẳn lại :

« Từ nay phải nhā-nhận với khách đi tàu chút nữa, nghe không ? »

Nói đoạn, bác ta về chỗ cũ ngồi, làm bộ không thèm để ý đến những câu trầm-trở khen-ngợi của mọi người gần đó.

Người nhà quê thì cảm ơn đi, cảm ơn lại, đưa cái điều cày mời Hai Nhiều hút và xin miếng trầu của một bà ngồi bên cạnh mời Hai Nhiều ăn. Lại đem nông nổi làm ăn vất-vả kể với Hai Nhiều để che sự hổ-thẹn thiếu-tiền tàu lúc nãy. Lúc Hai Nhiều thoát được những lời tử-tế thái-quá ấy thì người nhà quê lại đem cái lồng gà (2) đến bên như ý gửi mình coi hộ, rồi đi ra đằng lái tàu...

Đợi mãi người nhà quê không trở lại, Hai Nhiều ngảnh nhìn bốn phía thì thấy người ấy nằm ngay cạnh đó, đã ngủ một giấc bình-yên ! Bác ta bĩu môi bật ra một tiếng cười khe rồi cũng dẹp chỗ ngủ nốt.

Sáng hôm sau thức dậy, Hai Nhiều quên việc tối hôm vừa qua. Tàu tới Nam-định, bác ta vừa bước lên bến thì người nhà quê, tay xách cái lồng gà rỗng, đã đứng chờ đó và mời bác lên xơi với hấn một chén nước cảm ơn.

« Đến đây thì chúng tôi đã có nhiều người quen, chúng tôi sẽ trả lại số tiền ông cho giật hôm qua với lại xin ông để chúng tôi đền đáp lại ông một chút ».

Hai Nhiều nóng về Ninh-bình ngay, nhưng từ chối thế nào, người nhà quê cũng không nghe.

« Chả mấy khi gặp người tử-tế như ông, nếu ông không cho tôi được trả ơn, thì tôi ân-hận mãi... Nào, mời ông, xin ông đừng từ-chối, phụ lòng tôi. »

Thấy vẻ chân-thực của người nhà quê và biết không khi nào họ để cho mình đi ngay, Hai Nhiều phải ưng theo vậy.

Người nhà quê mừng rỡ :

« Thế thì quý-hóa quá ! Chúng tôi chẳng dám phiền giữ ông lâu... »

— Nào có gì mà bác phải bày vẽ ra...

— Không, nếu không có ông thì hôm qua chúng tôi bị rầy-rà lắm.

Câu lễ-phép đi, câu lễ-phép hơn đáp lại ; cứ thế đến chừng năm phút, khi hai người bước tới hàng cơm gần đó thì câu chuyện kết-luận bằng một câu không lễ-phép mấy, nhưng nghe cũng vui tai :

« Bà hàng đầu, làm cho tôi một mâm rượu thực ngon ấy nhé, mà làm mau lên, ông quý-khách của tôi vội. »

Hai Nhiều ngạc-nhiên, bụng bảo dạ :

« Có lẽ nào một người đi tàu thiếu tiền mà lại dám tiêu rộng-rãi đến thế, hay là họ lại định nhờ khéo mình thêm một bữa cơm nữa đây ? »

Nhưng thấy bà hàng ra chừng quen thuộc người nhà quê, nên Nhiều ta cũng yên bụng. Uống xong bát nước, người nhà quê bỗng gọi bảo một người nhà quê khác đứng chờ đó, đưa cho hắn cái lồng đựng gói mo và hai cái nôi đất :

« Chú Ba về làng trước, đưa cái này cho bu nó cất đi, tôi còn bận chút, xong về ngay. »

Rồi quay lại bảo Hai Nhiều :

« Nào bây giờ mời ông vào hàng, xơi với tôi chút cơm rồi tôi lại xin tiễn ông lên đường không dám giữ. »

Cơm rượu xong, thấy người nhà quê mở hầu-bao ra chỉ tiền cơm, Hai Nhiều không hiểu ra sao, toan hỏi nhưng sợ bất tiện. Đến lúc đưa chân ra ga, người kia lại nhất-dịnh nài lấy vé cho mình, Hai Nhiều lại càng kinh-ngạc. Người nhà quê thấy vậy mỉm cười và thông-thả nói :

« Thưa ông, ông lấy làm lạ cũng phải. Nhưng việc thiếu tiền hôm qua, chỉ là một mẹo đó thôi. Tàu *Chấn-linh* này có tiếng là lắm kẻ cắp. Chúng tôi có tiền mang theo mà không làm thế, thì giữ sao được ?

— Vâng, nhưng tôi thấy ông chỉ mang có hai, ba đồng thì tội gì phải thế ?

— Nếu hai, ba đồng thì cất đâu chẳng được. Đây tôi lại dòn một món tiền lớn về để mua cái phó-lý cho tôi, lo cưới vợ cho thằng cháu, lo khao, lo vọng...

— Ồ thế ra...

— Vâng, tôi về chuyện này đem những ngót năm trăm bạc mà để kẻ cắp biết, thì tôi có khi cũng không về được tới nhà.

— Nhưng... ông giắt trong mình thì...

— Chết ! Giắt trong mình nguy-hiểm lắm. Tôi phải bỏ vào một cái nôi đất trong cái lồng chú nó đem về ban nãy đó. »

Rồi vừa cười người nhà quê vừa tiếp :

« Cái lồng gà với mấy cái nôi, mà lại của một anh nhà quê không có lấy một hào để trả tiền tàu... ông tính, còn kẻ cấp nào để ý đến nữa. Nếu tôi không nghĩ đến kẻ ấy thì ngủ yên sao được... mà nếu không làm thế thì sao tôi được gặp người quý-hóa như ông. »

Bên đường thiên lồi

(Hà-nội, Nhà xuất-bản Đời Nay).

CHÚ-THÍCH.— (1) *Nam*: tức là tỉnh Nam-định.— (2) *Cái lồng gà*: thành-lý của người nhà quê ấy chỉ có một cái lồng gà rỗng trong có một gói mo với hai cái nôi đất.

KHÁI-HÙNG (TRẦN KHÁNH-GIU) 陳慶餘

180 — Anh phải sống

Hai vợ chồng bắt đầu đưa thuyền ra giữa dòng, chồng lái, vợ bơi. Cỗ chèo lại với sức nước, chèo cho mũi thuyền quay về phía thượng-du, nhưng thuyền vẫn bị trôi phăng xuống phía dưới, khi nhô khi chìm. Khi ẩn khi hiện trên làn nước phù-sa, như chiếc lá tre khô nổi trong vũng máu, như con muỗi mất chết đuối trong nghìn son.

Nhưng nửa giờ sau, thuyền cũng tới được giữa dòng. Chồng giữ ghè lái, vợ vớt củi.

Chẳng bao lâu thuyền đã gần đầy, và vợ chồng sắp sửa quay trở vào bờ, thì trời đổ mưa... Rồi chớp-nhoáng như xé mây đen, rồi sấm sét như trời long đất lở.

Chiếc thuyền nan nhỏ, đầy nước, nặng trĩu. Hai người cố bơi, nhưng vẫn bị sức nước kéo phăng đi...

Bỗng hai tiếng kêu cùng một lúc :

— Giời ôi !

Thuyền đã chìm. Những khúc củi vớt được đã nhập bọn cũ và lạnh-lung trôi đi, lồi theo cả chiếc thuyền nan lật sấp...

Chồng hỏi vợ :

— Mình liệu bơi được đến bờ không ?

Vợ quả-quýt :

— Được ! !

— Theo dòng nước mà bơi.. Gối lên sóng!

— Được! Mặc em!

Mưa vẫn to, sấm chớp vẫn dữ. Hai người tưởng mình sống trong vực sâu thăm. Một lúc sau, Thức thấy vợ đã đuối sức, liền bơi lại gần hỏi:

— Thế nào?

— Được! Mặc em!

Vợ vừa nói buông lời thì cái đầu chìm lìm. Cố hết sức bình-sinh, nâng lại mới ngoi lên mặt nước. Chồng vội-vàng đến cứu. Rồi một tay xốc vợ một tay bơi. Vợ mỉm cười, âu-yếm nhìn chồng. Chồng cũng mỉm cười. Một lúc, Thức kêu:

— Mỏi lắm rồi, mình vịn vào tôi, để tôi bơi! Tôi không xốc nổi được mình nữa.

Mấy phút sau, chồng nghe chừng càng mỏi, hai cánh tay rã-rời. Vợ khẽ hỏi:

— Có bơi được nữa không?

— Không biết. Nhưng một mình thì chắc được.

— Em buông ra cho mình vào nhé?

Chồng cười:

— Không! Cùng chết cả.

Một lát — một lát nhưng Lạc coi lâu bằng một ngày, — chồng lại hỏi:

— Lạc ơi? Liệu có cỡ bơi được nữa không?

— Không?... Sao!

— Không. Thôi đành chết cả đôi.

Bỗng Lạc run run khẽ nói:

— Thằng Bò! Cái Nhón! Cái Bé!... Không?... Anh phải sống!

Thức bỗng nhẹ hẫng đi. Cái vật nặng không thấy bám vào mình nữa. Thì ra Lạc nghĩ đến con đã lẳng-lặng buông tay ra để chìm xuống đáy sông, cho chồng đủ sức bơi vào bờ.



Đèn điện sáng rực suốt bờ sông. Gió đã im, sông đã lặng. Một người đàn ông bế một đứa con trai ngồi khóc. Hai đứa con gái nhỏ đứng bên

cảnh Đó là gia-đình bác phó Thức ra bờ sông từ-biệt lần cuối cùng linh-hồn kẻ đã hy-sinh vì lòng thương con.

Trong cảnh bao-la, nước sông vẫn lãnh-đạm chảy xuôi dòng.

trong *Anh phải sống*

(Hà-nội, Nhà xuất-bản Đồi Nây, 1937)

181.— Cảnh chùa Long-giáng ở Bắc-ninh

Hai người (1) đứng lại ngắm chùa. Lung-chùng một trái đồi cao, mấy nóc nhà rêu mốc chen lẫn trong đám cây rậm-rịt, bốn góc gác chuông vượt lên trên từng lá xanh um.

— Chùa đẹp quá, chú nhỉ ?

— Vâng, Long-giáng là một danh-lam thắng-cảnh ở vùng Bắc. Cụ tôi thường thuật cho tôi nghe rằng chùa này dựng lên từ đời Lý Nhân-Tôn (2). Trước chỉ là một cái am nhỏ lợp gianh, sau vì có một bà công-chúa đến xin nương nhờ cửa Phật, nên nhà vua mới cho sửa-sang nguy-nga như thế. Câu chuyện thụ-pháp của công-chúa thực tỏ ra rằng phép Phật huyền-diệu biết bao.

— Chú làm ơn kể lại cho tôi nghe có được không ?

— Vâng, tôi xin thuật hầu ông nghe những lời cụ tôi đã kể. Chắc ông cũng biết đức Thái-Tổ nhà Lý (3), khi còn hàn-vi, nhờ đạo Phật rất nhiều, nên lúc ngài lên ngôi rồi, ngài dốc lòng chăm-chỉ sửa-sang các chùa chiền. Đến đức Nhân-Tôn vì bận việc chinh phục Chiêm-thành và chống-chọi với nước Tà nên trễ nải đạo Phật.

« Ngọc-hoàng thượng-đế như muốn giúp nhà vua tỉnh ngộ, liền cho một nàng tiên-nga giáng-thế đầu thai, tức là Văn-khôi công-chúa. Công-chúa nhan-sắc diễm-lệ một thời, nhưng khi lớn lên chẳng tưởng gì đến việc trần-duyên, chỉ ngày đêm học đạo tu-hành. Sau vì nhà vua cố ý kén phò-mã, công-chúa liền đương dậm lên bước trốn đi, nhờ có các thần-tiên đưa đường tới nơi này thụ pháp đức Cao-huyền hòa-thượng.

« Về sau có thám-tử báo tin, đức vua mấy phen cho quan quân đến chùa đón công-chúa về triều. Công-chúa nhất định không nghe. Nhà vua nổi

giận truyền quan quân phóng hỏa đốt chùa. Ngọn lửa vừa nhóm, bỗng một con rồng vàng hiện lên phun nước tắt ngay. Vì thế chùa này mới lấy tên Long-giáng từ thuở ấy. Nhà vua nghe tin cả sợ. Từ đó ngài dốc lòng tin theo phép màu-nhiệm của đức Thích-già mâu-ni và lập tức cho sửa-sang chùa để công-chúa ở lại tu-hành. Chùa này vì thế bắt đầu trùng-tu từ thời ấy, đã bao phen tu-bổ lại nhưng kiểu chùa vẫn y-nghuyên như cũ.

Phía tây, sau dãy đồi cỏ biếc, sắc trời đỏ ửng, lấp-loáng qua các khe đám lá xanh đen. Mái chùa rêu phong đã lẫn màu cùng đất, cùng cây, cùng cỏ. Khoảnh-khắc, mấy bức tường và mấy cái cột gạch quét vôi chỉ còn lò-mờ in hình trong cảnh nhuộm đồng một màu tím thẫm.

Trong làn không-khí yên-tĩnh, êm-dềm, tiếng chuông thông-thả ngân-nga như đem mùi thiền làm tăng vẻ đẹp cảnh thiên-nhiên. Lá cây rung động, ngọn khói thướt-tha, bông lúa sệt-soạt, như cảm tiếng gọi của Mâu-ni muốn theo về nơi hư-không tịch-mịch.

Hồn bướm mơ tiên

(Hà-nội, Nhà xuất bản Đời Nay)

CHÚ-THÍCH.— (1) Hai người : Ngọc, cháu sư cụ chùa Long-giáng và một chú tiểu ở chùa ấy.— (2) *Lý Nhân-Tôn* : trị vì từ năm 1072 đến năm 1127,— (3) *Lý Thái-Tổ* : trị vì từ năm 1009 đến năm 1028.

NGUYỄN-LÂN 阮麟

182. — Ra đồng làm việc

Gà vừa gáy sáng, trời mới rạng đông, vàng ô đỏ ối cánh đồng, sương mù che phủ mênh-mông một vùng.

Trong một làng kia thuộc tỉnh Hưng-yên, đã rộn-rịp ồn-ào, mẹ gọi con, vợ gọi chồng, người nào việc ấy : kẻ vo gạo thổi cơm, người sắp gàu tát nước

Tuy đạo ấy cày cấy đã xong, lúa đương con gái, nhưng cũng còn phải tát nước, đắp bờ, nghiệp nhà nông quanh năm cặm-cui, ít khi nhàn rỗi thanh-thoi,

Cơm nước vừa xong, ai nấy kéo ra đồng ; ở nhà chỉ còn những bực già-nua tuổi-tác, suốt ngày đan võng, bện thừng cùng trông nom trẻ nhỏ.

Trên con đường từ cổng làng ra, hai bên cỏ mọc, giữa tro đất thịt gồ ghề, kẻ cuốc người gàu, lữ-lượt ra đồng làm việc. Bọn đàn ông quần nâu xắn đến gối, một vuông khăn bịt đầu, thắt nút ra trước trán, miệng còn ngậm tām, vừa đi vừa chuyện vừa cười.

Bọn đàn bà áo vải mốc, xống nhuộm bùn, khăn ba-ga chít mô quạ, miệng nhai giầu bóm-bẻm, thỉnh-thoảng lại cười rử lên, nhe hai hàm răng đen nhưng nhưc như hạt na vậy. Mọi người đều tươi cười vui-vẻ, hình như không ai cho làm việc là khổ-sở, là khó chịu cả...

Trông xa đồng ruộng mênh-mông, một màu xanh ngắt ; sương mù dần-dần tan, trời đất dần-dần sáng rõ ; cỏ vệ đường lóng-lánh móc sương, trông tựa hồ hàng muôn nghìn hạt kim-cương vậy.

Cây cối nhờ khí lạnh ban đêm trông tươi mơn-mởn. Trong những bụi rười, bụi tre, chim sê chim sâu bay nhây, kêu lép-nhép. Trên những cành đa, cành đề, kìa con sáo hót, con gáy gù : cảnh-tượng thực là ngoạn-mục !

Cậu bé nhà quê

(Hà-nội, Nhà in Thanh-niên)

PHỤ CHƯƠNG

TRẦN-ĐẾ QUÍ-KHOÁCH

183.— Bài văn tế ông Nguyễn-Biểu

Than rằng : sinh sinh, hóa hóa, cơ huyền-tạo mờ mờ : sắc sắc, không không, bụi hồng-trần phơi phơi.

Bất cộng thù, thiên địa chứng cho, vô cùng hận, quỷ thần thề với.

Nhớ thuở Tiên-sinh, cao dơ mạo (mũ) trãi (1), chăm chăm ở ngôi đài-gián (2), dành làm cột đá đề ngăn dòng ; tới khi Tiên-sinh xa gác vó câu, hăm hăm chỉ cần cờ mao, bỗng trở gió vàng bèn nên nổi.

Thói tình-chiên (3) Hồ-tặc chĩnh-hãm (4) ; gan thiết thạch Tô-công dễ đổi.

Quan Văn-Trường gặp Lữ-Mong, dễ sa cơ ấy, mắng thấy chữ « phệ tề hà cập (5) » dạ những ngùi ngùi ; Lưu Huyền-Đức giận Lục-Tốn mong giã thù này, nghĩ đến câu « thường đảm (6) bắt vong » lòng thêm dội dội.

Sầu kia khôn lấp cạn dòng ; thảm nợ dễ xây nên núi.

Lấy chi báo chưng hậu đức, rượu Kim-tương (7) một lọ, với với mượn chúc ba tuần ; lấy chi ủy thừa phương hồn (8), văn dụ-tế mấy câu, thăm thăm ngõ thông chín suối.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Trãi* 豸 : mũ ông Ngự-sử.— (2) *Đài-gián* 臺諫 : quan Ngự-sử.— (3) *Tình chiên* 猩羶 : con khỉ, con chồn.— (4) *Hãm* : dọa.— (5) *Phệ tề hà cập* 噬臍何及 : ăn năn hối lỗi.— (6) *Thường đảm* 嘗膽 : nếm mật, ý nói khổ tâm mong trả thù.— (7) *Kim tương* 金漿 : rượu quý.— (8) *Ủy thừa phương hồn* 慰其芳魂 : an ủi hồn thơm của người ấy.

HOÀNG SĨ-KHẢI (VĨNH-KIỀU HẦU)

184. — Mùa thu

Chon vọn một đỉnh vọng phu,
Trời thu mấy trượng, bề thu mấy trùng.

Tiết thu trung, đã về quá nửa,
 Nguyệt một vùng, sáng sủa mười phần ;
 Rì-rì năm mọc đầy sân.
 Lầu cao mấy trượng đòi lần gấm phong.
 Một bầu nòng ba nghìn thế-giới.
 Cung Quảng-hàn bóng mới lòe ra :
 Lâu-lâu chẳng bám chút nhơ,
 Bốn bề bằng một, ai ngờ rằng dèm.
 Gió cung thềm mây hơi thoảng đến.
 Lạ khúc nghê (1) uyển chuyển (2) Hăng-Nga
 Long-thành thấy đã truyền ngoa,
 Xanh kia mấy trượng, dễ hòa khá lên.
 Dưới lẫn trên làn băng vắng-vặc.
 Cùng xanh-xanh một thức tày nhau ;
 Dù không điễm-nhạn thuyền câu,
 Hay dầu là nước, hay dầu là trời.
 Khói hơi hơi ngàn lau lác-đác,
 Non ba cần cỏ ác cùng bay ;
 Thu bao ảo-nảo người thay,
 Đã chuông quán bắc lại chày thành nam.

(Trích trong « Từ thời khúc »)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Khúc nghê* : khúc Nghê thường, khúc hát của tiên trên cung giáng.— (2) *Uyển chuyển* : du-dương, tiếng khi cao khi thấp.

NGUYỄN BÁ-LÂN

(Người tỉnh Sơn-tây, đỗ tiến-sĩ năm 1731, làm quan đến thượng-thư).

185.— Trương-Lương

Trương Lưu-hầu : ngao cực (1) gây thiêng, hồ-tĩnh (2) cấu sáng. Vắng-vặc mi thanh mục tử, kỳ-sĩ phong-tư, nhơn nhơn thức viễn tải cao, nho-gia khí-tượng. Y-bát (3) noi một dấu thi thư, chung đỉnh rồi năm đời khanh tướng...

Một tấm vải (4) dọc ngang trong tám cõi, đủ phiu-pha ơn Hàn nợ Hàn ; ba tấc lưới đưa đón ngoại năm năm, bề vện về thù Tần oán Hạng. Sánh từ trên như Trọng-Liên, Phạm-Lãi

còn thua ; so dở xuống dấu Lý-Tĩnh Khổng-Minh chưa đáng. Vị đế-sur (5) mà cao-sĩ, ngoại-vật (6) vẫn còn trong lý, nghìn thu chữ thắm chưa rời phai ; nền nho-gia mà danh-thần, chẳng tiên nhưng cũng khác trần, muôn kiếp bia danh còn để sáng...

CHÚ-THÍCH.— (1) Ngao cực (鰲極) điển bà Nữ-Oa em gái vua Phục-Hi cất 4 chân con ngao (giống rùa bễ) để lập ra tứ-cực (phương giới xa nhất).— (2) Cấu 構 : kết lại làm ra.— (3) Y bát 衣鉢 : áo cà-sa, đồ đựng cơm của nhà phật chuyển lại cho tin đồ, ý nói về sư thầy chuyển đạo cho trò.— (4) Một tâm vãi : một thân.— (5) Đế sur : thầy vua.— (6) Ngoại vật : không dính dáng với đời.

LÊ QUÍ-ĐÔN

186.— Kinh nghĩa

ĐẦU BÀI :

Mày về nhà chồng, phải kính phải răn, chớ trái lời chồng (chữ kính Lễ : vâng chi như gia, tất kính tất giết, vô-oi phu-tử).

BÀI LÀM :

(*Câu phá*).— Khuyên con giữ đạo làm dâu, bà già nghĩ đã đến lắm vậy.

(*Câu thừa*).— Phù (1) con đại cái mang (2), lẽ xưa nay vốn thế. Khuyên con phải kính trọng chồng, há chẳng phải đạo làm ru?

(*Khởi giảng*).— Mẹ đưa con ra cửa, ý nghĩ rằng : trong phối định (3) ba giường đạo cả (4), thực là muôn hóa (5) chi theo ra ; mà hôn-nhân hai họ giao vui, há để một lời chi trách đến.

(*Câu lĩnh mạch*) — Mẹ đưa con ra, mẹ càng nghĩ lắm, con ạ !

(*Khai giảng về trên*).— Con, con mẹ, mà dâu, dâu người vậy ! Hoặc lời ẩn nói chi ra tuồng, tức lạnh đồn xa, dữ đồn xa, ai bảo rằng con chi còn nhỏ.

(*Khai-giảng về dưới*).— Dâu, dâu người, mà con, con mẹ vậy ! Hoặc trong cửa trong nhà chi có chuyện, tức yêu nên tốt, ghét nên xấu, rồi ra trách mẹ chi không răn.

(*Câu hoàn-đề*).— Về nhà chồng phải kính phải răn, chớ trái lời chồng, con nhé !

(*Trung-cổ về trên*).— Lúc ở nhà nhờ mẹ nhờ cha, về nhà chồng, nhờ chồng nhờ con, nhé ! Khôn chẳng qua lễ, khỏe chẳng qua lời, chớ bắt chước người đời xô chân lỗ mũi chi lằng nhằng. Nhủ này con, nhủ này con : đi đến nơi, về đến chốn, việc nhà việc cửa cho siêng năng ; hỏi thì nói, gọi thì thưa, thờ mẹ thờ cha cho phải lễ. Kính lấy đấy ! răn lấy đấy ! Liệu học ăn, học nói, học gói, học mở ; khi anh nó hoặc ra xô-xát chi lời, cũng tươi, cũng đẹp, cũng vui cười, chớ như ai học thói nhà ma, mà hoặc con cả con kẻ chi kẻ-lẽ.

(*Trung-cổ về dưới*).— Lúc ở nhà là mẹ là con, về nhà chồng là dâu là con, nhé ! Khôn cho người gái (6), đại cho người thương, chớ bắt chước người thế mặc áo qua đầu chi khùng khỉnh. Nghe chưa con ? Nghe chưa con ? Ăn có nơi, nằm có chốn, lời ăn nết ở cho ra tuồng ; gọi thì dạ, bảo thì vâng, thờ mẹ thờ cha cho phải đạo. Kính vậy thay ! Răn vậy thay ! Chớ cậy khôn, cậy khéo, cậy duyên, cậy tài ; khi anh nó hoặc nổi bằng bằng chi sắc, thì lạy, thì van, thì lễ phép, đừng học chi những tuồng dĩ-thỏa mà hoặc dầy mớ rẽ mái (7) chi lời thói.

(*Hậu-cổ về trên*).— Đời có kẻ xem chồng như dưa ăn, dưa ở, thậm đến điều mày tớ chi khinh. Chẳng biết rằng : ngu si cũng thế chồng ta, dẫu rằng khôn khéo cũng ra chồng người. Chẳng suy chẳng nghĩ, lại ra điều cả vú lấp miệng em (8), sao chẳng biết xấu chàng hồ ai chi lý ! Mẹ khuyên con giữ đạo cương thường, khôn hèn cũng chịu, hay dỏ cũng đành, chớ hoặc sinh vênh-vênh chi môi ; khi anh nó quá giận sinh xằng, mẹ con ắt phải mắc bèo trôi (9) chi tiếng.

(*Hậu-cổ về dưới*).— Đời có kẻ giận chồng mà đánh con đánh cái, thậm đến điều mày tao chi quá. Chẳng biết rằng : khôn ngoan cũng thế đàn bà, tuy rằng vụng đại cũng là đàn ông. Bạ ăn bạ nói, lại ra điều múa diu qua mắt thợ (10), sao

chẳng biết già đôn non nhẽ chi cơ ? Mẹ khuyên con giữ nếp thảo-hiền, vọt roi cũng chịu, yêu đương cũng nhờ, chớ hoặc lộ sầm sầm chi mặt, khi anh nó nói dai thêm chuyện, cha con ắt phải mang vớ (11) cộc chi cười.

(*Kết cở*).— Con ơi, nhập gia tùy tục (12), mẹ nhủ cho đạo vợ chi thường ; xuất giá tòng phu, con phải giữ nhà chồng chi phép.

(*Thúc đê*).— Thôi mẹ về.

CHÚ-THÍCH.— (1) Òi.— (2) Mẹ mang tiếng.— (3) Vợ chồng kết duyên do giới định.— (4) Là tam cương : vua tôi, cha con, vợ chồng.— (5) Đầu các sự sinh hóa.— (6) Giải : nễ.— (7) Mãi cũng là mây : lời thối rút dây nọ động dây kia.— (8) To họng cãi bừa.— (9) Tục ngữ ; mẹ vợ như bèo trôi sông : ý nói khinh miệt.— (10) Khoe khéo, khoe tài.— (11) Tục ngữ : bố vợ là vớ cộc chèo : ý nói không coi ra gì.— (12) Theo thói nhà ấy.

187.— Văn sách

CÂU HỎI

Vấn : Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bõ công trang-điễm má hồng răng đen.

Truyện rằng : « chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ ».

Kim khảo (1) : « Dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm ». Tăng kiến (2) ư thiên vạn nữ-nhi chi nghị ; bất tri hà sở thủ ư anh đồ, nhi quyền luyện nhược thị (3) dư ?

Thi vị (4) trần chi, dĩ quan xuân-hoài tinh-tự.

BÀI LÀM

Em nghe rằng : sen ngó đào tơ, may gặp hội hôn-nhân chi phải lừa ; chả chim cơm trắng, vẫn là mong giải-cầu (5) chi tốt đời ; chọn mặt gửi vàng, dẫu ý ai cũng vậy.

N y vàng lời sách hỏi mà lược bày ra.

Trộm nghĩ rằng : rồng bay còn đợi đám mây, bản binh tước (6) phải đợi tay anh hùng. Lấy chúng em chi má đỏ hồng hồng.

răng đen nhưng-nhức, chẳng những muốn có tú, di nho chi dự, vẫn là mong chồng loan, vợ phụng chi chung tình. Nếu mà củ đậu cành mai, thì công trang-diễm chẳng hoài lăm ru ? Vậy nên sớm gửi tờ duyên, ai là chẳng ngọc đá vàng thau chi lựa lọc.

Nay xét phương ngôn, chị em bạn gái nói chuyện rằng :

— « Chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ ».

Ý trộm nghĩ rằng : Ngọc còn đợi giá, vàng chẳng lộn thau. Cây gỗ lim chìm, quyết chẳng nở mang làm cọc giậu, hoa đào tươi tốt, hẳn không đem bán cho lái buôn. Cam đường với quả quít hời, cũng cần nhắc ba đồng một, một đồng đôi chi giá.

Thử ngó coi : ruộng sâu ao cả, chàng nông kia chi trọc phú (7) những khoe giàu, song Vương-Khải, Thạch-Sùng đã từng đấu phú (8), rồi cũng giương mắt ếch u của đời người thế chi thu.

Nghiên ruộng bút cây, anh đồ nọ chi đa văn (9) không ngại khó ; kia Mãi-Thần, Mông-Chính có lẽ trắng bần (10), rồi cũng bồng cánh hồng u bĩ cực thái lai chi hội.

Nòng nhì sĩ nhất, lẽ ấy đã rành.

Vả : chân lấm tay bùn, chàng nông nãi vũ-phu chi cực. kịch, lấy yếm thấm giải đào chi tha thuột, giá thể mà mang bầu xách lọ, sao cho cam hạt ngọc để ngâu vầy.

Miệng thêu dạ gấm (11), anh đồ là quân tử chi dụ-dàng, lấy môi son má phấn chi nhỡn-nhờ, giá thể mà sửa túi nâng khăn, thì mới đáng cảnh ngộ cho phụng đậu.

Vậy có thơ rằng :

Dẫu có bạc vàng trăm vạn lạng,
Chẳng bằng kinh sử một vài pho.

Lại có thơ rằng :

Gươm trời chi để tay phàm tuốt,
Búa nguyệt (12) sao cho đũa tục mài.

Vả : tiếng tăm con gái, nét na học trò, nên em nghĩ duyên em, em nghĩ tình em, lại tưởng đến anh đồ chi sự-nghiệp : Đền xanh một ngọn, án tuyết ân-cần ; quyền vàng mây pho, cửa huỳnh (13) giống-giả.

Còn trong trần-lụy, anh đồ là vị vũ chi giao-long, may khoa thi mà kim-bảng (14) đề danh, tức hôm nọ chi hàn nho, mà hôm nay đã bảng-nhơn (15), thám-hoa chi dài các, em phỏng có duyên ưa lá thắm, thì trước voi anh, sau vồng thiếp, cũng thỏa đời ư vồng lọng chi nghênh-ngang.

Đương thuở hàn vi, anh đồ là tại sơn chi hồ báo, gặp vận thái mà thanh-vân đắc-lộ, tức bữa tè chi tiện-sĩ, mà bữa ni đã thượng-thư, dò-đốc chi phong-phú ; em phỏng như phận đẹp chỉ hồng, thì anh quan cả thiếp hầu bà, cũng sương kiếp ư ngựa xe chi đủng-dĩnh !

Huống chi : kinh sử lâu thông, anh đồ chi tài học, đã sẵn tay kinh-tế ; tuy có dài lưng tổn vải, bấy giờ đã đai vàng áo gấm chi bảnh-bao.

Tài năng rất mực, anh đồ chi duyên-phận, gặp được lúc long vân ; tuy có ăn nó lại nằm, bấy giờ cơm chùa vồng đào chi chềnh.chện.

Gương trời vắng-vặc, sáng soi nhà vàng gác tía chi linh-lung.

Lộc nước miên-miên, súc-tích gấm cuốn vàng cân chi ban-cấp.

Như thế thì : chồng quan sang, vợ hầu đẹp, ai chẳng khen nhất thế chi thần tiên. Danh phận cả, bổng lộc nhiều, thế mới thỏa tam-sinh chi hương-hỏa. Khởi vô sở thủ ư anh đồ tai (16) ?

Vậy nên : yếm trắng nước hồ, vả đi vả lại, chỉ mong anh nho-sĩ chi yêu-đương. Miệng ong lưỡi én, uốn ngược uốn xuôi, cũng mặc giọng thế gian chi mai-mĩa.

Em nay : tuổi mới giăng tròn, tiết vừa hoa nở ; vâng lời sách hỏi, giải hết niềm đơn (17).

Em cần thưa.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Kim khảo* 今 攷 : nay xét ra.— (2) *Tằng kiến* 曾 見 : từng thấy.— (3) *Nhược thị* : như thế.— (4) *Thí vị... tinh tự* : thử bày tỏ tinh-tự nhớ xuân.— (5) *Giải cẩu* : gặp gỡ tình duyên.— (6) *Bán bình trước* : vẽ ba con chim sẻ vào bình phong đánh số tượng trưng ba cô gái, ba cậu rể bán được con nào theo số lấy cò ấy (Điền xuất Đương-Cao-Tổ).— (7) *Trọc phú* : giàu mà bần.— (8) *Đấu phú* : đua giàu.— (9) *Đa văn* : nhiều chữ.— (10) *Tràng bần* : nghèo mãi.— (11) *Cầm tâm tú khẩu* : nói văn hay như thêu như gấm.— (12) *Búa nguyệt* : cái búa hình trăng lưỡi liềm.— (13) *Huỳnh* : dom dóm.— (14) *Kim bảng* : bảng vàng.— (15) *Bảng nhỡn* : đồ thứ hai. Thâm hoa : đồ thứ ba (Thi đình).— (16) *Nhẽ đầu anh đồ không có điều gì hay, đáng khen ư?*— (17) *Niêm đơn* : lòng đỏ (niêm là lòng, đơn là son).

NGUYỄN HUY-HỔ

Ông Nguyễn Huy-Hổ tục là Nhâm, hiệu Liên-Pha, tự: Cách-Như. Ông sinh năm Cảnh-Hưng thứ 44 (1783), kém cụ Nguyễn Du 18 tuổi. Ông là con thứ cụ Nguyễn Huy-Tự và bà vợ kế Nguyễn thị-Đài. Cụ Nguyễn Du là chú. Ông là cháu cụ thám-hoa Oánh và cháu ngoại cụ Nghè Nguyễn-Khản.

188.— Mai-Đình Mộng-Ký

I.— Nhập đề

Trăm năm là kiếp ở đời,
 Vòng trần này dễ mấy người trăm năm.
 Cuộc phù sinh (1) có bao lăm;
 Nỡ qua ngày bạc (2) mà lăm tuổi xanh.
 Duyên tở-ngộ (3), hội công danh,
 Là hai, với nghĩa chung tình là ba.
 Đều là đường cái người ta,
 Là cầu noi đó ai qua mới từng.
Tình duyên hai chữ nhắc bằng,
 Há rằng duyên chương há rằng tình si.
 Chuyện xưa còn có sá chi,
 Đem thanh vui chén muốn ghi nổi mình.
 Cho hay là giống có tình,
 Chiêm bao lần-quất năm canh lần lần.

II,— Cuộc xem đèn ở Phù-Thạch

Nhớ xưa năm Ty, tháng Dần,
 Thường xuân vừa gặp giữa tuần tròn trăng.
 Thăng du tiện nẻo quan đăng,
 Trông vời non liễu, băng chừng dặm hoa.
 Trông hòm xuân nhuộm màu da,
 Con mưa rửa tuyết, trận hà (4) cuốn mây.
 Chim về xao xác lá cây,
 Rừng đông đã thấy tròn xoay bóng thiềm.
 Lửa đầu thấp thoáng trong rèm,
 Khi đưa hương xạ, khi đem khói tùng.
 Đá đầu lấp-ló giữa giòng,
 Như bay hoa sóng, như chông gương nga.
 Thành đầu xây lấp yên hà.
 Bình non nền cũ, cán cờ bụi sương.
 Đèn đầu lẳng dẫu khói hương,
 Bề reo công trước vàng tượng mái tàu.
 Làn theo ngọn nước lâu lâu,
 Gió lay chiếc cọc, thuyền mau lưới chài.
 Trong gương ai cảm cảnh mai ?
 Dưới mây ai ném một vài lưu-tinh ? (5)
 Phồn-hoa nổi án thị thành,
 Này Phù-thạch phố (6) là danh lịch-triều.
 Thú phong-lưu cũng ít nhiều,
 Đèn chong vẽ tổ, lò thiêu bụi trần.
 Vững doi trái mấy xây vắn,
 Dập diu còn đó với xuân dễ nào.
 Thảo mà cánh điệp lá đào,
 Đi về Vu, Giáp (7) ra vào Vũ-Lăng.
 Một trời hoa cỏ làng làng,
 Mơ màng mưa Sở gió Đàng đầu đây.
 Chiều xuân chúc chén vơi đầy,
 Thử xem người tỉnh, người say mới là.

III.— Thuyền ngược dòng sông Lâm

Dã men vừa sánh giọng trà,
 Nhà lan treo tháp, doanh La xuống thuyền.
 Gió xuân rút cánh buồm duyên,
 Thiều quang chín chục vắn yên một chèo.
 Bến tinh nhẹ nhỏ con neo,
 Đầu mai yển vắn (8) mạn chèo oanh đưa.
 Thanh thời bầu rượu túi thơ,
 Ngón đàn khiêu hứng, nước cờ giải mê.
 Nào nùng vượn suối hoa khe,
 Vội người đường có vả về chữ tình.
 Phong quang tám bức vén tranh,
 Bình non mượn khảm gương doanh lét tờ.
 Bến Nam liễu bá con đò,
 Mảnh mây viễn phố (9) cánh cò hàn sa (10)
 Ngân đông khói lẫn lạc-hà,
 Giọt mưa cổ thụ tiếng gà cô thôn.
 Vó câu pha gió nhẹ bon,
 Bên lầu thử hỏi hoàng hôn địch nào ?
 Trời tây bóng hạc non sào,
 Đường rêu khách quạnh ruổi vào Thiên-thai,
 Nọ xem góc bể bên trời,
 Một xuân biết mấy mươi nơi đập-diu.
 Đòi cơn giốc-mục (11) ca tiều (12)
 Căn hôm (13) mấy cán tơ chiều (14) nửa manh,
 Thanh thời gió mát trăng thanh,
 Này đầm Đồng-lại, này ghềnh Bàn-khê.
 Mảng vui sào cây mái phê,
 Doanh ngân bóng thỏ đã xè ngang đầu,
 Nài xuân chén những kèo mau.
 Tương duyên kỳ-ngộ, ngâm câu Vị-dương.
 Này này quế trạo lan tương (15)
 Vĩ đưa Xích-bích chi nhường Đông-Pha.

Mộng đến Mai-Đình

Say sưa đòi thú lán la,
 Giang thành đã gióng canh gà (16) sang tư.
 Giấc hòe (17) thiếp thiếp lán mơ,
 Trong mơ mộng thấy tinh cờ lạ sao.
 Trông mình lạc lối nguồn Đào,
 Khi ra Đông-khẩu khi vào Bồng-Doanh.
 Đòi nơi chim lá hoa cành (18)
 Đường chiều đón rước như tinh rủ rê.
 Mấy chòm len lối sơn-khê,
 Dòng ngăn thú dật (19) vách che bụi trần.
 Ruồi quanh hoa kính (20) lần-lần,
 Cảnh tiên riêng để tay thần mở mang.
 Bầu trời ử chiếm thanh-quang,
 Nẻo xa trông tỏ mấy trang lão tùng.
 Dưới tùng có gác Nghêh-phong (21)
 Cách chừng những tưởng phạm cung Bảo-đài.
 Bãng chừng dạo bước tới nơi,
 Tường sau nghìn gốc thảo mai quanh thành.
 Biển dâu nét tạc rành rành,
 Đề ba chữ : « Thuởng mai đình » vàng tương (22).

Thiếu nữ đề thơ

Trong đình bốn báu (23) sẵn-sàng,
 Cánh mây mới thảo ngòi sương chữa rời;
 Xồng mai chợt động bóng người,
 Về lan vừa chán vội rời gót sen.
 Rẽ ngang về mái tây hiên,
 Cành dao khuất bóng xiêm tiên lẫn màu.
 Ít nhiều cụm thực (24), trời dẫu
 Hương thừa còn phảng-phất đầu trước đình.
 Vẻ sao ngọc chuốt giá thanh,
 Bút thần đồ vẽ nên tranh truyền-thần !
 Giá sao báu Triệu châu Tần,
 Người sao so dưới cõi trần chưa ai !

Thực âu sắc nước hương trời,
 Chẳng dòng thần-nữ cũng vời tiên cung.
 Nguyên phong đồng tỏa trùng trùng,
 Khách thơ luống những mơ màng hồn thơ,
 Biết đâu nước đợi non chờ,
 Chúa xuân sao khéo hững hờ cho đang.
 Bao tình lẫn thắm giọt Tương,
 Thần-thờ ngọn khói cành sương một mình.
 Lên vào kẻ trước Côn-đình,
 Vách mai còn dán rành rành tiên mai.

*Lúa ngọc cùng ai đó ?
 Trăng kia với khách này
 Một cành xuân đã sớm
 Mấy đóa tuyết nào bay.
 Vẻ sạch mưa càng dãi,
 Lông thơm gió nữa lay,
 Bướm ông đừng thốc mách;
 Cho hái có đường tay.*

Họa thơ thưởng mai

Từ cao cách lạ tốt vời,
 Quần thoa hiếm nhĩ nầy tài Âu, Tô.
 Nữ trung được mấy này ru !
 Song mai (25) biết mấy công phu tập rèn.
 Câu thần chữ thánh người tiên,
 Hay đâu rồi chẳng phỉ nguyên trăm năm.
 Phím hoàng đợi khách tri-âm,
 Nèn treo cân Lệ, ai cầm giá Côn,
 Nghĩ mình giống ruồi nước non,
 Niềm kinh-quốc (26), nổi hương-thôn bấy chầy,
 Đoái chi bướm lũ, ong bầy,
 Đàn Tao (27) nào mấy đua tay cầm vè,
 Dù chẳng con Tào khất khe,
 Thì chi cánh điệp còn mê với tình.
 Trót đà tới Mẫu-đơn đình,
 Thơm chẳng cũng bẻ một cành làm duyên.

Tục điều (28) gắng bộ vắn tiên,
 Liễu-trì trước lá, hoa tiên thế nào ?
 Ngồi dao vừa rảo luật Đào,
 Vời vắn thơ trước sắp vào một phong :

*Dao trì in vẻ ngọc
 Đúc lại lá tiên này
 Nả gió hoa vừa náu,
 Này hương nguyệt muốn bay.
 Chiếc đình còn phảng-phất,
 Cái bướm bỗng thay lay
 Chẳng những xuân kia chọn,
 Thần tiên cũng chấp tay.*

Người tiên dấu cách mấy trùng,
 Dấu tiên càng phi thi đồng chặt chiu.
 Bông dung trắng dật gió diu,
 Làm sao lui tới cho đeo đẳng này.
 Cuộc mê càng mãi miệt thay,
 Dập dờn chiếc bóng, chạy vạy trót giờ.
 Một đình một khách thần thơ,
 Thôi thăm thì hỏi, lại mơ mẩn chờ,

Đạo bước tìm người

Hiển dẫu kéo dây hoa đào,
 Đành liều quả quyết bước vào thử xem.
 Thướt tha tơ liễu buông rèm,
 Trà non uốn điệu, dương mềm khoe tươi.
 Nhụy xuân đón gió như cười,
 Chòm thanh, khóm dật khác vời chân du.
 Cỏ cây có đá lô xô,
 Có lầu túc điều, có hồ du ngư.

CHÚ-THÍCH.— (1) Phù sinh 浮生 Đời sống trôi nổi.—(2) Bạch nhật 白日 : sáng rõ—(3) Tế ngộ 際遇 : Gặp gỡ.—(4) Hà霞 : giáng.—(5) Lưu tinh 流星 : sao đỗi ngôi.—(6) Phù thạch phổ 浮石浦 : Bến Phù thạch.—(7) Vu giáp 巫峡 : vua Sở Tương vương gặp thần nữ ở Vu-son.—(8) Yến vân : chim yến hát.—(9) Viễn phổ 遠浦 : bến xa.—(10) Hàn sa 寒沙 : cát lạnh.—(11) Dốc mục : mục đồng thổi tù và.—(12) Ca tiêu : tiêu phu hát.—(13) Càn hóm : Càn câu buổi tối.—(14) Tơ chiều : áo tơ mặc buổi chiều

— (15) Quế trạo lan tương 桂棹蘭漿 : Chèo quế sào lan.— (16) Canh gà : gà gáy sang canh.— (17) Nằm dưới cây hòe chiêm bao.— (18) Lũ lơi : chỉ nghênh, diệp tống 枝迎葉送.— (19) Dật viễn : Nhân-hạ.— (20) Hoa kinh 花經 : Đường giồng hoa.— (21) Nghênh phong 迎風 : Hóng gió,— (22) Tương 鏡 : gắn vào, thiếp vàng— (23) Nghiên, bút, giấy, mực, văn phòng tứ bảo (文房四寶).— (24) Cây thực được.— (25) Cửa sổ có cây mai.— (26) Kinh-đô.— (27) Đàn tao : tao đàn, nơi làm thơ.— (28) Điều là loài cáo ; nói nhún như ta nói « nổi đuôi ».

PHAN HUY-VỊNH

Ông Phan Huy-Vịnh 潘輝泳 tên chữ là Hàm-Phủ 涵甫 người Thụy-Khuê, huyện Yên-Sơn tỉnh Sơn-tây, ông thi đỗ Cử-Nhân năm Minh-Mệnh thứ chín (1828) đến năm Tự-Đức thứ 23 (1870) ông trí-sĩ thi mất, hưởng thọ 71 tuổi, ông là con ông Phan-huy-Thực cháu ông Phan-huy-Ích.

189.— Tỳ-bà hành diên nôm (1)

Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu, lau lách đìu-hiu.

Người xuống ngựa, khách dừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ti,
Say những luống ngại khi chia rẽ,
Nước mênh-mông đượm vẻ gương trong.
Đàn ai nghe vắng bên sông,
Chủ khuấy-khỏa lại, khách dùng-dặng xuôi.
Tìm tiếng sẽ hỏi ai đàn tá?
Dừng đây tợ, nấn-ná làm tỉnh.

Rời thuyền ghé lại thăm tình,
Chong đèn, thêm rượu, còn dành tiệc vui.
Mời mọc mãi, thấy người bỡ ngỡ,
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa.

Vận đàn mấy tiếng dạo qua,
Dấu chưa nên khúc, tình đã thoảng hay.
Nghe não-nuột mấy dây buồn-bực,
Dường than-niềm tâm-tức bấy lâu ;

Máy chau tay gảy khúc sầu,
Dãi-bay hết nổi trước sau muôn vàn.
Ngón buông, bắt khoan-khoan diu-dặt
Trước Nghê-thường, (1) sau thoát Lục-yêu (2) ;

Dây to nhường đồ mưa rào,
 Nỉ-non dây nhỏ khác nào truyện riêng.
 Tiếng cao thấp lựa chen lẫn gậy,
 Mâm ngọc đấu bỗng nảy hạt châu (3).
 Trong hoa oanh riu-rit nhau,
 Nước tuôn róc-rách, chảy mau xuống ghềnh.
 Nước suối lạnh, dây mảnh ngừng đứt.
 Ngừng đứt nên phút bật tiếng tơ ;
 Ôm sàu, mang giận ngẩn-ngờ,
 Tiếng tơ lặng ngắt, bấy giờ càng hay.
 Binh bạc vỡ tuôn đầy dòng nước (4),
 Ngựa sắt giong, xô-xát tiếng đao ;
 Cung đàn trợn khúc thanh-tao,
 Tiếng buông xé lựa, lựa vào bốn dây,
 Thuyền mây lá đông tây lặng-ngắt,
 Một vầng trăng trong vắt lòng sông ;
 Ngâm-ngùi đàn bát xếp xong,
 Áo xiêm khép-nếp hầu mong dải nhời.
 Rằng : « Xưa vốn là người kẻ chợ,
 Cồn Hà-mô trú ở lân-la ;
 Học đàn từ thuở mười ba,
 Giáo-phương đệ-nhất chỉ đà chép tên,
 Gã thiện-tài sợ phen dừng khúc,
 Ắ Thu-nương ghen lúc điểm-tờ ;
 Ngũ-lãng, chàng trẻ ganh đua,
 Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn,
 Vành lược bạc gậy tan dịp gỡ,
 Bức quần hồng hoen ố rượu roi ;
 Năm năm lần lữa vui cười,
 Mãi trắng hoa chẳng đoái-hoài xuân-thu.
 Buồn em chảy (5) lại lo di thác,
 Sầu hôm mai đổi khác hình-dung ;
 Cửa ngoài xe ngựa vắng không,
 Thân già mới kết duyên cùng khách thương.
 Khách trọng lợi khinh đường ly-cách,
 Mãi buồn chè sớm tếch nguồn khơi ;

Thuyền không, đậu bến mặc ai,
 Quanh thuyền trắng dải, nước trôi lạnh lùng.
 Đêm khuya, sự nhớ vòng tuổi trẻ,
 Chợt mơ-màng dòng lệ đỏ hoe;
 Nghe đàn ta đã trạnh buồn,
 Lại rầu nghe nổi ni-nơn mấy nhời.
 « Cùng một lửa bên trời lặn-đạn,
 Gặp-gỡ nhau lọ sẵn quen nhau;
 Từ xa kinh-khuyết (6) bấy lâu,
 Tâm-dương đất trích (7) gởi sầu hóm mai.
 Chốn cùng tịch lấy ai vui thích,
 Tai chẳng nghe đàn địch cả năm,
 Sống Bồn gần chốn cát lằm,
 Lau vàng, trúc vố, âm-thần, quanh hiên.
 Tiếng chi đó nghe liền sớm tối:
 Cuộc kêu sầu, vượn hót véo-von:
 Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
 Lăn lăn tay chước chén son ngáp ngừng.
 Há chẳng có ca rừng, địch nội (8)?
 Giọng liu-lo, buồn nổi khó nghe;
 Tỳ-bà nghe đạo canh khuya,
 Đường như tiên nhạc gần kề bên tái.
 Hãy ngồi lại gảy chơi khúc nữa,
 Sẽ vì nàng sửa-soạn bài ca »;
 Đứng lâu dựng cảm nhời ta,
 Lại ngồi lựa phím đàn đã kịp đây.
 Nghe nảo nuốt khác tay đàn trước,
 Khấp tiệp hoa tuôn nước lệ rơi;
 Lệ ai chan-chứa hơn người?
 Giang-châu Tư-mã (9) đượm mùi áo xanh.

CHÚ-THÍCH.— (1) Tỳ-bà Hành bản chữ của Bạch Cư Dị.— (2) Tên hai khúc nhạc tiên.— (3) Tiếng đàn sang-sảng như hạt châu gieo xuống mâm ngọc.— (4) Tiếng đàn rào rào như nước ở bình-bạc vỡ tóe ra.— (5) Chảy: đi lính.— (6) Cung-quyết nhà vua.— (7) Trích 摘: đi đây.— (8) Chốn thôn quê.— (9) Tác-giả bài này, trước làm Tư-mã ở Giang-châu.

TRẦN TẾ-XƯƠNG

Hát nói

190.— Đánh tổ tôm

Bực chằng nhẽ anh hùng khi vị ngộ (1),
 Như lúc đen chơi cuộc tổ tôm (2),
 Bài trạm thành cuối cánh phồng âm âm,
 Ngồi thoi chằng bực quân rác rảnh.
 Cũng có lúc không chi thi bát.sách,
 Cũng có khi bạch-định bực yêu-hồng;
 Cất bài lên ông-lão vẫn lẫn vòng,
 Không đâu cả gặp kẻ năm bảy phồng.
 Cũng có vắn tôm lèo lên chờ rộng,
 Vờ phải thẳng bạch-thủ phồng tay trên.
 Gớm ghê thay đen thực là đen!
 Sắc như mác cũng thua thẳng vắn đỏ.
 May mắn nhẽ hữu duyên năng tài-ngộ,
 Bĩ cực rồi đến độ thái lai;
 Tiếng tam.khôi chi để nhường ai,
 Hết bạch lại hồng, thông mãi mãi.
 Nào những kẻ tay trên ban nãy,
 Đến bây giờ thay.thấy dưới tay ta;
 Tiếng bài cao lừng-lẫy khắp gần xa,
 Bát-vạn ấy người ta ai dám dọa.
 Thế mới biết tổ.tôm có đen thì có đỏ.
 Thì anh hùng vị-ngộ có lo chi;
 Trước sau, sau trước làm gì?

CHÚ-THÍCH.— (1) *Vị-ngộ*: chữa gặp thời.— (2) *Tổ tôm*: bởi hai chữ tụ-tam (hợp ba quân thành một phu); Bài lá có 120 quân chia ra hàng sách, hàng vắn, hàng vắn.

BA-GIAI

191.— Chính khí ca

Quan Tòng-đốc Hoàng-Diệu tuần.lữ.
 Một cơn gió thảm mưa sầu,
 Đúc nung gan sắt, giải.giàu lòng son;

Chữ trung đã rắp vòng tròn,
 Quyết đem gởi cái tàn-hồn (1) cỏ cây,
 Trời cao, bề rộng, đất dày,
 Núi nùng, sông Nhị, chốn này làm ghi !
 Thương ôi ! trong buổi lưu-ly,
 Tắc (2) riêng ai cũng thương vì người trung.
 Rủ nhau tiền góp của chung,
 Đưa người ra táng ở thung (3) học-đường,
 Thiết-tha nhẽ ! ngăn ngõ nhường !
 Tả-toi thành-quách, tời-tàn vật nhân,
 Ngán thay cho cái phong-trần !
 Tiếc thay cho kẻ trung-thần lăm thay !

.....
 Vì ai nên nổi nước này ?

Để người danh-tiết biết ngày nào quên ?
 Dải Nhị-hà, cõi giang-biên,
 Trăm năm tiêu-cốt để nghìn người coi.
 Họ Hoàng tổng-đốc là ai ?
 Anh-hùng khảng-khái vốn người cõi Nam.
 Ngồi thành Hà-nội mấy năm,
 Một phương cõi Bắc ngựa trông thế nào !

CHÚ-THÍCH.— (1) Tàn hồn 殘魂 : Hồn đã tàn.— (2) Tắc riêng :
 òng riêng (bởi từ ngữ : thốn tâm : tắc lòng).— (3) Thung : Khoảng đất.

NỮ TÚ-TÀI (1)

192.—Nàng Phi-Nga, nữ tú tài

Họ Vân có nữ tú-tài,
 Con quan tham-tướng tuổi vừa xuân-xanh.
 Vả thêm quốc-sắc, khuynh-thành,
 Đã hay nghề ngựa, lại lành nghề cung.
 Chân thiếu-nữ giá anh-hùng,
 Trọng phu mấy kẻ địch cùng kém xa.

Đặt tên là ả Phi-Nga,
 Huyền-đường sớm vắng, còn nhà nghiêm-quân (2).
 Tống.triều đại.chấn tư-văn (3)
 Nho-phong thì thắng (4), vũ-quyền thì khinh,
 Phi-Nga có ý cậy mình,
 Quyết lòng nấu sủ sôi kinh theo thì.
 Quần chân áo chít cài khuy,
 Giả hình làm dạng nam-nhi học hành,
 Cải tên hiệu gọi Tuấn-Khanh.
 Lay cha rồi mới khởi trình tông sư.
 Đêm ngày luyện tập thi thư,
 Phong-tư chênh-chện, ngôn từ khoan-dung.
 Bạn cùng Ngụy-Soạn, Tử-Trung,
 Đua nhau trận bút, vầy-vùng kinh còn.
 Một phen cá vượt Vũ-môn (5),
 Ba chàng cùng chiếm khôi-nguyên tú-tài.
 Tiếng đồn rậy khắp vang trời,
 Kẻ xin sửa túi, người nài nâng khăn,
 Bướm rờn ong rạo tìm x.ân,
 Ai hay rằng kẻ nho-nhân nữ-tài.

Vô danh.

CHÚ-THÍCH.—(1) *Tú-tài* : (tú là đẹp tốt, tài là giỏi) Giỏi giang anh tài.—(2) *Nghiêm quân* : bố.—(3) *Đại chấn tư văn* : 大振斯文 : Phát triển nền văn học.—(4) *Thắng* : Trọng.—(5) *Vũ-môn* : Tên một khúc núi ở miền thượng-du sông Trường-giang nước Tàu, chân núi có cái vực sâu, tục truyền đến mùa thu, cá đến đó thì nhảy, con nào vượt qua được Vũ-môn thì hóa ra rồng. Điền này dùng để ví học-trò thi.

MỤC-LỤC

<u>Số bài</u>	<u>Ca-dao</u>	<u>Số trang</u>
1.—	Súc-sắc súc sê.	3
2.—	Thăng Bờm	3
3.—	Ru con.	4
4.—	Chèo dò	4
5.—	Chặt củi	4
6.—	Mẹ dạy con gái.	5
7.—	Chồng khuyên vợ	5
8.—	Vợ khuyên chồng.	6
9.—	Thói hay chế giễu	6
10.—	Thói ham danh lợi	6
11.—	Cảnh chồng con	6
12.—	Tình cảnh người nhà quê	7
13.—	Việc làm ruộng	8
14.—	Ba mươi sáu phố ở Hà-nội	8
15.—	Con trai ngổ ý với con gái	9
16.—	Con gái ngổ ý với con trai	9
17.—	Tiệc sự biết nhau quá chậm.	10
18.—	Trách sự sai lời nguyện-trước	10
19.—	Nổi ly biệt	10
20.—	Bài hát đố.	10

Các tác-phẩm vô-danh

	Trê, cóc	12
21.—	Trê, cóc sinh sự kiện nhau	12
22.—	Nhái-bén khuyên bảo cóc cái	14
	Phan, Trần	16
23.—	Nổi buồn của Kiều-Liên khi ở chùa	17
24.—	Phan-sinh gặp Diệu-thường lần đầu.	18
25.—	Phan-sinh và Kiều-Liên nhận nhau	19
	Quan-âm Thị-Kính	21
26.—	Thị-Kính mắc tiếng oan giết chồng.	22
27.—	Thị-kính vào tu ở chùa Vân-Tự.	21
	Bích-câu kỳ-ngộ	27
28.—	Tú Uyên mắc bệnh tương-tư	28
29.—	Giáng-Kiều xin kết duyên cùng Tú-Uyên	29

Nhị độ mai	30
30.— Mai-công đến mừng lễ thọ Lư Kỳ	32
31.— Hạnh-Nguyên trăm mình	34
32.— Nhân nguyệt vấn đáp	36
Bàn nữ thân	39
33.— Chỉ vì nổi nghèo.. . . .	39
Lục súc tranh công	41
34.— Trâu kẻ công trạng mình	41

Các tác-giả

TÁC-GIẢ ĐỜI TRẦN.

35.— Vua dụ Vương Tường dâng cho chúa Thuyền-Vu.	43
36.— Vương Tường vào bái-yết Hán-vương	43

HỒ HUYỀN-QUY.

Trình-thử	44
37.— Chuột đục lấy lời lẽ ngọt-ngào quyến rũ chuột bạch.	45
38.— Hồ-sinh khuyên rắn chuột cái	47

TRẦN-ĐẾ QUÍ-KHOÁCH,

39.— Tặng Nguyễn Biều	48
---------------------------------	----

NGUYỄN BIỀU.

40.— Bài họa lại.	49
---------------------------	----

NGUYỄN-TRÃI (1380-1442)

Gia huấn ca

41.— Phép dạy con.	49
42.— Việc nội-trợ	50

LÊ THÁNH-TÔN (1442-1491)

43.— Người ăn mày.	52
44.— Con chó đá.	52

THƠ NÔM ĐỜI HỒNG-ĐỨC (1470-1497)

45.— Nguyệt.	53
46.— Canh một	53
47.— Hạ thử.	53
48.— Lãng mẩu tổng sứ-giã	54

NGÔ CHI-LAN.

49.— Thơ tứ-thời	54
----------------------------	----

NGUYỄN-HĂNG.

50.— Vui cảnh ăn-dật	55
--------------------------------	----

NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM (1491 — 1585)

- 51.— Vui cảnh nhàn 57
 52.— Cảnh nhàn lúc tuổi già 57
 53.— Nhân-tình thế-thái 58
 54.— Dĩ hòa vi quý 58
 55.— Mùa thu đi chơi thuyền 58

ĐOÀN-THỊ-ĐIỀM

Chinh-phụ ngâm 59

- 56.— Nỗi khó-nhọc, nguy-hiểm của người chồng 59
 57.— Nỗi trông đợi 61

NGUYỄN-CỬ-TRINH (1716 — 1767)

- 58.— **Sãi vãi** 63

NGUYỄN-BÁ-LÂN (1701 — 1785)

- 59.— **Ngã ba Hạc-phú** 66

TRỊNH-SÂM (1742 — 1782)

- 60.— Chơi động Hương-tích 68
 61.— Tây-hồ tức cảnh 68

NGUYỄN-HỮU-CHÍNH (?-1787)

- 62.— Than thân 69
 63.— Tự biết mình 70

NGUYỄN-HUY-TỰ (1743-1790) VÀ NGUYỄN-THIỆN (1763-1818)

Hoa tiên 70

- 64.— Lương-sinh và Dương Dao-Tiên gặp nhau 71
 65.— Lương-sinh từ-biệt Dương Dao-Tiên về thăm quê nhà 73
 66.— Lương-sinh trở lại nhà Dương Dao-Tiên 75
 67.— Cuộc trùng-phùng của Lương-sinh và Dương Dao-Tiên 77

ÔN-NHƯ HẦU NGUYỄN-GIA-THIỆU (1741 — 1798)

Cung oán ngâm khúc 80

- 68.— Lúc được nhà vua yêu mến 80
 69.— Sau khi bị nhà vua chán bỏ 82

NGUYỄN-HUY-LƯỢNG

- 70.— **Tụng Tây-hồ phú** (trích một đoạn) 84
 PHẠM-THÁI (1777 — 1813)

- 71.— Tự trào 90

- 72.— **Chiến tụng Tây-hồ phú** (trích một đoạn) 90

HOÀNG-QUANG

- 73.— **Hoài nam khúc** (trích một đoạn) 95

LÊ-NGỌC-HÂN

- 74.— **Khóc vua Quang-trung** (trích một đoạn) 98

ĐẶNG-ĐỨC-SIÊU

- 75.— Văn-tế Phò-mã Chương hậu quân Vũ-Tính và
Lê-bộ thượng-thư Ngô-Tùng-Châu 100
ĐẶNG-TRẦN-THƯỜNG (1759 — 1813)
- 76.— Hàn Vương-Tôn phú (trích một đoạn) 103
PHẠM-QUÝ-THÍCH (1760 — 1825)
- 77.— Tổng vịnh truyện Kiều 106
NGUYỄN-DU (1765 — 1820)
Kim vân-Kiều 107
- 78.— Đạm-Tiên ứng mộng cho Kiều 108
- 79.— Tú-bà dỡ Kiều 111
- 80.— Kiều gặp Thúc-sinh 112
- 81.— Từ-Hải sai quân về đón Kiều 114
- 82.— Kiều khuyên Từ-Hải hàng 116
- 83.— Kiều gây đàn 118
- 84.— Kiều nhớ nhà 122
HỒ-XUÂN-HƯƠNG
- 85.— Bánh trôi 126
- 86.— Tự tình 126
- 87.— Than thân 126
BÀ HUYỆN THANH-QUAN
- 88.— Chùa Trấn-bắc 127
- 89.— Chiều hôm nhớ nhà 127
NGUYỄN-CÔNG-TRÚ (1778 — 1858)
- 90.— Tự thuật 128
- 91.— Khuyên người đời 128
- 92.— Cây thông 128
- 93.— Chí nam nhi 129
- 94.— Kể sĩ 129
- 95.— Cầm kỳ thi tửu 131
LÝ-VĂN-PHÚC (1785 — 1849)
- 96.— Tự thuật ký 133
Nhị thập tứ hiếu diễn âm 136
- 97.— Năm vàng, khúc măng : 136
NGÔ-THỂ-VINH
- 98.— Thanh phong, minh nguyệt 137

PHAN THANH-GIẢN (1796-1867)

- 99.— Đi sứ nước Pháp 138
 100.— Tuyệt cốc 138

CAO BÁ-QUÁT (?-1854)

- 101.— Uống rượu tiêu sầu 139
 102.— Ngán đời 139

NGUYỄN QUI-TÀN (1811-1856)

- 103.— Vui chơi phong nguyệt 140

BÙI HỮU-NGHĨA (1807-1872)

Kim Thạch-kỳ duyên 141

- 104.— Thiết Đĩnh-Quý gặp bọn giặc Tiêu Hóa-Long 143
 105.— Giải-thị tuần tiết theo chồng 147

NGUYỄN ĐÌNH-CHIỀU (1822-1888)

- 106.— Trung-thần, nghĩa-sĩ 150

Lục Vân-Tiên 150

- 107.— Lục Vân Tiên đánh bọn cướp, cứu nàng Kiều Nguyệt-Nga. 151
 108.— Lục Vân-Tiên bị Vũ-công hãm-hại 154
 109.— Vương Tử-Trực nhီးc mắng Vũ-công và Vũ Thái-Loan . 156

DỤC TÔN (1829-1883)

- 110.— Ngẫu cảm 159

NGUYỄN NHƯỘC-THỊ (1830-1909)

Hạnh thực ca 160

- 111.— Việc kinh-thành thất-thủ năm Ất-dậu (1885) 160

LÊ NGÔ-CÁT VÀ PHẠM ĐÌNH-TOÁI

Đại-nam quốc-sử diễn-ca 162

- 112.— Hai bà Trưng 162

TÔN THỌ-TUỜNG (1825-1878)

- 113.— Đi sứ nước Pháp 163
 114.— Tôn phu-nhân qui Thục 163
 115.— Tự thuật 164
 116.— Thân thế nàng Kiều 165

PHAN VĂN-TRỊ

- 117.— Tôn phu-nhân qui Thục 165

- 118.— Tự thuật 166

CAO BÁ-NHẠ

Tự tình khúc 167

- 119.— Lúc đi trốn 167

- 120.— Lúc bị bắt 169

NGUYỄN KHUYẾN (1835-1909)	
121.— Cảnh già	171
122.— Ông tiến-sĩ giấy	171
123.— Nước lụt hỏi thăm bạn	171
124.— Đêm mùa hạ	172
125.— Mẹ Mốc	172
TRƯƠNG VĨNH-KÝ (1837-1898)	
126.— Vài nơi cung-điện đèn chùa ở Hà-nội	173
HUỶNH TỊNH-CỬA tức PAULUS CỬA (1834-1907)	
127.— Chí-khi cao	174
DƯƠNG-KHUÊ (1839-1902)	
128.— Lại gặp người quen	174
129.— Gặp cô đầu cũ	175
CHU MẠNH-TRINH (1862-1905)	
130.— Kiều mắc lận Sở-Khanh	176
131.— Thúc-sinh về thăm Hoạn-thư	176
132.— Tổng vịnh truyện Kiều	177
133.— Phong cảnh Hương-sơn	177
TRẦN TẾ-XƯƠNG (1870-1907)	
134.— Than thân	178
135.— Đưa cho vợ	179
136.— Tết đến	179
137.— Thói đời	179
138.— Năm mới	180
139.— Phường tuồng	180
140.— Chiêm bao	180
141.— Vợ chồng Ngâu	181
TỪ ĐIỂN-ĐÔNG	
142.— Than nghèo	181
143.— Đêm dài	182
HOÀNG CAO-KHẢI (1850-1933)	
144.— Ông Trần Quốc-Tuấn	182
145.— Xét về việc quan-lại người Tàu cai-trị dân ta trong những hồi Bắc thuộc	184
NGUYỄN BÁ-HỌC (1857-1921)	
146.— Ở đời	185
147.— Một cảnh gia-đình	187
PHAN KẾ-BÍNH (1875-1921)	
148.— Luận về nguyên-lý văn-chương	188
149.— Am chúng-sinh	190

THÂN TRỌNG-HUỆ (1869-1925)	
150.— Đức hiếu của vua Dục-tôn	192
PHẠM-DUY-TÓN (1883-1924)	
151.— Câu chuyện thương tâm	193
NGUYỄN-VĂN-VĨNH (1882-1936)	
152.— Gi cũng cười	194
153.— Nghề hát bội của ta và nghề diễn kịch của người Âu-châu	195
NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT (1883-1940)	
154.— Giữa bề khơi	197
NGUYỄN-KHẮC-HIỆU (1889-1939)	
155.— Muốn làm thằng cuội	199
156.— My-châu, Trọng-Thủy	199
NGUYỄN-BÁ-TRẠC	
157.— Quanh đường vượt biển ra khơi	200
DƯƠNG-BÁ-TRẠC	
158.— Chức-trách các văn sĩ trong xã-hội ta ngày nay	202
NGUYỄN-HỮU-TIẾN (1875-1941)	
159.— Thuyết tính thiện của Mạnh-tử	203
BÙI-KỶ	
160.— Bài truy-diệu cụ Tiên-diễn	206
NGÔ-BẰNG-GIỰC.	
161.— Ông gàn	208
PHAN-KHÔI	
162.— Sự thực với việc làm thơ	209
PHẠM-QUỲNH	
163.— Cách lễ-phép của người minh	211
164.— Triết-lý của đạo Phật	212
165.— Tính-cách chung của văn-chương Pháp	213
166.— Vườn Luxembourg ở Paris	214
167.— Quan-niệm người quân-tử trong đạo Khổng và quan-niệm người « chính-nhân » trong cổ văn Pháp	216
168.— Văn-hóa Pháp đối với việc chấn-chỉnh tinh-thần người Nam	217
169.— Đạo hiếu và đạo trung trong luân-lý của Khổng-giáo	219
170.— Nền luân-lý cổ của dân-tộc Việt-Nam	220
TRẦN-TRỌNG-KIM	
171.— Tôn chỉ đạo Khổng	222
172.— Luân-lý của Đạo-giáo	223

NGUYỄN-VĂN-NGỌC	
173.— Tư tưởng Lão Trang trong những bài hát nói	225
HOÀNG-NGỌC-PHÁCH	
174.— Trên bãi bèo Đò-sơn	226
ĐÔNG HỒ (LÂM TẤN-PHÁCH)	
175.— Nhớ rằm tháng hai	227
176.— Phong cảnh Cửa-cạn ở đảo Phú-quốc	228
THIỆU-SƠN (LÊ-SĨ-QUÝ)	
177.— Lối văn tả-thực	229
THẾ-LỮ (NGUYỄN-THỨ-LỄ)	
178.— Cây đàn muôn điệu	231
179.— Câu chuyện trên tàu thủy	232
KHÁI-HƯNG (TRẦN-KHÁNH-GIU)	
180.— Anh phải sống	236
181.— Cảnh Chùa Long-giáng ở Bắc-ninh	238
NGUYỄN-LÂN	
182.— Ra đồng làm việc	239

PHỤ CHƯƠNG

TRẦN-ĐẾ QUI-KHOÁCH	
183.— Bài văn tế ông Nguyễn-Biêu	242
HOÀNG-SĨ-KHẢI	
184.— Mùa thu	242
NGUYỄN-BÁ-LÂN	
185.— Trương-Lương	243
LÊ-QUÝ-ĐÓN	
186.— Kinh nghĩa	244
187.— Văn sách	246
NGUYỄN-HUY-HỒ	
188.— Mai đình mộng ký	249
Cuộc xem đèn ở Phú-thạch	250
Thuyền ngược dòng sông Lam	251
Mộng đến Mai-Đình	252
Thiếu nữ đề thơ	252
Họa thơ đề thưởng mai	253
Đạo bước tìm người	254
PHAN-HUY-VỊNH	
189.— Tỳ-bà hành điển nôm	255
TRẦN-TẾ-XƯƠNG	
190.— Đánh tổ tôm	258
BA GIAI	
191.— Chính khí ca	258
NỮ TÚ TÀI	
192.— Nàng Phi-Nga, nữ tú tài	259

In tại nhà in **TẤN-PHÁT**
224, Gin-long — SAIGON

Giá bán : 80\$00